

Asi. ANV

AP

45

V6

T877 + +

1961

Tự do

Văn Sửu

CƠ SỞ BÁO CHÍ và XUẤT BẢN TỰ DO

Trân trọng chúc mừng

**QUÍ VỊ THÂN CHỦ
và ĐỘC GIẢ THÂN MẾN**

**MỘT NĂM MỚI
HẠNH PHÚC
và THẮNG LỢI**

NÓI HAY ĐỪNG

Phiếm luận về THÂN TRÂU

là một sự phiền cho nhà nông. Vì, như ca dao đã nói :

Thứ nhất vợ đại trong nhà
Thứ nhì trâu chậm, thứ ba rựa cùn

Trâu sở dĩ trở thành chậm chạp đến nỗi không thể dùng vào việc được là do hai nguyên nhân : hoặc là vì nó già quá không đủ sức, hoặc là vì nó quen ăn đứng ở rồi thành ra béo quá, lè thân đi không nổi. Xem thế đủ biết cái giá trị của con trâu là ở sự làm việc : đã sinh ra kiếp trâu thì phải kéo cày, nếu không làm việc thì trâu chỉ là một vật thừa, không có. Đến ngau việc mổ thịt trâu làm thức ăn, người ta cũng kén chừng con trâu nào đã có cày rồi thì thịt mới ngon. Theo kinh nghiệm của nông dân miền Bắc thì thịt trâu ngon hơn thịt bò nhưng phải là trâu đã cày một vụ thì thịt nó mới ngọt và vừa mềm. Nếu là trâu già thịt tất dai còn nghé non chưa cày qua một vụ thì thịt nhạt nếu nấu kỹ tất ra nước hết. Bởi thế, ngoài Bắc có tục lệ có kẻ chuyên rằng khi quân Cờ Đen kéo sang nước ta do sự cầu viện của vua Tự Đức để đánh Pháp thì họ những nhiều dân rất khổ : mỗi khi quân họ kéo đến đâu thì dân địa phương — nhất là dân mấy tỉnh Phú Thọ, Sơn Tây và Hà Đông — phải cung phụng cho họ hai thứ mà họ ưa nhất là gái nạ dòng và trâu non đã cày một vụ. Bởi thế dân chúng phần nhiều phải bỏ làng chạy trốn. Tất cả giá trị của con trâu là ở sự cần lao khổ cực ; bởi thế trong văn chương người ta thường dùng nó làm một biểu tượng cho sự khuất phục nhục nhặn. Để tả trạng huống bị đất của xã hội ta trong thời Pháp thuộc cụ Phan Bội Châu có câu : " Vua là tượng gồ, dân là thân trâu ", còn trong truyện Kiều, Nguyễn Du cũng có câu : " Làm thân trâu ngựa đến đời tức mãi ".

Trong các xã-hội Đông Á lấy nông nghiệp làm kinh tế căn bản, con trâu còn là tượng trưng cho đại chúng nhân dân. Chiến Quốc Sách chép truyện Ninh Thích và Lý Bá Hề xuất thân là những kẻ chăn trâu mà làm nên khanh tướng là có ý ghi lại những sự kiện điển hình của một biến chuyển lớn trong lịch sử Trung Quốc trong thời Xuân Thu : hệ thống chính trị quý tộc đã dần dần bị thủ tiêu để nhường chỗ cho một nền chính trị rộng rãi hơn, mở đường cho những phần tử ưu tú trong giới bình dân tham gia chính quyền. Quân chúng bình dân ấy được tượng trưng bằng con trâu.

Tuy vậy như trên đã nói, con trâu chỉ có giá trị khi nó làm việc : bắt nó làm việc quá sức thì không được mà để nó ăn nhàn quá cũng hỏng. Cứ xem chuyện Bá Lý Hề thì đủ rõ. Bá Lý Hề làm quan cho vua nước Ngưu nường vì vua Ngưu " ngu " quá không nghe lời khuyên can của Bá Lý Hề, tham của dút của nước Tần đến nỗi bị nước này lừa đánh mất nước.

Bá Lý phát trốn sang đất nước Sở. Người nước Sở ngờ là quân gian bắt trót, Bá Lý Hề nói :
— Tôi là người nước Ngưu, vì mất nước nên phải trốn đến đây.

Người Sở hỏi :

— Nhà ngươi có biết nghề gì không ?

Bá Lý Hề nói :

— Tôi khéo nghề nuôi trâu.

Người Sở tha ra rồi đem về cho nuôi trâu, trâu chóng béo tốt lắm, tiếng đồn đến vua Sở. Vua nước Sở cho triệu vào hỏi :

— Cách nuôi trâu phải thế nào ?

Bá Lý Hề thưa :

— Cho ăn phải có điều độ, không nên bắt làm một nhọc quá mà cũng đừng nên để cho nhàn quá, nhất là lúc nào trong lòng cũng nghĩ đến trâu.

Vua Sở khen :

— Nhà ngươi nói phải lắm ! Chẳng những nuôi trâu như thế, dầu cách nuôi ngựa cũng thế. Rồi cho Bá Lý Hề làm chức ngự-nhân. Về sau Tần Mục Công được biết tiếng Bá Lý Hề là người hiền, cho người đem năm bộ da dê sang biếu vua Sở để đổi lấy Bá Lý Hề về Tần. Về sau quả nhiên Bá Lý Hề làm tướng quốc và lập nhiều công lớn cho nước Tần.

Suy ra thì cái phép nuôi trâu mà Bá Lý Hề nói ra cũng chính là cái phép " mục-dân, dưỡng-dân " vậy, Chẳng qua vì vua Sở không hiểu nổi mà



N.

ẤM ngót nhân dịp Tết Canh Tý cũng trong mục này, Hiếu-Chân tôi có bài phiếm về năm " Con Chuột " và đã viện-dẫn sách Nhị Nhã để tiên đoán về năm Tý như sau : " Sách Nhị Nhã, thiên Tích Thiên có nói : thái tảo tại Tý viết khốn đốn. Lý Tuân giải thích rằng câu này ý nói khi Dương khi còn hỗn tạp chưa phân thì vạn vật mới nhú mầm cho nên gọi là khốn đốn. Khốn đốn có nghĩa là hỗn loạn... "

Cái năm Tý đã là năm hỗn độn mà lại ứng vào con Chuột thì thật không có gì là khả-quan vì Chuột là giống vật sợ ánh sáng và tiếng động. Ấy thế mà năm Tý vừa qua lại là năm nhuận — hai tháng sáu — cho nên xảy ra nhiều chuyện chẳng lành, như thế kể ra thuật số cũng không phải là một nghề vu khoát vậy !

Nay bình tĩnh mà xét lại thì thấy cái năm Tý vừa hết quả là một năm " khốn đốn " đúng như lời giải thích của Lý Tuân : về mặt quốc tế thì súng nổ rang từ Phi Châu lan sang Á Châu, tình hình Congo, Ai Lao cũng như Cuba càng ngày càng thêm mù mịt đến nỗi các tay tổ trong Liên Hiệp Quốc cũng không hiểu ra sao. Hơn nữa, lại còn có những vụ biến cố cực kỳ quan trọng bộc phát như ở Á thì có cuộc cách mạng tháng tư (dương lịch) ở Nam Hàn, ở Âu thì có cuộc đảo chính thành công ở Thổ Nhĩ Kỳ và ở Phi thì có cuộc đảo chính bất thành ở Ethiopie.

Còn về mặt quốc nội thì... khỏi nói !

Nhưng những việc " khốn đốn " trong mười ba tháng qua, nay đã thuộc về dĩ-vãng : chúng ta đã bước sang một năm khác, năm Tân Sửu. Văn sách Nhị Nhã, thiên Tích Thiên có nói về chi Sửu như sau : " Thái Tuế tại Sửu viết xích-phân-nhược ". Lý Tuân giải nghĩa : " khí dương đang cao, lan mạnh, vạn vật do đó mà hưng khởi, không vật nào là không thuận tính mà nảy nở cho nên gọi là xích-phân-nhược ; xích là dương sắc, phần là mau mạnh và nhược là thuận tính vậy ". (Dương khí phần tấn, vạn vật nhi khởi, vô bất nhược kỳ tính, cổ viết xích phần nhược ; xích, dương sắc ; phần, tấn dã ; nhược, thuận dã).

Xét như vậy chúng ta có thể đoán rằng sang năm Sửu này tình thế sẽ sáng sủa chứ không hỗn độn như năm qua. Lại nữa năm nay là Tân Sửu ; trong mười can thì Tân là rực rỡ như mặt trời, trong mười chi thì Sửu là lạnh như muôn sao. Sách Nhị Nhã lại nói : " Thái tuế tại tân viết trùng-quang. Sách xưa giải nghĩa " trùng-quang " là đức sáng như mặt trời mặt trăng và muôn sao cùng chiếu vào mà thành ra rực rỡ. Đó là cái đức sán lạn của Văn Vương, Vũ Vương chiếu rọi vào muôn dân vậy. Từ một khu vực nhỏ bé không đầy

trăm dặm, Văn Vương diệt được vua Trụ hèn mà tàn bạo, thống nhất thiên hạ lập ra nhà Châu, sở dĩ được như vậy là nhờ ở cái đức : bởi thế gọi là trùng-quang.

Lại xét đến tự dạng, chúng ta thấy chữ Sửu giống như hai tay người cầm nắm một vật gì, như thế tức là Sửu tượng hình cho một cái thể vững chắc hơn vậy. Theo sách Luận Hành Vật Thể thì năm Sửu thuộc con trâu (Thập nhị thuộc dĩ Sửu vì ngưu).

Không cần đi sâu vào chi tiết của môn động vật học, ở đây Hiếu-Chân tôi chỉ xin kể qua một vài đặc tính của con trâu, một con vật khá đi tiêu biểu cho đức tính cần cù nhẫn nại của các dân tộc Đông Nam Á chuyên sống về nông nghiệp. Xét về hình thù thì con trâu chẳng có gì là mỹ miều : thân nó đã to lớn, nặng nề, bốn chân lại ngắn ngủn, kẹp mình đầy lông hoặc đen hoặc trắng ; nhưng đặc biệt nhất có cái đầu trông về rất dữ tợn với đôi mắt, cái mõm và đôi sừng rất dài, cong vút mà nhọn hoắt. Chả thế mà tục ngữ có câu " đầu trâu mặt ngựa " để chỉ những người hung ác, dữ tợn. Câu này lấy trong sách Phật như Lăng Nghiêm Kinh và Trí Độ Luận, theo đó thì cái quỷ sứ ở chốn âm ty địa ngục đều có đầu trâu hoặc mặt ngựa tay cầm giáo mác để lừa bắt các tội nhân chịu các cực hình. Tuy tục ngữ nói thế nhưng thực ra trâu rất hiền lành mặc dầu nó có cái tướng dữ. Có truyện cổ tích kể rằng trong thời ban sơ mọi vật trông thấy hình thù trâu to, đáng trâu dữ nên sợ nó lắm không dám đến gần. Nhưng sau rồi dần dần có con hồ mon men tới, dờ dờ ngón để ra oai, rút cục thấy trâu không có thủ đoạn gì nên hồ bắt nạt rồi ăn thịt luôn. Trâu không dữ tợn nhưng sức nó khỏe lắm : khỏe không phải để đánh nhau mà là để làm việc. Chả thế mà dân quê ta thường nói " làm khỏe như trâu " và để nói về khí lực phương cương của loài trẻ, tục ngữ ta có câu : " con gái mười bảy, bề gãy sừng trâu ". Vì vậy ở nước ta con trâu tượng trưng cho sức cần lao, tinh chịu khổ cũng như con lợn tượng trưng cho sự no đủ, nhàn hạ. Trâu làm việc cực nhọc nhưng hưởng thụ chẳng được là bao : ăn thì chỉ mớ rơm bó cỏ còn uống thì thường thường chỉ vục đầu vào vũng lầy. Do đó tục ngữ ta có câu : " trâu chậm uống nước cạn ". Có lẽ vì cái đức tính chỉ biết uốn cổ nai lưng ra làm mà không cần nghĩ đến sự hưởng thụ như thế cho nên tông liên đoàn lao công Việt Nam đã lấy trâu làm biểu hiệu chăng ?

Tuy có nhiều đức tính như thế nhưng trâu có cái tật chậm chạp : chậm chạp mà chắc chắn. Đó có lẽ cũng lại là một điểm phù hợp với tính tình của người nông dân Việt Nam cho nên trong ca dao trâu là một con vật được nhắc đến với những lời lẽ thân mật nhất :

Trâu ơi ta bảo trâu này
Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta
Cấy cày vốn nghiệp nông gia...

Tuy nhiên nếu trâu chậm chạp quá thì cũng

PHƯỢNG TIÊN

Nguyên tác của BỒ TÙNG LINH — NGUYỄN HOẠT dịch

LƯU-XÍCH-THỦY, người Bình Lạc, tuổi trẻ mà đẹp đẽ sáng sủa. Năm mười lăm đã thi được vào trường huyện. Cha mẹ sớm mất nên từ đó đâm ra du đãng hư hỏng. Tuy gia tư không được vào bậc trung mà tính lại thích làm dáng. Giường đệm quần áo nhất nhất đều phải sạch sẽ đẹp mắt. Một đêm được người ta mời đi uống rượu. Vội vã quên tất đèn mà đi. Rượu được vài tuần mới chợt nhớ ra, bèn hấp tấp trở về. Nghe trong phòng có tiếng thì thào, nấp dòm vào. Thấy một chàng trẻ tuổi ôm một người đẹp nằm trên giường. Nhà Lưu ở sát bên tòa nhà bỏ hoang của một nhà sang trong miền, ở đây thường xảy ra nhiều chuyện quái dị nên trong bụng nghĩ là hồ. Nhưng cũng không sợ, xông thẳng vào mà lớn tiếng mắng rằng:

— Giường của người ta đâu có để cho các người nằm khênh mà ngày khề khề như thế được.

Tay đôi giết mình kinh sợ, ôm vội quần áo rồi cứ trần truồng mà chạy. Trong lúc vội vàng để sót lại một cái quần đùi lụa màu đỏ tía. Trên chiếc đai lưng lại có một cái túi đựng đầy kim. Mừng quá.

vua Tần lại hiểu, cho nên mới cố tìm cách chuốc cho kỳ được Bá Lý Hề.

Trong Chiến Quốc Sách còn có chuyện nuôi trâu nữa là chuyện Vương tử Đồi nhà Châu: ông này chỉ to mà tai hèn, lại có cái tật thích nuôi trâu, nuôi dê... làm cảnh chứ không phải để dùng vào việc. Ông nuôi tới mấy trăm con trâu, hàng ngày đến thân cho trâu ăn, uống, lại cho trâu mặc đồ gấm vóc. Thỉnh thoảng đi chơi đâu cũng cho đàn trâu đi theo, tới đâu trâu giẫm nát cỏ ruộng vườn nhà dân đến đâu khiến dân gian ai cũng sợ mà không dám hề răng. Sau này Vương tử Đồi cướp ngôi của cháu là Châu Huệ Vương khiến Huệ Vương phải trốn sang nước Yên. Tuy đã lên làm vua nhưng Vương tử Đồi bị dân chán ghét nên chẳng bao lâu lại bị Huệ Vương viện quân chư hầu về đánh. Nguy cơ đến sau lưng rồi mà ông ta vẫn còn ham cho trâu ăn, không nghĩ gì đến việc đối phó. Đến khi tướng tá bị giết hết, Vương tử Đồi mới vội vã tìm đường chạy, nhưng lại sai người xua đàn trâu chạy trước đã. Trâu béo nặng quá, lặc lặc đi không nổi nên rút cục cả bọn đều bị quân đánh theo Huệ Vương bắt giết.

Xem thế du biệt trâu không phải là con vật dễ làm cảnh: nó không ưa "ăn không nằm rồi".

Sống ở đồng ruộng, cưới trâu cũng là một cái thú nhưng phải có cùng với trâu đồng cam cộng khổ thì nó mới dễ cho cưới lên lưng mà thuiهن như không tin. Từ Vương tử Đồi ta:

Được tiền thì mua rượu
Rượu say rồi cưới trâu
Cưới trâu thế mà vững
Cổ ngã cũng không đau.

Trâu là vật hiền lành cho nên cưới nó rất dễ, dù có xay chân nó cũng không đau thật. Nhưng nếu cứ nuôi nó lười mà làm quá tất có ngày nó điên lên mà hất xuống hoặc chém cho... không những đau mà còn có thể mất mạng là khác.

Trong tục ngữ ta có câu "lười như con nghé": con nghé tức là con trâu non chưa cày được. Tuy to xác nhưng với một đàn nghé, thường thường chỉ cần một đứa trẻ trên dưới mười tuổi cần đất cũng được. Chư Hán gọi con nghé là "nhụ tử ngữ". Trong một bài thơ tự trào, Lỗ Tấn có hai câu:

Hoàn mi lãnh đối thiên phu chỉ
Phủ thủ cam vi nhụ tử ngữ.

Ý nói: nếu cần phải đối phó với kẻ địch với kẻ ác thì dù cho nàng ngàn ngàn tay chó vào mặt cũng không sợ nhưng nếu ta trước việc tiện, trước việc ngứa tay cam tâm con nghé non cúi đầu mà ngoan ngoãn.

Thiệt tưởng hai câu thơ này cũng có thể dùng để tóm tắt cái đặc tính của dân tộc Việt Nam chúng ta từ ngàn xưa, trải qua bao cuộc hưng phế, bao cảnh đời đời nung nấu còn tồn tại cho đến ngày nay và mai sau, chỉ là nhớ ở cái đức tính cần cù chịu đựng nhưng biết phản ứng đúng lúc vậy.

HIẾU-CHÂN

Nhưng bụng sợ hồ trở lại lấy trộm mất nên dấu kín trong chân mà khur khur om lầy. Thoát thôi bỗng thấy một con hầu đầu bù tóc rối, từ ngoài khe cửa đi vào, đến trước mặt Lưu mà xin lại cái quần. Lưu cười rồi đòi phải chuộc. Con hầu xin đưa rượu đến. Không nghe. Lại xin tặng vàng để chuộc. Cũng không nghe. Con hầu mim cười mà đi ra. Một lát sau trở lại nói:

— Cô cả tôi hảo nếu như cậu trả lại thì xin lấy mối duyên đẹp để nhất đề đền ơn.

Lưu hỏi người đẹp là ai. Đáp:

— Nhà tôi họ Bì, cô Cả tiểu tự là Bát Tiên, người rùng ngừ với cô ấy lúc này là chàng họ Hồ; cô Hai tự là Thủy Tiên lấy chồng họ Đinh ở Phú Xuyên còn cô Ba là Phượng Tiên, so với hai cô kia còn đẹp hơn nhiều, nhưng chưa có ai xứng đáng vừa ý cô ta cả.

Lưu ngó ý sợ ai kia không giữ đúng lời hứa, con hầu xin chàng cứ ngồi chờ để đợi. Rồi nó đi một lúc lâu mới trở lại nói:

— Cô cả tôi nhân với quan-nhân rằng việc tốt lành đâu có thể vội vàng hấp tấp được. Nếu nói ngay với cô ba trong lúc này khỏi sao bị cô ấy mắng cho. Vì vậy xin để thư thả, mong quan nhân vui lòng chờ. Nhà tôi không phải là nhà coi nhẹ lời hứa không biết giữ chữ tín đâu.

Lưu bèn đưa chiếc quần trả cho. Qua vài ngày vẫn bất động tin tức. Một hôm, nhá nhem tối đi chơi về, Lưu đóng cửa vừa ngồi thì bỗng thấy hai cánh cửa tự nhiên mở toang rồi có hai người cầm bốn góc một chiếc chăn, trên chĩa có một nữ lang ngồi, đi thẳng vào nói:

— Đã đưa cô dâu mới đến rồi đây!

Nói đoạn đặt luôn lên giường rồi đi ra. Tới gần xem thì thấy người đẹp còn như ngủ say chưa tỉnh, hơi thở thơm phức lẫn hơi rượu, đôi má ửng hồng trong cái vẻ một cô gái say rượu lần đầu, dung mạo thật là nghiêng thành tuyệt thế. Lưu mừng quýnh. Liền vì nàng mà nằm lấy chân lột vớ

rồi bẽ lên cỡi nói đầy lưng. Trong khi ấy, nữ lang đã hơi tỉnh, mở mắt nhìn Lưu nhưng dường như không còn tự chủ được tứ chi nữa, chỉ ăn hậu mà rùng:

— Chị Bát Tiên với con dâm tỳ đem ta bán mất rồi đây.

Lưu âu yếm ôm nàng vào lòng. Nữ lang thấy tay chàng lạnh, mim cười nói:

— Đêm nay là đêm gì mà ta lại gặp con người lạnh lẽo như thế này? (1)

Lưu cũng cười nói:

— Minh ơi chứ minh ơi! Kề lạnh lẽo này thế nào? (2)

Bèo cùng nhau hoan ái. Xong rồi, nàng nói với Lưu:

— Cô à rõ đơ đáng đại hình: đã làm như nhuộc giường đệm của người ta rồi lại còn nở đem em ra để chuộc quần như thế này ru! Thủ này tất phải báo mới được.

Từ đó không đêm nào không tối, keo sơn rất mực. Một bữa nàng lấy trong tay áo ra một chiếc xuyên vàng, đưa cho và nói:

— Vật này là của chị Bát Tiên đấy.

Lại vài ngày sau nàng thu trong bọc mang đến một đôi hài bằng gấm thêu có nạm minh châu trông thật tinh xảo, đẹp tuyệt rồi dặn Lưu cứ mang ra phố trường cho người người biết. Lưu bèn nói khoe và mang ra cho khách thân xem, do đó vật lạ trở thành một món hàng đắt khách, ai muốn xem đều

(1) Nguyên văn: « Kim tịch hồ tịch, kiển thủ lương nhân » trong đó chữ lương có nghĩa là lạnh lẽo, cũng có nghĩa là bạc tình. Và theo cách phát âm nó còn có nghĩa là người chồng ư chữ lương nhân là chồng đồng âm với chữ lương nhân là người lạnh lùng, bạc bẽo.

Bát tiên câu này có nhiều nghĩa mà lại là câu sến trong từ khúc.

(2) Nguyên văn: « tử hề tử hề, thủ lương nhân hà » lại còn có nghĩa là lột hết thân người con gái mới ở nhà chồng, đặt ý hỏi: « Ớt nàng, nàng lột! Anh chồng ớ ra sao? » cũng là lời của từ khúc.

phải có rượu mang đến làm lễ ra mắt. Một đêm nàng đến, bỗng đứng ngó lơ từ biệt. Lưu lấy làm lạ hỏi. Đáp:

— Vì chuyện đôi hài nên chị Cả giận em, muốn đem cả nhà đi cư đi thật xa, ý muốn cho đôi ta phải cách tuyệt.

Lưu sợ quá, nguyên đem hài trao trả, nàng nói:

— Bất tất phải thế! Kề kia đã lấy chuyện ấy để bắt bí em mà nay lại phải trả thì là trúng kế của y mất...

Lưu hỏi tại sao nàng không ở lại một mình. Đáp:

— Cha mẹ đi xa, một nhà hơn mười miệng ăn đều trông vào anh chàng họ Hồ xoay sở, nếu nay em không theo đi chỉ sợ chị à lằm mằm kia lại đặt điều ra thôi.

Từ đó không lại nữa. Hai năm ròng rã, Lưu tưởng nhớ khôn nguôi. Một hôm đang đi trên đường bỗng gặp một cô gái khoan thai ngồi trên lưng ngựa đằng trước có một lão bộc đỡ cương, hai bên sát lưng nhau mà đi qua. Tới khi có gái mở chiếc khăn che mặt ra, hai người lén nhìn nhau. Lưu thấy nữ lang phong tư đẹp tuyệt. Thoắt chốc một chàng thiếu niên từ sau đi lên nói với Lưu:

— Cô nàng kia là ai, hình như đẹp lắm thì phải.



Lưu hết lời khen ngợi thì thiếu niên vòng tay, cười mà rằng:

— Anh khen hơi quá: người ấy chính là vợ của kẻ hèn này đó.

Lưu bàng hoàng ngược ngáp ngó lơ xin lỗi, thiếu niên nói:

— Điều đó có ngại gì. Nhưng trong ba đứa hoa thơm đất Nam Dương anh đã được đứa đẹp nhất rồi còn đứa của kẻ hèn này thì có gì đáng kể.

Lưu nghe lời lấy làm nghi ngại, thiếu niên nói:

— Anh không nhận ra kẻ đã trộm ngủ nhờ trên giường anh năm nào ư?

Lúc đó Lưu mới nhớ ra là chàng họ Hồ. Rồi lấy tình anh em đồng hao hai người trò chuyện cười đùa rất vui. Người thiếu niên nói:

— Ông bà nhạc đi xa mới về nên chúng tôi đến thăm, anh có muốn đi cùng không?

Lưu mừng lắm, đi theo quanh co vào núi. Trên đỉnh núi vốn có một tòa nhà dân hàng huyện trước đây dựng lên trong hồi nạn. Đến đó, nữ lang xuống ngựa đi vào trước. Một lát sau có mấy người ra đón rồi nói vọng vào:

— Lưu quan nhân cũng tới kia rồi!

Vào nhà ra mắt hai ông bà, đã thấy một chàng trẻ tuổi nữa cũng đã có mặt ở đó; người này đi hia, mặc áo bào trông rất choáng. Ông già nói:

— Đây là chàng rể họ Đinh ở Phú Xuyên.

Ba người chào nhau rồi cùng ngồi. Lại một lát rượu chả bày ra la liệt, cười nói rất hợp ý. Ông lão nói:

— Hôm nay ba anh rể cùng đến kẻ cũng là một sự hợp mặt đẹp đẽ. Xét ra không có ai là người lạ mặt, vậy khá cho gọi các con chúng nó ra đây cho vui đề làm một tiệc đoàn viên.

Thoát thôi, ba chị em đều ra mắt. Ông cụ cho phép ngồi vào tiệc, đôi nào vào đôi ấy. Thấy mặt Lưu, Bát Tiên chỉ che miệng cười. Phượng Tiên thỉnh thoảng lại nói dấm, còn Thủy Tiên vẻ mặt hơi buồn mà ngượng chín kín đáo. Trong khi mọi người

(Xem tiếp trang 6)

LIÊU TRAI CHỈ DỊ

PHƯỢNG-TIÊN

(Tiếp theo trang 5)

đều trò chuyện cười nói thì nàng chỉ cầm chén rượu chum chim cười. Lúc đó giầy dép dưới bàn đã lộn xộn, mùi lan xa sức nước, cuộc rượu đến lúc cực vui, Lưu nhìn lên đầu giường thấy có đồ âm nhạc đã để sẵn, chàng bèn cầm lấy ống sáo xin thổi một khúc để chúc thọ ông nhạc. Ông lão mừng lắm truyền rằng ai thổi thứ gì thì cứ tự lấy nhạc khí đó mà chơi. Do đó cả nhà ai nấy đều đua nhau phô diễn tài nghệ, duy có chàng họ Đinh và Phượng Tiên là ngồi yên, không chọn thứ dờn nào. Bát Tiên nói:

Đinh lang không thạo nhạc cái đó đã đành, còn mày mặt nào cũng chịu bó tay, không thổi tài? Nói rồi lấy cổ phách ném vào lòng Phượng Tiên. Lúc đó nàng mới gò dipy để hòa điệu vào bao nhiêu âm hưởng rộn rịp. Ông lão mừng mà rằng:

— Nhà này âm nhạc thật là cực thịnh: các con ai nấy đều biết múa hát cơ sao không để mỗi người chơi ngón sở trường riêng của mình?

Bát Tiên đứng lên thúc vào Thủy Tiên nói:

— Từ trước tới giờ con Phượng Tiên nó vẫn giữ tiếng ca của nó như vàng như ngọc nên bây giờ không dám làm phiền nó. Vậy hai chúng ta hãy cùng ta khúc Lạc Phi nghe chơi.

Hai người múa hát vừa hết khúc thì con hầu bưng vào một chiếc mâm vàng đầy quả dưa lên, Lưu không biết là những thứ quả gì. Ông lão nói:

— Đây là những thứ ta đem từ nước Chân Lạp về, chính là cái xứ mà người ta thường gọi là Điền Bà La đó.

Nói đoạn ông nhặt mấy trái đặt ở trước mặt Đinh lang, Phượng Tiên thấy thế không vui nói:

— Cùng là con rết há lại lấy sự giàu nghèo mà kẻ yêu người ghét sao?

Ông lão mỉm cười chưa đáp thì Bát Tiên đã nói:

— Chẳng qua là cha thấy Đinh lang là người khác huyện cho nên đãi như khách đó thôi. Nếu như lấy tuổi mà nói thì đâu phải chỉ một mình em Phượng Tiên mới có chồng học trò nghèo!

Tuy vậy Phượng Tiên vẫn không vui bèn cời bỏ hết đồ trang sức, cầm trống phách đưa cho con hầu rồi đứng lên ca khúc Phá Diêu, đôi hàng lệ tuôn rơi theo tiếng hát. Ca xong, phất tay áo ra đi thẳng. Cả nhà đang vui vì thế mà tẻ ngắt. Bát Tiên than rằng:

— Con ranh ấy vẫn còn có tính làm phách như xưa.

Bên dưới theo, nhưng không biết Phượng Tiên đã đi đâu mất Lưu ngượng quá không còn mặt nào ngồi lại cũng từ tạ ra về. Đến nửa đường thấy Phượng Tiên đang ngồi bên vệ đường, gọi chàng cùng ngồi xuống và nói:

— Anh là một kẻ trượng phu há lại không thể làm thế nào cho được đặc chí hải lòng để thoát khỏi cảnh nghèo khổ vì quá mê chơi hay sao? Bạc vàng dài các đều ở cả trong sách ấy, anh nên gắng sức.

Rồi nàng dợ chân cho Lưu xem và nói:

— Lúc ra khỏi cổng hấp tấp em bị gai đâm rách mắt cả đôi hài rồi. Cái vật em tặng trước kia, anh có mang theo đi đây không?

Lưu đưa đôi hài ra, nàng cầm lấy mà đi vào Lưu xin lại đôi hài nát, nàng nhoeo miệng cười mà rằng:

— Anh thật cũng là đồ bỏ không biết thẹn. Mới thấy cái vật nhỏ mọn trong chốn dơi gối của người ta mà đã muốn vồ lấy để ấp ủ nâng niu. Ví dù có lòng yêu nhau thì em xin có một vật khác để tặng.

Bèn lấy ra một tấm gương đưa cho Lưu và nói:

— Muốn thấy mặt em xin cứ tìm ở trong sách. Không thể thì không biết đến bao giờ mới lại gặp nhau.

Nói đoạn không thấy nàng đâu nữa. Lưu ngẩn ngơ luyến tiếc mà ra về. Nhìn vào tấm gương thì chỉ thấy Phượng Tiên quay lưng lại trông như người đang đi cách xa ngoài trăm bước. Nhớ lại lời nàng dặn, Lưu buồn bã mà tạ khách để học. Một bữa nhìn vào gương bỗng thấy bóng nàng hiện ra mặt quay lại, hớn hở như mỉm cười. Vì thế càng yêu càng trọng tấm gương. Những lúc vắng người lại đem ra soi. Được hơn một tháng ý chí nhụt dần, thường lại mãi chơi quên về. Lúc về trông bóng người trong gương thấy sâu thẳm như muốn khóc. Cách một ngày nữa thì bóng nàng đã lại quay mặt đi như buổi ban đầu. Lúc đó mới tỉnh ngộ là bỏ bề việc học. Bèn lại đóng cửa đọc sách, ngày đêm không sao nhãng. Hơn một tháng sau soi gương thấy hình nàng đã quay mặt lại. Từ đó nghiêm xem thì thấy cứ mỗi khi việc học bỏ phứt tất là nét mặt trong gương lại buồn rầu. Vài ngày

gắng công chịu khó thì nét mặt lại tươi cười trở lại. Bởi thế chàng treo gương trước mặt, sớm tối nhìn vào mỗi khi đọc như học trò nhìn mặt ông thầy. Như thế trong hai năm, mới thì một kỳ đậu liền. Mừng rỡ tự nhủ:

— Bây giờ ta có thể nhìn mặt Phượng Tiên được rồi đây!

Cầm chặt tấm gương mà nhìn thì thấy hàng mi cong vút, đôi hàm răng ngọc nhỏ như hạt bầu hé lộ, vẻ xinh tươi như đóa hoa đang đón tay người hái, đáng đáp uyển chuyển ngay trước mắt. Yêu quá, Lưu nhìn chăm chăm không chớp mắt. Bỗng người trong gương cười thành tiếng mà rằng:

Hỡi người yêu em qua ảnh! Bây giờ thì khỏi cần phải ao ước về mặt trong tranh nữa rồi nhé!

Lưu kinh ngạc nhìn quanh thì ra Phượng Tiên đã ở ngay sau lưng chỗ chàng ngồi. Nắm tay mà hỏi thăm xem cha mẹ nàng hiện ở đâu. Đáp:

— Sau khi chia tay cùng anh, em không hề về qua nhà lần nào. Em vẫn trú ở hang núi để trong chia sẻ nỗi khổ với anh.

Lưu được mời đi dự tiệc yến trong quán, nàng xin được đi cùng. Tay đôi bên cùng cười ngượng mà đi. Mọi người ngồi đối mặt mà không thấy. Tiệc xong cùng về. Nàng bàn cùng Lưu giả bộ là cưới nàng từ trên quán. Khi nàng tới ra chào khách, nhận họ hàng rồi một tay cái quản việc gia chánh ai nấy đều kinh lạ khi thấy sắc đẹp của nàng nhưng không ai biết nàng là hồ. Lưu nhờ bọn người nhà quan huyện Phú Xuyên tìm đến hỏi thăm.

Đinh. Gặp mặt, Đinh ân cần nhân lời mời chàng đến chơi nhà. Đến nơi, khoản đãi rất hậu, nhân báo tin rằng: « ông bà nhạc lại vừa sắp đi xa nên tôi cho họ nó về thăm có lẽ cũng sắp trở về. Để tôi nhân tin qua bên ấy rồi cả nhà sẽ cùng đến mừng ».

Lúc đầu Lưu nghĩ Đinh lang cũng là hồ, tới khi xét kỹ họ hàng tôn tộc mới biết chàng là con một nhà buôn lớn ở huyện Phú Xuyên. Nguyên trước kia, một buổi chiều, Đinh từ nhà riêng trở về, giữa đường gặp Thủy Tiên đi một mình. Thấy đẹp quá bèn liếc. Nàng xin đi nhờ ngựa để về cùng đường, Đinh mừng lắm, đưa luôn về phòng học rồi ngủ cùng. Sau thấy nàng có thể luôn qua khe cửa, chần song mà ra vào được, mới biết là hồ. Nàng thưa:

— Chàng đừng nghi ngại! Thiếp thấy chàng tha thiết thực lòng yêu thiếp nên nguyện xin gửi thân.

Đinh yêu lắm cho nên từ đấy cũng không nghĩ đến chuyện lấy vợ khác nữa.

Lưu về rồi, hỏi thuê một toà nhà rất rộng của một thế gia để sửa soạn nơi ăn chốn nằm cho khách. Quét dọn lau chùi sạch sẽ quang đãng xong lại lo bồi không đủ chân màn cho khách. Qua một đêm, hôm sau đã thấy trần thiết đầy đủ trông choáng cả mắt. Qua vài ngày, quả có hơn ba mươi người kéo đến, mang theo lụa là, gạo rượu vô số, xe ngựa ầm ầm, kéo qua, chặt cả lối xóm. Lưu ra vái lạy bố vợ rồi làm lễ chào đón hai chàng Đinh và Hồ. Vào nhà khách, Phượng Tiên mời bà mẹ và hai chị vào phòng ngủ. Bát Tiên nói:

— Con ranh này bây giờ đã nên bà rồi, có còn oán người mai nữa hay thôi? Chiếc xuyên với đôi hài của tao liệu có còn giữ đây không.

Phượng Tiên tìm đưa ra nói:

— Đôi hài này còn đây nhưng đã bị hàng ngàn người nhìn thủng ra mất rồi.

Bát Tiên cầm hài đập vào lưng nàng rồi nói:

— Tao đánh mày để gửi cho chàng Lưu đấy!

Nói đoạn lấy hài vứt vào đồng lửa rồi khấn rằng:

— Một như hoa khai, cứ như hoa rữa, ta để dành hài, có Hằng mượn đó.

Thủy Tiên khấn theo:

— Từng nắng chán ngọc, được oạn người khen, có Hằng mà thấy, tình lang lo phiền.

Phượng Tiên khơi đồng tro cũng khấn rằng:

— Đêm đêm lên trời xanh, một sớm vui duyên lành, còn chút hình bóng, lưu lại chốn nhân sinh.

Kháo xong lấy tay bốc tro để lên một chiếc mâm tro tàn hợp thành đồng cao hơn mười phân. Thoảng thấy Lưu đi vào, nàng nâng lên để tặng đùa, Lưu trông lại thì thấy đầy mâm toàn là hài gấm thêu giống hết đôi hài xưa. Bát Tiên vội vã chạy đến hất chiếc mâm rơi xuống đất. Trên mặt đất còn lại một vài chiếc, nàng ghé miệng thổi tự nhiên biến dấu mất cả.

Ngày hôm sau, Đinh lấy có đường xa nhà vắng nên vợ chồng xin phép về trước còn Bát Tiên tham luận việc chơi đùa với cô em, ông cụ cùng Hồ lang phải nhiều lần dục đã nên đứng ngơ ngày hôm sau mới cùng cả nhà ra về. Lúc bọn khách mới tới, vì nghi vệ quá sang trọng nên người kéo đến xem đông như chợ. Trong số đó hai thằng cướp được thấy mặt người đẹp, liền mê mẩn tâm thần. Do đó chúng bàn mưu dơ đường bắt người cướp của. Khi thám thây cả bọn đã rời khỏi, thôn bèn lên theo. Lúc còn cách không đầy

một quãng tên bản, chúng cho ngựa chạy hết sức mà vẫn không đuổi kịp. Đến một quãng đường hẹp hai bên có gò cao, xe đi chậm lại nên chúng theo kịp, múa dao hồ hết xông vào. Mọi người chạy toán loạn. Hai đứa xuống ngựa mò rơm ra thì chỉ thấy một bà lão ngồi trong. Trong lúc chúng còn đang bàng hoàng nghi là đã cướp lầm xe bà mẹ, định đi tìm xe người đẹp thì bỗng một tên bị đâm trúng cánh tay phải rồi, trong chớp mắt đã bị trói. Nhìn kỹ lại thì ra hai bên không có gò đồng nào hết mà đó chỉ là công thành Bình Lạc còn người ngồi trong xe chính là mẹ quanraphê họ Lý từ trong làng đi ra quận thăm con. Tên cướp thứ hai vừa tới cũng bị chém vào chân ngựa rồi bị trói ở trước công thành. Quan nghe họ Lý cho giải đến quan thái thú.

Tra hỏi chúng nhận tội. Lúc đó đang có giặc cướp nổi lên chưa dẹp yên. Khi hỏi kỹ mới biết tên đầu đảng giặc chúng là một trong hai đứa vậy. Sang xuân năm sau, Lưu thì lại đi như Phượng Tiên sợ lại chuốc họa nên từ chối không để cho họ hàng thân thích lễ mừng nữa. Từ đó Lưu cũng không lấy vợ khác. Đến khi làm đến chức thị lang mới mua thiếp sau để được hai trai.

N.H. (dịch)

TẾT CHƠI HOA

BÔNG BẠCH-MAI HOÀNG-MAI VÀ HỒNG-MAI của miền NAM

của DUY VIỆT

V

ở Miền Nam thời tiết nóng nực cho nên đến Tết Nguyên Đán ta thiếu mấy thứ hoa đẹp của Miền

Bắc để đón xuân và thưởng xuân. Ăn tết trong Nam kém hoa đào tươi thắm, kém hoa thủy tiên nhụy vàng cánh trắng khiến cho ta không có dịp ngắm cảnh mà thưởng thức hoa như lời thơ của các bậc tiền bối nói tới hoa đào hay hoa thủy tiên:

(HOA ĐÀO) — Xưa kia cửa đóng then cài

Ở trong nhường có bóng người mặt hoa

Mặt hoa sánh với đào hoa

Chủ nhân hồng sắc lạ là kén tươi

Bầu nay chẳng thấy bóng người

Hoa đào khi trước còn cười gió đông.

☆

(HOA THỦY TIÊN). — Nhị vàng bông trắng hương thơm nức

Lá biếc thân trong vẻ nõn nà

Đạt các phong lưu ưa chuộng lạ

Phàm phu tục tử hay trêu xa

Có duyên có đức thường hay gặp

Báo tin đông quán sẽ lại ra.

☆

Tuy nhiên, dù thiếu cảnh đào, kém chậu thủy tiên, nhưng trong rừng hoa của miền Nam cũng có hoa đẹp nở về dịp Tết, về tiết xuân. Ấy là hoa Mai, thậm chí chơi hoa mai đã thành một tập quán, một tục lệ của tết:

Thịt mỡ Mạt oàng dưa hấu đỏ

La-o-e củ kiệu bánh tết xanh!

Mai đây không phải là Mai hoặc Mơ ngoài Bắc tuy gọi là mai: Đồng danh bất đồng tộc... Hoa mai Bắc sắc trắng hương thơm khác hẳn hoa mai miền Nam, vì hoa mai Bắc thuộc họ hoa Hường chơi cảnh, còn như mai Nam thì thuộc hai họ: Thứ mai bông trắng hay bạch mai hương thơm, cây lớn như cây xoài thuộc về loại cây xoài, cây măng cụt, cây ừ Mu, tức là họ Guttifères và tên khoa học là Ochrocarpus Harmandii. Bọn Thái văn Kiêm và Đông Hồ thì sự đã nói nhiều đến thứ mai này khi tìm thấy mai ở núi Bà Đen gần Điện Bà tỉnh Tây Ninh, ở đầu Cây Mai Cholon, ở núi Lãng hay Bình San tỉnh Hà Tiên. Tuy gọi là mai nhưng chính thực chẳng phải là mai chính cống theo thảo mộc học.

Còn mai vàng mà hầu hết ai cũng chơi trong dịp tết và khắp Trung, Nam Việt đều có thì... thực ra cũng chẳng phải là mai thực thụ trong khoa thảo mộc học. Mai vàng thuộc về loại ÔC-NA-XÊ (Ochnacees), giống Song-từ-diệp đi-cô-ti-lê-dôn và tên khoa học là Ochna Harmandii H. L.

Cây mai vàng có lá xanh và cứng, mọc riêng biệt trên cành hoa nở từng chùm, có 5 cánh, nhiều nhị, thoát nom thấy giống như bông hoa Đào hay hoa Mai Bắc. Tại miền Nam chỉ có giống mai Ochna ma thôi. Nhưng giống mai này có ba loại, khác nhau bởi màu sắc của bông hoa.

(Xem tiếp trang 8)



HUYỀN đang đến đoạn hay. Tuấn cố gắng đọc nốt, nhưng không sao được nữa. Giọng người nữ ca sĩ vẫn lạnh lạnh vang lên trong radio, kéo dài ra một cách đáng ghét làm anh khó chịu lắm: « Than ôi! em có

dè đầu anh lại phụ em mà... ơ... ơ...! » Anh bực tức buông sách xô ghế vùng đứng dậy. Hai thằng con lớn ngơ ngác nhìn anh giây lát rồi cúi xuống im lặng học bài. Giáng điệu của kinh của người cha, chúng đã quen thuộc lắm rồi. Chúng khẽ liếc nhìn nhau và thầm trao đổi ý kiến bằng cách ngậm lấy chân khoèo nhau dưới gầm bàn. Trên cái ghế gần đây, một con mèo găm lông vàng mượt đang ngồi lơ đãng nhìn con thạch thủng dượt theo con dấn chung quanh ánh đèn yếu ớt. Nó bỗng nhảy tót xuống gầm bàn quào quào lấy chân hai đứa trẻ rồi nằm lăn ra đùa nghịch làm thành tiếng động mạnh. Tuấn quay lại:

— Học đi, nghịch gì thế? Cứ giờ hồn đây!

Hai đứa trẻ vội dụi chân lại. Tuấn hăm hăm nhìn sang nhà bên cạnh. « Lần này thì nhất định! Phải cho họ biết mới được... » Họ đây là vợ chồng nhà anh Mười có cái radio ở sát ngay bên cạnh nhà anh. Nét mặt Tuấn cau có nom đến buồn cười. Mặt anh dài dườn ra, nhún nhún như trái thị héo. Mắt anh thì đỏ, mồm nhún lại đã nhún lại nhọn thêm. Ngày xưa khi còn đi học, mỗi khi anh cãi kinh, bạn bè lại được cười vỡ bụng. Lũ bạn tinh quái ấy đã đặt cho anh cái biệt hiệu khá kỳ dị « Bộ mặt incheable ». Những mẩu chuyện bịa đặt, những mảnh giấy vẽ hài hước chế riếu chung quanh cái mặt anh đã làm anh nhiều phen khổ sở. Cứ mỗi lần vừa nom thấy anh từ đằng xa đi lại, bạn bè đã reo lên:

— A! « Incheable » đã đến chúng mày ơ?

— Kia, nom thằng « Incheable » nó nhai bánh tây kia!

Hoặc đôi khi gặp anh ngoài đường thì câu hỏi đầu tiên bạn anh thốt ra là:

— Ê, « incheable » đi đâu đấy?

Những lúc ấy giáng điệu anh bối rối ngượng ngùng một cách thảm hại. Một tay đưa lên sờ chiếc mũ phớt chụp trên đầu, một tay lần nút áo dài, Tuấn ấp úng mấy câu chửi tục rồi bước đi ngay không bao giờ dám quay đầu lại. Thực ra anh cũng không hiểu tại sao anh phải mang cái tên quái gở ấy. Lần đầu tiên khi bị chế riếu, anh thảo thức cả đêm không ngủ. Anh nghĩ như thế này: « in » tiếng Pháp có nghĩa là « không », « che » là « che »... thời cứ tạm cho là không che được, hay không thương được. Chắc hẳn là khi cái kinh, mặt anh khó coi lắm. Có lẽ vậy. Ngay dạo bé, mỗi khi cha anh mắng mặt anh cứ lăm lăm li li, đến nỗi cha anh phải quát lên:

— Thôi xéo đi! Mặt kia! Mặt gì mà dài như mặt ngựa! Đầu thì như đầu b...!

Chỉ là dạo bé đầu anh cạo trọc. Cha anh bảo đầu trọc sạch và mát. Sạch và mát thì chưa thấy đâu, có điều chắc chắn là cha mẹ anh cốc lên đầu anh cái nào thì phải biết cứ là đau điếng người đi.

Có lần Tuấn thủ thủ với một người bạn thân nhất. Anh này ngắm mặt Tuấn, thử người ra một lúc rồi cũng ngạc nhiên kêu lên:

— Ờ mà trông mặt cậu buồn cười thật! Mặt chó gì lại thế kia! Cậu thử nhìn thẳng xem nào. Ờ là quá, trông không thể thương được thật. Nó thế nào ấy!

« Nó thế nào ». Thì chính anh cũng chịu không hiểu « nó thế nào » là nó thế nào nữa.

Chị Tuấn âm đưa con mới bốn tháng. Thằng bé đang đùa với hai đứa nhỏ trên chiếc giường gỗ op ẹp đối diện với bàn học, ngay lối cửa ra vào. Hai thằng anh mỗi đứa nắm một chân em đặt đặt. Thằng bé thích chỉ toét miệng ra cười, tay quờ quào ra đằng trước, Tuấn đang bực sẵn, gắt:

— Ra cả ngoài kia mà chơi. Âm lên thế này.

Rồi anh bảo các con, có ý cho chị Mười nghe tiếng:

— Chúng mày lấy bông nhét vào tai mà học. Người đầu chẳng biết nè gì. Chị Tuấn âm vội đưa nhỏ bước ra cửa, Hai đứa nhỏ, mỗi đứa nắm một bên ống quần mẹ. liu riu theo sau. Chị lại gần chiếc cửa sổ con bằng lưới mắt cáo của nhà chị Mười và gọi khẽ!

— Chị Mười! Chị Mười! Chị mở khe la-dô cho các cháu học một chút đi chị.

— Thì vẫn mở nhỏ đây mà.

Chị Mười đang thích thú cười độ lên về đoạn khôi hài, quay lại trả lời. Tuy nhiên chị vẫn đứng lên lại gần chiếc máy. Tiếng hát đang vang dội lên bỗng hạ thấp xuống thoáng nghe như một người vừa kêu to thoát bị bóp chặt lấy cổ họng. Rồi thần nhiên, chị quay lại cười với chị Tuấn. Hai người đàn bà chuyện trò thân mật với nhau.

Tuấn vẫn hăm hăm. Anh dời bàn lại nằm dài trên chiếc giường tre, tay vắt ngang trán. Chiếc

HÀNG - XOM

TRUYỆN NGẮN CỦA DÃ LAN

giường này anh mua hồi chị Tuấn năm cũ đưa con thứ tư nay đã lên ba. Trước kia thì đất giường bằng tre. Mua được ít lâu các thanh tre non lâu ngày bị một đục, cơ man nào là rệp sinh sản trong những lỗ nhỏ li ti ấy. Chả là trong này xư nóng mà! Chúng đốt vợ con anh mẩn tít cả người lên, nhất là đứa bé vì da nó non. Ngày ấy Tuấn khổ vì rệp. Vợ con anh cũng khổ vì anh giết rệp. Ngày hai buổi ở sở về, và vội bát cơm rồi xoay trần giết rệp, bỏ cả ngủ trưa. Vợ con anh cứ bần lên thôi. Nào khiêng, nào rũ, nào đổ đất giường, nước sôi, thuốc bột DDT, Flyx-tox, thời thì đủ cả. Con nào con nấy cứ mòng mòng những máu. A! máu vợ con anh đây mà, ăn biết bao giờ cho nó lại! Tuấn càng gầy càng gầy. Song cứ giết hết lớp này lại có ngay lớp khác. Sau anh nghĩ được một kế. Lập tức anh đi mua những thanh gỗ mỏng rồi hi hục đóng chiếc cha chỉ chất. Vợ con Tuấn lại khổ một lớp nữa để chạy đĩnh chạy búa và dốt nước cho Tuấn. Đến hai ngày mới xong. Anh bỏ hẳn đất giường cũ đi lấy cái mới thay vào. Cửa đóng tọt cũng có đỡ rệp, song vì gỗ không bảo lại đóng thừa nên năm lưng chị Tuấn đau như dằm. Vì muốn khoe tài khéo chân khéo tay, Tuấn hí hoáy làm lấy, tính ra đất gấp ba thuê thợ. Dạo mới làm xong, không ngày nào anh không đổ chiếu lên ngắm, đầu gật gà gật gù. Có đêm mẹ con chị Tuấn đang ngủ anh cũng lật ra xem, lấy tay sờ sờ vào những thanh gỗ ráp. Có lần chị chê:

— Năm đầu lưng quá anh ạ! Giường phản gì mà như nằm trên sống trâu ấy! Hay ta thuê bào đi một chút.

Tuấn trợn mắt:

— Chào! Nhà này cứ về chuyện. Năm lâu nó nhẵn đi chứ! Chỉ được voi đòi tiên. Nhà này còn nhớ năm xưa chạy Tây ở làng không? Suốt đêm nằm ngoài đồng gõ ghê thì chả thấy nhẵn!

— Chuyện! Nói như anh thì chán chết!

Anh gật gù:

— Giờ mà vợ tôi các ông ấy thì phải biết.

Cứ gọi là...

Tuấn dơ một ngón tay ra hiệu. Ý anh muốn thuê thợ một thì mất trăm bạc.

Chị Tuấn lườm chồng trách yêu:

— Sao bây giờ anh chỉ thú thế? Chả bà với đạo nào ở Hải-phòng anh không tận tiện thế cho. Chả là hồi xưa, mấy mẹ con chị Tuấn đi cư vào đây trước, anh còn phải ở lại Hải-phòng. Có một mình buồn anh dằm ra chơi bởi nợ be bét.

Nói vậy thôi chứ thật tình chị Tuấn thương chồng lắm. Có những buổi trưa hè gay gắt hay những chiều mưa gió tả tơi, đứng bên con nhìn chồng gầy yếu, mặt nhợt nhạt chiếc xe đạp đi làm, lòng chị nao nao thương mến. Chị tiếc những ngày sống dư dả trước kia ở quê chồng. Cũng những buổi trưa hè gay gắt, những chiều mưa gió tả tơi, nhưng có bao giờ chị quên được hương vị thơm mát của bát canh rau dầy ướp bốc khói nghi ngút bên cạnh đĩa cà pháo trắng tinh hay màu vàng nhạt của đĩa châu chấu cơm rang giòn. Cuộc đời thanh đạm ăm ỉm cũng biết bao. Và bây giờ... Chị lắc đầu nhẹ như muốn xua đuổi những ý nghĩ đang quay về dĩ vãng xa xôi. Chị vợ vẫn nhìn cây trượng cá tôm những cánh lá mềm mại trước gió. Từ ngày gia đình chị di cư vào đây, cuộc đời có thay đổi nhiều.

Lương anh ít quá nên chị phải tận tiện dè sẻn, được cái lâu ngày nó cũng quen đi. Phải chăng đó là đức tính cố hữu và cũng là sắc thái riêng biệt của người dân cần cù xứ Bắc? Nhưng khi nhìn chồng gò lưng trên chiếc xe đạp cũ kỹ, chị thương chồng vô hạn. Bà năm rồi, cha con vợ chồng chị chui rúc vào cái xóm lao động nghèo túng này, ồn ào hỗn độn với những tiếng radio, tiếng cười cùng giọng nói lẽ nhè của những người dân xóm khi say sưa. Nhưng tất cả vẫn không bao giờ làm tắt ngấm được trong lòng chị nỗi buồn nhớ thương quê cũ. Bà năm rồi, cái nghèo túng theo sát gia đình chị như bóng với hình. Các con chị cứ quật quọo luôn ấy. Được cái ở miền Nam này, chỗ nào cũng sẵn thuốc và sẵn nhà thương. Chị tội cái phải chen chúc chờ đợi thời. Nhiều lúc nhìn các bà mẹ chen nhau mở hời mở kẻ nhè nhai, tay ầm con, tay cổ vúi lấy cái công sắt của nhà thương và mỗi lần ở-tò nhà binh chạy qua tung bụi mù lên thì chị lại liên tưởng tới ngày gia đình chị mới hồi cư về thành. « Sông có khúc, người có lúc chứ ». Chị thường tự an ủi thế. Được thế này cũng là tạm yên rồi. Chị nhớ lại hồi mới tác chiến, tản cư đến làng Mưa-Đông, đứa con lớn—giờ đã 12 tuổi—đi ngoài ra máu dòng đã ba tháng trời, vợ chồng chị

đành ôm con nuốt lệ thở dài, vì thuốc tây hồi đó quý và đắt như vàng, tiền ăn còn chả đủ lấy đầu tiên mua thuốc. Đạo ấy chỉ có hai vợ chồng, hai đứa con và một con bé giữ con cho chị chạy chợ, và thêm một con chó nữa, vậy mà làm bữa cả nhà phải húp cháo loãng nấu dộn với lá bắp cải già để cầm hơi đấy. Giờ đây so với hồi chạy loạn đã thấm vào đâu. Căn nhà tuy chả được rộng rãi lắm như ở quê nhà xưa kia, nhưng chị cho cũng là tạm đủ, chỉ phải hơi sinh ở chiếc lách con đầy rác xông lên lắm khi nhức cả mũi. Có lần Tuấn khôi hài:

— Dân xóm này người nào mũi cũng lớn hơn người vì người sinh nhiều quá! Không chừng mai kia mình về Bắc bà con khó lòng nhận được mặt!

Bây giờ thế là khá lắm đấy chứ. Theo lời bà con ở lâu nói chuyện thì mười năm trước đây, hồi còn mở ma Tây, xóm này toàn là hồ ao, mùa mưa nước tràn cả vào trong nhà kéo theo luôn cả rác rưởi. Sau này dân xóm mới lấp dần đi. Lại còn cái nạn lính dốt nhà nữa kia. Hồi ấy hình như số tồn trong nước bị ứ đọng nhiều quá mới có chuyện một đêm cháy nhà ba bốn lần để bắt dân phải mua tòn. Dân nghèo ức lắm nhưng không dám hé răng, vì những chiếc xe con cóc bị bùng kín mít của nhà binh Pháp lúc nào cũng sẵn sàng đưa họ đi giữa đêm khuya. Lại còn nạn muỗi. Ôi! chao ôi là muỗi! Muỗi ngày. Muỗi đêm. Muỗi sáng, Muỗi chiều.

Đốt đầu và buốt như đĩa cán. Chả trách ngày xưa cứ nghe đồn là « Muỗi Sài-gòn ». Các con Tuấn muốn học bài phải mặc quần dài, bí tất kéo lên đến quá đầu gối. Nhìn các con ngồi học, vợ chồng Tuấn không sao nín cười được, vì nom chúng cứ như lính tập cả một lũ. Thật ra, gia đình Tuấn vào được đây là may lắm, ở lại đến bây giờ thì có gọi là... Trông gương bà Chánh Ngót đấy! Trước kia bà giàu nhất nhì trong làng. Hồi Tây bà hét ra lửa. Hồi thăm bà Chánh Ngót làng anh thì đứa trẻ lên năm nó cũng biết. Khi đất nước chia đôi, bà nhất định ở lại để « tiếp đón và thông cảm với nhân dân ta ». Ai khuyên đi bà chỉ mỉm cười lắc đầu:

— Các người thích đi thì cứ đi đi...Già này chẳng đi đâu sất. Bao nhiêu năm « dân an-nam mình » tranh đấu gian khổ nước nhà mới được độc lập nay lại bỏ đi. Rõ chán mớ đời! Vào nước Nam-Kỳ để đem xương cho Pháp nó bón góc cao xu à?

Sau đó ít lâu, chị Tuấn bỗng nhiên lại gặp bà Chánh Ngót lang thang ở đường Cát dài Hải-Phong. Trông bà thật thiếu não, áo quần lôi thôi lếch thếch, mặt mũi thì ngơ ngác ngác, người nom già sạm hẳn đi. Vừa trông thấy chị, bà vỗ tay:

— Ôi giờ đất ôi! vợ Tuấn đấy ư? Thật tôi không ngờ. Biết thế này thì...

Bây giờ thì bà Chánh Ngót lại lang thang ở Sài-gòn. Chưa ai thấy bà đem xương bón góc cao su, người ta chỉ thấy bà nghèo, nghèo quá. Và ít lâu sau, bà đi ở ăm em cho người bà con quen thuộc để đổi lấy vài lượng cơm trong ngày. Có ai hỏi, bà trả lời ráo hoảnh:

— Nhà nó bán quá, nghĩ tội nghiệp tôi giữ hộ. Thật là ế quá đi mất, chả nhẽ tình người làng người nước với nhau...



Giọng người nữ ca sĩ vẫn lạnh lạnh vang lên hỗn loạn với tiếng đàn kim, thập lục, hồ, nhị... Tuấn vội bật chặt tai lại. Buồn tỉnh, anh đập nhẹ nhẹ vào tai. Âm thanh lúc to lúc nhỏ, có khi vụt tắt nghe mơ hồ như ở thế giới xa xôi nào. « Ước gì mình điếc thì hay quá? » Anh bật cười chợt nghĩ đến hai ông điếc ở làng ngày xưa: ông Xà Kịch và ông Trương Bướm. Một hôm, đúng vào phiên chợ làng, hai ông bạn già cùng gặp nhau ở « Giếng Ông », cạnh gốc đa. Ông Xà Kịch thấy ông Trương Bướm đi ở đầu làng về—nơi đang họp chợ—liền hỏi:

— Kia ông Trương ra chợ về đấy à?

Ông này trả lời:

— Không, tôi đi ra chợ về đây chứ.

— Ờ thế mà tôi lại cứ tưởng ông đi ra chợ. Mấy đứa trẻ đánh khăng gần đây cười độ lên với nhau. Về sau chúng đem câu chuyện đi khắp khắp làng.

Kể điếc thế cũng hơi phiền. Nhưng thật ra tiếng radio nheo nheo của nhà chị Mười còn làm Tuấn phiền hơn. Sáng, trưa, tối, không lúc nào ngớt tiếng

(Xem tiếp trang 8)

HÀNG - XÓM

(Tiếp theo trang 7)

radio. Tối thứ Bảy và Chủ nhật, có khi 11 giờ Tuấn mới đi ngủ được, vì có truyền thanh tuồng "Kim Chung", Anh gật gù: "mình mà làm kỹ sư radio thì phải biết! Mình sẽ chế nút radio giống như chỗ bom hơi ở cái đèn măng xông của nhà anh Bảy chạp phở ấy. Nếu bom quá cái gạch đỏ thì đèn sẽ nổ. Ở đây, thế mà hay đấy nhé, nếu mở quá số thì radio sẽ nổ tung ra. Xem có phải sợ không nào. Bất mỗi nhà phải dán trước máy tờ thông cáo "Yêu cầu mở nút đến số... vì phạm sẽ..." Á, Tuấn khẽ kêu lên một cách thích thú. Chị Mười lại có thói quen đã mở radio là phải mở hết cỡ kỳ người nhà chị hay chính chị khi nói chuyện phải gần như quát lên chị mới khoái. Có lẽ suốt ngày ít khi radio chị Mười được nằm yên lấy vài tiếng. Trừ hôm nào vợ chồng chị bắt hòa. Ngày nào cũng vậy, cái giọng "Thao ơi... nỉ non rầu rĩ cũng ra rả bên tai anh, như người sắp chết mà chưa chết hẳn. Chao ôi! cái giọng buồn buồn nào nuốt lấy cứ than vãn bên tai Tuấn, ngày này sang tháng khác. Có những lúc chẳng còn mục gì nữa, chị Mười mở bừa sang cả đài Anh, Pháp, Thái. Tàu... Một hôm Tuấn hỏi chị:

— Này chị Mười, chị nghe radio suốt ngày không biết mệt à? Tôi... thì chịu.

Ý anh định nói "tôi thì khó chịu lắm". Chị Mười trả lời hồn nhiên:

— Không nghe nó buồn buồn thế nào ấy. Vả nó cũng quen tay anh à.

À ra chị Mười cũng quen tay như anh quen tay về thuốc lá vậy. Đã có lần mãi vui câu chuyện với một người bạn, Tuấn về thuốc hút bốn năm mỗi lần, sau chợt nhớ ra mới thôi. Ngày nay anh có lẽ chỉ có cái radio nhà chị Mười biết. Anh tưởng tượng như mình đang đi dần vào trong một địa ngục nào, không phải cái địa ngục Á Tỳ của Vua Diêm Vương, có những bày quỷ dữ trâu ngựa tay cầm đinh ba che răng trợn mắt như trong các vở tuồng anh được xem hồi nhỏ, mà là cái địa ngục trong đó âm i những tiếng radio đang quát tháo như chỉ dơi anh về để cầu xé tan nát tâm hồn anh ra. Anh đứng ngồi không yên đầu óc quay cuồng vì những giọng ca buồn thảm lúc nào cũng lại nhai như người đi ăn cơm nọ. Có lúc Tuấn ngồi thừ ra hàng giờ, vợ con hỏi chẳng buồn trả lời, có khi tự nhiên anh day tay nắm miệng như sắp đánh ai. Hễ thấy tiếng chị Mười là anh lại vẩn vơ: "Đây! lại sắp..." Bao giờ đi làm về, anh cũng liếc nhanh sang nhà chị Mười. Nếu thấy im tiếng radio và vắng bóng chị ta, anh mừng lắm. Tâm trạng Tuấn giống hệt tâm trạng đứa trẻ được cha mẹ đi chơi vắng hay người tù vừa được trả lại tự do. Tự do đối với Tuấn đây chỉ có nghĩa là tâm hồn anh được thoả trong giây phút.

Thật ra Tuấn cũng mê cái lương lắm chứ. Nhưng là hồi xưa hồi xưa kia. Chỉ là hồi nhỏ còn học trường huyện, tối nào Tuấn cũng lần lên nhà Phụng—bạn anh—ở cách xa anh đến hơn cây số, để học ca vì cha mẹ Phụng có gánh hát rong tại huyện. Có đêm gà gáy sáng Tuấn mới bò về để hôm sau vào lớp thi ngồi ngủ gật. Nhưng lúc ấy, hai tay Tuấn lấy che ngang trán, đầu cúi xuống làm bộ như chăm chú vào bài. Thế mà ông giáo Vỹ, thầy giáo của Tuấn, quý Tuấn nhất lớp vì ít khi bắt gặp anh nói chuyện rì rầm với người bên cạnh. Nhưng bây giờ Tuấn khác xưa nhiều lắm. Ở đời mỗi tuổi một khác chứ.

Tâm tính cùng nếp sống con người có bao giờ vĩnh cửu với thời gian. Lúc trẻ thương ưa dõm dảng, ngoài bốn mươi thì ghét những cử chỉ lố lăng, đến tầm chổng gậy con người lại hay ưa những chuyện gần sát sách. Thường tình, đang nghèo bỗng nhiên giàu có thì cách sinh hoạt nhảy cẫng lên như con chơi chơi, kẻ đang hồng hạc mà xuống dốc thì tiêu nghiêu khác nào chó tơ bị thiến! Nhưng bây giờ Tuấn ghét cay ghét đắng cái lương chẳng phải vì tuổi tác trời sứt hay hoàn cảnh đổi thay. Chỉ vì nghe mãi nó non khi chưa khi nỗng đến ế ẩm cả tâm hồn làm Tuấn chán ngấy. Anh chợt nhớ đến ông lão hát sẩm ngày nào ở bến đò Bình mà anh được nghe mỗi lần qua đò, Tuấn thuộc lầu những bài hát của ông lão đến nỗi ông lão mới dọn giọng anh đã biết ông ta sắp hát điệu gì rồi.

Tuấn lơ đãng nhìn ra lối xóm. Trước nhà, một bọn trẻ con trạc tuổi con anh, quần áo dơ bẩn, mặt mũi nhem nhuốc, đang châu đầu vào nhau để chơi bầu cua các cạp, tranh dành nhau và văng những câu tục tĩu. Chúng bỏ mặc em chúng bò lê bò la dưới đất, bốc lõi ngò, bã mía, vỏ chuối cho vào miệng nuốt chùn chụt bên cạnh đống rác hôi thối ruồi nhặng bầu đầy. Những nét mặt quen thuộc của bao kẻ chung

quanh dần dần hiện ra từng người, từng người như một cuốn phim thời sự. Anh Tám xe ba gác, mặt lúc nào cũng lăm lăm như chó ăn vụng bột. Vợ anh chết đi để lại cho anh bốn đứa con đã lớn. Không người dậy dỗ, cả ngày chúng tụ họp bè đảng đánh chữ nhàu lộn bậy. Còn anh suốt ngày say sưa. Rượu vào thì ông trời cũng bé! Đánh con cái nhau với cả xóm. Khi mọi người đi làm thì anh đi ngủ, tới giờ họ ngủ thì anh đi nhậu rượu đế, la ve say bí tỉ, gặp ai cũng cá kịa. Lúc tỉnh rượu người ta trách nhệ anh thì anh lại ngậm mũi kể về anh buồn vì vợ chết. Anh Tám buồn nên lấy rượu giải buồn. Có lúc anh tu một lúc ba chai la ve liến, rồi anh chèo lên chòi gác lửa, vạch quần đãi xuống đất chơi!

— À, mấy cái ông đãi hả? Ông đãi đường nhà nước, đứa nào có giới ra đây ông... đãi vào mồm cho coi! D... mẹ tụi bay, đừng có làm phách chó...

Tháng anh Tám xe ba gác cãi nhau với lối xóm đủ 25 ngày. Chỉ vì anh ưa say về đêm làm bà con mất giấc ngủ. Đi thừa linh. Anh Tám lên bờ ngủ ngon lành. Sáng hôm sau ra về lại hiện như cục đất. Rồi đến anh Tư Cò làm nghề hớt tóc. Có lúc nhúc như lợn. Có lẽ vợ chồng Tư Cò cho chúng ra đời chỉ để chúng vác bụng. Nhìn lũ con Tư Cò, Tuấn liên tưởng đến những nỗi vất vả mà dân quê miền Bắc ụp lên các cành cây ba chạc cắm bên những vại nước. Tiếp đến lão mợ công.

Chỉ ai biết tên tuổi lão là gì. Bà con lối xóm chỉ quen gọi là ông lao mợ công, theo đúng với nghề nghiệp mà lao đeo trên vai. Ấy là một cái thuôn sắt tròn dài như súng mứt cơ tòng kiểu "Khẩu mướp" hồi Tây mới sang, với những dụng cụ lủng cũng bên thất lủng. Cũng không biết vợ lão còn hay mất, con cái mấy đứa. Hàng ngày, người ta thường gặp lão đầu húi trọc, trời mưa cũng như trời nắng đầu không bao giờ đội mũ. Lão mặc một chiếc áo tây cũ rỗng thùng thình, nhăm nhồm những miếng vá sặc sỡ, còn quần của lão là chiếc áo thun dây lộn ngược đã bạc màu bó sát lấy người lão và cổ áo—thay cho đũng quần—đã được khâu bít cẩn thận! Trên ông cái thuôn sắt còm gao ấy có buộc một lá cờ tua rua nhỏ màu huyết dụ. Chân lão mang một đôi giày săng đá cũ đã há mồm. Trông lão oai phong lắm liệt như một lão... mợ công! Sau lưng lão treo một khung ảnh to, trong lỗ nhỏ những hình là binh: đàn ông, đàn bà, trẻ con... ý hẳn đó là những kẻ thân thích nhất đời của lão. Anh Sáu thợ nề, ông già Miền chưa xe đạp... Nhiều lắm không sao kể xiết.

Cái xã hội nhỏ bé ấy, đủ hạng người, chui rúc trong những căn nhà lụp xụp hay nằm ngổ ngạo vạt trên chiếc ghế bành rách được dựa nhờ vào bên một mái hiên, một bức tường. Dưới gầm ghế bành lủng củng dăm ba món đồ: soong, đĩa, chén, bát, kim, búa... Tất cả, phần đông là lao động, sống ồn ào hỗn độn, còn sai hết nhỉnh, chỉ cần ngày nay không biết ngày mai, ở trong xóm thì tùm tùm năm tụm ba la ve củ kiệu, chơi gà, chơi chim, đánh cái nhau ầm ĩ bất kể ngày đêm, ra đường thì ngang bướng, tranh đánh nhau cả từ lời nói lời đi. Đại khái như vậy. Tất cả ngổ ngạo vì thất học, vì kém giáo dục, sống bừa bãi xô bồ, đời sống vô tổ chức ỷ hàng ngày, diễn ra trước mắt Tuấn. Có những ngày nghĩ đi chơi đây đó, Tuấn thường gặp những trẻ rách rưới lang thang la cà các rạp hát tiệm ăn, chia những bàn tay xương xường nhỏ bé để xin ăn hoặc tụ họp nhau lại từng bọn để chơi đua đại dợt: bấm chuông điện rồi bỏ chạy, trọc chó nhà giàu, lấy que gậy múa kiếm đánh nhau...

★

Tiếng cười nắc nẻ của chị Mười làm Tuấn khẽ nhủ cặp lông mày, bỏ dở ý nghĩ hỗn độn trong đầu. Anh lẩm bầm: "Người không biết nể ai cả. Rồi anh hăm hăm nắm chặt hai tay lại, gần mặt nổi cả lên. Anh tiến lại phía bàn nước rồi liếc hai mắt thuốc lá một lúc. Anh hút không thấy ngon, vì đầu óc anh đang quay cuồng những ý nghĩ hỗn thủ. Hai đứa lớn đã lên lên lảng đi tu lực nào, vì chúng biết những lúc anh nóng giận ở nhà chỉ phải đầu cùng phai tại Tuấn đi đi lại lại trong nhà đến cả chục lượt. Anh nhòm qua cửa sổ nhìn chị Mười. Trông ngực anh đập rộn ràng, tay anh run lên. Thế có nghĩa là gay go đến nơi rồi đây! Sắp quyết liệt đến nơi rồi đây! Nhưng chị Mười vẫn ngồi kia, bên cạnh quầy hàng. Chị vẫn thản nhiên, lâu lâu lại cười nắc nẻ vì những đoạn khôi hài trong vở tuồng. Chiếc máy vẫn nói ra rả chẳng cần biết đến anh đang cau kinh.

Tuấn bước ra cửa, chị Tuấn vừa ở bên hàng xóm dẫn con về. Anh lẩm bầm:

— Lần này phải nói cho họ biết rồi muốn ra sao thì ra.

Vừa trông thấy anh, chị Tuấn mỉm cười:

— Hoi đầu mà bực tức với họ. Tôi bảo chị ấy rồi. Chị ấy tưởng các con không học bài. Thôi anh à! Hàng xóm vui nhau, lúc này còn có lúc khác.

— Tưởng gì mà tưởng. Nếu họ biết điều thì

họ đã không thế. Chẳng hàng xóm thì đường! Tôi đã bảo nhà này đi tìm chỗ khác.

— Thì họ mở khe đây chứ, Có lẽ tại điện mạnh quá.

Chị Tuấn vốn hiền lành. Chị không bao giờ muốn to tiếng làm rách lòng ai. Y hệt như mẹ chồng vậy. Xưa kia còn bà cụ, có nhiều khi bà cụ phải rờ ràng mà họ cứ nói xa xả vào mặt làm các con giận dỗi lên. Thế mà bà cụ vẫn cười. Các con kêu lên: "Bà cứ nhu nhược thế chỉ trách họ bất nạt là phải". Lúc ấy bà cụ lại dễ dàng khuyên các con: "Thôi con à! một sự nhịn là chín sự lành. Cho người ta hơn, mình có đi đâu mà thiệt".

Tiếng Tuấn gắt làm chị giật mình:

— Thôi im đi! Đàn bà chẳng được tích sự gì!

— Anh cứ bảo đi tìm nhà. Thì cũng phải từ từ chứ. Ăn còn chưa xong tiền đâu mà sang nhà. Vả lại đầu mà chả có radio. Có họa là lên chùa mà ở...

— Đừng nói nữa, chỉ được cái cái là giới. Ồ, chào! không phải thích! Đây mà không vương đàn con thì đây cũng bỏ nhà lên chùa từ lâu rồi!

— Ngừ anh nóng tính thế có mà ở với ma! Anh mà đi ở chùa thì tượng cũng phải bật vía đi hết!

Chị lại nhai nói. Anh bực mình đang cầm cái ly uống nước liền quăng ra sân đến choang một cái. Thằng bé con khóc thét lên nín chặt lấy mẹ nó. Chị Tuấn sứt sứt. Chị khóc ầm ục, tay bế con, tay quệt ngang giòng nước mắt đang rơi vội xuống đất gò má xương xường. Tuấn mặc quần áo bước vội ra ngoài đường.

Và anh lẩm bầm: "Rõ đàn bà! chỉ được cái mau nước mắt là không ai bằng". Tuấn ngược mặt lên nhìn trời. Một vài vì sao lấp lánh giữa bầu trời trong vắt. Anh vừa đi vừa đếm các vì sao. Thế là Tuấn quên khuấy câu chuyện radio. Bên nhà chị Mười radio cũng tắt máy từ bao giờ. Có lẽ từ lúc hai vợ chồng Tuấn to tiếng. Một làn gió đêm hè nhẹ nhàng lên. Trong một căn nhà nhỏ vắng vắng có tiếng người mẹ ru con. Tâm hồn Tuấn lắng xuống dần dần. Lòng anh như êm dịu hẳn lại, tràn ngập niềm thương.

DÃ - LAN

TẾT CHƠI HOA

(Tiếp theo trang 6)

1) MAI VÀNG hay Huỳnh Mai, thông thường, sắc cánh, hoa vàng như nghệ mà ta kiếm dễ nhất.

2) MAI TRẮNG hay Bạch Mai, giống như mai vàng nhưng cánh hoa sắc trắng như tuyết.

3) MAI ĐỎ hay Hồng Mai, thường gọi là Mai Tú quý; mai này cũng giống như hai thứ trên, ríu rít lá dày và cứng hơn, có hai loại hoa cùng một màu: Một thứ cánh vàng, còn một loại vàng và dài màu đỏ.

Mai trắng (Bạch Mai) hiếm có, quý hơn mai vàng hay mai đỏ vì nó đẹp, lại có hương thơm. Mai đỏ (Tú quý) tương đối dễ kiếm hơn và cũng khá được người ta ưa chuộng vì giống này ra hoa quanh năm.

Đây, tết miền Nam có những ba thứ bông mai để cho ta thưởng thức làm cho ta nhớ đến giọng hát trong trẻo của cô thôn nữ nơi đồng lúa xanh rì, vừa làm cỏ vừa nhún nhún khách bộ hành đang rong ruổi trên đường cái quan, tiêu về Thủ đô ánh sáng:

Ái đi đâu đâu hỡi ai,

Hay là Trúc đã nhớ Mai đi tìm?

Tìm em như thể tìm chim,

Chim ẩn đông nơi đi tìm Đổng Nại.

Đổng Nại có bông Mai vàng,

Có Mai trắng, đó có làng định cư...

Và sáng mùng một tết, "ngồi ngắm cách mai, thưởng thức ly la ve, nhâm mứt củ kiệu", ta không quên mấy vần thơ của Cu Mai Phong—Nguyễn Diệu đã ca tụng bông Mai miền Nam thanh bình, tươi đẹp, khi đón rước Chúa Xuân...

Tháng ngày ăn mứt rừng xanh,

Yên hà cười cợt đượm tình quê hương.

Bụi trần không chút oán vương,

Bạn cùng băng tuyết giữa ngàn diêm trang.

Những mong vui thú thanh nhàn,

Tránh vòng tục lụy, đầu mòng lợy danh.

Nhưng lòng nghĩ lại không đành,

Khắp nơi oanh hót trên cành đón xuân.

Nhà nhà tiếp rước ăn cần,

Người người trân trọng dâng mừng thiếu quang.

Thương tình không nỡ phụ phàng,

Hương đồng nhụy thấm ánh vàng khoe tươi.

Vui xuân đừng quên niềm cười,

Đám măm hạnh phúc cho người hưởng chung.

DUY-VIỆT

Saigon Tết 1961

Anh ơi chọn tên đi.

D ÒNG đã chôn chân, à lại đứng
đỉnh cát bước trong bóng tối
của rừng cây to trồng bên đường.
Bóng chân trái à dẫm trúng một hòn
đá, chiếc guốc gót cao tám phân ngã

phật nghiêng vịn chéo bàn chân à. Thốt lên một tiếng
kêu đau đớn, à ngồi thụp xuống nắm lấy cổ chân.
Lời chửi thề vừa buột ra khỏi cửa miệng, à mới
nhớ ra là đã cố kiềng và kiềng được suốt từ đêm
qua đến giờ. Thế là à bị rông rồi, rông cả năm.
Nằm cõ chân cho bớt đau, à muốn ngồi ỷ ra đây.
Nhưng rồi à cũng phải xuyết xoa đứng dậy. À lại tập
tễnh bước đi, cái bát nhỏ bằng ni lông hai màu trắng và
đỏ cầm chắc bên tay phải. Tối khoảng sáng từ một ngọn
đèn đường chiếu xuống, à giờ tay trái xem đồng hồ.
Tay mới giờ được nửa chừng và mắt chưa kịp nhòa
xuống, à đã ... nhớ ra. Cái đồng hồ của à mới sắm
bữa đầu tháng đã bị coi chín lợi mất cùng với cái biển
lại từ sáng hôm ba mươi. Ở tiệm cầm đồ bình dân
vỏ, con Chín còn ném lại cho à được ba chục với
mảnh giấy biên nhận của chủ tiệm. À cũng chẳng
giận gì nó. Tối tối đi bán nem nướng, kiếm chẳng
được bao nhiêu, lại một nấc bên con nó cũng nợ
sẵn nhiều. À có giận là giận cái thằng chồng nó. Lúc
mới bỏ xứ lên đạp xích lô tới tới nó đưa à đi rong
ngoài đường kiếm mồi thì còn chị em em ngọt xớt.
Mấy tháng nay nó học được cái nghề làm thịt
bò viên đây xe đi bán trông thấy à, cái mặt nó cứ
vác lên mà dọng mở miệng là nói xỏ nói xiên. Nó
wong là cái nghề thịt bò viên ấy khá lắm đấy hân.
Các Chú người ta đã phải sang lại cho để người ta
đi làm nghề khác thì chắc không phải là dễ hót bạc
tắc. Thôi thế này thì chẳng bao lâu nữa vợ chồng
con cái nó cứ gọi là nuốt thịt bò viên trừ bữa, mà
có trở lại cái nghề xích lô cũng chẳng còn ai đi.
Quần bất nhên! Nó mà có được cái vốn để sang lại
co thịt bò viên của bọn các Chú là cũng đầy phần ở
túi chỗ...

Anh đến xe ở góc đường quẹo lại, tiến tới
hâm à quên phứt thằng Chín. À bước nhanh vào
tùng ánh sáng, phơi cho nổi bật tấm áo dài màu
tăng gỗ đỏ chói và mảnh quần xa-teng bóag nháy.
Sự vội vã khiến chân à lại đau, nhưng khắp không
à một điều tối kỵ. Khách đầu có biết chân à
chỉ đau bên ngoài mà đau tận gần dưới gót.
Bốn bước đi uyển chuyển trên đôi guốc gót cao
à thời gian vừa đủ để à phát tín hiệu. Một
bước tạt ngang và à lại biến vào bóng tối. Ánh sáng
đen kia chiếu lại là ngọn đèn rọi của người thợ săn?
Không! Mẫu áo, ánh quần và đường cong của thân
bình à mới chính là ngọn đèn rọi mà ánh sáng bên
tia chỉ là những tia phản chiếu trong mắt say của con
mồi. Nhưng tại sao con mồi chỉ có một mắt? À
hơi thất vọng. Một mắt tất không phải là xe hơi. Có
 lẽ là vết-pa.

À đã dừng lại, nhưng thân hình à chuyển
động như đôi chân vẫn bước. Nơi à đứng là giới
bạn bóng tối của cành lá buông xuống. Nửa bước
nữa, ánh sáng phủ phàng sẽ tưới xuống mặt à, mà
quay trở lại chẳng khác gì thả cho con mồi thoát đi.
Đập đỉnh trong khoảng nửa sáng nửa tối ấy, à quyết
thông đề cho con mồi nhìn đi chỗ khác. À lóng tay
aghe ngóng. Tiếng máy chạy xình xịch và đèn chiếu
thật sáng soi rõ từ ngực à trở xuống. Thật đúng như
ý à muốn. Rồi đèn bỗng sáng dội lên hơn nữa như
tút vào mặt, à nghe rõ tiếng xe máy đầu. Chợt hiểu
ra, à lạnh người. À không sợ, mà ngán. Quay
ngang, hai tay khoanh trước ngực, à vênh cằm đợi
nghe lời nạt nộ của chú cảnh sát cuối xe máy đầu
đi tuần. Cho nên khi chiếc xe máy đầu ngừng lại
ngay trước mặt, à vẫn lơ đãng nhìn sang cửa sổ ngồi
nhà lâu xế bên kia.

Hai ba giọng cười cất lên và hơi tuyền nồng
gặc vào tận mặt à. Nhìn xuống, à nhận ra ba anh
lực lưỡng quần áo rằn ri như thêu chứa bóng đêm
đính chặt vào nhau trên chiếc xe máy đầu chỉ có
một nệm ngồi. À nhếch mép nhờ ba chiếc răng bít
vàng làm duyên. Cả ba cùng nhìn à trừng trừng.
Anh cầm lái bỗng nói:

— Điểm này điểm "độc", xà đầu có được!
À cau mày nghiêng răng giật lùi một bước và
chết lặng trong khi xe gầm lên, vọt đi lẹ như súng
bắn. Hừ! Điểm độc! À chưa từng nghe có đũa
kêu à là điểm độc. Sao lại độc? Đề rồi bữa nào
hỏi coi. Một cơn gió thoảng và à quên ngay.
Chẳng có bao giờ à giận ai lâu. À lại dùng
đỉnh bước đi. Trong bóng tối mà sáng mắt à đưa
đầy như ngọn đèn rọi gần trên trán người thợ săn.

Con đường cắt ngang phía trước mặt xe cộ
đông nườm nượp mà chẳng mấy cái quẹo về ngã này.
Có, một cái, nhưng vẫn chỉ một đèn chiếu ánh sáng
vàng vọt. Một tà áo xanh vẩy ở dưới xe như muốn
che bớt tiếng máy nổ phành phạch. À đưa mắt nhìn
theo cô cậu nửa đêm cười xe "lăm bà rết" ta cỡi
chuông "cồng nhau đi hái lộc. Tới ngã Tư, à đứng
lại một lát xem người qua kẻ lại. Một toán bốn xe
gần mấy chỗ đủ tám chú côn đồ non lao đi như gió
cuồn, tiếng máy nổ rền rền. Thoáng trông thấy gấu
áo à, cả bốn xe cùng đảo nghiêng sang con đường
tối hệt như đoàn này hay con cắt biểu đến mừng

Truyện của LÝ THẮNG

hội chiến thắng. Những đé giầy xiết xuống mặ
đường nhựa khiến à giật mình ngoảnh lại. Cả bốn xe
gần mấy đảo qua mặt à và tám cái miệng còn hao
mùi sữa cùng hồi hả chớ ra:

— Đi chơi không em!
Chúng chỉ dám thờ ra có bấy nhiêu rồi lại chạy
biến như sợ à đuổi theo nắm cổ bắt đi chơi thật.
À nhần mặt không phải vì lời chọc ghẹo của chúng
mà vì luồng khói đặc và khét của bốn ống đầu xer
ra. Bước mau qua đường, à nhắm phía bên tàu.
Đường trở lại vắng và tối. Một anh xích lô đạp
bằng một chân đi ngược chiều với à. Nhìn nệm tựa
bọc vải trắng tinh dợt khách, à đi men ra sát lề đường.
Hắn thò một tay xuống kéo cần thắng. Rồi
bắt thả bặt ra và lại kéo. Cứ như thế tay thắng phát
ra những tín hiệu phành phạch. À đứng lại, hẳn
cũng ngừng. Đợi bên nhìn nhau trong khoảng
cách chừng ba thước. À đợi cho hắn lên
tiếng trước. Có lẽ hẳn cũng vậy. Hắn đề tốc
kiểu bản chải. Nhiều sợi chiếu ánh bạc dưới sáng
đèn. Hân đã lường tuổi và dường như hẳn chỉ nhìn
à bằng một mắt. À tiến thêm một bước nhìn thẳng
vào mặt hắn. Đúng! Hân già và chốt. Tay chân hẳn
kháng khiu buông thõng xuống làm cho hẳn càng giống

(Xem tiếp trang 49)



KIM VÀ GIANG

NGUYỄN GIA-KHÁNH

Hôm đó là cuối tháng, tôi còn nhớ rõ Chưa cuối tháng chúng tôi đã hết tiền tiêu, mà ngân phiếu của nhà gửi sang chưa nhận được nên cả hai chúng tôi nhất định hà tiện. Và muốn tránh bộ mặt khó đăm đăm của bà chủ trọ, chúng tôi rủ nhau đi ăn ở một tiệm cơm dành riêng cho anh em lao động. Ở tiệm này, đặc biệt nhất ngoài lần thiu và đông người, chúng tôi có quyền chỉ ăn một món rồi đi, không cần "ăn ra, ăn vào" lời thôi tốn kém; còn tráng miệng thì được coi như xa xỉ phẩm của riêng những nhà trọ phú. Còn một đặc điểm là khi ăn xong không phải trả tiền "hầu bàn", chỉ lặng lẽ rút điều thuốc ra châm mỗi lửa là anh chàng hầu sáng đã thăm hiểu, khoan thai tới thau tiền nhiều phen anh ta cũng chẳng thêm đếm lại. Có ai đã từng sống đời sinh viên, qua những ngày cuối tháng mới thông cảm hết hương vị nghèo nàn của du học sinh ở Ba Lê. Tiền thì ít, nhà gửi sang chỉ có hạn nhưng anh nào anh ấy sống ngang tàng như những nghệ sĩ chuyên môn. Mấy hôm đầu tháng, sừng sà, sừng sình mặc áo cổ cồn đi học, nhưng bao giờ con số trên tấm lịch càng tới gần ngày cuối tháng là trong người lại nao núng, mực sống xuống thấp dần. Giá có cách nào đổi lại thời gian, mỗi tháng chỉ hai mươi tám ngày như tháng hai tây thì cuộc đời hẳn thú vị hơn nhiều...

Giang, cái anh bạn chung chẵn chung chiếu với tôi, rốc tất cả túi ra được hơn ba trăm quau, đặt trên mặt bàn:

— Đây, tất cả gia tài nhà cửa tôi còn, tôi cho mượn thâu.

Chúng tôi vì phản đối việc chêm tiếng Pháp trong câu tiếng Việt nên gọi nhau bằng "mãnh" để tránh hai chữ "toa, moa". Tôi lặng lẽ cho tiền vào túi, nhưng muốn tránh hậu họa nên phải rao hện rõ ràng:

— Chỉ được một bát mì thôi đấy.

Giang nhún vai trông rất tây, tỏ ý khinh bỉ không thèm trả lời. Còn tôi, tôi chỉ mong gặp Huy ở tiệm cơm bình dân đó vì thú thật, tiền tôi cũng chẳng còn nhiều. Huy cũng như bọn tôi, vẫn thường ăn ở tiệm đó trong những ngày cuối tháng.

Trời rét căm căm, ánh trăng nhàn nhạt bao trùm tất cả ngoại ô Ba-lê và riêng sáng tỏ ngổ ngàng nơi chúng tôi ở mà chúng tôi thường tự hào gọi đùa là ngổ "quạ đen".

Giang co ro trong chiếc áo ngự hàn dày xù, vừa xuýt xoa, vừa than thở:

— Chưa thấy ai hèn bằng mãnh, trời rét thế này, không cho ăn đủ no thì chỉ ho lao mà chết!

Đến lượt tôi nhún vai cũng như tây, không thèm đáp. Thế là trả thù được cái nhún vai của Giang khi nãy. Không thấy tôi nói năng gì, Giang như đặc thẳng nói thêm:

— Thôi cho tôi vay thêm bát canh miễn. Tôi thừa biết mãnh còn hơn hai ngàn quan đầu trong túi áo.

Tôi chột dạ:

— Sao mãnh biết? Ai cho phép mãnh lục túi áo tôi.

Giang phá lên cười, cái cười sung sướng, cái cười hả hê của con người đắc thắng. Tôi tự nhủ thầm là từ nay phải cất tiền đi nơi khác kín đáo hơn.

Chúng tôi quen nhau từ lâu lắm, từ cái thuở còn là hai hướng đạo sinh với chiếc khăn quàng màu vàng xanh của đoàn Lạc Hồng. Tuy cùng trường mà khác lớp nhau, nhưng nhà cùng một khu phố, chung một con đường, nên chúng tôi cùng rủ nhau đi học. Rồi tình cờ, mà cuộc đời chỉ là một chuỗi giải tình cờ, chúng tôi không hẹn mà cùng một chuyến tàu sang Pháp. Thắc nhau có lẽ chỉ vì chung sống với nhau từ lâu lắm, biết rõ từng tính hay, từng tật xấu của nhau, nhưng còn tính nết thì thật hai thái cực. Nếu bạn tôi có những lúc ngồi hàng giờ kiểm một vận thơ hay, thường thức một câu văn đẹp thì trái lại, không sao tôi có thể đọc hết một đoạn thiên đầu rồng của một vận sĩ từ danh nào. Con người mãnh khảnh ấy, nếu không đắm đầu đi học Luật thì chắc hẳn đã trở nên thi sĩ từ lâu... Mà nói thật ra, tôi mến Giang không chỉ vì trong người Giang còn chút dư lượng Không học; chẳng phải vì chàng có chút sĩ khí của cổ nhân xưa để lại mà chỉ vì bạn tôi là một người giàu tình cảm mà xưa nay tôi chưa từng gặp. Giữa đất Ba Lê đỏ hội này, trong ánh điện uế ông thấp sáng trời,

nhạc da đen quay cuồng điên đảo thế mà Giang không ưa đình đám, không thích hội hè. Giá không quen Giang từ thuở nhỏ, có thể cho chàng là lập dị. Phải qua những đêm mưa, ngồi bên cửa sổ, ngắm những hạt nước chẳng lười ngang đường, im lặng nghe Giang ngâm bài thơ cổ, hoặc nằm trong chăn ấm giữa ánh sáng thị hành lơ mơ lọt qua khe cửa, nghe chàng thủ thỉ kể chuyện tâm tình, họa may mới hiểu được lòng Giang chút nào chăng. Và những đêm như vậy, tôi lại càng cảm mến Giang thêm.

Chúng tôi ngồi chưa nóng chỗ thì quả nhiên Huy tới. Gặp Huy ở tiệm cơm này, chúng tôi như những kẻ chờ một chuyến tàu: không chóng thì chầy, thế nào tàu cũng tới. Điều làm chúng tôi ngạc nhiên nhất là thấy Huy cùng đi với một cô gái Việt Nam. Ở giữa kinh thành ánh sáng, gặp một thiếu nữ Việt đã là hiếm hoi, mà gặp Huy đi cùng một cô gái Việt Nam lại càng hiếm hoi hơn nữa. Không phải vì Huy ghét riêng phái yếu người mình mà Huy ghét chung tất cả phái yếu! Tính phản đối

em ruột nên Huy cùng tôi chỉ ngồi im nghe chuyện Giang và chuyện Kim; thỉnh thoảng chúng tôi mới chêm thêm một câu hoặc đề riếu Kim hoặc đề riếu Giang. May mắn mà tính nết Kim cũng hồn nhiên nên Kim hòa vào phe chúng tôi để cợt Giang thêm. Mỗi lần như vậy là Giang lại đỏ mặt vụng về chưa thẹn. Kim tình quái bảo:

— Trông anh Giang mặt đỏ như Quan Công chẳng hiểu tính nết có giống Trương Phi không, nếu giống thì nguy lắm.

Tôi chêm thêm một câu:

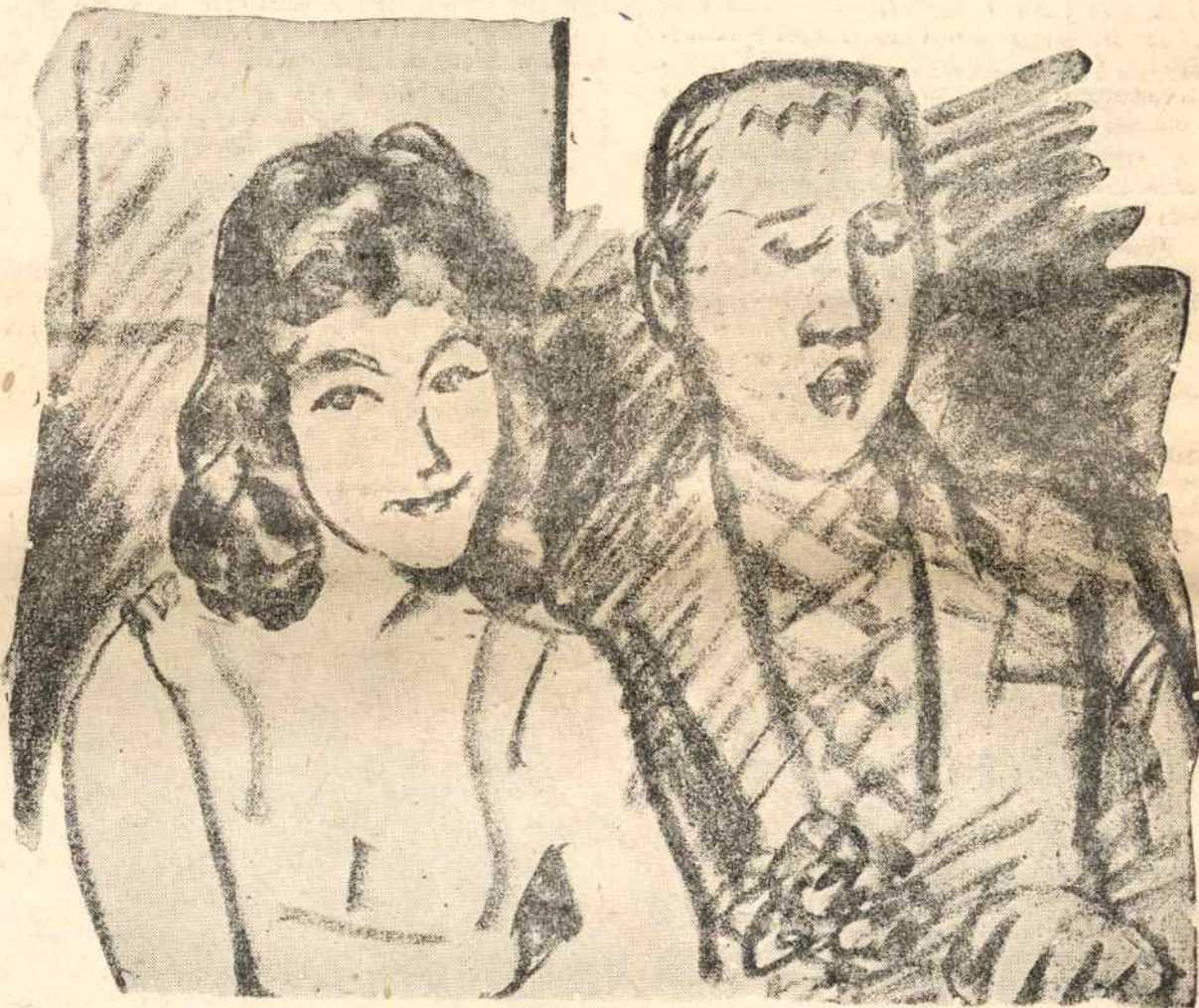
— Cô Kim thế mà giỏi, sau một bữa cơm mà đã đoán được tính nết anh Giang rồi. Nhưng trên anh ấy vừa vừa chứ, kéo anh ấy không lên thì nguy lắm.

Còn Huy thì dĩ dõm:

— Có không bênh anh ấy... thì bao giờ mới tắt cạn bể Đông?

Cả bọn phá lên cười, chỉ có Kim là ngổ ngàng không hiểu. Chắc nàng sang Pháp từ hồi còn nhỏ nên không biết hết ngôn ngữ mình.

Trên đường về, trời càng về khuya, hơi lạnh càng giá, cái lạnh thấu xương da của những đêm tận tạnh ráo. Ánh trăng đêm khi mờ khi tỏ, nhợt nhạt như cô gái đương thì. Bóng bốn chúng tôi lẻ tẻ kéo dài trên mặt đất làm linh động thêm cuộc bộ hành. Hè đường càng ngày càng nhỏ, chúng tôi chỉ đi được hàng đôi; Kim và Giang đi trước; Huy cùng tôi chậm bước theo sau. Tiếng giày khua vang



phụ nữ của Huy từng nổi tiếng, nhiều khi trước mặt họ, chẳng hiểu vô tình hay hữu ý Huy cũng lớn tiếng đã kích. Thậm chí nhiều khi Huy lỗ mãng tuyên bố: "Lấy vợ à? Thà chết còn hơn!"

Nhưng cô Kim—mãi sau tôi mới biết tên, lúc giới thiệu Huy chỉ hồ hững nói là cô em họ—cô Kim có mái tóc đen huyền, đôi mắt long lanh, cặp môi tươi thắm biết đâu đã chẳng chinh phục nổi lòng anh bạn cứng đầu cứng cổ của chúng tôi rồi!

Nhận thấy vẻ mặt ngạc nhiên của chúng tôi, Huy đợi lúc cô em họ đang mải dục thực đờn, lặc đầu như cái chính; và sợ như vậy chưa đủ anh còn nhìn chúng tôi bấu dãi mồi đủ làm cho chúng tôi hiểu là anh vẫn còn chừng khinh mặt phụ nữ như xưa. Giang và tôi chỉ nhìn nhau tìm tìm cười như thầm hiểu: nói vậy nhưng tin làm sao được!

Mấy câu chuyện mưa nắng theo xã giao thường lệ chỉ làm tăng thêm bầu không khí hài hước sẵn có, chúng tôi đầu sao cũng chỉ là thanh niên du học nên chẳng ngăn ngại kể những tính lười tạt xấu của bạn và của ngay cả đến của chính mình.

Nói thật ra, đã từ lâu lắm, tôi không được sống những giây phút hồn nhiên như vậy. Sống giữa sinh viên ngoại quốc tuy có cùng lo, cùng buồn nhưng đầu sao chẳng nữa cũng thiếu chút ân tình thân mật. Mà cũng chưa bao giờ tôi thấy Giang nói chuyện đậm đà như đêm hôm đó.

Đã hơn một lần tôi bắt quả tang Giang đang gờ tay nắn lại cổ áo. Vì yêu Giang như người

trên hè vắng mang lại trong lòng chúng tôi những bản nhạc du dương thuở thiếu thời. Có ai hay, giữa đêm trăng lạnh này đã có một người bạn nhỏ lòng đang từng bừng như một khúc nhạc mùa Xuân? Chính trong lòng tôi cũng vang lên những niềm vui vô duyên có nhưng tôi vội tự nhủ rằng trên đời bao giờ hạnh phúc chẳng mong manh.

Tới trước cửa nhà Kim, chúng tôi chia tay như những người bạn quen nhau thân lắm, Kim không ngần ngại cho chúng tôi địa chỉ và số giấy nói:

— Bữa nào các anh đi chơi đầu vui thì cứ gọi, nếu rồi xin đi ngay, nhưng cần nhất phải hẹn hai, ba hôm trước.

Và Kim uốn éo nói tiếp:

— Mà cũng không nên gọi giấy nói sớm quá vì, thứ nhất, em ngủ muộn buổi sáng; thứ hai là... là không nên gọi giấy nói luôn...

Nói xong nàng cười ngất ngợ, chạy biến vào nhà.

Sau khi chào Kim, Huy bắt đầu bằng giọng mỉa mai:

— Mạnh Giang mãi nói chuyện với cô Kim mà quên cả bọn này; làm chúng tôi cứ phải lẻo đẻo theo sau. Lại phải theo xa xa đến là khổ, ai dám lại gần, sợ làm huyền não giây phút thân tiên của hai anh chị.

Giang bẽn lẽn chưa thẹn:

— Em mãnh, tôi phải hầu chuyện họ, không cảm ơn còn trách móc gì?

(Xem tiếp trang 12)

I RONG TỒNG SỐ Việt-kieu ở Âu châu, đông đảo hiện nay sống trên đất Pháp chiếm phần lớn : nhỏ hơn không kém 4 vạn người, kể cả những người đã ra khỏi quốc tịch Việt nhưng còn nhiều tình thần Việt-Nam. So với toàn dân ta, 4 vạn người không là bao, chỉ khoảng chừng 1/10 tổng số dân trong một năm ở quốc nội. Tuy ít về số, nhưng khác về phẩm nên có nhiều đặc điểm đáng chú ý :

1) Tương đối, tỉ số trí thức và kỹ thuật gia rất nhiều, a) hoặc họ là trí thức quốc nội xuất ngoại vì hoàn cảnh, hay các phần tử ưu tú quốc gia cho du học.

b) hoặc họ có may mắn sống trên đất Pháp giáo dục bắt buộc nên được học hành và chăm nom ngay từ nhỏ nhiều hơn ở nước nhà;

c) hoặc vì phải cạnh tranh sinh hoạt trên giải đất tân tiến, nhiều người tài giỏi nên phải cần tâm cố vượt đến siêu dộ.

2) Họ còn có nhiều khả năng ngoại ngữ. Nếu chúng ta ví ngoại ngữ như ngoại tệ dùng để nhập cảng những hàng cần thiết từ nước ngoài, thì kho tàng ngoại tệ phong phú ở Pháp rất hữu ích để chuyển vận cái hay của người đem phổ biến nhanh chóng vào quần chúng nước nhà.

3) Số đông lại được diễm phúc nghe nhiều, thấy nhiều, chứng kiến nhiều cuộc thảo luận xây dựng ở các nước văn minh làm cho óc khách quan dễ nảy nở và đồng thời óc sáng kiến dễ bành trướng đây là những yếu tố quan trọng trong việc tổ chức đời sống quốc gia cho hợp lý trên bước đường tiến triển mai sau.

Nói tóm lại, toàn thể Việt Kiều ở Pháp thành một khối trừ bị về kỹ thuật, về ngoại ngữ và sáng kiến có thực lực kiến thiết không nhỏ.

Nhưng khả năng tuy lớn, trong thực tế, còn tiềm ẩn và nhiều trở lực ngăn cản khai thác. Quả vậy, bao nhiêu thành kiến chặn đường thông cảm giữa đồng bào quốc nội và hải ngoại.

Anh em quốc nội khiên trách Việt kiều tại Pháp nhiều lỗi.

1) Họ xem Việt Kiều tại Pháp như bọn vong quốc : lấy vợ Pháp đẻ con nói tiếng Pháp ; ăn, ở, nghĩ như người Pháp khinh rẽ nước nhà còn lạc hậu, chẳng khác gì đứa con vong bản mới học được đôi chữ i tờ đã chê cha mẹ quê mùa, lạc hậu.

2) Có người cho Việt kiều tại Pháp quá chủ quan, đồng hóa mình bằng với tài năng ; lên mặt tự kiêu, tự đại, dấy đời, nhưng lúc bắt tay vào công việc thực tế không bằng cán bộ hạ cấp ở nước nhà. Thấy báo chí ngoại quốc phê bình thảo luận, tưởng đâu là ý của mình và lên mặt chề bai, chửi đồng. Ai cũng tự phụ là chính trị gia đại tài, nhà tổ chức thấu triệt và khinh đồng bào quốc nội như ếch ngồi đáy giếng.

3) Ai trong quốc nội có óc thiên tả lại liệt Kiều bào tại Pháp vào hàng tiểu tư sản, toàn con ông cháu cha, toàn bọn trường giả học làm sang, loài nòi giáo cho tư bản ; họ lấy tính kiêu nanh, lòng tự phụ, óc chia rẽ, tính ích kỷ để dẫn chứng ; họ khinh đây là phường chỉ biết đua theo băng cấp, theo phú quý, ru mộng no lưng ấm cật, lữ vô chính trị, thấy kẻ giàu mạnh, dù là cộng sản độc tài, hay tư bản bóc lột là hòa theo.

4) Còn đồng bào nào ghét tả, thì gán cho Việt kiều tại Pháp nhân hiệu thân cộng, chỉ vì họ năng lui tới quán cơm "Le Maubert", hay sửa soạn đi xem kịch Tết của anh em Liên Việt thuộc cộng tổ chức. Sáo sọc cho một lũ ranh con cổ trồn sang Pháp để chạy quân dịch, để hủ hỉ với đám, rồi nói giáo cho gác, quả là nuôi qog tay áo, thả bỏ mặc còn hơn !

Anh em quốc nội còn trách nhiều nữa. Lầm phè đã công khai cho Việt Kiều tại Pháp là hạng "quý sư không nên rước về" (báo Tự Do số 1121) Bão không khí giữa đồng bào quốc nội và hải ngoại càng ngày càng kno thior. Lành đạm đem lại thờ ơ, và ngờ vực chỉ son lòng thù oán, nên đồng bào tại Pháp, thiếu số và không có quyền hành đành phải đưa mình vào thụ động.

Anh em tại Pháp thành thật chịu lời chỉ trích của đồng bào quốc nội có đúng phần nào, nhưng chỉ áp dụng cho một vài cá nhân. Tính xấu của một vài cá nhân sao lại ảnh hưởng cả đoàn thể được ? Vì một vài người mà ta đánh bô cả một số đông chuyên gia sao ? Nhất là trong lúc nước nhà phải cầu cạnh khó khăn bao nhiêu chuyên viên ngoại quốc, hành vi ấy quả thật đáng tiếc ! Và lại dùng chuyên viên ngoại quốc chỉ lợi được phần khả năng

VIỆT - KIỀU TẠI PHÁP

B.S. LÊ-VĂN-HÙNG (Ba-Lê)

kỹ thuật, còn dùng chuyên viên Việt Nam, ngoài khả năng kỹ thuật, còn có khả năng chuyển vận ngoại ngữ và khả năng tham gia tiếp xúc hẳn với quần chúng. Cái lợi tăng lên gấp ba, nhưng vì thiếu thông cảm, mà ta phải chịu mất. Và cũng vì thiếu thông cảm, mà một số chuyên viên ta quá yêu nghề đành sang phục vụ ở Phi châu hay Cận Đông hơn là quay về với xứ sở.

Hoàn cảnh nước nhà đặc biệt, nên chúng ta cần xét lại tâm lý của anh em hải ngoại, phân tách lại vấn đề cho rộng đường cộng tác ngày mai.

Vấn đề chính là tìm hiểu anh em hải ngoại có yêu nước không, và sau khi nhận xét tình trạng, cố tìm phương pháp để biểu hiện lòng ái quốc cho cả mọi giới, đồng thời dinh dưỡng lòng thương nước trong lúc đa số đồng bào còn phải bắt buộc tha hương.

I. — Tìm hiểu Việt kiều hải ngoại có yêu nước không

Qua những hành vi cũng như qua các câu chuyện qua lời cầu nguyện, trong bất cứ tình trạng hay giới nào, không ai phủ nhận lòng thương nhớ cố hương của người Việt hải ngoại. Không một tổ chức công nhân hay sinh viên nào mà không nhắc nhở đến nước nhà. Ai cũng cố tìm gặp nhau để nghe được lời nói, giọng hát tiếng mẹ đẻ, cùng nhau nấu bữa ăn đủ mùi vị quê hương. Một vài đại biểu sinh viên quốc nội sang công cán ở Ba Lê để nhận xét rõ lòng nhớ cố hương của anh em sinh viên tại Pháp; họ còn lấy làm ngạc nhiên lúc thấy anh em hải ngoại có những hành vi tổ chức nhiều hơn đa số anh em quốc nội nữa. Lẽ dĩ nhiên, khi để tha hương phải sống khó khăn và lạnh lẽo trên một giải đất tuy tân tiến nhưng khác phong tục, lòng nhớ quê hương phải mạnh mẽ hơn người sống trên đất nước mới phải. Dân Việt vốn đa sầu cảm, dù ở đâu cũng không quên nỗi quê cha đất tổ, nơi chôn nhau cắt rốn, chốn cha mẹ mong chờ.

Nếu Việt kiều hải ngoại thật bụng yêu nước

thì sao đồng bào quốc nội không thấu hiểu nỗi ? Hay họ cho đây là phản ứng chốc lát của tình trạng vong bản liên tục khi còn ở nước ngoài. Hay nói cho đúng, họ cho đây là hành vi tự dối mình, hay lối giả cách để che mắt thế gian trong lúc mình có tội lỗi.

Đứng về mặt tâm lý, chỉ người tha hương mới thấu hiểu nhau nỗi. Và anh em quốc nội có nhằm chỉ vì họ sớm đồng hóa lòng yêu nước với cử chỉ hồi hương phục vụ. Theo họ, yêu nước phải quay về xứ sở ; hơn nữa, phải phụng sự ngoại

ngoân ở nước nhà không kêu ca, không than thở, đặt đầu gối như đầu về nhà chồng. Nghĩa yêu nước ấy quá hẹp. Lòng yêu nước còn có thể thực hiện dưới bao nhiêu hình thức khác. Và lại, những người hiện sống trên đất nước không phải toàn là những người yêu nước cả, tất có kẻ đang bán nước theo nhiều tin báo chí.

Đứng về mặt thực tế, có nhiều tình trạng cầu trở Việt kiều thực hiện hồi hương để tỏ lòng yêu nước. Việt kiều cũng chỉ là người và theo luật nhân tình thế thái thì dù yêu nước thực bụng đến đâu, mà không thể dứt bỏ được hải ngoại, chỉ vì, hoặc có giấy ràng buộc gia đình, hoặc có thành kiến tình thân còn mạnh hơn lòng muốn hồi hương.

A) Trở lực gia đình : Giấy ràng buộc gia đình mạnh nhất. Người thanh niên Việt lúc ra đi du học, chỉ có tham vọng thu nhập ít kỹ thuật và kinh nghiệm nước ngoài rồi về phụng sự tổ quốc. Khi đặt chân trên đất Pháp, tuổi vẫn còn non, chưa từng trải việc đời, trên lưng còn nặng trĩu cương thường Nho giáo cha ông truyền lại. Song ít lâu sống ở hải ngoại, trên đất người khôn của khó, phần sống trợ trợ một mình, phần không uy thế nào kiểm soát hành vi, phần tuổi dậy thì tình thức, phần tâm tranh xã hội chung quanh trưng bày nhiều cảnh khiêu dâm gợi tình, nên người thanh niên Việt, dù nhiều ý chí đến đâu cũng bị sinh lý tình dục dấy dọa, lôi kéo, thúc dục bất lương trí phải sa ngã.

Chung đụng với thực tế phũ phàng, bỏ ngõ bước từ một xã hội Khổng Mạnh nghiêm khắc buộc tình dục vào phạm vi luân lý, qua tới một xã hội khác hẳn phân biệt : ở rằng thú vật chất với đạo vợ chồng, người thanh niên Việt đồng hóa ngay sinh lý nhục dục với duyên nợ trăm năm. Mỗi phút say sưa cho xác thịt lại được thêm hương vị cho tình yêu dẫu. Chàng thanh niên óc bao cao thượng, tình cảm bao nồng thắm lại sẵn gánh gia đạo cho nhà đã chơi hoa không nở vùi hoa nên

(Xem tiếp trang 14)

THƯƠNG XUÂN Ở BA-LÊ



— Thế mới biết có sang tận chỗ mới hiểu thấu thế nào là (hội họa) lập thể với siêu nhiên.

KIM và GIANG

(Tiếp theo trang 10)

Hình như Giang sung sướng lắm, về mặt bạn tôi hẳn hoan như người vừa chiến thắng. Riêng tôi, tôi thấy câu nói đùa của Huy, nếu không có tính cách đố kỵ, thì hẳn cũng là câu nói không phải lúc; nhưng tôi chỉ lặng thinh, thăm cầu nguyện hạnh phúc cho người bạn đang độ hoa niên.

II

Đã bốn hôm nay, thời tiết thay đổi hẳn. Giữa tháng hai, đang mùa lạnh, mà mặt trời thẹn thò cố len lỏi qua áng mây mờ như muốn xua đuổi cả mùa Đông. Dân Ba Lê cho rằng nếu năm nay thay mùa đổi tiết sớm, chỉ tại mấy trái bom nguyên tử. Tôi không tin như vậy và để tự dối lòng tôi đoán chắc những ánh nắng nhạt này chỉ là dư thừa của mùa xuân đất Việt. Lòng tôi phơi phới nở hoa, tưởng nhớ quê hương yêu dấu. Xa xôi, dưới trời tuyết trắng thông xanh, tranh nhớ hoa đào, pháo đỏ hồi ai can đảm đứng đưng. Chung quanh tôi cuộc đời vẫn tuần tự đều quay, riêng tôi tâm hồn bận rộn: Chỉ còn hai hôm nữa thì Nguyên Đán, tôi tự nhủ phải làm một việc phi thường để đánh dấu một năm qua.

Đứng chài đầu, nhìn bóng bạn trong gương, tôi ngừng tay, đề nghị:

— Phải ngủ học!

Thấy Giang chỉ ừ ừ, không có vẻ tán thành, tôi thất vọng nói thêm:

— Tháng Giêng là tháng ăn chơi cơ mà.

Không nghĩ cả tháng là may lắm rồi.

Giang không trả lời, bạn tôi lặng lẽ cầm tờ báo vào giường nằm đọc. Mọi năm, Giang cũng như tôi, cả hai đều thức mắc chờ ngày Xuân tới. Nếu không rượu ngọt, mứt ngon, ít ra chúng tôi cũng có một chén trà thơm, một bài thơ đẹp. Chán nản, vì bạn đứng đưng tôi mặc quần áo tới thăm người anh họ.

Không hiểu vì đâu hồi này Giang thay đổi hẳn thái độ. Xưa nay vui vẻ hồn nhiên, bạn tôi trở nên ít nói, ít cười. Tôi định bụng khi nào vui câu chuyện sẽ hỏi thăm tới cô Kim. Nhưng mỗi lần toan hỏi tôi thấy gương ngưng. Hẳn như có mặt ước với nhau Giang tránh sang chuyện khác, tôi tự kiểm chế hiếu kỳ. Tâm linh báo trước một chuyện bất lành mà chuyện xe định mệnh từ từ chờ tới, không một sức mạnh nào ngăn cản nổi. Tuy nhiên, cuộc đời náo nhiệt ở độ độ này thu hấp cả tâm hồn cùng thể chất, không cho ta phép bản khoăn với những chứng cứ viễn vông.

Nguyên Đán năm đó nhằm ngày thứ tư. Muốn cho buổi vui nhiều người hưởng ứng được, Việt kiều ở Pháp đông lòng mở hội khiêu vũ vào chiều thứ bảy để anh em lao động và sinh viên không phải vất vả đi sớm hôm sau. Cũng như thường lệ, tôi rủ Giang đi dự hội sinh viên. Bạn tôi muốn từ chối, nhưng như sợ tôi mất vui nên cũng nhận lời.

Ánh đèn lấp lánh như sao sa, âm nhạc dặt dìu chiều mền, từng đôi sánh vai nhau là lượt tiên chiếc ánh bóng lớn. Có những người bạn từ lâu không thấy may gặp mặt tình cờ, liệu ai không thể mừng vui. Thêm vào bầu không khí thân mật đó, tiếng lý và nhạc chúc tụng, tiếng cười nói ồn ào: ai cũng tranh nhau nói lớn sợ người khác nói lớn hơn mình. Trong bầu không khí hỗn loạn đó duy chỉ mình Giang thân thờ như người mất trí. Không thấy Giang khiêu vũ, tôi thúc dục:

— Kia Giang, sao mà ngồi đực mặt như vậy?

Giang khẽ nhún vai, cái nhún vai tỏ vẻ bất mãn nhưng bất lực. Bạn tôi cúi đầu như tránh một quang cảnh khó coi. Tôi ngạc nhiên nhìn ra sân nhảy. Kim đang gục đầu trên vai một thủy thủ người Âu. Người này hai tay ôm chặt vai Kim, còn đôi môi đang kiêu một trái hôn lợi dụng. Đền xanh vẫn nhàn nhạt khiêu dâm; Nhạc Jazz vẫn bừa bộn, quay cuồng. Tôi ngạc nhiên nhưng hiểu rất nhiều. Không ngoạn hơn hết là dù Giang về. Mà Giang thì cũng chỉ cầu mong như vậy.

Hai hôm liên đây lạc thú thoáng nhanh như một giấc mộng lành. Sáng thứ hai tôi trở dậy với nỗi chán chường thường lệ, nhưng tự nhủ phải cao đàm vũ trụ ra khỏi chiếc chân bông. Lờ thán âm i chấy chẳng đủ sưởi ấm căn phòng lạnh, quạnh hiu của hai người trẻ. Chợt nhớ là Giang không phải đi học sớm sáng hôm đó, tôi không đánh thức bạn, rón rén sang phòng bên rửa mặt. Thấy Giang quần quai trỏ mũi tôi: căng thận trọng, tranh và chạm làm Giang có thể thức giấc. Tôi yên trí là để Giang ngủ yên như vậy, tôi khi đi thực hành ở nhà thương ra tôi sẽ đánh thức bạn, ăn nốt chiếc bánh chung nhà gửi sang. Và tôi nhẹ nhàng khép cửa đi học.

Bên ngoài, mưa rơi trên khắp nẻo đường. Những hạt mưa mạnh làm tan tành vũng nước ứ đọng bên bờ. Ba Lê buổi sớm buồn như thiếu

phụ góa chồng mà những hàng mưa chỉ là hàng lệ thấm. Phố vắng điều hiu chẳng một bóng người. Từ xa chiếc xe chở rác không lồ lừ lừ lê giữa phố phường như hết sức quét sạch nhớp nhơ của tâm hồn khả ố. Ngọn gió lạnh chầm vào mặt làm tôi tỉnh hẳn. Tôi chợt nhớ đến Kim, đến Giang và bản khoăn tìm một giải pháp cho hai người bạn nhỏ. Kim chỉ là một cô gái nhỏ đang tuổi dậy thì, lớn lên trong một xã hội mà trình độ khoái lạc vật chất quá cao.

Còn Giang chỉ là một gã thư sinh, đang tuổi hai mươi, chưa từng kinh nghiệm, không dám nhìn thẳng vào sự thật phũ phàng. Nếu Kim để bị âu hóa bao nhiêu, trái lại Giang như có phản ứng tồn cớ trước một hạng người vô.g bản. Hai tâm hồn đó, nếu dung hoà được tạm thời cùng nhau, ngày mai đây thế nào cũng tan vỡ. Chỉ ai đã qua cầu mới hiểu hết nỗi đau lòng của người bạn nhỏ.

Tôi miễn man ngắm nghía, quên cả những giọt nước mưa long lanh đang lạnh lùng vương trên vai áo.

Tôi trước cửa nhà thương Antoine, tận lúc cho tay vào túi áo kiếm chiếc chìa khóa phòng khám bệnh, mới chợt nhớ chiều qua tôi đã dùng chìa khóa đó để nạo râu thuốc. Sau khi rửa xong, tôi đã để quên trên tấm kính bên chậu rửa mặt. Vội vàng tôi rào bước quay về nhà trọ.

Nhề nhẹ quay quắt dầm cửa phòng sợ làm Giang tỉnh giấc. Cửa hé mở, mùi thối, khí nồng nặc bay ra. Ngạt thở tôi vội lùi mấy bước. Chợt nhớ tới Giang, tôi nhón thờ liêu chạy vào phòng mở tung cửa sổ. Một cơn gió mạnh may mắn lùa qua. Tôi lay Giang giật mình mà bạn tôi chẳng thêm ứ ở. Đứng trước tai nạn bất ngờ của người bạn thân nhất, tôi lại càng bất lực nhất. Hài hùng, tôi gọi điện thoại trợ ứng và hồi hộp trông chờ.

Khoan, mau, tiếng còi xe cấp cứu hải hùng; hòa nhịp, tim tôi đập mạnh. Tiếng còi thúc bách ấy xé tan cả một tâm hồn cay đắng.

Trong khi chờ bác sĩ chuyên môn tiếp dưỡng khinh khí cho bạn, tôi không khỏi không nghĩ tới Kim, tới cuộc khiêu vũ hai hôm về trước và nhất là nghĩ đến bản tay thô lỗ của người thủy thủ; bản tay dầy lông lá đó đang ghì chặt đôi vai nhỏ nhỏ của Kim như muốn bóp chết cõi lòng Giang. Tôi bất giác kinh rợn. Điều thuốc trên môi tôi ngậm tự bao giờ.

Từ về căn phòng trọ, thiếu bóng người bạn thân giao, tôi thấy đời trống trải lạ thường. Mọi minh, tôi bản khoăn tìm nguyên nhân câu chuyện ngưng hẳn đại lượng mà quên hẳn biến động vừa qua. Và tôi tự dối lòng, cho Giang chỉ là nạn nhân của một hạnh vi vô ý thức: vô ý thức vì đã lao dục trong một ngõ hẻm, không lối thoát thân; vô ý thức vì đã chộp nhầm nơi gửi gắm cả một tấm lòng cao quý.

Tên mặt chiếc bàn con kê ở cạnh giường, chai thuốc đỏ ngienio, mấy viên thuốc ngủ còn lại tro trên ben chiếc bao thư chẳng chịt đây tem. Bức thư gửi cho gia đình, bạn tôi cần thận đặt bên dòng sách. Dầu là mò tới đâu tôi cũng không muốn đọc bức thư này. Và muốn tin rằng đó chỉ là một tai nạn rủi ro nay đã thuộc hẳn về quá khứ xa xôi, tôi không bao giờ muốn nhắc lại.

Rồi như muốn tránh tai cả hiếu kỳ, tôi xé vụn bức thư, chấp chải ném từng mảnh giấy con vào chiếc lò than đã nguội. Mỗi mảnh như vậy, ngọn lửa lại bùng lên tới tận ngọn đóm, tất dần như tất cả mọi màu chuyện buồn vui của thời niên thiếu. Cho tới khi mảnh giấy cuối cùng dập hẳn, tôi đứng dậy thờ phào như vừa thoát cơn ác mộng.

Một cơn gió lùa qua cửa sổ quên cài, làm bay tung tàn than gay tới bờ.

Phai chiều thien cái làm mới có thể tự quả quyết với chính tôi rằng, vì bất cần nên Giang toan ngộ nạn. Còn Kim, Kim chỉ là một người ngoại cuộc, vô trách nhiệm và nếu nhiều khoan hồng tôi chỉ có quyền ái ngại cho nàng.

★

Bạn tôi, giờ này đang mãi vui với hai đứa con thơ, giữa cảnh hoa đào đất Việt. Hẳn Giang bạn rón với gia đình, thời giờ đau như tới một mùa Xuân nam về trước. Phai chẳng thời gian là một phương thuốc niệu nghiệm tốt hơn tất cả những liều thuốc gia truyền có mạnh lực làm quên tất cả những màu chuyện vui buồn trên thế gian này.

Chiều nay, trong lúc xuân về, mọi mình tôi tản bộ bea sông sông Seine. Đáo Cứt thon thon như một con tàu mà nưưng nấp câu là mái chèo buông lung. Con tàu do biết bao giờ mới vươt mình ra tới đại dương, đưa tôi về quê hương hoa gam, hàn ôn cùng người bạn cũ tôi Au?

Giang ơi! nếu chuyện xưa quay về trí nhớ, bạn nên đoán chắc bức thư bạn viết về Cao Thơ ngay xuân năm đó, tôi đã xé vụn để nhóm ngọai lửa thời gian, tiêu dần qua khứ. Dầu không một lần bạn đã động tới thư xưa, tôi tưởng cũng cần biện bạch, tuy tươi gian và không gian đang làm cách trở đôi ta.

NGUYỄN GIA-KHÁNH



UỒI chiều của một ngày cuối năm có vẻ mệt mỏi nhưng có phần nhộn nhịp. Những lo phiền của một thành phố lộng lẫy đã bắt đầu lắng xuống với hoàng hôn. Giờ này thì mọi lòng đều hẳn

hoan chờ đợi một niềm vui trong khắc khoải.

Dưỡng bị lẫn theo cái khắc khoải vô lý đó, dù rằng Dưỡng vẫn tự nhủ không có liên quan gì với mọi sinh hoạt của một ngày tàn năm. Điều thuốc đỏ lử ở môi Dưỡng trở xuống, lững lờ như ý nghĩ của Dưỡng. Lửa đỏ bén sát làn môi dưới, Dưỡng đưa tay đón và búng ra phía trước. Điều thuốc lăn tròn, tắt ngúm dưới vũng nước đen ngòm.

Từ lâu rồi, Dưỡng chưa thỏa mãn với chính Dưỡng về mọi mặt. Hình như hoạt cảnh không liên quan gì đến cuộc sống của Dưỡng. Những sinh vật trong lòng vũ trụ chỉ là một hình hài, một đưng đưa trước mặt Dưỡng mà không mang lại cho Dưỡng một cảm giác gì. Thật vô lý, Dưỡng nghĩ thế, tuy nhiên Dưỡng không thể phủ nhận phản ảnh của những hình hài sống động ấy, đôi lúc, làm Dưỡng phải suy nghĩ. Bởi thế con người Dưỡng trở nên nặng nề, cô độc đôi khi yếm thế và già đời.

Dưỡng tưởng như một bước chân có thể tận đường vũ trụ. Cái thế giới này nhỏ hẹp quá, đối với Dưỡng. Nhỏ đến nỗi Dưỡng không thể nhìn thấy gì khác hơn là Dưỡng. Càng ngày Dưỡng càng thấy cách biệt với ngoại cảnh. Một đám cướp, một cảnh giết nhau vì ghen và cả đến cái chết ngột ngạt của những kẻ thiếu thốn trong một xã hội đang lên, cũng chỉ là một sự việc không liên quan gì đến Dưỡng.

Dưỡng đi, đi mãi và đi trong lòng đường thênh thang. Dưỡng ngừng lại là do sự chán đi — Dưỡng nghĩ thế — không ai bắt được Dưỡng đứng khi Dưỡng còn muốn đi.

Không có mối liên quan nào giữa con người Dưỡng và con người của cuộc sống. Cái chán chường ấy rón lên với Dưỡng như một ánh sáng hoàng hôn sắp tắt. Sáng rồi phải tối và tối qua rồi ánh sáng lại lên, cái tự nhiên ấy là cái tự nhiên như con người Dưỡng.

Thành phố bắt đầu dầm mình trong bóng đêm. Đã đến lúc Dưỡng muốn ngừng lại. Dưỡng đảo mắt nhìn quanh một lúc. Màu đen bốc lên từ phía hoà với cái cảm lạnh của phố xá. Mọi tia sáng run rẩy từ ngọn đèn cao vút trên cột hắt xuống, hắt bóng Dưỡng trên mặt đường. Dưỡng chớp miệng:

— Mình với bóng... ừ chỉ có mình với bóng.

Đúng thế, tất cả đều là cái bóng mờ dưới chân Minh chỉ có mình. Cái bóng là khởi điểm và cũng cái bóng là chốt đích. Đi, bắt đầu bằng cái bóng và tới nơi cũng với cái bóng. Nó giải ra rồi nó ngăn đi, rồi lại giải ra, và chung quy nó vẫn là cái bóng. Vô lý, vô lý thật, chỉ có cái bóng mà người ta cứ dầm dề chạy theo để chỉ thấy cái bóng. Thật ngu xuẩn, điên rồ. Thoát xác từ một cái bóng để rồi lại đi tìm cái bóng. Tại sao thế nhỉ?

Dưỡng bật tiếng cười, rồi tiếp bước.

— Cậu đi xe, cậu...

— Đi xe à, được lắm, anh cho tôi đi khắp lòng đường thành phố nhé.

Gã đạp xe nhẹ nhàng cười. Dưỡng bước lên xe, dựa lưng vào nệm.

— Cậu đi đâu?

— À... đã bảo đi khắp lòng đường thành phố, ngắm ngời, nào có xa xôi gì mà anh ngạc nhiên.

Gã đạp xe lại nhẹ nhàng cười, nhìn người khách để dãi. Bánh xe lăn trên đường nặng nề. Âm thanh của một thành phố vắng lặng trong lúc giao mùa không làm rộn lòng Dưỡng. Gã đạp xe cũng có một vẻ trầm lặng. Xót quãng đường giải không ai nói với ai. Đôi lúc, tiếng xích chút chút như tiếng chuột chù rúc.

— Này anh xe,

— Dạ.

— Có bao giờ anh nghĩ về đêm giao mùa không nhỉ?

— Dạ, đêm giao thừa. Dạ vui lắm, đông lắm.

Dưỡng quay đầu lại hỏi:

— Cái gì mà đông mà vui?

— Dạ, cái đêm giao thừa.

Dưỡng chợt lưỡng lự để chấm dứt câu chuyện không có đối tượng. Cái khung xe nhỏ bé như muốn bó tròn Dưỡng với hiện tại, mà hiện tại ấy là câu nghĩ của người phụ xe qua câu hỏi của Dưỡng.

Dưỡng muốn vươn mình trong lòng xe bé nhỏ ấy cho thoải mái. Không ai hiểu Dưỡng cả, chỉ có Dưỡng hiểu được Dưỡng, cho nên Dưỡng không muốn tìm hiểu ai. Vì Dưỡng vẫn cho rằng Dưỡng không liên quan gì đến người khác và ngược lại. Như vậy thì tìm hiểu để làm gì, tại sao lại phải cố sự mật thiết với cuộc sống khi thấy không cần thiết.

LIÊN QUAN

VĂN HUYỀN

Lòng phố như hẹp lại trong cái tối đậm đà. Ánh đèn điện nhú lại qua khe mắt Dượng, tiếp sức cho ý nghĩ rộng rãi thêm. Dượng mạnh dạn vươn đôi tay chạm cái mũi xe. Gã đạp xe giật mình, cái xe trôi nhanh hơn một chút.

— Trong người cậu mạnh chứ à ?
— Bộ trông tối bệnh hoạn lắm sao ?
— Dạ không, dạ em có món hay lắm... muốn mời cậu...

Dượng không đáp, nhưng vẫn nghĩ đến cái món hay lắm. Đã một lần người ta cũng giới thiệu với Dượng cái món hay lắm ấy. Nhưng Dượng đã bỏ qua vì một lẽ riêng. Gã đạp xe vẫn luôn miệng "tả chân" món hàng của gã. Mỗi câu nói của gã là một tia nóng muốn lách sâu vào trí não Dượng. Cái món hàng ấy không liên quan gì đến Dượng, cũng như Dượng không có liên quan gì đến gã đạp xe.

Cả trăm nghìn lần, Dượng nghĩ thế. Hiện tại

nhớ ra...

— Nhớ thế nào được, em đã bảo đảm cơ mà. Không biết do thế lực nào mà gã đạp xe ấy đã cương quyết như vậy. Dượng hoài nghi chính cả Dượng nữa, trước lời nói đầy tin tưởng của gã đạp xe. Một việc làm mờ ám, một hành động đen tối, ngoài vòng pháp luật mà còn có kẻ dám bảo đảm một cách "chắc chắn" như vậy, huống hồ mọi việc khác... Dượng cho rằng Dượng đã nghĩ lầm về cuộc sống. Cái bị quan đã dẫn dắt Dượng đến chỗ tiêu cực chẳng? Chắc phải có nhiều mối liên quan giữa "v" làm ăn của gã đạp xe và món hay ấy.

Dượng lầm bầm :

— Thử một lần nữa xem sao.
Đã một lần Dượng cố quên Dượng để tìm hiểu sự việc quanh Dượng, để cố níu một bằng chứng về mối liên quan, nhưng đã hơn một lần Dượng không đạt được ý muốn Dượng dám ra chân nài, mất tin tưởng. Dượng chỉ là một kẻ vô can hệ ở giữa cuộc đời bần rộn, xách túi không đi lại trở về với túi không. Gã đạp xe nhấc lại, lời chào mời có vẻ quyến rũ hơn :

— Đẹp, trẻ cậu à.

Dượng gật đầu. Chiếc xe trôi nhanh hơn, nhanh hơn nữa và ngừng lại ở một cái hẻm chật chội, chạy giặc xuống.

— Mời cậu.

Dượng xuống xe, ngật ngưỡng theo gã đạp xe. Chiều sâu âm u kia phải chăng là dấu mối của sự liên quan. Một con vật nhỏ qua đường nhanh hơn

một cái bóng, nhưng lại chậm hơn cái nhìn của Dượng. Có tiếng cười náo động trong một căn nhà cuối ngõ, một ánh đèn đỏ dài ngang lối đi, Dượng vụt qua như để dấu một ngưng ngáp. Đêm đầy đặc một tiếng động, một ánh sáng, đầu vụt qua trong chớp nhoáng, cũng đủ có một tác động nhảy cảm trong tâm hồn. Dượng chợt nhận ra như vậy và bắt đầu e dè.

Gã đạp xe dừng lại trước 1 căn nhà. Sau câu chuyện rì rầm, cánh cửa hé mở và gã ra hiệu cho Dượng bước vào. Ở đây ánh sáng như muốn cải biến khuôn mặt mọi người. Nhìn gã đạp xe, Dượng thấy gã không còn vẻ trầm lặng nữa. Mụ đàn bà nói chuyện rì rầm với gã — loằng quằng nhìn Dượng — đúng hết một cảnh Dượng đã được xem ở một màn ảnh nào đó. Không biết Dượng có bị chi phối bởi thứ ánh sáng sa đọa đó không, nhưng Dượng cảm thấy hơi khác, hay đó là mặc cảm. Nhưng dù là mặc cảm hay không thì Dượng cũng là khách của căn nhà này. Mụ đàn bà chạy ra, gã đạp xe ra theo.

Còn lại mình Dượng trong bối rối. Căn nhà chỉ vừa đủ kê một cái giường trải nệm trắng. Dượng nhìn lòng nệm hơi trũng xuống mà rung mình. Chiều trũng của cái nệm đã nói lên nhiều hình ảnh của sa đọa. Đột nhiên Dượng lại thấy bóng Dượng hơi nghiêng xuống mặt nệm. Dượng giật mình muốn đứng dậy.

— Thật vô lý.

Dượng lầm bầm. Dượng đã đi quanh trái bưởi, cái quanh quần ấy chính là duyên cớ đưa Dượng đến chỗ bất tin mà Dượng không biết. Ý nghĩ chưa kịp bộc lộ hết thì cánh cửa hé mở, một bóng người lách vào, cửa khép lại ngay. Dượng cúi gằm mặt để đầu sự mất thăng bằng. Người vừa vào vỗ vai khẽ dúi Dượng vào phía giường và cười thành tiếng:

Dượng nín thở ngược mắt lên bắt gặp cặp mắt hơi lạnh của thiếu phụ, đồng thời với giọng nói bất hoàng :

— Trời, lại ông.

Dượng ngạc nhiên, nhưng không thể nhận ra đã gặp thiếu phụ ở đâu. Thiếu phụ toan đẩy cửa bước ra. Dượng lưỡng lự, nhưng tính tò mò bắt Dượng phải lên tiếng :

— Này.

Thiếu phụ dừng lại giữa hai động tác tiến thoái.

— Ông không "chê" như hôm nào chứ !

Câu trả lời bật vào tiềm thức Dượng. Dượng đã nhớ ra, cái bữa đó, cái bữa mà người ta giới thiệu món hay với Dượng. Thiếu phụ đã bị Dượng từ chối vì sự thay đổi đột ngột trong con người bất định của Dượng, chứ không vì điều kiện vật chất của thiếu phụ.

Thì ra từ dạo ấy, Dượng quên đi như đã quên tất cả những gặp gỡ của ban đầu. Một hình ảnh đến rồi qua đi làm gì có rung cảm, cũng như không có sự quen thuộc nào đứng vững trong nội tâm Dượng. Nhưng Dượng lại cảm thấy có gì khác hơn đã xảy ra cho thiếu phụ với kiếp sống không then thừng, tự ái ấy. Tiếng nói đầy uất hận của thiếu phụ ắt hẳn có duyên cớ, mà chắc phải phủ phàng đến cùng độ. Nhưng Dượng lại nghĩ không thể có sự liên quan nào giữa thiếu phụ ấy và Dượng.

Thiếu phụ vẫn đứng giữa hai động tác, chờ đợi thêm một tiếng nói. Dượng khoát tay ra hiệu vào:

— Hãy ngồi đây đã, chê, thuận là chuyện thường, em đừng phiền hà.

— Em không sợ phiền, những năm sống dài dằng dặc này đã bắt em không có quyền phiền, nhất là đối với khách.

Dượng dịu dàng hơn :

— Biết thế tại sao em lại bỏ đi khi gặp tôi.

Thiếu phụ không đáp, mặt cúi xuống trong giằng giằng buồn khổ đang thức giấc với ký ức. Có nét rung động ở đôi bờ vai mềm yếu người thiếu phụ. Cái im lặng có một giá trị thật vọng đến sâu sào. Ánh đèn bệnh hoạn vẫn không thôi biến cái nét mặt của người trong phòng. Dượng vừa nghĩ đến sức cảm của người đàn bà, một sức cảm như có một ý định cần bày tỏ.

Dượng chờ đợi. Với Dượng, có lẽ mối liên quan mới bắt đầu trong căn phòng sa đọa này. Nếu đúng thế thì những liên quan sẽ dẫn dắt của người đi đến chỗ tận cùng của tận vớ. Ý nghĩ đó khiến Dượng càng kiêu ngạo với những xét đoán, với những lãnh đạm vẫn có ở trong Dượng.

Lúc này Dượng mới kịp nhận ra thiếu phụ thiếu sắc đẹp. Bộ mặt chán chường ấy hẳn lên vài nét rắn cần cỏi. Thiếu phụ ngưng mặt nhìn chúi vào mắt Dượng, đột ngột hỏi :

— Ông thấy thế nào ?

— Đẹp lắm.

— Em không hỏi thế !

Dượng lắc đầu để khỏi phải trả lời. Thiếu phụ nhách miệng cười gằn :

— Nhất định ông nói dối. Em biết. Ông tò lòng thương hại em, em cũng biết. Từ cái hôm ông từ chối, em đã hiểu em hơn. Con người em đã đếm được tháng năm còn lại trên đầu ngón tay. Sự gương mặt của khách một đêm chỉ còn là một đêm, khát trong giây phút, một giây quyết. Ông đã giúp em nhận thức điều đó, em rất cảm ơn.

Dượng ngây người như pho tượng vô tri. Thiếu phụ đã nói gì, hiểu gì về Dượng. Sai lạc cả, lầm lẫn hết. Dượng muốn hét lên hai chữ : ngu muội. Dượng muốn nhào vào mặt người đàn bà ấy để bảo rằng : tao không có liên quan gì đến mày và cả đến mọi sinh vật bên tao nữa. Trán Dượng nhú lại, tay vo tròn, ngón siết vào lòng tay. Thiếu phụ vẫn nói như tiếng vọng.

—... Đúng vậy, em cảm thấy phải dừng chân trên, giốc vật chất thì thừa lúc. Chắc ông cũng khêu em như vậy em cảm ơn lắm. Đêm nay, đêm giao mùa và cũng là đêm giao cảm. Khó biết mấy khi lại gặp ông. Con người em không muốn ràng với "nghề nghiệp" nhưng những liên quan khác đã trôi em với số phận. Chối bỏ những liên quan ấy có những phủ phàng.

Thiếu phụ nói rất nhiều, nhưng Dượng chỉ hiểu được một phần. Dượng hiểu rằng thiếu phụ nhắc đến sự "thước từ" của Dượng là một chèn bai về vật chất. Không đúng, đến giờ này Dượng mới chú ý đến sắc đẹp của thiếu phụ. Dượng muốn nói lên ý nghĩ đó, nhưng thiếu phụ đã tiếp :

(Xem tiếp trang 47)

TRANG 13

VIỆT - KIỀU TẠI PHÁP

(Tiếp theo trang 11)

không từ chối chấp cánh uyên ương. Trong lúc đam mê anh chàng tưởng vọng như đời sống có đôi phải thần tiên hơn đời sống cô độc.

Trong những năm đầu ấu ỹm, ai mà chẳng quên mục đích mình du học qua Pháp, quên cả lời căn dặn thiết tha của cha mẹ, quên cả tiếng gọi tổ quốc cần về phục vụ. Tiền bố mẹ cung cấp, nay không đủ nuôi mình và vợ đại; vì thiếu thốn, học hành ngày được ngày không. Đến ngày mụn coa ra đời, tình trạng càng quẩn bách, chàng thanh niên xưa nay đầy thiện chí, vốn nhiều dũng cảm, tìm đường phá ngang kiếm sinh kế bảo trợ gia đình. Cảnh ngộ này không riêng gì giới sinh viên, đến cả các công nhân đứng tuổi, đến cả các danh nhân vừa tốt nghiệp thành tài, hay cả các công chức ra hải ngoại bỏ tức, nếu đã theo tiếng gọi sinh lý để dằng như trên đất Pháp, thì chóng tới chỗ thành lập gia đình, rồi sinh cơ lập nghiệp để vui thân trên đất khách. Duyên cớ vì đâu? Chỉ vì nhục dục quá mạnh thắng ý chí, chỉ vì hieu quạnh ít gặp gương tốt để noi theo, chỉ vì không người hướng dẫn, đành chờ vợ mà theo luật khôn sống mống chết ở nước người. Lỗi tại ai? Lỗi tại bố mẹ cho du học sao? Không, vì du học thuộc về quốc sự, nước nhà bắt buộc phải gửi thanh niên ra hải ngoại học hỏi. Lỗi tại du học sinh sao? Vâng, nhưng chỉ phần nhỏ vì ít ý chí. Lỗi lớn chính là không có hoàn cảnh thích nghi giúp cho họ phấn đấu, tránh hững hờ, ngăn ngừa lập gia đình quá sớm để trở lại với bút nghiên, đợi ngày công thành danh toại. Có hoàn cảnh, người thanh niên bớt tìm thú vật chất cho đến tuổi khôn hơn, phân biệt được tình dục cùng tình yêu và ý nghĩa vợ chồng.

Nhiều anh em quốc nội lại chất vấn: sao người thanh niên Việt, khi đã có vợ con, lại không trở về phục vụ với cả gia đình, mà còn ở lại nước người? Người thanh niên không thể viện cớ vợ mình không hợp phong thổ, vì đã có nhiều gương người ngoại quốc sống ở nước nhà; và lại, tại sao người trai Việt có thể ở đầu Âu Châu, quen được phong thổ, mà người đàn bà Âu Châu lại sợ phong thổ Việt Nam? Muốn rõ nguyên cớ, ta cần biết một phong tục Âu châu. Khi đã kết hôn, người đàn ông trong gia đình Âu không còn quyền bính nhiều như trong gia đình Á Đông nữa. Về mặt pháp luật, người vợ không đóng vai chủ yếu, nhưng trong thực tế họ nắm vai chính, nhất là khi có thêm vài mụn con. Người chồng phải tùy vợ và con hơn sở thích mình. Vì thế, chàng thanh niên Việt khi độc thân chịu được phong thổ Pháp là chỉ muốn theo đuổi sở thích của mình muốn du học; còn người đàn bà Âu sau khi lấy chồng Việt, không có gì bắt buộc họ phải bỏ tiện nghi của mình và con cái để theo ý nguyện chồng cần về Việt Nam. Một vài trường hợp đặc biệt có ở nước nhà chỉ là những gương hiếm có. Chúng ta thừa biết, trong phong tục Âu châu, không có thuyết tam tòng như ở xứ ta.

Khi nghĩ đến cần bảo đảm thất nghiệp lúc không việc, bảo đảm xã hội lúc ốm đau, khi nhìn đến tiện nghi đời sống hàng ngày, đến cơ sở văn hoá đầy đủ cho con cái, người đàn bà Âu có chồng Việt, bắt buộc vì con mà phải chọn lãnh thổ nào đủ điều kiện cho tiêu gia đình mình để nầy nở nhất. Đứng về phương diện làm chồng, cũng như về phương diện nhân tình, chúng ta không thể chê bai họ được, trừ khi xứ ta đã có một tổ chức xã hội kinh tế đủ cho toàn dân một mức sống gần ngang với các xứ Âu châu.

B. — Trở lực tinh thần. Gia đình thành lập quá sớm quả là một trở lực lớn cho người thanh niên Việt xuất ngoại không thể trở về phục vụ dễ dàng; nhưng cũng chưa phải là trở lực độc nhất. Một số Việt kiều rời nước vì hoàn cảnh, rấn ở lại Pháp, sinh cơ lập nghiệp ở Pháp, hay vào quốc tịch Pháp vì nhiều lý do. Phần nhiều họ tự liệt mình vào hạng tị nạn vì thời thế hay vì bất đồng chính kiến. Ở Pháp không thiếu gì người ngoại quốc đồng cảnh như họ. Họ yêu nước theo nghĩa của họ và họ đợi ngày lật đổ sao đời. Ngoài vòng cương tỏa các chính quyền, họ không sợ khủng bố và lựa chọn đường lối theo sở thích. Dù họ thiên tả hay thiên hữu, ở hải ngoại họ chỉ làm chính trị được bằng tinh thần, và họ thông minh thừa biết

thời làm cách mạng tự nước ngoài không tồn tại nữa. Căn cứ họ hi vọng, ngăn cấm họ tỏ lòng yêu nước theo ý muốn ở chốn xa xăm, vừa khó lòng, vừa không giúp ta tiến thêm chút nào, và lại còn phí phạm tài lực và tổn hại cho cách tuyên truyền phương trâm tự do.

Ngoài giới người có gia đình phải lập nghiệp tại hải ngoại, ngoài số ít chính trị gia chuyên môn hết cách về nước, còn một giới kiều bào tình thần phục vụ còn nguyên vẹn theo nghĩa đồng bào quốc nội hiều, và giới anh em học sinh và sinh viên.

C) Anh em học sinh và sinh viên; Sinh viên và học sinh tòng học trong các trường Pháp không kém 6 ngàn người. Tình trạng họ đặc biệt.

a) Về mặt vật chất, họ chưa bị vợ con ràng buộc, tuổi họ còn non, chưa bị tình dục ám ảnh. Vì họ còn phụ thuộc gia đình trợ cấp cho tiền ăn học nên uy quyền cha mẹ vẫn còn to và họ sẵn sàng về nhà phục vụ quốc gia và đoàn tụ với cha mẹ họ hàng.

2) Về mặt tinh thần, họ có cả tính xấu và tính tốt của tuổi thanh niên. Họ hoang toàng, vô tư lự, nóng tính quá tự tin, nông nổi. Nhưng họ hăng hái, giàu lý tưởng, đầy thiện chí, yêu chuộng tự do vì chung dung sống lâu trên một xứ tự do. Họ ưa thảo luận, ghét độc tài hay đàn áp. Họ ưa chuộng những hành vi công bình, bác ái và cố tìm biện pháp để thực hiện. Họ nhiều lòng hi sinh và tin tưởng lực lượng của họ để cải tạo tương lai. Họ chưa có đường lối chính trị rõ rệt chỉ vui đùa hay đây, nhưng chịu tập xét đoán đường ngay lẽ phải. Vì họ chưa có gánh nặng nhi vương vưu nên ta còn nhiều hy vọng hướng họ về quê hương phục vụ sau khi tốt nghiệp. Nhưng nếu không tạo giúp họ một hoàn cảnh thích hợp, theo thời gian, e rằng họ sẽ nổi gót bậc đàn anh tại Pháp và chôn vùi thân thể ở nước người.

II. — Tìm giải pháp để biểu hiện và nuôi dưỡng lòng yêu nước của Việt - Kiều hải ngoại

Sau khi tìm hiểu để khỏi phủ nhận lòng ái quốc của kiều bào hải ngoại, chúng ta bước sang giai đoạn giúp kiều bào biểu hiện lòng mình dưới bất cứ hình thức nào, vừa để ích quốc lợi dân, vừa cho kiều bào trút được gánh nặng lương tâm. Đồng thời cố tạo cho anh em học sinh và sinh viên một hoàn cảnh lành mạnh cho họ yên trí học hành cho đến ngày thành đạt. Giải quyết sớm ngày nào thì quốc gia hưởng lợi sớm ngày ấy, vì vấn đề thu phục nhân tâm hải ngoại không bao giờ mất hẳn và chính sách gửi sinh viên ra ngoại quốc không thể để gián đoạn lâu ngày, như thế may ra nước ta mới thuận đường tiến chiến kịp người.

A) Giúp cho kiều bào biểu hiện lòng ái quốc

1) Những trí thức hay kỹ thuật gia chưa thể

CẢNH XUÂN ĐÃ QUA



— Tất cả cái gì yêu được ở nó, nó đem tiêu xài hết ở trường đua.

về nước được vì hoàn cảnh vật chất hay tinh thần, thừa dịp lúc còn ở nơi tân tiến đủ tài liệu nghiên cứu, sẵn lòng sưu tầm mọi vấn đề liên quan đến quốc nội. Họ có thể phiên dịch những sách ngoại quốc ích lợi cho nền kỹ thuật và đại học nước nhà. Nếu họ đủ phương tiện, và đồng thời cố gắng Việt hóa một phần lớn nền học vấn quốc nội công việc của họ sẽ hữu dụng ngay và con đường họ đi sẽ đúng dịp với trào lưu. Một khi đã quen với tiếng mẹ đẻ, và thấy mình còn ích lợi cho tổ quốc, kiều bào càng cố gắng hơn và kiếm cách gần gũi thêm đồng bào quốc nội.

2) Bao nhiêu kiều bào hải ngoại, lại có công ăn việc làm hay đã có cơ nghiệp sẵn, hay cả đến thanh niên, chỉ mong đi lại để dề dề thăm viếng quê hương và cha mẹ họ hàng. Họ cần nhiều lần để quan sát sửa soạn phương tiện cho gia đình mình thuận thực sinh sống mai sau. Họ cũng cần nhiều dịp so sánh dẫn đo chọn lựa nơi nào cạnh tranh sinh tồn dễ nhất: chắc chắn rằng, nếu có kỹ thuật trong tay tương đối họ sẽ thấy dễ sống trên đất nước hơn là tại Pháp. Muốn chọn lựa để dề dề phải có tự do đi lại, phải có bảo đảm lúc về được phép đi. Nếu thiếu hiểu tâm lý họ, cho gia đình họ đi về dễ dàng, sẽ giúp được bao nhiêu người trở lại lập nghiệp ở đất nước.

Về phần anh em Sinh viên hay học sinh, gần luôn được bố mẹ là điều cần thiết để giữ nền nếp con nhà và nghe lời giáo huấn. Để họ xa nhà lâu ngày sợ lúc hồi hương, thuận phục khó khăn, làm họ có thể viện cớ mà rấn ở lại hải ngoại thêm nữa.

Còn các chính trị gia muốn đi hay về cũng tùy theo ý nguyện: một khi họ cảm thấy bầu không khí tự do tin cậy, thành kiến sẽ đổi hẳn. Nhiều khi chỉ một cử chỉ rất nhỏ cũng đủ hóa người thù địch ra kẻ đồng tâm.

3) Những người tốt nghiệp xong hay vừa tốt nghiệp cần có việc làm ngay để rút ngắn thời gian ở hải ngoại. Không từ chối ký giao kèo ngắn hạn với họ, và xong thời hạn sẽ tùy họ định liệu, muốn ở hay đi. Ta thăm nghĩ rằng, phần chắc họ sẽ ở hơn là đi, vì trong kỳ hạn sống trên đất nước, họ có thể thành lập gia đình, họ có thể có nhiều quyền lợi cần phải liên tục giữ. Lương bổng cấp cho họ ít nhất cũng ngang với chuyên viên ngoại quốc, vì như ta đã xác định, ngoài khả năng kỹ thuật, người chuyên viên Việt còn có nhiều khả năng khác ích lợi cho quốc gia mà nhà chuyên viên ngoại quốc không có. Những người đã có gia đình rồi sẽ có ban xã hội chăm nom việc nhà cửa, tiện nghi trong mấy tháng đầu cho con cái họ đỡ bơ vơ và dễ thuận phục phong tục.

Một khi gia đình ổn định, thì người thanh niên Việt Nam không còn cớ để từ bỏ nước nhà ra đi nữa.

Những giải pháp trên thực hiện được hay không còn tùy theo ta tránh được vấn đề tị nạn và ấu tã không sợ tổn kém.

a) Muốn tránh tị nạn chỉ có cách cho sinh viên hay kỹ thuật gia nước nhà du học dễ dàng, vì ta còn câu kiến thức khoa học ngoại quốc biết bao lâu nữa!

b) Việc phí phạm tài nguyên sẽ không thành vấn đề, nếu đồng nghĩ rằng:

— đã phí tiền cho Sinh viên du học bao năm, mà nay đến giờ chốt lại không có gắng thêm chút nữa để dẹp lòng căm hận.

c) Công việc kỹ thuật gia lúc tòng sự trong nước sẽ đáng giá hơn tiền tiêu cho họ.

— vì hoàn cảnh, vì yêu nghề; số người ở lại sẽ nhiều hơn số người ra đi.

d) Bầu không khí thông cảm tươi đẹp đem lại hậu quả không lường làm tiền phí tổn hiện tại sẽ không thấm vào đâu.

B) Tạo cho anh em học sinh và sinh viên một hoàn cảnh thích hợp cho họ để phấn đấu trong lúc tha hương

Người thanh niên Việt ở hải ngoại dễ sa ngã, dĩ nhiên là lỗi họ một phần; nhưng lỗi lớn chính là hoàn cảnh vật chất và tinh thần không thích hợp: người sinh viên thiếu thốn, trợ trợ, không chốn tiêu khiển lành mạnh, thiếu người hướng dẫn và không có dung giới để tương trợ và đoàn kết cùng nhau.

1) Thiếu thốn của Sinh viên: Trong số 6 ngàn Sinh viên và học sinh thì chỉ chừng hơn 2 ngàn người được gia đình phụ cấp chuyên ngân, chừng 40 ngàn quan để chi phí. Còn bốn ngàn người kia hoặc có cha mẹ tại chỗ phụ cấp, hoặc vừa học vừa kiếm ăn. Chỉ nói riêng những người được chuyên ngân, 40 ngàn khó đủ để tiêu pha. Trong ngân khoản tiền nhà đã choán từ 8 đến 20 ngàn tùy theo giá thuê chỗ ở rẻ hay đắt. Nhiều người ít tiền phải ở những nơi không sưởi ấm, nên sinh ra bệnh tật, không mấy lúc phải bỏ học để dưỡng bệnh sa-na. Về ăn uống, chỉ ai là Sinh viên mới được vào quán cơm đại học, mỗi bữa giá 100 quan. Những ai đã

(Xem tiếp trang 48)

ĐẶC TÍNH CHỮ QUỐC-NGŨ

LÊ-NGỌC-TRỤ



AO khoảng tháng hai dương-lịch năm 1961 tới đây, sau Tết Nguyên-đán, sẽ có cử hành lễ kỷ-niệm Đệ Tam bách chu-niên ngày từ trần của giáo-

vi Đắc-Lộ, vị có công to-tát trong việc sáng lập chữ quốc ngữ. Chữ quốc ngữ này về sau được Đức Giám mục Pigneau de Béhaine chỉnh đốn lại, và được thông dụng cho đến ngày nay.

Vậy nhơn dịp này, chúng tôi xin trình bày đặc tính của chữ quốc ngữ, tuy dùng tự mẫu La-tinh, mà lối phát âm không giống hoàn toàn với « âm » của mỗi chữ La-tinh dùng tiêu biểu. Hồi thế kỷ thứ XVII, mấy vị cổ đạo Dòng Tên phần đông là người Bồ Đào Nha, người Ý, người Pháp có học ngoại ngữ nên biết rành các giọng Hy-lạp, La-tinh, Romane..., vì vậy nên đã chọn lựa trong tự mẫu La-tinh chữ nào hoặc đọc theo giọng Bồ Đào Nha, hoặc đọc theo giọng Ý, hay theo giọng Hy-lạp, mà ứng với giọng Việt Nam, thì dùng để viết tiếng Việt Nam. Kết quả chữ quốc ngữ là tổng hợp của nhiều thứ chữ, của Bồ Đào Nha, Ý đại Lợi, La-tinh, Hy-lạp...

Lối chữ tiêu âm, theo Platon và Tacite, do người Ai cập đầu tiên chế ra. Về sau, người Hebrew trong khi giao thiệp với người Ai Cập mới mượn thứ chữ ấy để làm chữ của mình. Trong khi ấy, người Phénicien là dân chuyên nghề hàng hải và thương mại cũng nhận thứ chữ tiêu âm ấy và du nhập nó vào xứ Hy-lạp. Theo cổ truyền, thì chánh người Phénicien tên Cadmus đem đến. Ban đầu các chữ đều dùng giống như người Phénicien đã dùng; về sau, với thời gian lâu dài, các chữ ấy hoặc đã biến âm, hoặc đã đổi dạng. Tại miền đông Hy-lạp, thì nó trở thành chữ Hy-lạp; tại miền tây Hy-lạp thì nó đổi thành hình dạng khác và được truyền đến nước Ý đại lợi và trở thành chữ Latinh.

Nếu đem so sánh ba lối chữ Hebrew, Hy-lạp và Latinh thì thấy gần giống nhau, và thứ tự các chữ ấy được áp dụng theo lối cổ truyền, chứ không thể cắt nghĩa được lý do vì sao các nguyên âm và các phụ âm lẫn lộn kế tiếp nhau như vậy.

CHỮ HÉBREU

Tên chữ	Lối viết	Nghĩa của chữ
Aleph	A	Con bò, con voi
Beth	b, bh	Cái nhà
Guimel	g, gh	Con lạc đà
Daleth	d, dh	Cái cửa
Hé	h, e	Cái lố
Waw	ou, v, w	Cây đinh
Zain	z	Khí giới
Khet	kh, ch, h	Hàng rào (thú)
Teth	T	Con rắn, nắm tay
Iod	I, Y	Tay
Capa	K, Kh	Lòng bàn tay
Lamed	L	Vai có (trâu bò)
Mim	M	Nước
Nounn	N	Con cá
Samech	S	Chỗ dựa, chống đỡ
Ayn	O, bo	Con mắt
Phé	P, ph	Cái miệng
Tsad	Ts, tx	Đi săn, câu cá
Qof	Q, c, k	Cái ớt
Resch	R	Cái đầu
Schin, Sin	S, Sch	Răng
Tau	Th	Đầu chữ Thập

CHỮ HY-LẠP

Alpha
Beta
Gamma
Delta
Epsilon
Upsilon
Dzeta
Eta
Theta
Iota
Kappa
Lambda
Mu (đọc mi)
Nu

CHỮ LA-TINH

a
b
c
d
e
u
z
h
th
i
k
l
m
n

CHỮ HY-LẠP

Ksi
Sigma
Omicron
Pi
Rô
Tau
Phi
Khi
Psi
Omega

CHỮ LA-TINH

x
s
o
p
r
t

Từ trước cho đến thế kỷ thứ ba trước Chúa giáng sinh, tiếng Latinh được nói tại thành La-mã. Đến thời Đế-Quốc La-mã (tới thế kỷ thứ năm sau công-nguyên), tiếng Latinh được truyền khắp Tây-Âu (trừ vùng Basque miền Pyrénées) và giọng La-linh tại mỗi miền lại bị biến trại. Tiếng Latinh vùng Florence thì trở thành tiếng Ý-đại-lợi, tiếng Latinh vùng Paris thì trở thành tiếng Pháp, tiếng Latinh vùng Burgos thì trở thành tiếng Tây-Ban-Nha. Tại mỗi miền, người ta vẫn tiếp tục viết chữ La-tinh mà không biết giọng « chánh-thức » của nó như thế nào, chỉ biết phát âm theo giọng địa phương. Trường hợp này cũng giống như chữ Hán: toàn xứ Trung-Hoa và luôn cả xứ Triều-Tiên, Nhật Bản, Việt-Nam đều viết chữ Hán, mà lại phát âm khác nhau, tùy mỗi miền mỗi xứ, giọng Quảng-Đông, giọng Quan-thoại, giọng Trường-An, giọng Hán-Hàn, giọng Hán Hoà, giọng Hán Việt.

Tiếng La-tinh cổ dùng vào kinh sách đạo Thiên Chúa; tiếng La-tinh bình dân đã trở thành tiếng Ý, tiếng Pháp, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Thụy Sĩ, tiếng Roumain, các tiếng này chỉ là kết quả biến trại của tiếng La-tinh, nên người ta gọi các thứ tiếng đó là *tân-La-tinh* hoặc tiếng *Romance*. Vì vậy, khi xưa, mấy cổ đạo mượn chữ La-tinh lại phải theo giọng phát âm mỗi miền mà ghi tiếng Việt, nên mới có lối « chữ quốc ngữ » ngày nay.

Xét trong chữ quốc ngữ, về nguyên âm, ta thấy ba nguyên âm Latinh a, i, u, được chọn để ghi ba nguyên âm Việt.

Dấu ngửa (˘) mượn của lối chữ Latinh để ghi những nguyên âm ngắn, như a. Với á Việt-Nam là nguyên âm ngắn của ơ. có lẽ không có sẵn

chữ ơ có dấu ngửa ở trên, nên phải tạm mượn chữ á để thay thế, và dấu mũ (ˆ) trong chữ á không có giá trị như dấu mũ trên chữ ó.

Dấu mũ (ˆ) trên chữ é, ô của chữ Việt là mượn theo lối chữ Bồ Đào Nha dùng ghi những nguyên âm hẹp é hẹp hơn e; ô hẹp hơn o.

Hai nguyên âm E và O của Việt « rộng », ứng với é, ô của chữ Pháp (dấu « huyền » dùng chỉ nguyên âm « rộng », dấu « sắc » dùng chỉ nguyên âm « hẹp » của Pháp: é, ô) hai chữ E và O này, theo cổ Alexandre de Rhodes, thì đọc như thường và rõ « và hai nguyên âm Ê và Ô thì « đọc hơi âm và ngâm miệng lại. »

Còn lại hai nguyên âm ơ và u thì không có chữ tương-ứng. Chữ Đức ghi âm ơ bằng hai chấm trên chữ o: O; còn âm u có hai chấm trên (u) của Pháp thì không giống với u Việt. U Pháp đọc túm môi, u Việt đọc nhách môi ra sau, cũng như ơ đọc hơi nhách môi, đối với o đọc hơi túm môi; có lẽ vì vậy mà mấy cổ đạo mượn dấu râu (ơ, u) để chỉ môi nhách và luồng âm thoát ra. Nguyên âm y (chữ grec) thì theo lối chữ Tây-Ban-Nha viết thế cho i.

Về phụ âm, ba thứ thanh âm, đọc có phi hơi: ph, th, ch của Việt mượn bên tự mẫu grec. Tự mẫu Latinh tuy mượn chữ h ghép vào nhưng không đọc phi hơi. Tiếng Latinh có ba thanh tắc âm: p, t, c, khi ghi ba thứ thanh âm của Hy-lạp thì ghép thêm chữ h, thành: ph, th, ch. Về sau, giọng Hy-lạp đã biến trại, thứ thanh âm lại trở thành sát-âm, vì vậy khi giọng Anh, giọng Đức dùng chữ th, ch thì dùng theo với giọng sát âm, chứ không còn là « tắc âm có hơi thở » nữa.

Phụ âm qu mượn của la-tinh và Italian, đọc có bán âm môi ở trước nguyên âm: qua, que...

Với phụ âm c, g dùng trước nguyên âm e, a, u theo lối các tiếng romanes. Viết ghe, ghi thì theo lối của chữ Ý đại lợi và viết ke, ki lại dùng theo chữ Hy-lạp và chữ các tiếng Germain, (vì nếu viết ce ci như chữ Ý, thì lại phải đọc che, chi hoặc se, si.

Phụ âm ch thì mượn của Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha.

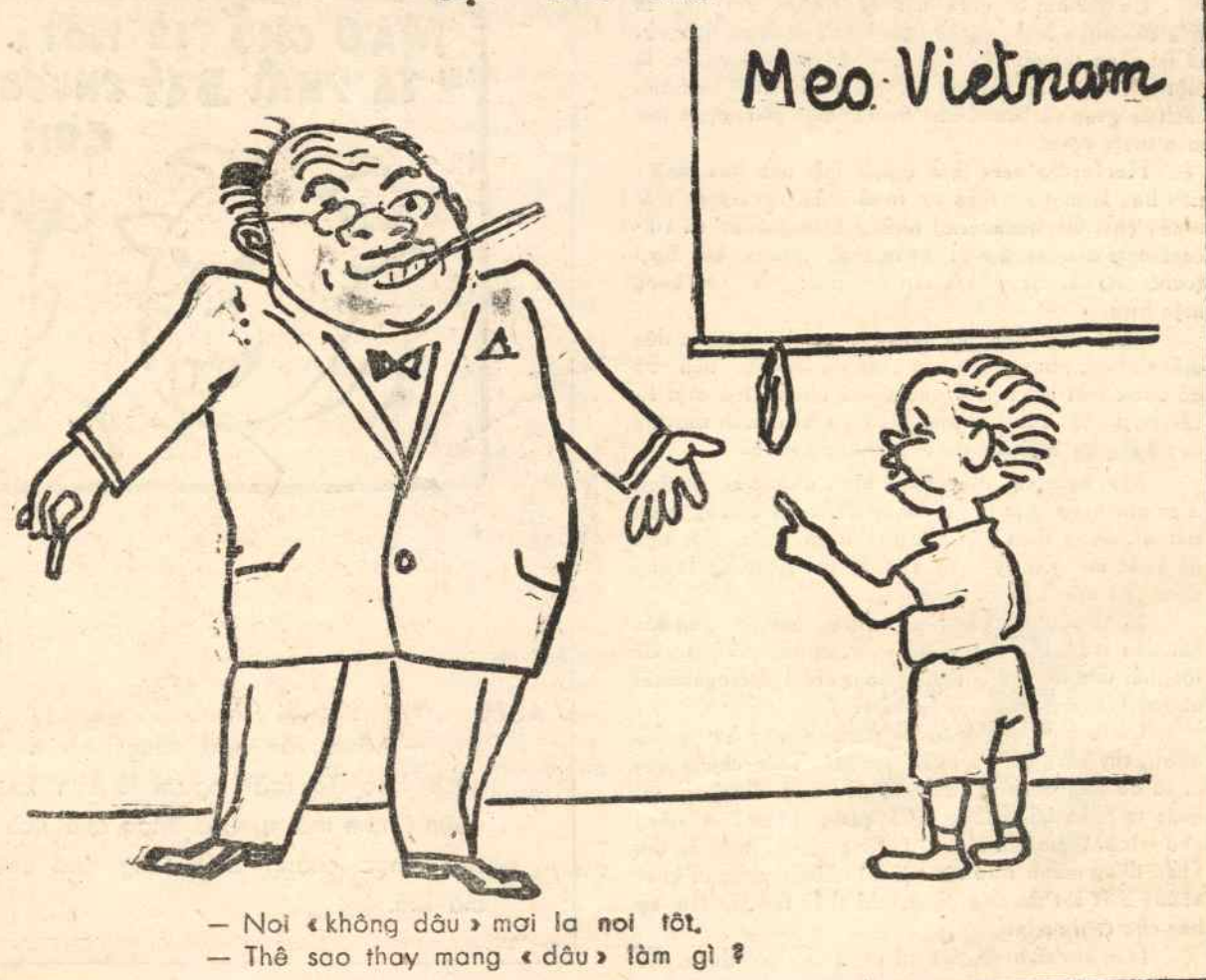
Phụ âm đ không giống với đ của tiếng Âu châu vì là sát âm chứ không phải tắc âm, muốn ghi âm đ của tiếng Âu thì thêm trên chữ đ một gạch ngang để nhớ đến phụ âm t, vì đ (đ) là trắc âm của t. Nhưng hai phụ âm đ, t của Việt Nam lại không phải là âm răng (dentale), nghĩa khi phát âm chạm chót lưỡi vào răng hàm trên, mà lại là âm nướu (alvéolaire) chót lưỡi chạm với cái nướu của hàm trên.

Phụ âm tr cũng không giống với tr tiếng Âu, vì khi phát âm phải cong lưỡi vào khum của, nên cũng gọi là âm « khum của » (cacuminal).

Còn âm gi thì mượn lối chữ của Bồ Đào Nha và của Pháp, vì lúc ấy chưa có chữ j.

(Xem tiếp trang 46)

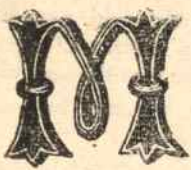
GẶP ĐỐI THỦ



— Nôi « không dẫu » mới là nôi tốt.
— Thê sao thay mang « dẫu » làm gì ?

DUY-LÝ LÀ VÔ-NHÂN

Khoa-học không duy-vật, chỉ người duy-vật thôi



Ở dịp Xuân về cứ mãi lo chúc nhau * Trăm tuổi bạc đầu râu, rồi cũng chán.

Riêng tôi, trong mỗi tiết xuân tôi đều bắt đầu làm một công chuyện gì như : Khỏi

thảo một vấn đề, khảo về một học thuyết, làm những bài thi gởi tặng bạn thân, hay như năm nay, có lẽ pháo sẽ hết nổ, được tương đối yên tĩnh, tôi định bụng mang các vấn đề quan trọng về thuyết tiến hóa, văn minh khoa học, thuyết duy vật, nhất là vấn đề giáo dục duy lý của xã hội hiện thời ra mà nghiền ngẫm lại cho đã nư, vì thời thường rồi ít khi được rảnh rang để làm việc này.

Theo tôi, điều đáng chú ý nhất của Thế giới văn minh là hiện thời chưa thấy có một căn bản giáo dục nào khả dĩ lập thế quân bình đối với ngọn cuồng phong duy vật mỗi lúc mỗi hăm hù dữ tợn thêm lên.

Hình như hầu hết hoạt động văn hóa của các nước văn minh ngày nay chỉ nhằm về một mục tiêu là phát triển kỹ thuật, đào tạo chuyên viên, cơ giới hóa triệt để mọi lĩnh vực của đời sống, luôn luôn tìm cách đẩy người đi nhanh, chạy nhanh, làm nhanh, ăn nhanh, ở nhanh và có lẽ chết cũng nhanh.

Sự mâu thuẫn kỳ lạ không ở chỗ loài người lúc nào cũng khao khát hạnh phúc, nhưng luôn luôn cứ mãi lao mình vào đau khổ tuyệt vọng mà lại ở nơi bao nhiêu kẻ được mệnh danh là tài bác, là khôn ngoan, nhưng lại rập nhau tìm đủ cách để đưa nhân loại vào con đường đau khổ.

Tất cả sự kiện ở đời đều có lý do, nhưng mỗi mâu thuẫn lớn lao mà tôi mới nói trên tất cũng phải có cái nguyên nhân của nó.

Sau khi đối chiếu các giáo lý ngàn xưa với các học thuyết hiện thời, tôi nghiệm thấy văn minh ngày nay đã đi lầm đường, hay nói cho đúng hơn, đang tiến đến một giai đoạn kinh nghiệm đau thương do hai lý :

Lẽ thứ nhất thay vì, trước hết phải lo tìm tòi học hỏi cho thật biết cái giới mỗi màu nhiệm của con người, hay ít ra cũng phải cho nó có cái giá trị ngang hàng với nhân ngoại giới là bản ngã với tất cả các thói quen và thị hiếu của nó, thì ta lại chụp ngay phần vật chất say mê với cái trước mắt, lụy chụp tự đồng hóa với những giác quan, yếu mềm chịu cho thị dục thị hiếu đánh bại từ buổi đầu, rồi công khai tuyên bố đứng về phe duy vật chủ quan chỉ còn thấy có sự hiểu biết trước mắt (connaissance de l'oeil) chứ không cần quan thiết đến những giác ngộ về tâm hồn (connaissance de coeur) là cái có thể định đoạt được số phận con người một cách vĩnh viễn.

Lẽ thứ nhì là giữa hai lý thuyết chỉ huy đã tiến của nhân loại xuyên qua các giai đoạn lịch sử, ta lại chọn thuyết tiến hóa của Herbert Spencer, là một lý thuyết tai hại mà kết quả đang diễn tiến một cách bi quan và báo điềm trước một giai đoạn mờ mịt tuyệt vọng.

Herbert Spencer định nghĩa luật tiến hoá rằng : tiến hoá là một sự tuân tự triển triển tự trạng thái thuần chất (homogénéité) nhưng không nhất trí (incohérent) đến trạng thái thuần chất nhưng kết hợp (cohérent) của tất cả kết cấu tổ chức và cơ năng hiện hữu.

Theo ông, tiến hoá nghĩa là vạn hữu trước tiên giống nhau, nhưng, rồi rạc chia rẽ, lần lần tiến bộ để được một lúc nọ trở nên giống nhau trên một sự kết hợp chặt chẽ—nhưng kết hợp bằng tình thương hay bằng kỷ luật sắt thì ông không nói rõ.

Mới nghe ra, thuyết ông hình như hữu lý lắm; Tuy nhiên, sự thật từ thiên cổ dĩ lai đã chứng minh trái lại, đúng theo một phương trình khác, một tiêu đề khác mà giáo lý ngàn xưa đã ghi rõ trong lương thức của mỗi người.

Minh triết đã bảo rằng : trước tiên sự tiến hóa bắt đầu với trạng thái đồng chất, nhưng rồi rạc, rồi phải tiến đến trạng thái dị đồng chất (hétérogénéité) nhưng kết hợp nhau lại (cohérent).

Cũng như một đoàn dã thú hay một bộ lạc cò nhon, tuy rằng tất cả phần tử đều sống chung với nhau do thói quen, đi đâu thì đi từng đoàn, ở thì quần tụ nhau lại, nhưng mỗi phần tử chỉ lo riêng cho mình, thậm chí khi một đồng loại bị một ác thú khác đứng mãnh hơn sát hại thì những phần tử khác không biết xót thương nhau, chỉ thấy thế lấy làm sợ hãi cho riêng mình.

Đến khi tình cảm và trí khôn này nở được đời

LA-VĂN-THU

đào, loài người không còn sống ô hợp nữa. Tuy sống riêng trong tập đoàn, trong xã hội, tuy mỗi người có mỗi cá tánh riêng biệt hẳn hoi, nhưng có ý thức về đồng loại đồng chủng. Lần lần mỗi người hiểu rõ ra rằng an toàn và hạnh phúc không bao giờ đơn độc, ích kỷ được. Do đó, trong cái dị đồng này sinh ra cái kết hợp, cái ràng buộc lẫn nhau trong tình cảm, trong vị tha, trong tương thân tương ái.

Giáo lý bí truyền có dạy rằng : " điều hòa là vị tha " để hậu thế ghi nhớ mãi mãi. Mà thật trật tự thì phải có điều hòa, tức là phải vị tha và từ ái. Huyền học nói thế có ý bảo trật tự, điều hòa hay hòa bình chung đều buộc phải lo thực hiện trật tự, điều hòa hay hòa bình riêng trong lòng của mỗi người trong xã hội, vì lòng vọng kỷ duy tha là nguồn cội hạnh phúc của đời sống riêng và chung.

Người ta mãi tưởng lý trí phân tích, lý tâm ích kỷ và kiêu hãnh có thể làm được tất cả, nên, nhiều luận thuyết duy vật về quan niệm giá trị cuộc đời mới sinh ra. Đồng thời sự xung đột giữa người với người đã đưa ra một định lý cơ bản tai hại về thủ thắng mỗi khi có chiến đấu là : "vũ cánh sẽ chứng minh giá trị của thủ đoạn. Câu này thật là một bức họa tuyệt tác để diễn tả đầy đủ trạng thái ý thức của người đời bây giờ.

Luật hy sinh, đứng về phương diện chủ quan luôn luôn xây dựng và sáng tạo; chỉ có kẻ giàu lòng vị tha hay là hiện thân của bác ái mới làm nổi. Khi đứng về phương diện khách quan, hy sinh có nghĩa là tác ác.

Lịch sử ghi rõ nhân loại đã trải qua nhiều thời kỳ văn minh; nhưng đại để có hai thứ văn minh khác nhau theo hai quan niệm tương đối về tiến hóa.

Văn minh, theo thuyết của Herbert Spencer nói trên, sẽ đưa con người đến duy vật và duy lý cực đoan, vì theo nó, muốn thực hiện sự đồng nhất kết hợp tất phải dùng ngoại lực để cưỡng bách, đặt để con người vào một khuôn mẫu, nghĩa là con người hoàn toàn lệ thuộc vào một kỷ luật từ đầu được mang đến để áp đảo tự do ý chí của cá tính. Như thế có nghĩa là cá tính bị lên án phải thụ động một lần cuối cùng để thực hiện một trạng thái thuần nhất bất đắc dĩ.

Bao giờ duy vật và duy lý cũng độc đoán để đưa đến một kết quả có ba giai đoạn bất khả kháng liên tiếp này sinh ra là dôn ép, ứ đọng và giải phóng cần thiết.

Các chủ nghĩa độc tài ngày nay đều rập theo tiến hóa luận của Herbert Spencer một cách vô tâm hay hữu ý. Chúng phát triển đúng mãnh như một sức ép ngàn cân đè rồi, một khi kia, cái vỏ thép mà chúng đã tạo ra để bao bọc quanh mình bị phá vỡ do một phần động lực tương đương của luật nhân quả đưa đến.

Trái lại, theo minh triết ngàn xưa chủ trương, sự dị đồng giữa những cá tính là điều kiện tất yếu để mỗi phần tử được tự do phát triển, khởi đầu trong phạm vi duy vật để đưa đến cứu cánh trong giai đoạn tinh thần. Chính trong phạm vi này, lần lần mãnh nha trật tự, điều hòa và lòng vọng kỷ duy tha.

Quan niệm văn minh căn cứ trên thuyết dị đồng nhưng kết hợp của ngàn xưa sẽ tạo ra một xã hội loài người rất công bằng ở chỗ không phải lúc nào ai ai cũng bị bắt buộc nhân nhượng nhau theo những luật lệ và giá biểu rắc rối được oai quyền của vũ lực chực chờ đàn áp làm hậu thuẫn. Nơi đây, mọi kẻ có đủ lòng nhân để tự động san bằng tất cả chênh lệch giữa sang hèn, vui khổ của nhau. Công bằng đây không do ai bắt buộc, mà cũng không vì lẽ nếu ta muốn được vui thì chẳng nên làm kẻ khác mất vui, mà là do lòng trắc ẩn tự nhiên cảm thấy được hạnh phúc khi thấy mình mang lại hạnh phúc cho kẻ khác.

Trong một xã hội như vậy, tất cả tiền bạc dùng để sửa soạn chiến tranh, hay để chiến tranh, sẽ được mang ra làm chuyện khác hữu ích hơn, và vô số kỹ thuật gia, chuyên viên, bác học sẽ khỏi bị biến thành một binh chủng ghê gớm nhứt giữa bao nhiêu binh chủng khác chuyên lo giết hại loài người một cách tàn nhẫn.

Nếu hai quan niệm về tiến hóa đã làm động nhân cho hai trạng thái văn minh như thế, thì chúng cũng làm nguyên động lực cho hai trạng thái giáo dục như ta biết là giáo dục duy lý và giáo dục trí đức song quan.

Văn minh duy vật hiện nay là kết quả của nền giáo dục quá duy lý của Âu-Tây. Mà nền giáo dục duy lý đó do đâu mà ra ? Phải chăng do khoa học duy vật ảnh hưởng ?

Trước hết ta nên khảo xét kỹ càng để nhận thức rõ ràng vấn đề tối trọng hệ này. Chọn nhân bản mới hay nhân bản cũ đều không quan hệ ; chỉ quan hệ là phải tìm một cơ bản giáo dục hợp lý, nhiên hậu nhân bản và văn minh lý tưởng sẽ hiện đến sau. Cái căn hiệu của quan niệm nhân bản và hiện tượng của nó là văn minh sẽ nói lên cái giá trị của nền giáo dục vậy.

Nói khoa học duy vật tức nói khoa học đã bị một số bác học gia có khuynh hướng duy vật tự xưng tượng trưng cho nó. Sở dĩ họ làm vậy được là nhờ vô số tín đồ duy vật trong các giới khác đã oai nhiên thần thánh hóa các nhà bác học duy vật đó. Sự thật, khoa học không duy vật mà cũng không duy tâm. Lúc nào nó cũng áp dụng nguyên tắc quan sát và thực nghiệm, đầu

(Xem tiếp trang 45)

DUY VẬT LUẬN



— Minh vẫn ngờ rằng hình như trong sách bảo Tồ loài người là con kh... (chết quên 1 năm mới 1). Giờ Mao chủ tịch lại nói thế. Thực chẳng biết đảng chó chết nào mà lòn.



MỘT VÀI NGUYÊN-TẮC TRONG PHÉP TỰ HỌC



HỌC, cần phải biết *tuyển chọn*.
Tuyển chọn, tức là phê phán,
quyết định và lựa lọc trong mớ
sách ngồn ngang chồng chất
trong các nhà sách, thư viện
những sách nào hợp với mình
và cần thiết cho nhu cầu hiện thời của mình. Không
lựa chọn, đụng đâu đọc đó, là làm tản mác tinh thần
mà cũng không hiệu quả vào đâu cả.

Tuyển chọn phải là công việc đầu tiên của
người ham học. Chẳng những phải biết chọn
riêng cho mình những sách mà mình thích nhất,
lại cũng phải biết tuyển chọn trong một quyển
sách những chương nào hay nhất để ta
thỉnh thoảng đọc đi đọc lại. Tuyển chọn cũng có
nghĩa là tuyển lại một trang, một đoạn hay một câu
nào hay nhất có thể là tinh hoa của cả một chương
hay của một tiết để xem đi xem lại, hoặc để học
thuộc lòng hay ghi nhớ trong tâm khảm. Phải có
những tập trích tuyển các câu văn hay, những câu
thơ đẹp hoặc những đoạn sách đặc sắc với những
tư tưởng tân kỳ... cho riêng mình. Nhưng cũng phải

THƠ

GỬI MÌNH NĂM THỨ HAI MƯƠI

(Tân Sửu 1961)

Ngoảnh lại ô kia hai chục năm,
Năm tay cùng kết mối đồng tâm.
Bao phen bão táp không than thở,
Mấy lúc chua cay há khóc thầm?
Ta chẳng đổi thay khi tóc bạc
Mình thời vẫn hết thừa cài trâm
Vội năm con đó thêm thơ rượu
Mình hãy nghe ta cất tiếng ngâm.

Ngâm rằng:

Tối thượng đa tình khanh dữ ngã
Thâm âm tương thức thị chân tri...
Ta với mình dù trải mấy thịnh suy
Hai chục năm ấy đã có chi là đáng kể
Còn bận rộn, còn thăng trầm, còn
khó dễ
Chỉ nhìn nhau mà chẳng để vương tâm
tu
Cho đời thành một bài thơ...

DƯƠNG-CHÂN



THU GIANG NGUYỄN DUY CẦN

Có một cuốn tập riêng để tóm tắt, và phê bình
những sách hay mà mình đã đọc. Ở đây mỗi người
đều có một phương pháp riêng không thể bắt ai
phải theo ai được.

Tập trích lục các đoạn văn hay nên sắp theo
thứ tự vấn đề và theo mẫu tự. Tôi thấy có nhiều
người cho dán vào những quyển sổ to luôn cả bài
báo hay nữa. Thói quen ấy rất hay, nhưng cốt yếu
phải biết sắp đặt cách nào để một khi ta muốn dùng
đến là tìm ngay được lập tức. Có người chép
lại hoặc tóm tắt lại những đoạn văn hay trên những
tờ giấy rời, dĩ nhiên là chép trên một mặt thôi và bỏ
chung vào trong một bao thơ lớn có để tựa.

Tóm lại, ta cần phải tuyển chọn những sách
hay nhất trong những sách hay, những trang hay
nhất trong những sách hay nhất. Phương pháp tuyển
chọn ấy dĩ nhiên là có tánh cách cá nhân, nhưng đó
mới thật là phương pháp hay. Khi ta tìm ra được
một trang sách hay là vì nó là tiếng dội của lòng ta
và ta có thể nói: "đây là ý tưởng và cảm giác của
tôi, và nếu tôi viết ra, tôi chỉ muốn viết được như
thế, chỉ tiếc vì tôi không đủ tài hoa để mà miêu tả
ra được thôi".

Ta nên dành riêng cho những sách ta đã tuyển
chọn ấy một ngăn đặc biệt trong tủ sách ta, và có
người lại khuyên ta nên "đem nó mà đóng lại, giấu
nó đi, và đừng cho ai mượn cả, dù là bạn chí thân
cũng vậy".

Sự tuyển chọn là một phương pháp hay để tự
mình biết rõ cái chân tướng của mình. Cứ đọc những
tập trích tuyển là đủ biết khuynh hướng và tâm hồn
của người trích tuyển ấy: "đồng tình" mới
"tương ứng" "đồng khí" mới "tương cầu".

Khi mình còn ít tuổi thì tánh khí mình chưa
định, chưa biết tuyển chọn, nên sự kết giao rất
là bừa bãi. Đến khi có tuổi, thì sự kết giao bắt
đầu siết chặt lại vòng dây: ta bắt đầu tuyển
chọn. Về việc học cũng thế.

Lúc mình còn trẻ, mình có nhiều cao vọng
muốn hiểu biết tất cả, và nhớ tất cả. Vì vậy mà
tuổi ấy là tuổi khó học nhất, vì chưa biết tuyển chọn.
Ngay khi viết sách cũng thế.

Có nhiều nhà văn trẻ, họ chưa biết "tự giới
hạn vấn đề", họ chưa biết tiết kiệm lời nói, họ
thao thao bất tuyệt và giành hết quyền sáng tác của
độc giả.

Có một văn hào đã nói: "Thế nào là quyền
sách hay? Là quyền sách mà tác giả đã biết hạn
chế vấn đề, biết tiết kiệm lời nói. Trái lại, quyền
sách dở là quyền sách mà trong đó tác giả đã không
còn để thiếu sót cái gì cả, không để cho độc giả
cùng bàn góp thêm được phần nào ý kiến của
mình cả".

Cần nói nữa lời thôi, nhưng là những lời nói
khêu gọi. Phải biết giúp cho người suy nghĩ, đừng
có suy nghĩ thế cho người.

Sách hay, tức là sách bắt ta suy nghĩ, bắt ta
thương xác, bắt ta hoài nghi và đặt lại vấn đề. Như
vậy, những vở tuồng hay hoặc những truyện hay là
những vở tuồng hoặc truyện như vở Rhasomon hay
Địa ngục môn của Nhật, hoặc những tiểu thuyết của
André Gide trong đó tác giả chỉ trình bày và đặt vấn
đề, chứ không giải quyết. Lời dạy học của Socrate
cũng thế ấy: ông chỉ đặt câu hỏi. Đọc sách để mà
suy nghĩ thì nên đọc những quyển sách ấy và sách
như thế mới gọi là sách hay.

Người ta bảo Pascal chết sớm nên sự nghiệp
văn chương của ông bị gián đoạn. Nhưng chính
nhờ ông chết sớm mà sách vở của ông có tánh cách
giáo dục nhiều hơn cả, bởi một lẽ rất giản dị là nó
bị gián đoạn nên Pascal chưa kịp nói hết lời... Tiếng
đờn hay là hay ở dư âm... Lời nói hay là lời nói
vấn tất mà hậu ý thâm trầm man mác...

(Trích trong quyển "TÔI TỰ HỌC"
sắp xuất bản)



TÌNH XUÂN

Đem tưới nước thương lên cánh hoa
Cho trời Xuân đẹp chẳng phải pha,
Cho tình Xuân mới bừng hương-phấn
Và nụ cười Xuân nở mọi nhà

Một năm Xuân đến bao nhiêu lần?
« Thất khước quang âm vô xứ tầm »
Ai đó? Vui Xuân đi kéo trẻ,
Mai tàn cuộc, tất cả phai dần...

Người ta đi phố để tìm hương,
Xem vạn sắc hoa nở dọc đường
Tôi ở nhà nâng từng cánh cúc,
Làm thơ kết đọng những tình thương:

Nước non "say ngủ" đến bao giờ?
Không dậy mà vui nắng tự do?
— Hay sợ? Hay buồn vì tội phạm?
Mùa thương không ấm trọn đời bờ?

Người yêu còn khóc nữa hay không?
Thương nhớ bay lên phủ ngập phòng
Xuân vẫn tha thiết mùi Hạ mộng...,
Tình thương chưa đủ sưởi hai lòng

Từng sóng người đi hưởng nhạc Xuân
Mình tôi ở lại để băng-khuàng,
Ngoài trời xuân nở màu xanh đỏ,
Trong cõi lòng ai nhuộm tím vàng?

HOÀI-DIỆU



LOÀI HÀU, NGHỀ NUÔI HÀU VÀ THÚ THUỞNG THỨC HÀU

Bài của NGUYỄN VĂN CƠ



U khách qua thăm Vịnh Cam Ranh, nhiều người còn nhớ hương vị của món hàu Ba Ngòi.

I— Hàu là một loài như thế (1) cùng họ với loài trai

bến, hình dáng xù xì nhưng thịt rất ngon, vỏ cứng có hai mảnh chấp lại với nhau như cái bìa quyển sách, mảnh dưới bám chặt vào đá hoặc cành cây và dính với mảnh trên bằng một sợi gân chẳng khác gì cái bản lề. Nếu lấy mũi dao cắt đứt sợi gân này, ta có thể tách rời vỏ hàu ra thành hai mảnh và thấy các bộ phận sau đây : a) một lớp da mỏng, màu trắng trắng bao bọc chung quanh con hàu như cái áo tơi, động đến là co lại; b) bộ máy hô hấp ở hẳn một bên, màu xanh xanh gồm mấy lớp « hoa khế » (2) xếp lại — c) bộ máy tiêu hóa giản dị với cái miệng hình ống, cái dạ dày nằm gọn trong lá gan màu nâu và khúc ruột ngắn, quanh co, tận cùng là hậu môn — d) bộ máy tuần hoàn gồm có trái tim con con — g) và sau chót là một bắp thịt khá khỏe để khép chặt hai mảnh vỏ với nhau khi gặp hoàn cảnh bất lợi.

Về mùa Xuân và mùa Thu, thức ăn có nhiều, hàu rất béo, trong thân chứa đầy can đường tố (3) nên rất ngon.

Về mùa hạ, bộ phận sinh thực phát triển mạnh, choán gần hết chỗ, màu trắng như sữa. Hàu có con dục, có con cái nhưng có con lưỡng tính nghĩa là mang trong mình cả hai bộ phận sinh-thực dục và cái. Điều rất lạ là trong mùa sinh-sản một con hàu có thể biến tính, đang dục hóa ra cái hay ngược lại. Như vậy khỏi lo « cái » thừa « dục » thiếu. Nếu loài người cũng vậy thì tiện biết bao !

Hàu có nhiều giống khác nhau nhưng hàu ăn được gồm có 2 thứ : hàu đẹp (4) và hàu dài (5).

Hàu đẹp hình tròn tròn như cái đĩa, thịt rất ngon, nhưng khó tính, thích ở chỗ biển nước trong, có đá và nhiệt độ cũng như hàm độ (6) đều đều, ít biến đổi.

Hàu dài, hình thù khúc khuỷu, tuy kém ngon, nhưng dễ tính, không ngại chỗ biển bùn lầy, nhiệt độ cao, hàm độ thấp, mực thủy triều quá thay đổi.

Thức ăn của hàu gồm các chất hữu cơ (7) thuộc giới thực vật hay động vật, rất nhỏ, lơ lửng trong nước như các loại vi ti hải tảo (8) : khuê tảo (9), tiêu mào trùng (10), trứng và ấu trùng (11) của ốc, cua, tôm, cá v.v...

Hàu được 4 năm, đến tuổi trưởng thành và bắt đầu sinh sản. Người ta ước lượng một con hàu 8 tuổi (nghĩa là đang độ sinh sản mạnh) mỗi năm đẻ tới 2 triệu trứng rất nhỏ. Tuy nhiên thế nhưng đến lúc phôi trứng chỉ còn độ 5 sáu con là cùng phân lớn bị hại ngay từ lúc thơ ấu : nào thời tiết thay đổi, nào dòng nước cuốn đi, nào loài vật khác ăn thịt. Đó cũng là một trạng thái của cái « luật thừa trừ » vậy : sinh nhiều chết lắm, nếu không thì đời cho hết ?...

Trứng nở ra về mùa hè khi gặp thời tiết thuận tiện. Ấu trùng phôi lưu trong nước biển nhờ có hàng lông tự động, sống như thế độ 5 6 ngày rồi tìm chỗ « đóng đồn » ở một tảng đá, cành cây, vỏ ốc, mảnh san-hô v.v...

Hàu sống lâu tới hai ba chục năm, nặng 3-4 kí, hàu đẹp đo được gần 20 phân đường kính, hàu dài gần 40 phân. Tại Viện Hải Học Nha-Trang, phòng Nhu-thê có sưu-tầm được một vỏ hàu khổng-lồ. Cũng như nhiều động vật khác, hàu già, lớn con, thịt dai, ăn không ngon. Ngon nhất là những hàu « mới dạy thì » nghĩa là độ 4-5 tuổi, béo trắng, thịt mềm, hương thơm, vị ngọt, ăn với chút chanh cóm (12), tiêu bột thì thật là « tuyệt » !

Trong vịnh Nha trang, ta thường thấy các tảng đá lập lờ mặt nước, trắng xóa như với Đò là những con hàu kết thành đám đông đảo, vô ý xéo phải, đứt chân liền, vì vỏ nó rất sắc (bén) như lưỡi dao. Loài hàu này nhỏ con, chỉ bằng ngón tay cái hoặc chân cái thôi, nhưng thịt rất ngon, giòn và phẳng phẳng mùi dưa hấu.

Về tiết xuân, nếu các bạn có thì giờ, nên thuê thuyền giong chơi trong vịnh Nha trang, mặt biển phẳng như gương, xanh như lơ, gió thổi nhẹ nhàng không đủ làm gợn sóng, các bạn nhớ đem theo ít chanh, hạt tiêu, « ba xi-đề » và một bó đuốc rồi tìm một tảng đá có đóng nhiều hàu, « đồ bộ » lên và lấy đuốc hơ một lượt lên đám hàu : bị nóng, các « chú » đều phải há miệng ra ; các bạn chỉ việc vắt chanh, tra tiêu rồi lấy « cùi dĩa » múc ăn, đưa cay chút « ba-xi-đề », vừa « nhậu » vừa « tán dóc », giữa cảnh trời xanh, nước biếc, ánh nắng vàng dịu, say mê quên đời, tưởng không còn gì thú cho bằng !

Loài hàu, vì ngon, nên lắm kẻ sát hại : nào sao biển (13) nào cá đuối, nào cua, nào ốc khoan (14) nhưng ghê gớm nhất lại là loài người. Từ thượng cổ, khắp các nơi, ở Đông phương như Tàu, Nhật, ở Tây phương như La mã, Pháp, Anh, Bỉ, Hòa lan, Bồ đào nha, Mỹ quốc v.v... số hàu tiêu thụ hàng năm không thể tưởng tượng được ! Có nơi, bờ biển còn thấy những « núi » vỏ hàu ! Và lắm vùng trước kia hàu thiên nhiên đông đảo cả mấy trăm cây số vuông thế mà người ta « soi » hết, đến nỗi không sao tồn tại được !

Trước tình trạng đó, nhiều nước Âu-Tây như Pháp chẳng hạn đã phải nghĩ cách bảo vệ những « kho » hàu thiên nhiên và cả một bộ luật lệ được đặt ra để ấn định việc khai thác cho hợp lý và không tai hại cho loài hàu.

II — Nghề nuôi hàu. — Hàu là một món hải vị quý giá, ai đã dùng qua đều không thể quên được. Hiện nay, các « kho » thiên nhiên không đủ cung ứng cho sự đòi hỏi của các tay sành ăn trên thế giới nên người ta đã phải tìm cách nuôi hàu. Thực ra thì phương pháp nuôi hàu không phải mới mẻ gì. Người Trung Hoa ngày xưa đã phát minh ra nó, rồi truyền qua các nước Ba Tư, Hy Lạp, La Mã đến các nước Tây Âu.

Nuôi hàu ở nước Pháp đã trở nên một « đại kỹ nghệ » và là một nguồn lợi lớn cho quốc gia. Ta cứ lấy vài tí dụ như Canele và Gangevin (15) trong hàng trăm địa điểm chuyên môn nuôi hàu ở Pháp thì rõ : mỗi năm hai nơi nói trên sản xuất hàng trăm triệu con hàu để đem bán ra nước ngoài. Ở các nước Âu-Tây, nghề nuôi hàu rất bành trướng và phổ biến.

Nuôi hàu chia ra làm 4 giai đoạn :

a) Giai đoạn thứ nhất : Trước hết là công việc đi kiếm « hàu non ». Như đã nói ở trên, hàu đẻ về mùa hạ, từ tháng năm đến tháng bảy dương lịch tùy theo thời tiết từng nơi. Hàu đẻ trứng trong nước biển : gặp được tình trùng của hàu dục, trứng đó sẽ nở ra con, phôi lưu trong nước biển một thời gian rồi tìm chỗ « định cư ». Người ta nhằm lúc này đem thả xuống biển những bó cành cây, hoặc những tấm ván hay những viên ngói đã quét một lớp vôi pha cát để hàu non bám vào đó. Sau chín tháng hàu đã lớn bằng ngón tay cái người ta dùng một con dao giống như cái bay của thợ nề, cạo lấy các con hàu do một cách dễ dàng nhờ có lớp vôi cát trên mảnh ván, hay viên ngói. Những con hàu này sẽ được cho vào các « bể » (16) để nuôi cho lớn trong 3-4 năm.

Ngày xưa công việc đặt ngói hay cành cây để « câu » hàu non « chỉ dựa theo kinh nghiệm, không có chỉ là chuẩn đích cả, nên kết quả nhiều khi không được như ý muốn. Vì đặt sớm quá, ngói hay cành cây sẽ bị bùn, rong bám làm cản trở sự định cư của hàu, còn nếu đặt muộn quá, hàu đã đóng ở các nơi khác rồi, nên chẳng thu hoạch được gì.

Ngày nay, nhờ sự tìm tòi của các hải-học-gia, người ta đã biết rõ những điều kiện về thủy triều, luồng nước, thời tiết, nhiệt độ cũng như hàm độ của nước biển thuận tiện cho việc định cư của hàu, nên đã lập ra những « ngư cuộc » (17) có nhiệm vụ thăm dò những điều kiện nói trên để loan báo cho các nhà chăn nuôi biết trước 4 năm ngày mà sửa soạn đồ nghề. Thực là khoa học và chắc chắn.

b) Giai đoạn thứ hai : việc chăn nuôi chính thức bắt đầu. Hàu thả xuống được, người ta đem

bỏ vào những cái « bể » để nuôi, mỗi thước vuông chứa một số hàu nhất định, đừng chật quá (lâu lớn) đừng rộng quá (phí chỗ). Bể đây là những ruộng muối cũ không dùng nữa hoặc những ruộng người ta mới thiết lập dọc theo bờ biển, cửa sông, có cống dẫn nước triều vào ra. Hàu mỗi năm một lứa cần phải san-sẻ cho bớt chật-chội, càng lớn số hàu trong mỗi thước vuông càng phải giảm đi thì mới đủ thức ăn cho hàu mau lớn. Trong thời kỳ này người ta phải săn-sóc đừng để cho sao-biển, cà-ghim (18) cá đuối phá hoại.

c) Giai đoạn thứ ba : « việc » phi dưỡng (19). Hàu bốn, năm tuổi có thể đem bán cho người ta ăn được : tuy nhiên vì còn gầy nên hương vị kém. Người ta phải đem « phi dưỡng » nghĩa là nuôi cho béo (mập) để tăng giá trị. Muốn vậy, người ta để những con hàu đã lớn vào những thửa ruộng riêng và có đặc điểm sau đây : nước mặn vừa, có nhiều thức ăn, và chỉ ngập độ 35 phân thôi, mỗi thước vuông chứa độ 5 đến 6 chục con là cùng. Nuôi như thế trong 8,9 tháng từ tháng 3 đến tháng 10 dương lịch là hàu đã béo trắng, đầy mỡ và ăn đường tở nên rất ngon. Ở vùng Maren (20) bên Pháp, những ruộng dùng để nuôi hàu cho béo chiếm một diện tích gần 200 cây số vuông và hàng năm sản xuất tới 5 trăm triệu con hàu, một thứ hàu ngon có tiếng khắp hoàn cầu, màu xanh xanh vì nó ăn một loại rong sắc lam có rất nhiều ở nước biển miền này trong những tháng 8 tháng 9 dương lịch.

d) Giai đoạn thứ tư : công việc chuẩn bị gửi đi bán. Khi hàu đã thực béo, sắp sửa đem bán, người ta phải để nó vào những cái bể đặc biệt, nước rất sạch, mỗi ngày tháo cạn trong mấy tiếng đồng hồ để cho hàu tập ngậm miệng và giữ nước cho qua phòng khi đường dầu với hoàn cảnh đi đường trường. Sau 7 tám ngày, người ta có thể đóng vào bao, vào sọt thùng gỗ hay hộp bìa mà gửi đi bán không sợ hàu chết khát ở dọc đường.

Hàu có thể ăn sống hoặc nấu chín, nhưng ăn sống vẫn ngon hơn. Nếu bắt được hay nuôi ở chỗ nước bẩn (như gần thành phố, cống rãnh đổ cá ra biển) hàu có thể đem lại cho ta bệnh kiết lỵ, bệnh thương hàn rất là nguy hiểm. Vì thế, hàu phải được

(Xem tiếp trang 44)

- (1) Nhu-thê (mollusques) : động vật không xương sống như ốc, trai, sò, hến, mực v.v..., mình mềm.
- (2) Hoa-khế (branchies) : bộ phận dùng để thở của cá, cua, ốc v.v... thay lá phổi.
- (3) Can-đường-tô (glycogène) : một chất đồng như chất bột lọc (amidon) có nhiều trong lá gạo, bắp thịt.
- (4) Hàu đẹp (huître plate) : thứ hàu vỏ hình tròn và dẹp, thịt ngọt tên khoa học là *Ostrea edulis*.
- (5) Hàu dài (huître portugaise) : thứ hàu có nhiều ở bờ biển Bồ-đào-nha tên khoa học là *Ostrea anguleta*.
- (6) Hàm độ (salinité) : mức độ mặn nhạt của nước biển.
- (7) Chất hữu cơ (matières organiques) các chất tạo nên cơ thể các động vật thực vật.
- (8) Vi ti hải tảo (algues microscopiques) : các loài rong biển rất nhỏ, dùng làm thức ăn cho các động vật.
- (9) Khuê tảo (diatomées) : một loại vi tảo, vỏ cứng có chất « silice ».
- (10) Liền mao trùng (flagellés) : động vật đơn bào mình có một hai sợi tơ để chuyển động.
- (11) Ấu trùng (larve) : Cơ thể của động vật mới nở ở trứng ra.
- (12) Chanh cóm (jeune citron) : Quả chanh còn non, mùi rất thơm.
- (13) Sao biển (étoile de mer) : động vật không xương sống, ở biển, có năm hay nhiều cánh tỏa ra hình ngôi sao.
- (14) Ốc khoan (térébra) : thứ ốc có mũi nhọn, khoan được vỏ hàu mà ăn thịt.
- (15) Canele và Gangevin : địa điểm ở bờ biển phía Tây Bắc nước Pháp.
- (16) Bể (parc, bassin) : khoảng đất trống có nước biển ra vào, tạo lập để nuôi hàu.
- (17) Ngư cuộc (office de pêche) : sở trông nom về các vấn đề liên quan đến việc đánh cá, nuôi cá, nuôi trai, hàu v.v.
- (18) Cà ghim (oursin) : động vật không xương sống, ở biển, mình có gai, trứng ăn rất ngon, hay phá hại các thửa hàu v.v...
- (19) Phi dưỡng (engraissement) : cách nuôi vỗ cho béo.
- (20) Ma ren (Marennes) : địa điểm nuôi hàu ngon có tiếng, ở bờ biển phía Tây nước Pháp.

NGÀY XUÂN, GỬI BẠN

Từ dạo lên giây tập gây đàn,
Sáu năm phúc tổ được bình an.
Lòng cười, xóm xạo càng đông đảo,
Ngày một, ngày hai vẫn hồi han.
Chộp mắt, chuột đi, trâu lại đến,
Vô tình chưa nhĩ cái thời gian!
Nỗi niềm ai đó, ai sầu xứ,
Đối bóng riêng mình chịu thở than?
Vốn định lấy cười thay tiếng khóc,
Mặc cho xuân đến với xuân tàn.

☆

Giờ đây lại đã hết năm,
Gọi là mình gửi lời thăm bạn mình.
Quý nhau vì một chữ tình,
Chuyện xưa nhắc mãi tích Bình-nguyên
quân.

Tuy xa cách vẫn gần gang tấc,
Nghĩ ngạo Hồ, gió bắc mà đau.
Quanh năm cười cợt cùng nhau,
Nay xuân không lẽ lại sầu với xuân?
Ngoài ngàn dặm có nhân ai đó!
Việc trong năm xem có những gì?
Đầu không đặc biệt, ly kỳ,
Góp vào cũng đủ cười khi, đã sao?

☆

Này việc Congo chém giết nhau,
Thực dân ngó trước, Cộng nhìn sau.
Phi-châu đất mới nhiều nguyên-liệu,
Bom súng Nga-xô định đấu-thâu.

☆

Liên hiệp quốc bắt đầu kéo đến,
Cờ-rút-xê (1) vội nhấc cờ... rùa:
Phen này chắc sẽ ăn thua,
Nhặt ba hòn đá ném đùa đầu tay.
Thủ đoạn ấy chẳng may bị lộ,
Chúa trùm ta giả bộ hòa bình.
Đề ngay một bản chương trình,
Quy Liên hiệp quốc chú mình cù ngang(?)
Giờ lại thử ngó sang nước Pháp,
Algérie bá-láp đùa dai.
Lơ mơ, du kích tĩa hoài,
Gửi quân, gửi tướng đại tài, vẫn tòng?
Muốn giải quyết cho xong việc ấy,
Giản dị thay! chỉ mấy vấn đề:
Bao nhiêu lính tráng gọi về,
Nước non việc họ bộn-bề, họ lo.
Tuồng bốn chữ tự-do, dân-chủ,
Thì các ngài thừa đủ cảm thông.
Nào ngờ cứ lác đầu: « nông » (3),
Đánh hoài, đánh hủy tổn công thiệt người
Dân họ Thực không cười cợt nữa,

(1) Kroutchev.

(2) Nga xô phá Liên hiệp quốc bằng cách.

(3) Non: không.

(4) Khong Le 26 tuổi.

(5) Quân chúng: tất cả những ai không phải là đảng viên cộng sản.

(6) Dân ít học thường dùng sai danh từ. Chủ trương nhiều khi nói là chủ nghĩa.

(7) Cộng sản chủ trương thủy tổ loài người là khỉ. Do chiến dịch « phân », có lẽ họ lật ngược chủ trương, cho là loài người bởi chó mà ra chăng?

(8) Trung kien: chữ của cộng sản hay dùng.

Mới bàn rằng: thử chữa ngoại khoa.
Lương y bắt mạch, cho toa,
« Muốn lành, trước hết dùng qua mẹo này
Phải chặt đứt bàn tay cộng sản,
Hỏi còn ai truy cản được mình?
Thế nhưng cũng phải công bình,
Mỗi xa thôi hãy cố tình làm ngo.

☆

Lão-quốc thanh-bình mộng với thơ,
Bỗng nhiên họ đẩy một quân cờ.
Cái anh đại úy Khong Le ấy,
Trót đại bây giờ mới ngẩn-ngơ!
Có lớn không khôn là lẽ vậy,
Hai mươi sáu tuổi (4) vội lơ-mơ.
Bác Hồ xô mũi mũi xênh xệch,
Má nó ồm quần sợ vẫn vơ.
Vạn tượng bởi đâu thành chiến địa?
Cụ Mao phút chốc gặp thời-cơ.
Vài cây bút ri khua xào-xạo
Mấy chú ma-cô chạy lập-lờ.
Tiếng súng Phoumi sôi chính khí,
Lòng dân hưởng-ứng thật không ngờ.
Phouma cuốn gói chuẩn im-lặng,
Mỗi lỗ bà đầm liếc ngẩn-ngơ.
Đại-bác Nga-xô chưa xếp xó,
Bề người Trung cộng vẫn ngồi tro!
Bí lên các cậu la bài-bài,
Hiệp-định Giơ-neo lại khéo vờ!

☆

Vừa đánh trống lại vừa ăn cướp,
Thằng dân đen rách mướp từ lâu!
Cái trò cộng sản gâu gâu,
Điếc tai, ai có nghe đâu mà hồng?
Tuồng là dễ lấy lòng thiên-hạ,
« Quân chúng » (5) khờ, hề lị thì theo.
Thế nhưng quân-chúng đói meo,
Không còn cái khổ mà đeo mới buồn.
Đảng lại bắt luôn luôn ủng-hộ,
Quần-chúng còn ái mộ làm sao?
Cho nên đảng hét, đảng gào,
Hoon-hô đã đeo thề nào cũng vâng.
Làm cán bộ cơm dưng, nước dãn,
Làm dân hèn đói vẫn là no.
Xích-xiêng đồng nghĩa tự-do,
Danh từ kiểu mới, Nga-xô tài vờ.
Gươm với súng cứ kê vào cò,
Hề có gì là đồ cho dân.
Quả nhiên thủ-đoạn tối-tân.
Tông đồ họ Mác tinh thần đã cao!
Chơi toàn những đường dao bí hiểm,
Chẳng trách chi « có điem » vô-cùng!
Mất gì mấy chữ anh-hùng,
Đảng không thả cửa đem dùng cho oai.
Anh hùng: kẻ trồng khoai lúa tốt,
Anh hùng: cô khéo hốt phân hồi.
Anh hùng như thế than ôi!
Bác Hồ kẻ chẳng mấy hồi lên to.
Cả Hà-nội thành kho chứa... « của ».
Gớm, họ trông sáng sửa mặt mày,
Mà sao « chữ nghĩa » (6) thế này?
Phân dưng chủ-tịch mỗi ngày mỗi tăng.
Lũ chó đói, nghe rặng tức quá:
« Cán-bộ Hồ văn-hóa mà cao.
Chẳng hay học-tập thế nào.
Mùi phân giờ chúng ngửi vào hóa thơm.
Chứng đoạt mất « chân cơm » nhà khuyển,

Chắc « anh em » định chuyển vấn-đề.
Nay mai lại sắp đổi nghề,
« Loài người bởi... chó » (7), đã hề gì
chưa?

Chiến dịch phần mới vừa phát động,
Khắp Bắc-Hà, Việt cộng nhưng nhặng.
Đến đây đã hết rồi chăng?
(Vết từ tỷ cận của thằng dân đen!)
Thưa, tưởng bỏ chúng quen làm tới,
Dân đói meo, tức mới mỡ bò.
Cán ta được chén thiệt no,
Liên làm báo-cáo hay-ho lạ kỳ:
« Bởi rét quá nên chỉ bỏ chết,
Thịt bỏ toi đoàn-kết nhân-dân,
Khiến cho họ phẫn-tình-thần,
Tặng gia sản xuất chuyên cần hơn xưa »
Của dân đó, dân chưa được xức,
« Bác » ngồi ngoài « Bác » chực ăn tranh:
Những là « tư sản lưu manh »,
Của riêng còn giữ khó thành đảng viên!
Đảng với Bác, trung kiên (8) mặc chúng,
Còn dân đen giữ đúng lập trường.
Không ăn, đập đồ như thường,
Đảng lo, Đảng lại tổng cường công-an.
Thấy nội-bộ gặp toàn chuyện khó,
Hồ Chí-Minh vội ngó sang Lào
Hợp nhau phát động phong trào,
Lại kêu, lại gọi đồng bào hy sinh.
Lại vận chuyển xa binh thiết giáp,
Quyết phen này phải « ngáp » mỗi to,
Đứa nào còn thích ăn no,
Nói năng còn thích tự do lỗi thời,
Thì xách cổ « lên chơi mạn ngược »,
Vừa đỡ cơm, vừa được công lao.
Ra điều tuân lệnh « bác Mao »,
Xua quân, giúp Pathet Lào, có tôi!

☆

Ngoảnh lại miền Nam, nước chảy xuôi.
Di cư chốc đã bảy năm rồi
Bảy năm nước mắt hòa xương máu.
Ai, tám lòng son có đổi rồi?
Hoa lệ dễ nhòa sông Bến-Hải?
Ngựa xe càng tũn phút chia phôi.
Thằng-long một sớm cờ tung bụi,
Áo vãi Quang-Trung vẫn ngậm ngùi.
Một trận Đống-Đa ngàn thuở nhớ,
Lẽ đâu nuốt hận, nhục muôn đời?
Năm tay phát mạnh cò dân chủ,
Đường dầu còn dài, có tuổi trai.
Có lẽ chúng ta tin Tô-quốc,
Tin rằng chân-lý chẳng hề phai.
Gặp xuân đây nhĩ! Ôi! Xuân nhĩ!
Xuân có là xuân của chúng tôi?
Hỡi bạn mắt xanh ngoài bốn bề,
Đàn ngang xin góp một câu cười.
Chông gai khó nản lòng lưu lạc,
Dẫu thế nào đi xuân vẫn tươi
Ta nằm Tự-do làm khí giới,
Ta say Dân chủ đề yêu đời.
Sá gì gai góc còn giăng mắc?
Lấy bút làm gươm thí nghiệm chơi

☆

Mong xuân, xuân đã đến rồi,
Ai trong tâm sự đó người tri âm?

HÀ-THƯỢNG-NHÂN





NGÀY XUÂN LIÊN TƯỚNG

NGUYỄN GIA TƯỜNG

Dã đến ngày phải góp phần vào số báo "Xuân Tân Sửu". Viết gì đây để cống hiến độc giả ngày đầu xuân năm "con Trâu" ? Thanh Tâm, (huynh trưởng một gia đình Phật tử), ngồi nghĩ mãi

chưa thấy cảm hứng gì. Thằng Cuội chần con Trâu "đau khổ" chăng? Trâu nó trong mơ ngời đất chẳng? Trâu bò húc nhau... chăng? Không được. Có lẽ tự nhiên hơn cả là: Con trâu cày ruộng. Bỗng như chợt nghĩ ra điều gì, chàng đứng phắt dậy: vói tay lên kệ sách rút ra: 4-5 cuốn nhỏ và mỏng, bìa vẽ nhiều màu, có hình Đức Phật thuyết Pháp.

(1) Mở một trang liếc mắt nhòm lại:

... "Quả nhiên từ thuở thiếu thời, trong các môn học tập về văn khoa cũng như võ nghệ, ngài (thái tử Tất đạt Đa) đã tỏ ra một trí tuệ sáng suốt và những tài năng phi thường, khiến cho các danh sư giáo huấn ngài phải thán phục. Nhưng có một điều làm cho phụ vương lo ngại (sợ con bỏ đi tu), là đức hạnh từ bi của thái tử cũng phi thường. Chẳng hạn trước cảnh người nông phu cày ruộng, chẳng những thái tử thương người vất vả, đôi mắt mờ mờ, mà ngài thương cả con trâu kéo cày, thương cả con run bị lưỡi cày đào dưới đất lên. Run đang quần quai thì cả đàn chim liệng xuống tranh nhau sâu xé. Chim cướp được mỗi về nuôi con... để chim con lớn lên sẽ làm mồi cho thú dữ, cho thợ săn..."

Thanh Tâm yên chí tự nhủ: thối thế là được. Bây giờ chỉ cứ việc theo liên tưởng mà viết:

"Vội tâm lòng từ bi phi thường đó, thái tử Tất đạt Đa nhận thấy đời sống của loài người cũng chẳng có gì sung sướng hơn đời thú dữ, chim chóc, trâu bò hay run bọ. Trong xã hội Ấn Độ thời bấy giờ, tuy cùng là giống người mà chia làm nhiều giai cấp: trên nhất là Bà la môn, thứ đến các vua chúa, rồi đến thương dân, và dưới cùng là "cùng đinh", hạng người phải chịu cực nhục hơn cả. Lại xét về phần từng cá nhân thì ngay trong các giai cấp trên có thiếu gì những thêm muốn bắt nạt, những cạnh tranh ác liệt, những ghen ghét oán thù, đã phá lẫn nhau? Mà đầu sao cũng chẳng tránh khỏi cái tuổi già mất lòa chân yếu, cái bệnh tật nó rày vò thân thể, cái chết một khi đã đến thì cái xác thịt dầu cho có ai thương tiếc đến đâu cũng phải đem chôn cho mau... phó mặc cho bộ xác chết run rẩy. Chung quy con người cũng như các sinh vật khác, chỉ cứ loanh quanh luẩn quẩn trong cái vòng "ăn lẫn nhau" và đau khổ... Cho nên thái tử quyết tâm từ bỏ ngai vàng để đi tìm một cái gì có nghĩa lý hơn theo lòng từ bi của ngài."

Sau trên dưới chục năm cam chịu mọi thiếu thốn về thể xác để cho tâm trí được thanh thoi mà suy ngẫm, nhất là sau cùng trong 49 ngày ngồi nhập định, hoàn

(1) Sách "Phật giáo thế gian" do Hội V.N.P.G. tặng.

toàn bỏ mặc thể xác và cho tâm trí lắng trong đến cực độ, thì ngài chứng nghiệm được cái mà ngài muốn tìm ra. Theo ngôn ngữ trần tục thì bảo là ngài đã "đắc Đạo Giác ngộ", ngài "thành Phật". Từ đó trong gần nửa thế kỷ, ngài đem những điều xét ra cần thiết để giải thoát khỏi đau khổ mà giảng dạy cho người đời. Đức từ ngài đã ghi chép lại được thành kinh sách, di truyền đến ngày nay.

Nay nhân dịp đầu năm, thiện nam tín nữ nô nức đi chùa lễ Phật, có lẽ nội những điều dạy trong kinh sách, hợp thời và nên nhắc lại nhất là mấy câu này:

"Phật ví Đạo Ngài đã chứng nghiệm như bó đuốc soi sáng trong đêm tối. Ngài nói: "Mỗi chúng sinh đều có sẵn trong tâm một bó đuốc" và khuyên: "Hãy tự thắp đuốc lên mà đi."

Trước hết, tại sao Ngài lại ví Đạo Ngài như bó đuốc sáng trong đêm tối? Liệu trong thời đại khoa học đang tiến mạnh này, cách so sánh đó có còn đúng nữa không? Mặc dầu những phát minh khoa học cứ liên tiếp được tuyên dương, nhưng có một sự thực hiển nhiên là cuộc đời của con người vẫn còn phần mờ mịt bí hiểm chẳng khác đêm tối vậy. Hãy lấy ngay "Hội nghị tối cao" kia của các đại cường quốc làm thí dụ. Tại sao chưa hợp đã tan? Trong số các người đứng ra tổ chức và tham dự chắc chẳng thiếu gì khoa học, văn học, triết lý, chính trị. Lại cũng chắc có một số nào thừa hiểu rằng cần phải đi tới sự cảm thông với nhau, bằng không sẽ có thể đi tới chỗ tự sát cả. Vậy mà ai nấy cứ phải lẫn lộn nhau bằng từng lời nói, từng cử chỉ, từng thái độ, chẳng khác ta lẫn mò trong đêm tối, mà vẫn là phỏng đoán cả, chưa ai dám chắc rõ được ý định của đối phương? Hơn nữa, họ lại cũng lợi dụng tính cách bí hiểm của sự mù mờ mà tìm cách dọa nạt lẫn nhau như trong đêm tối. Nói chán, dọa chán, bỏ ra về. Ai cũng phải có cảm nghĩ: cuộc đời quả thực mù mịt và bí hiểm. Lại cũng chắc có người phải tự hỏi (theo lối Phật tử): đời sống có quả thực cần đến từng này "tham, sân, si, mạn" chăng?

Thứ là nên đề ý: Phật không bảo chỉ có Ngài mới có đuốc mà thôi. Trái lại, ngài dạy: đã là người thì ai cũng sẵn có một bó đuốc trong tâm. Ngài lại cũng không bảo: đuốc của ta đã sáng thế này, ta đi trước dẫn lối, các đệ tử cứ việc theo sau là thoát khỏi đau khổ và được sung sướng. Mà ngài lại dạy: Ai nấy phải tự thắp đuốc của mình lên mà soi lấy đường đi. Trong kinh sách còn có chỗ nhấn mạnh vào điều đó, Ngài nói: "Chưa hiểu rõ mà đã vội theo là phản Đạo". Tại sao lại có thể gọi được là "phản Đạo"? Bởi vì mới thấy có người tin đã vội bắt chước tin ngay, không chịu tìm hiểu chắc chắn, thì tất không tránh được những hành vi trái ngược hẳn với tinh thần Đạo. Những hành vi đó

CL. ĐỨC

khuyến cho kẻ đứng ngoài có thể vì phát ngôn mà không muốn tìm Đạo nữa.

Thứ nữa là : nếu Đức Phật của Ngài như bố đức sáng, mà lại khuyên đệ tử : " hãy tự thấp đức lên ", thì câu khuyên này còn ngụ ý là tất cả công việc học Đạo chỉ có thể thôi. Như vậy thì phạm những nghi thức tụng niệm cùng với những kinh sách di truyền chỉ là những phương pháp và tài liệu để cho tín đồ dùng mà học tập lấy cách " tự thấp đức lên " mà thôi. Thấp được sáng lên đến chừng nào là do nơi thành tâm và kiên chí của mình trong việc học tập, chứ không nên chỉ quan tâm về cái hình thức bề ngoài mà thôi. Lễ bái, tụng kinh, niệm Phật là cần, nhưng chỉ khi nào được cảm thấy " tâm minh, tính kiến " hơn, ấy mới là " được châm đúng cách và bắt đầu sáng ".

Sau hết, tận cùng câu " Hãy tự thấp đức lên " còn hai chữ " mà đi ". Hai chữ này quan hệ cho đời sống tâm. Đức Phật không bảo : hãy thấp đức lên mà xem cuộc đời, nó đầy đầy những " tham sân ái mạn " ; ngồi đây mà ngắm, ngắm cho đến phát chán rồi xuất gia tu hành thì mới sẽ thành Phật được. Hai chữ " mà đi " có nghĩa là khi " được " đã sáng lên phải biết nhờ ánh sáng đó mà soi con đường đời cho thấy được rõ những chướng ngại ngằn ngang và nguy hiểm, mà tìm cho được lối đi. Sống là phải tiến bước lên, mà tiến bước là phải vượt qua tất cả những chướng ngại đó. Có nhờ được ánh sáng của Đạo mà vượt qua thì mới đỡ tổn thương đến thể xác hoặc tâm hồn, tức là đỡ đau khổ. Còn như thiếu ánh sáng của Đạo, mà chỉ vì tham lam, mê hoặc, khiếp nhược hay kiêu hãnh mà cứ bước trần, tất không thể tránh khỏi vấp ngã, chìm đắm, sa đọa.

Sa đọa nghĩa là, tuy vẫn còn hình tướng con người nhưng tâm hồn đã sa sút xuống thấp lắm, không ai còn dám tin. Đã không ai dám tin thì tất chỉ gặp được cách đối xử cũng chẳng đáng tin. Một cuộc đời mà không dám tin ai và cũng không ai dám tin, thì dầu bề ngoài có tráng lệ đến đâu, về nội tâm cũng chỉ là một thứ địa ngục ở trần gian.

Có thể nói rằng : trong câu " Hãy thấp đức lên mà đi " của Đức Phật dạy có hai phần ; phần thấp đức là cần thiết đã đành, nhưng cái phần biết nhờ ánh sáng của đức mà giải quyết các vấn đề lớn nhỏ trong cuộc đời lại là quan hệ nhất về thực tế.

Chắc theo quan điểm thực tế này cô nhân mới có câu : " Thứ nhất là tu tại gia, thứ nhì tu chợ, thứ ba tu chùa ". Phải lấy từ tâm mà hiểu là, theo các cụ, đi chùa lễ Phật chỉ mới là bước đầu trong việc tu, cần biết thực hành Đạo trong cách đối xử với mọi người và nhất là với gia đình, mới thực là quý. Câu đó không có ý nghĩa bài xích việc tu học. Bởi vì tuy thực tế mà các cụ vẫn có thể rất thành tâm trong sự đi chùa lễ bái.

Có người cho rằng các cụ chỉ biết thành tâm " cầu phúc ", ngụ ý chê như thế là dị đoan. Cứ theo nghĩa câu Phật dạy kể trên, có thể hiểu được rằng mục đích theo Đạo gồm hai phần : " Cầu Tuệ " và " Cầu phúc ".

Mong thấp được đức lên cho sáng, ấy là " cầu tuệ ". Mong nhờ đức tuệ mà giải quyết được những vấn đề khó khăn há chẳng phải là " cầu phúc " tu ? Nếu lại xét kỹ liên quan giữa hai phần đó tất sẽ nhận ra đức tuệ càng sáng tỏ thì họa càng dễ tránh tức là phúc càng dễ cầu. Như vậy đi lễ cầu phúc không phải là dị đoan mà chỉ là thiếu sót. Thiếu sót tất là " quá phúc " không thể hoàn toàn được như ý sở cầu mà thôi.

Điều thiếu sót đó chắc mỗi ngày " sẽ được bổ khuyết dần dần, với những kinh sách được diễn giảng càng ngày càng nhiều. Có công tìm hiểu tất cả việc tu hành sẽ mỗi ngày thêm hoàn bị, Tuệ và Phúc sẽ song song cùng tăng tiến ".

Đến đây giọng " Liên tưởng " của Thanh Tâm kéo dài khá dài, chẳng xin phép đọc giả chỉ thêm vài lời như đề kết luận :

" Với phong trào tu và học Đạo đang phát triển mạnh mẽ chẳng những ở xứ ta mà còn ở nhiều xứ khác, khắp thế giới, ngày xuân năm Tân Sửu đây là một dịp tốt lành cho Thập phương thiện hữu vãng cảnh Thiên môn, để được thăm nhuần thêm đạo hạnh của Đức Vô lượng Từ Bi. Đối với dân tộc, ngày tết đi lễ chùa là một tục lệ đã thâm nhập tâm hồn chẳng khác thường lệ cứ đến ngày xuân là theo nhau tìm về nơi xây dựng tổ cũ đã thâm nhập " tâm hồn " chìm yển vậy.

Có lẽ có bạn thanh niên muốn hỏi các cụ đi lễ : " cầu phúc " là thế nào. Không chắc đã mấy ai giảng được cho vừa ý bạn. Nhưng nếu ưa suy luận, chúng ta có thể hiểu " cầu phúc " là mong nhóm lại cho sáng hơn cái ngọn " đức lòng " mà vì quanh năm mãi việc đời đã có khi xao lãng. Cần phải sửa sang cho nó sạch muội tàn và sáng tỏ lên mới được yên tâm. " An Lạc " hay yên tâm và vui vẻ sống theo Đạo lý, đó là hạnh phúc ở đời của người theo Đạo Phật.

ĐÊM VIỄN PHƯƠNG

I
Khuya ấy mưa rơi iu iu phố phường
Phòng trai, ta, bạn — khách tha hương
Chạm đầu trao ký câu tâm sự
Mặc tiếng hàn ca buổi gió sương.
Bạn hát nghêu ngao câu Thái bạch
Ta cười mai mỉa gái Tây phương.
Cáo thơm bao gói bao lần mở
Thơ đọc vang vang loạ n thịnh Đường.

II
Thơ đọc vang vang loạ n thịnh Đường
Nhưng đầu trắng cũ thuở hoa hương ?
Ngâm câu Triết liêu mơ người cũ,
Ca điệu Thanh bình vọng cổ hương.
Ô thước bay về sông Xích Bích
Ti bà gây nhớ tích Tầm Dương.
Mong manh hơi lạnh chòm đô thị,
Chữ rồi, giòe hoa, dạ sóng cồn.

III
Chữ rồi, giòe hoa, dạ sóng cồn
Lòng trai vắng vặc ớn thê lương.
Sầu xây non biếc, buồn sâu biển,
Tiếc héo hoa tươi, nhớ ngợp hồn.
Người sống mê say đời lãng mạn
Kẻ về gian dẫu nợ văn chương.
Gió mưa thua kiếp đời chàng trẻ
Tinh chất lung trời, vụn vụn vương.

IV
Tinh chất lung trời, vụn vụn vương.
Đôi lòng giao cảm chút cô đơn.
Mang mang sương dật vàng mong nhớ
Thánh thốt mưa than lịch chán chường.
Say, dạ còn mê thời Đế Thục
Tĩnh, lòng vẫn luyến chuyện Hoàng Lương...
Trà thơm, tình ngát eo phòng rộng
Bạn với ta chung một đoạn trường.

V
Bạn với ta chung một đoạn trường,
Dụi tà: điều thuốc nhớ gia hương.
Khói lơ lờ lửng trên hiên trọ
Tĩnh biếc bằng bằng dạ hí trường.
Sự nghiệp phôi mờ thời nguyệt lạc,
Cồng danh tàn phá một trời hương.
Ai hay trai tráng pha tình lự
Gió lộng mưa khuya lại thẳng dương.

VI
Gió lộng mưa khuya lại thẳng dương,
Lệ tròn khế mắt kẻ ly hương.
Nửa đêm đối ảnh nao nao nhớ
Một chén li tình thồn thức thương.
Nặng chiu bên vai lòng cổ quận
Nát tan trong dạ mộng yêu đương.
Tìm hương duyên nghiệp nơi trời lạ
Mộng khách thanh som quán đại dương

VII
Mộng khách thanh som quán đại dương
Nhưng quên sao chuyện gái thiên hương ?
Men duyên tình đáng còn mê mãi,
Mộng trước hêu cay vẫn tiếc thương !
Tuổi chớm thanh xuân lung nặng tuyết,
Danh vừa hé nụ tóc hoa sương !
Hiên ngang thừng thính qua ngõ quạ
Ta bạn chia đôi ánh ngọc dương.

VIII
Ta bạn chia đôi ánh ngọc dương...
Tối ngày, tận thẳm chuyện từ chương.

Tâm tình u uất mờ duyên thắm,
Tắc dạ phôi pha nhạt nự hương.
Nửa kiếp ngang tàng chưa đạt vọng,
Trọn đời đắm đuối với thê lương ?
Yêu đương là đại hội niên thiếu
Tư sự u buồn tựa tịch dương.

IX
Tư sự u buồn tựa tịch dương.
Dị tình thao thức rộn canh trường.
Trang thơ thù dệt, lời vương ngọc
Và lệ đan đề, ý đượm chương.
Hoa thiếu mê say bề kiện tướng,
Đầu xanh chìm đắm hận yêu đương.
Vinh hoa, duyên nghiệp lửa trai tráng
Bạn riều, ta cười chuyện nhiều nhương.

V
Bạn riều, ta cười chuyện nhiều nhương ;
Muốn cười, muốn riều cũng tơ vương !
Gió đêm tuyết, lạnh chòm ngang tình,
Đèn nhạt, tàn xanh giới ngợp buồn ;
Bờ ngõ hoa niên tìm lối mộng,
Bâng khuâng sự nghiệp lạc mùa hương.
— « Xuân thu hỗn cộng sầu thiên hạ
Liệu độ buồn ta đêm viễn phương ! »

NGUYỄN-GIA-KHÁNH

Đặc phái viên của nhật báo Tự Do
tại Ba Lê

VŨ VÔ KIỀM TỎA

Còn mưa, còn mưa... Chưa ngọt đầu !
Mưa qua ngày trắng sang đêm nâu
Đồng hồ như chạy bằng hơi nước,
Chờ nặng Thời-gian vạn chuyển tầu.

Còn mưa, còn mưa... Chưa dứt đầu !
Mưa xuyên biển Á qua trời Âu.
Không gian nổi loạn muôn hình thể
Như chiếu vào gương lõm mặt cầu.

Còn mưa, còn mưa... Chưa tận đầu !
Mưa trút bề cao vào bề sâu.
Tư duy chết đuối theo tiềm-thức,
Mờ hết thiên-tâm loang địa-cầu.

Còn mưa, chưa biết đến bao giờ...
Thôi hẳn sông Ngân nước vỡ bờ !
Trái Đất trườn ra ngoài quỹ-đạo
Vẫn không vượt khỏi ngục tù mưa.

Còn mưa... Rồi sẽ đến vô-cùng !
Khởi nước đề lên bệ thủy-cung.
Ngũ-đại-dương thành tên gọi hảo ;
Năm châu vùi xuống đáy mồ chung.

Còn mưa... Chẳng một cõi Vô-thường,
Mà cả tình-thiên, cả túy-hương
Cũng đến giam trong kiềm-tỏa ấy ;
Con-người thôi hết đất xưng Vương !

Trái-Nước thay vì Trái-Đất quay,
Mưa, mưa ! Xiềng-xích bốn bề vây.
Họa chẳng nhờ phép Thín Non Tâm
Còn vũng Thi-Sơn một đỉnh này !

VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG 1960

(Trích thi-tập
TRỜI MỘT PHƯƠNG
sắp ấn hành)





M

ỪNG hai Tết, năm Đinh-Hợi (1946).

Bộ đội An-Điền, — một trong những bộ đội kháng chiến Quốc-Gia ở Nam-Bộ — đã băng đồng nhân đêm tối rời miền Thủ-Đức sang khu Bà-Quẹo, tỉnh chuyển « mần ăn ». Miền Bà-Quẹo, đã từ vài tháng nay, được Pháp cho là tương đối yên-tĩnh, nên những cuộc tấn công đồn lẻ chắc có phần dễ dàng. Cuộc đi được giữ hoàn toàn bí mật. Anh em đều nức chí, vì đã lâu chưa được đánh những trận lớn, và nhất là, vừa ngày mồng một Tết hôm qua; bỗng nhiên được một món quà « mớ hàng » thú-vị, món quà ấy khiến ai nấy đều tin bộ đội sẽ gặp may trong năm mới.

Sáng Mùng Một Tết hôm qua, anh chỉ huy đã tập hợp anh em để chúc Tết. Mọi người nhận thấy, thiếu mất hai em nhỏ, Rật và Rô. Trong bộ đội, có đủ hạng người: một anh kỹ sư, hai anh giáo sư, mấy công chức, mấy học sinh, sinh viên, nông dân và công nhân nhiều hơn cả, và đặc biệt nhất là hai anh chuyên môn ăn trộm (từng hành nghề tại Thủ Đức) và hai em nhỏ vừa nói trên, Rô và Rật. Rô mới 12 tuổi, Rật 10 tuổi nhưng giỏi đồng miền Nam và mấy tháng chiến đấu đã làm hai em lanh lẹ, tháo vát và can đảm như người lớn. Giữa mồng một Tết mà thiếu mất hai em nhỏ ấy, thì thật là buồn. Chúng là hi vọng, là nguồn vui của bộ đội. Chỉ với những hành vi nhỏ nhỏ mà chúng là cái gương cho mọi người. Trong một thoáng, anh em nhớ lại ngày hai em gia nhập bộ đội. Lúc đó là tháng 10 năm trước, một tiểu đoàn tuần tiễu địch, đi dọc theo đường xe điện Saigon—Gò Vấp để xem xét tình trạng đường rầy. Ra khỏi Bà Chiểu một chút, họ đứng sừng lại: có một ụ đất đắp chình ỉnh ở đường rầy. Ụ đất mới đắp vào hồi hôm, còn ướt. Lính sục vào các nhà lân cận, lôi ra được dăm dờ nhỏ, đều trên dưới 10 tuổi. Mấy đứa nhỏ bị nắm tóc, lôi ra tới đường rầy. Một tên lính sục sạo, lấy được mấy cái sừng cuốc.

Một tên khác vừa la lớn, vừa cầm cái sừng sục đất ra hiệu cho mấy đứa nhỏ phải phá cái ụ, bằng không sẽ bị bắn chết (vừa nói, vừa lấy đầu lưỡi lê thúc vào bụng thằng lớn nhất). Đoạn chúng đi tuần lên miệt Gò Vấp. Gần một giờ sau, chúng quay trở lại trên đường rầy, bên cạnh cái ụ đất cũ, lại thêm một ụ đất thứ hai, nằm chình ỉnh. Mấy tên địch lòng lộn, như hổ dữ, đập cửa các nhà lân cận. Không thấy ai để trút cơn giận chúng nổi lửa đốt. Bỗng thoáng thấy mấy đứa nhỏ đang xa, chúng ầm ầm rượt theo. Mấy đứa nhỏ co cẳng chạy. Một phát súng nổ vang.

Nhưng xa tầm quá, bắn khó trúng. Cả toán lại rượt. Mấy đứa nhỏ chạy biến vào trong rừng cao su. Bọn lính đuổi tới nữa. Nhưng bỗng một loạt tiểu liên từ rừng cao su bắn ra, đã làm chúng tháo lui vội vã. Trong đám em nhỏ, có 2 đứa lanh lợi nhất, mở còi cha mẹ, đã nhất định xin theo bộ đội. Chúng là Rô và Rật. Từ đây, chúng là những chiến sĩ tí hon đặc lực. Sau mỗi trận chạm súng, chúng chạy tới chỗ quân Pháp từng nấp bắn. Vì quân này bắn tóe phi rất nhiều đạn, nên chúng lượm được rất nhiều « đùi ».

Đủ các thứ « đùi ». Đùi 12 ly 7 cho FM, đùi 9 ly cho tiểu liên. Chúng khệ-nệ khiêng về hàng túi rết đây, bộ đội chỉ cần đặt hết nổ và nhồi thuốc, đoạn đúc những viên đạn chỉ nhét vào, là lại có đạn để bắn.

Thế mà giữa lúc vui-vẻ sáng mùng-một Tết, mà chúng lại đi mất! Anh Bảy lác đầu, nói:

— Không chừng đến Tết, chúng nhớ làng xóm, nên tìm về làng chó chỉ.

Nhưng anh Phiệt chỉ buy bảo:

— Không chắc đâu. Thế nào chúng cũng về đây mà...

Trộn một ngày, chẳng thấy chúng đâu. Tối mịt, thì chúng về. Chúng khệ-nệ mang về mỗi đứa ba, bốn cây súng. Súng trường, tiểu liên, đủ cả. Mọi

TẾT... KHÁNG-CHIẾN NAM - BỘ

Bài của TRẦN VIỆT SƠN

người trở mặt ngạc nhiên và reo hò. Rật đã liền miệng kể lại:

— Chúng em tấn công mấy tên lính Chà, các anh ơi.

— Bây làm vậy, lần sau chết uổng mạng, nghe! Anh chỉ huy chặn lời.

— Chết sao được anh? Chúng em chỉ tấn công có một xe đi lẻ thôi. Chờ mãi mới thấy một xe đi lẻ. Em nằm bên đường, giả bộ bị đạn. Bọn Chà có mấy tên, tốp xe lại nhảy xuống, thì Rô từ trong bụi cây, chạy ra, la lớn: « Giơ tay đầu hàng ». Em cũng chỗi dậy, lựu đạn mở nắp sẵn trong tay, chúng em giờ cao lên... Mấy tên lính Chà cười lớn, các anh à! Sao? Nhưng chúng cũng giơ tay. Chúng em đòi lấy súng. Thế rồi một tên khuôn sùng liệng trên đường. Và rồi chúng lên xe đi. Mà chúng cứ cười thôi, các anh à! Sao chúng cười, anh?

Anh chỉ huy bảo:

— Thế là chúng tặng các em súng đó. Nhưng đồng thời chúng cũng thăm phục gương can đảm của các em đấy.

Mọi người reo hò, mấy anh chạy tới công kênh Rô và Rật lên vai rồi chạy tung tung mấy vòng. Tất cả xúm lại điểm chiến lợi phẩm: toàn súng mới, và tối tân.

Được súng ngon lành như vậy giữa mồng một Tết, thì trọn năm phải hên rồi. Đến đêm, bộ đội từ già làng, sau khi cho hay sẽ lên miệt Biên Hòa.

Nhưng rồi, đi một đoạn đường dài, bộ đội được lệnh đi vòng trở lại, để xuống khu Bà Quẹo. Anh Tấn hỏi anh Phiệt: Bộ anh sợ dân làng báo tin với Pháp sao, mà phải nói dối vậy?

Phiệt lắc đầu:

— Không phải đâu, chú ạ! Anh chỉ sợ những phần tử của Nguyễn-Bình báo tin với Tây thôi.

Đêm đó, tới Bà Quẹo, bộ đội dừng lại ở một thửa ruộng, phía Bắc ấp Tám. Mặt Nam của ruộng là đồng - ruộng và làng, phía Tây là con đường lớn, phía Đông là một con lạch (kênh) nhỏ, con lạch này chạy bao lấy mặt phía Bắc ruộng. Rừng cây thưa, không một bóng người. Lúc này, Tây chỉ tấn công bằng đường bộ vì chúng nhiều xe hơi và chỉ có ít xuống cho nên anh Phiệt chọn nơi gần lạch để đóng binh, vừa có nước tắm, vừa xa đường lộ, vừa ở sâu trong ruộng và được an toàn. Mồng 2, mồng 3, vui vẻ cả. Rô và Rật lang bang trong miền đi quan sát mấy đồn Tây.

Sáng sớm mồng 3, tiếng động cơ vang lên từ phía lạch.

— Xuống địch, anh em ơi.

— Mấy chiếc? anh Phiệt hỏi.

— Một chiếc. Bắn không?

Anh Phiệt quát vội.

— Không bắn. Nằm xuống hết, ẩn mình sau cây và lá. Đừng để lộ hình tích.

Chiếc suồng tuần tiễu của địch chậm rãi đi qua. Đến chiều nó lại đi một lần nữa. Bộ đội đã được lệnh thận trọng và giữ mình cho khỏi bị lộ, để chờ lệnh đi đánh một đồn nào đó ở gần...

Đến sáng mồng 4, lại tiếng động cơ của chiếc suồng văng vẳng. Tiếng động cơ lại gần rồi lại nhỏ dần và đi ra xa, về phía Nam, phía ấp 8. Bỗng tách-tách, một hồi tiểu liên, rồi pầm-pầm, súng máy lớn bắn như trời. Đúng là đánh nhau rồi. Anh Phiệt đứng lên, nghe ngóng. Anh em điếm lại các đội, thấy đủ người. Chỉ thiếu có Rô và Rật, đã đi thám thính đồn địch từ sớm. Nhưng Rô và Rật làm chỉ có tiểu liên? Đến một trái lựu đạn cũng không mang đi. Vậy thì ai bắn? Bộ đội kháng chiến nào tới gần đây? Tại sao họ lại bắn ngu dại như vậy?

Lát sau, đã thấy Rô, Rật chạy về:

— Bọn chỉ đội của Nguyễn Bình cũng vào bưng các anh ơi. Tụi chúng bắn xuống Tây đó.

Anh Phiệt lắc đầu:

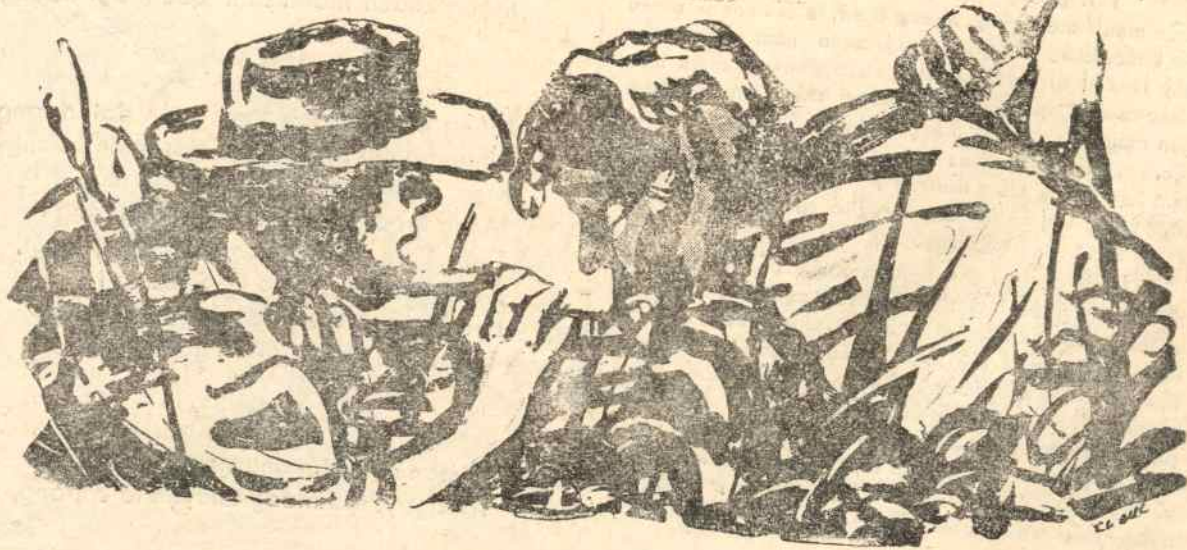
— Bọn Nguyễn Bình lại biết tung tích anh em mình rồi. Hay thiệt chứ, mới có hai ngày mà họ đã tới kịp đóng kềm bên anh em mình rồi. Cái điều này là Nguyễn Bình bắn xuống Tây dạng báo cho Tây hay rằng có quân kháng chiến trong bưng này. Bữa nay thì không có sao, nhưng nói bữa mai là Tây đến bả làng và tấn công chúng mình cho coi. Vậy chuẩn bị đêm nay lên đường. Nhưng phải canh chừng coi bên chỉ đội Nguyễn Bình chuyển quân thế nào đã, rồi hãy quyết định hẳn.

Chỉ đội đi theo Nguyễn Bình lúc ấy, vào khoảng 200 người. Bắn xuống rồi, họ không vội rút đi ngay, họ lại vào bưng để đóng quân ở lại.

Thế là trong bưng, bộ đội An-Điền đóng phía Đông, bộ đội của Nguyễn Bình đóng phía Tây cùng hướng về phía Nam để phòng quân địch tới. Riêng bộ đội Nguyễn Bình còn phải phòng phía Tây, nơi có đường bộ lớn từ Saigon lên. Pháp còn có thể dàn quân một đó:

Anh Phiệt hỏi các anh em Tham-Mưu lại để bàn tính. Anh Bảy bàn:

— Nguyễn-Bình tới đây, hẳn là có chủ-đích, và đã tính lại ngầm chúng ta mấy lần mà chưa được, (Xem tiếp trang 35)



Năm mới, thêm 1 năm đau khổ cho miền Bắc, ta ôn lại câu chuyện cũ :

CỘNG SẢN KHÔNG CẦN DÂN

Bút ký của TRỰC NGÔN

BÍNH TUẤT NIÊN, ĐẠI LOẠN QUỶ TÂY MA VỆM

D

AU NĂM 1946, quân đội Trung Hoa, do tướng Lư Hán chỉ huy, còn đóng ở Bắc Việt và phía Bắc Trung Việt để giải giáp quân đội Nhật, nhưng đã có tin đồn rằng quân đội Pháp được

Đổng Minh cho phép trở lại Bắc Việt thay quân đội Trung Hoa trong nhiệm vụ tước khí giới quân đội Nhật.

Vì thái độ ngang ngạnh của Pháp, vì áp lực của quân đội Trung Hoa và vì sự đòi hỏi của nhân dân, nên chính phủ Cộng sản Hồ Chí Minh đã xoay chiều, miễn cưỡng lập một chính phủ Liên hiệp Quốc gia kháng chiến.

Ngày 2 tháng 3 năm 1946, Chính phủ Liên hiệp quốc gia Kháng Chiến ra đời có các nhân sĩ sau đây giữ các trách vụ quan trọng: Chủ tịch HỒ CHÍ MINH, Phó chủ tịch NGUYỄN HẢI THẦN, Chủ tịch quân sự Ủy viên hội (rúc là Bộ Quốc phòng): VÕ NGUYỄN GIÁP; Phó chủ tịch là VŨ HỒNG KHANH; Bộ trưởng ngoại giao là NGUYỄN TƯỜNG TAM.

Chính phủ LIÊN HIỆP QUỐC GIA KHÁNG CHIẾN vừa ra đời được ba hôm thì tin Quân Pháp neo vào cửa bể Hải phòng bắn ra ngày một dữ dội. Chính phủ ngầm thúc bách dân chúng tản cư để tránh chiến.

Nhưng đây chỉ là mưu mẹo của Hồ Chí Minh vì mọi việc đã thu xếp với Pháp từ trước rồi, mọi hành động chẳng qua chỉ để huyền hoặc lừa dối quốc dân.

Cho nên tới ngày mùng 6 tháng 3 năm 1946, trong lúc Hồ Chí Minh nhân danh chính phủ Quốc gia Liên hiệp Kháng chiến lâm thời Việt Nam đang điều đình với Sainteny, đại diện Pháp, tại nhà Câu lạc bộ Pháp cũ ở cuối vườn hoa Paul Bert, cạnh nhà Kho bạc, thì quân Pháp kéo cờ tiến vào cửa bể Hải phòng.

Nhưng đoàn quân này bị quân Tàu đóng ở Hải Phòng cản trở. Hai bên đánh nhau dữ dội, có dân Việt Nam và quân đội của Việt Nam Quốc Dân Đảng trợ lực quân Trung Hoa. Quân Pháp bị bắn đắm mất mấy chiếc xuồng nên vội vàng kéo cờ trắng rút lui về các cầu của họ ở ngoài khơi.

Ngày chiều hôm mùng 6 tháng 3 ấy, đúng 4 giờ rưỡi, Hồ Chí Minh nhân danh chủ tịch Chính phủ Quốc gia Liên hiệp Kháng Chiến Việt Nam ký với Sainteny, đại diện Cao Ủy Pháp ở Đông Dương bản hiệp định sơ bộ trước mặt các viên lãnh sự Mỹ O'Sullivan và Lãnh sự Anh.

Đồng thời Chính phủ Việt Nam phái KHUẤT DUY TIẾN, một lãnh tụ Cộng sản, Phó chủ tịch Ủy Ban Hành chính thành phố Hà Nội xuống Hải phòng điều đình để quân đội Trung Hoa và quân đội của Việt Nam Quốc Dân Đảng dừng cản trở cuộc di tản của quân Pháp, vì Hiệp Ước đã chính thức ký rồi.

Ký Hiệp định sơ bộ xong, HỒ CHÍ MINH có lời mời ngay các báo ở Hà Nội đến Bắc Bộ Phủ để tuyên bố.

Đại diện nhật báo "DÂN THANH", chúng tôi được tin đến ngay Bắc Bộ Phủ chờ đợi từ 4 giờ rưỡi. Vào khoảng năm giờ thì thấy HỒ CHÍ MINH từ về. Ở trên xe bước xuống, ông hấp tấp vào ngay phòng khách để tiếp các báo. Giờ bản Hiệp định Sơ bộ, chữ ký còn mới nguyên vừa ráo mực, HỒ CHÍ MINH tóm tắt mọi khoản cho các phóng viên ghi chép.

Bản Hiệp định sơ bộ nguyên văn như sau đây:

* Giữa hai bên kể sau đây:

* Một bên là Chính Phủ Cộng Hòa Pháp Quốc do ông Sainteny đại diện là đại biểu của ông Thượng Sứ Pháp, đã được ủy quyền hợp pháp của Phó Thủ Sứ Đô Đốc Georges Thierry d'Argenlieu Thượng Sứ Pháp là người được Chính Phủ Cộng Hòa Pháp giao cho các quyền hành.

Một bên là chính phủ Dân Chủ Cộng Hòa Việt Nam do Chủ tịch HỒ CHÍ MINH đại diện và



**KHUYẾN AI GIỮ VỮNG CÁN TRĂNG,
RỒNG TIÊN HỒNG ĐỨC, VINH QUANG MUÔN ĐỜI.**

Trên đây là bức tranh lịch sử đã được lưu truyền cách đây 15 năm (1945); nó được dán lên ở đầu là Việt Cộng lại cho người bác sĩ. Tranh vẽ tại họa năm Bính Tuất: quỷ Tây, ma Vem, trong đó có con dơi là Trần Huy Liệu, một đảng viên V.N.Q.D.Đ. phản đảng, được Vem cho làm bộ trưởng Thông Tin Tuyên Truyền; con chó săn là Võ nguyên Giáp, và Liễu và Giáp trước đây làm chỉ huy cho mặt thám Pháp Marty.

người đại diện đặc biệt của Hội Đồng Bộ Trưởng là ông VŨ HỒNG KHANH.

Đã thỏa hiệp như sau đây:

ĐIỀU THỨ NHẤT.— Chính Phủ Pháp thừa nhận nước Cộng Hòa Việt Nam là một nước tự do có Chính Phủ riêng. Quân đội riêng và tài chính riêng, ở trong Liên Bang Đông dương và trong khối Liên Hiệp Pháp. Còn về việc thống nhất ba kỳ thì chính phủ cam đoan sẽ công nhận các quyết nghị của dân chúng do một cuộc bầu cử phiêu bôi ý kiến dân.

ĐIỀU THỨ HAI.— Chính phủ Việt Nam tuyên bố sẵn sàng đón nhận một cách hòa hữu quân đội Pháp khi quân Pháp, theo như các điều thỏa thuận quốc tế, đến đây thay thế quân đội Trung Hoa. Một bản thỏa hiệp phụ vào bản hiệp định sơ bộ này sẽ ấn định các điều khoản về việc thay thế quân đội kể trên.

ĐIỀU THỨ BA.— Các điều ấn định trên đây sẽ thi hành ngay lập tức. Ngay sau khi đã trao đổi chữ ký, mỗi bên đều phải dùng mọi phương pháp để làm ngừng các cuộc xung đột, giữa quân đội ở các vị trí đang đóng và gây một bầu không khí hòa hảo cần cho sự mở ngay các cuộc đàm phán hữu nghị và thành thực.

Các cuộc đàm phán ấy sẽ về vấn đề ngoại giao của nước Việt Nam với các ngoại bang.

Nơi họp bàn sẽ là Hanoi, Saigon hay Paris.

Làm tại Hanoi, ngày 6-3-1946

HỒ CHÍ MINH, SAINTENY
VŨ HỒNG KHANH,

Nghe xong bản Hiệp định Sơ Bộ, chúng tôi, các nhân viên nhà báo, rất lấy làm sửng sốt và nhận thấy rằng: về quyền lợi, nước Việt Nam chưa được hưởng chút gì mà đã phải chịu một gánh rất nặng nề là quân đội Pháp được trở lại đóng trên đất này.

Về điều này chúng tôi có giọng hỏi HỒ CHÍ MINH thì được trả lời:

— Ta không có điều gì đáng lo ngại cả, vì hai bên đã có một bản thỏa hiệp riêng về việc đóng quân: quân đội Pháp chỉ được đóng trên đất Việt Nam, từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc có 15.000 người và con số này cứ mỗi năm rút đi một phần 5 cho đến 5 năm thì rút hết. Ta chỉ cần cố nén trong 5 Năm nữa là hoàn toàn độc lập.

Hồ còn nói thêm rằng:

* Nếu ta cứ cương quyết không cho quân Pháp vào tức là sẽ có chiến tranh, thì có khi trong 5 năm nữa kháng chiến xong ta mới có thể được độc lập, vừa hại người, hại của. Như thế này ta có thể tránh được điều đó và giữ lực lượng để kiến thiết.

Trước khi đứng dậy ra về, chúng tôi có hỏi HỒ CHÍ MINH một câu:

— Ký kết với nước Pháp [bản Hiệp Định sơ Bộ này, theo như ý cụ thể có lợi hay có hại cho nước?

Chúng tôi còn nhớ rõ rằng lời Hồ Chí Minh nói như sau đây, và dặn cần thận chúng tôi đừng công bố lên báo vì sợ hại cho nền ngoại giao.

— * Có lợi lắm chứ! Lời Hồ Chí Minh. Nước Tàu là một nước lớn nhất Á Đông. Nếu ta ký kết với Trung Hoa thì ta sẽ bị lôi cuốn trong vòng kiềm tỏa vì họ ở sát nách ta. Như thế không bao giờ ta được hoàn toàn độc lập. Nay ký kết với Pháp là một nước dân chủ ở tận Tây phương, cách ta quá xa. Một khi ta mạnh, ta có thể đòi được quyền độc lập của ta bằng đủ mọi phương pháp và ta sẽ thắng lợi, ta sẽ đẩy được người Pháp ra biển.

★

Tuyên bố rõ ràng như vậy và biết rằng ký kết với Trung Hoa tức là đưa dân tộc vào vòng nô lệ mãi kiếp, vậy mà qua năm 1950, sau khi Trung Cộng đã làm chủ lực địa Trung Hoa, Hồ Chí Minh đã lóp ngóp sang Bắc Kinh xin thần phục.

Lịch sử sẽ phê phán về việc này.

Cộng sản không cần dân

Về mặt đối ngoại, chính phủ HỒ CHÍ MINH không thu được kết quả gì, nhưng sau khi ký hiệp định sơ bộ, HỒ CHÍ MINH và các đồng chí Cộng Sản của ông đã dựa vào sự ăn ngữ của quân đội Pháp và nhân quân Trung Hoa đã rút khỏi đất Việt, thắng tay diệt trừ được các đảng Quốc gia.

Các người trong đảng Quốc gia như Cách Mạng Đồng Minh Hội, Việt Nam Quốc Dân Đảng, mà ở trong khu vực do chính phủ HỒ CHÍ MINH cai quản đều bị dần dần trừ diệt bằng cách bắt bớ.

(Xem tiếp trang 34)

LÀNG GIỀNG

Đây là phòng khách của gia đình Triệu tập Nhu trên một căn gác, tại Hương Cảng. Tường trong cùng, có kê một ghế sofa dài, cách ghế, là cửa ăn thông vào nhà trong. Về phía tả, đối diện với sofa dài, có một ghế bành và một bàn tròn, thấp.



Kéo màn lên, Triệu tập Nhu, mồm ngậm tẩu thuốc lá, đang ngồi ở ghế bành đọc báo. Triệu thái thái ngồi ở sofa dài, bên cạnh có vô số áo quần để gấp, xếp. Cậu con trai Triệu kiến Văn, đang ngồi ở dưới sàn, chân co, chân ruỗi, mình tựa vào một đầu ghế sofa, tay cầm một cuốn sách, đang nhấm đọc.

TRIỆU THÁI THÁI, Bảo con.— Kiến Văn, sao con lại ngồi xếp xuống đây mà đọc sách, hả? Có lên ghế mà ngồi cho tử tế, không?

KIẾN VĂN, từ từ vươn mình nhào lên, và ngồi lên sofa.— Má ă, thế, thưa Má, tối nay, có đi coi hát, không ă?

TRIỆU THÁI THÁI.— Má cũng chẳng biết nữa, con hỏi Ba con, xem...

TẬP NHU, ngẩng đầu lên, quay lại nói.— Hôm nay thấy nhừ đầu, khó chịu, chả muốn đi đâu cả.

KIẾN VĂN.— Ô ờ, sáng ngày, Ba đã bằng lòng rồi thôi, Ba?

TẬP NHU.— Sáng khác, bây giờ khác; sáng. Ba không nhừ đầu... Vả lại, nếu chẳng đi hôm nay, hôm khác đi, cũng thế, mà...

KIẾN VĂN, phụng phịu.— Nhưng con cứ thích được đi hôm nay, kia.

TẬP NHU, thở dài.— Thôi, để chốc nữa Ba xem.

KIẾN VĂN, vẫn phụng phịu.— Để chốc nữa, rồi Ba lại quên mất, cho mà coi.

TẬP NHU.— Không, Ba không quên đâu. Bỗng có tiếng kêu, gọi oai-oai: « Lầu dưới đóng nước lại! »

TRIỆU THÁI THÁI, để tai nghe rồi nói.— Gọi cái gì mới được chứ? Nào đã đến giờ đâu, mà cứ ồn lên!

TẬP NHU, hoảng hốt báo ra và cởi giày để đi dép vào.— Thiết là khó chịu, họ làm cái gì mà kêu lên oai oai như vậy, ăy!

TRIỆU THÁI THÁI.— Họ coi nước như là vàng chẳng bằng, lúc nào cũng nơm nớp sợ người ta dùng mất hết cả phần của họ, hay sao ăy.

Cửa ngoài có chuông gọi.

TẬP NHU, bảo vợ.— Minh đi ra xem xem, ai đến đây? ...

Triệu thái thái vừa đứng lên thì, một thiếu phụ, tay dắt một đứa con gái nhỏ, bước vào.

TRẦN THÁI THÁI, vẻ giận dữ, vừa chỉ vào đứa bé, vừa nói.— Ông bà xem, chú nhà ông bà cần con tôi như thế này, đây này.

Cả hai vợ chồng nhà Triệu đều từ tốn đi đến bên đứa bé để xem vết thương ở đùi nó.

TRIỆU THÁI THÁI, ôn tồn.— Ô Ồ, không việc gì đâu, chỗ da ở đùi em chỉ hơi sứt ra có một tý thôi mà.

TRẦN THÁI THÁI, hơi lớn tiếng một tý.— Chết chưa, lột răng chó sò sò như thế này, mà bảo không việc gì, để chừng để nó cắn chết con nhà người ta, mới là việc gì, hay sao?

TẬP NHU, vẫn ôn tồn.— Dẫu sao, con chó của chúng tôi cũng đã được tiêm thuốc dự-phòng rồi, chắc chắn là sẽ không có chi nguy-hiểm cả đâu ă.

TRẦN THÁI THÁI.— Tôi có hỏi ông về

Kịch một đoạn

CÁC VAI:

TRẦN-TRƯỜNG-LÂM, 36, 37 tuổi;
TRẦN-THÁI-THÁI, 34, 35 tuổi, vợ của Lâm;
TRẦN-TIỂU-UYỄN, 8, 9 tuổi con của Lâm;
TRIỆU-TẬP-NHU, ngoài 40 tuổi;
TRIỆU-THÁI-THÁI, chừng 39, 40 tuổi;
TRIỆU-KIẾN-VĂN, 11 tuổi, con của Nhu;
A-LAN, người làm công nhà Nhu.

việc ông đã tiêm thuốc cho chó hay chưa đâu, tôi chỉ hỏi ông, bây giờ ông tính sao đây?

TRIỆU THÁI THÁI.— Trần Thái Thái ă, nào có phải người nhà, người của chúng tôi đã cần con bà đâu, mà chính là con chó của chúng tôi, nó lỡ cắn phải đứa bé, vậy, xin bà cho chúng tôi rõ, chúng tôi phải làm thế nào bây giờ?

TRẦN THÁI THÁI.— Triệu Thái Thái nói có vẻ chẳng thông tình-lý một tý nào cả, bà làm như cái phần lỗi là tại ở như con tôi vậy!

TẬP NHU.— Trần thái thái ă, chúng ta là chỗ hàng xóm, láng giềng với nhau, ông bà ở lâu trên, chúng tôi ở lâu dưới, nếu giả như đối với bất cứ điều nhỏ nhặt nào, chúng ta cũng đi tới chỗ cãi lầy nhau, thì còn làm sao giữ được thanh phong hòa khí, để mà sống với nhau, cho qua ngày một cách an vui, kia chứ?

TRẦN THÁI THÁI.— Triệu tiên sinh nói như vậy, nghĩa là chỉ có việc gì to tát mới được giao thiệp với ông bà hay sao?

TẬP NHU.— Thiết là khó nói quá, chẳng qua, con chó nó lỡ cắn phải em nhỏ, quả không có gì đáng gọi là một việc to tát cả.

TRẦN THÁI THÁI.— Hì! Giả như chó của nhà chúng tôi cắn phải con ông bà, tôi dám chắc, ông bà chẳng khi nào, để yên đâu đây nhà.

TRIỆU THÁI THÁI.— Tôi nghe bà nói, tôi nhận thấy, bà không ưa sự hòa hoãn, mà chỉ muốn, bé, xé ra lộn!

TRẦN THÁI THÁI, cố làm ra vẻ bình tĩnh.— Xin bà nhớ cho rằng: không phải con nhà tôi chạy vào nhà bà để đến nỗi chó cắn, mà chính là nó đương đi ở cầu thang, chó nhà bà ở trong cửa, chạy xổ ra, đuổi nó, mà cắn, đấy nhá.

TẬP NHU, gật gật đầu, như mình tự bảo mình.— Rõ là rầy-rà, chó nó lại không nghe hiểu được tiếng người, mới khổ cho chứ!

TRẦN-THÁI-THÁI, nổi nóng.— Triệu-tiên-sinh, ông vừa bảo, chó không nghe hiểu được tiếng người, là ý-từ gì? Có phải ông dụng ý « chửi đồng » người ta phải không?

TẬP NHU, vội xua tay.— ăy chết, không phải thế đâu, xin bà chớ hiểu lầm, tôi muốn bảo, chúng tôi không còn biết làm thế nào, để cho con chó nó hiểu, mà đừng chạy ra ngoài, cắn bậy.

TRẦN THÁI THÁI.— Tôi, thì tôi thấy có một cách rất dễ dàng, là dùng cái xích, xích cổ nó lại, hoặc, mua lấy một cái dằm, mà khoá mồm nó lại.

TRIỆU THÁI THÁI.— Bà nói nghe thì thiết là đơn giản đấy, nhưng, nếu chúng tôi đem thi hành cái biện pháp đó, nó sẽ xảy đến cho chúng rất nhiều phiền nhiễu, chứ chẳng không...

Bỗng, ông Trần-trường-Lâm, đẩy cửa ngoài, bước vào một cách vội vàng.

TRẦN THÁI THÁI, chợt nhìn ra chồng.— Ô kìa, anh đã về đây à?

« Bán anh em xa,
« Mua láng-giềng gần ».
Tục ngữ.

Nguyên-tác của HOÀNG-TU-THÔN
Bản dịch của VI HUYỀN ĐẮC

TRƯỜNG LÂM.— Phải, anh vừa về xong, à thế nào, anh nghe nói Tiểu-UYỄN nó bị chó cắn, có phải không, em?

TRẦN THÁI THÁI.— Đúng đấy, anh ă, em đương thì thương lượng việc đó với Triệu tiên sinh đây.

TRƯỜNG LÂM, liền cúi xuống, xem vết thương ở đùi của con, đoạn, ngẩng đầu lên nói với Triệu tập Nhu.— ă, Triệu tiên sinh ă, con chó của nhà ông dữ quá đi thôi, có nhiều lần, tôi đi qua cửa đây, nó dám xổ ra, đuổi theo tôi, để cắn... Có một hôm, nó cắn rách hẳn cả một bên ống quần của tôi, tôi nể ông bà, nên không hề nói, để ông bà rõ. Nhưng, nếu nó cứ cắn cắn như vậy mãi, thì thiệt là phiền quá!

TRẦN THÁI THÁI, cũng phụng phịu với chồng.— ăy, em cũng vừa nói như thế với ông bà đây, đấy.

TẬP NHU.— Trần tiên sinh ă, trước khi ông đến, chúng tôi đã tranh luận với nhau khá lâu về việc đó. Theo ý tôi, tôi thiết nghĩ, con chó con, nó lỡ cắn bậy, ta nên bỏ qua đi, là hơn, vì có đi thưa, đi trình, hay cãi lầy với nhau, cũng chẳng đi tới đâu.

TRƯỜNG LÂM.— Triệu tiên sinh ă, tuy rằng, chúng ta chưa có dịp để làm quen với nhau, nhưng, hàng ngày chúng ta hằng gặp nhau, chúng ta



không còn xa lạ nhau... Nhân hôm nay, ta có cơ hội, tôi thiên nghĩ, ta nên thành thực giải bày với nhau, tất cả những mối thắc mắc, hiềm kỵ, thì hơn.

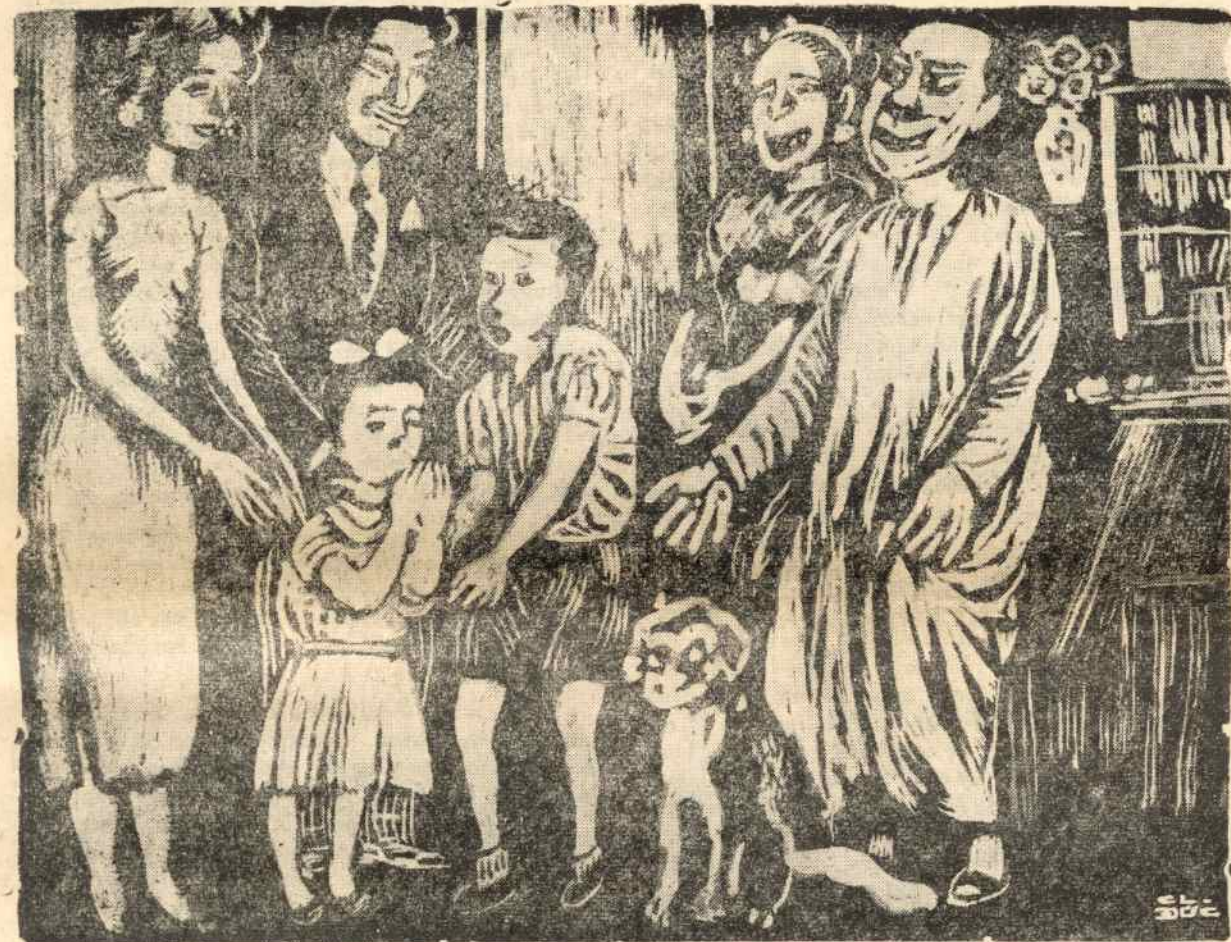
TẬP NHU, tỏ vẻ tri nghĩ, giờ tay xoa cằm, rồi, bỗng nhiên.— Vâng... vâng... tôi xin đồng ý... xin mời tiên sinh ngồi, để ta nói chuyện.

Hai vợ chồng Trần tiên sinh dắt con lại ngồi ở chiếc ghế sofa dài, Triệu tiên sinh cũng ngồi xuống ở một đầu ghế, còn Triệu-thái-thái có vẻ không bằng lòng, đứng ở bên cái bàn kê ở giữa phòng. Bỗng, lúc ấy lại nổi lên tiếng gọi « Lầu dưới hãy đóng nước lại cho ! »

TRƯỜNG-LÂM, xoa hai tay vào nhau, ôn tồn, nói.— Triệu-tiên-sinh à, nhân tiện đây, có lẽ ta nên bàn ngay tới cái vấn đề « nước », cái đã.

TẬP NHU.— À, thưa vâng, vấn đề « nước »!

TRƯỜNG-LÂM.— Thường thường thì, ở lầu trên nhà chúng tôi, vẫn thiếu nước dùng hàng ngày, ấy thế mà, ở dưới này, thì nào giặt-dĩa áo quần, lau chùi sàn gác; nào tắm cho chó, gội nước cho mát... xong các việc đó, còn phải lấy nước để chờ cho đầy ắp hai cái cống, rồi lấy nước vào bồn, vào thùng, vào bình trà, vào ống phóng, vào chậu rửa mặt. Khi ngồi ấy thức xong xuôi, thời gian lấy nước tất nhiên đã qua mất rồi.



TẬP NHU.— Cái đó là...

TRƯỜNG-LÂM, giờ tay làm hiệu rằng ông nói chưa hết lời.— Cứ theo người nhà chúng tôi nó nói lại, bao nhiêu nước lấy bữa trước, không dùng hết, đều đem đổ sạch đi, để hứng lấy nước mới! Với cái cách-thức đó, chúng tôi ở lầu trên, chẳng còn làm sao cho có nước, mà dùng nữa. Nói tóm lại, ở dưới này, thì có nước đổ đi một cách phí-phạm, mà, ở lầu trên, vinh-viên không có lấy một giọt nước để dùng!

TẬP NHU.— Trần tiên sinh à, ông nói vậy, tôi cũng biết vậy, vì tôi không tiện phủ nhận lời ông, nhưng, xin ông nhớ cho rằng, trên thực tế, không có luật pháp nào cấm chỉ người ở lầu dưới, dùng quá nhiều nước.

TRƯỜNG-LÂM.— Chết nỗi, sao ông lại cứ viện luật pháp ra làm gì? Người ta ai chẳng rõ thế nào là lẽ phải, kia chứ! Lẽ phải bắt chúng ta, luôn luôn chú trọng tới công đức và lễ nhượng. Tôi gì, bất cứ đối với mỗi việc, ta lại cứ đem luật pháp ra, để tự mình, trói buộc mình mà chơi, kia chứ?

TRIỆU-THÁI-THÁI, nói xen vào.— Mà, mà, Trần-tiên-sinh hẳn cũng nhớ, tiền thuê lầu dưới, trả-ai trả những năm ngàn, mà lầu trên, chỉ có ba ngàn nó cị thôi; nếu chẳng phải vì sự tiện lợi lên, xuống mẹ từ được dùng nhiều nước hơn, thì, ai dại gì mà ấy nào? Thêm mỗi tháng một ngàn năm trăm đồng? động chầy?

TRIỆU-THÁI-THÁI.— Nhưng, đó là bà làm sao này nên? Tôi biết rõ, tiền nước vào là chia đều, tình thế thái, bao cả!

Thế rồi đến lại cho rằng cái khác lớn tiếng với mọi người chết đây, nếu người chết c.

TRƯỜNG-LÂM.— Đây, ông bà xem, đến giờ này mà chúng tôi cũng đã được lấy nước đâu? Cứ thế này, chúng tôi khổ mà sống nổi!

TRẦN-THÁI-THÁI.— Mà dưới này đã lấy nước hàng nửa giờ đồng hồ rồi, còn gì.

TẬP NHU.— Quả tình, tôi chẳng lạ gì đối với những nỗi phiền-nhiều về việc lấy nước, vì chúng tôi cũng đã từng ở lầu trên. Một năm trước đây, thường thường, chúng tôi đều phải kéo nhau ra bờ bể, để tắm mát, chứ ở nhà, không làm sao bó ra đủ nước ngọt.

TRƯỜNG-LÂM.— Nếu Triệu-tiên-sinh đã thấu hiểu cái nỗi khổ của chúng tôi, xin tiên-sinh nhớ cho câu: « kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân ».

TẬP NHU, tươi cười tiếp lời.— ... Và: « kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân ». (nói xong, ông đứng lên, gọi với vào nhà trong:) A-Lan! A-Lan! Người nữ-dung A-Lan, vừa lau tay vào chiếc khăn vắt vai, vừa đi ra.

A-LAN.— Thưa ông gọi con ạ?

TẬP NHU.— Ừ, A-Lan hãy đi đóng nước lại ngay đi, để nhường cho lầu trên lấy một ít dùng, cái đã.

A-LAN.— Nhưng thưa ông, còn tắm màn cửa

con chưa giặt ạ.

TẬP NHU.— Thôi được, màn cửa hãy để đó, không sao.

A-LAN.— Thưa vâng. (chị trở vào nhà trong).

TRƯỜNG-LÂM, tỏ vẻ mãn ý.— Triệu-tiên-sinh à, chỗ hàng xóm, láng giềng với nhau, nếu ta biết thế tình mà lượng giải cho nhau, tất nhiên cuộc sống của chúng ta sẽ vô cùng vui vẻ, hòa nhã, có phải vậy không, thưa tiên-sinh?

TẬP NHU.— Trần tiên sinh nói rất chí lý.

TRIỆU-THÁI-THÁI.— Quả tình, sự lượng giải đó nhất định phải song phương, nghĩa là, kể nói phải có người nghe, mỗi bên đều biết chăm chú, nhân nhượng, thì mới có thể có hòa khí được...

TRƯỜNG-LÂM.— Thưa, nếu tôi không lầm, Triệu thái thái còn có một nỗi thắc mắc nào đó, vậy, xin thái thái, nhân cơ hội này, cứ nói ra cho...

TRIỆU-THÁI-THÁI.— Kể ra, nói ra nó cũng khi nhõ mơn, nhưng, theo lời Trần tiên sinh vừa nói, có lẽ ta không nên bỏ qua cái dịp này... Có gì đâu, ở lầu trên, thường không để ý đến những khi kéo ghế, xê bàn, hoặc xê dịch một vật nặng, mỗi khi đó, ôi thôi, ở dưới này, tiếng vang dội xuống không khác gì trời long, đất lở, vậy.

TRƯỜNG-LÂM, gật đầu.— Cái đó quả có thiệt, không sai, mỗi khi quét dọn, người nhà họ thường hay nặng tay, nặng chân và kéo lê đồ đạc... nay thái thái đã cho biết, chúng tôi sẽ cần dặn người nhà phải để ý, nhẹ nhàng chân tay... Tôi xin cam đoan, sẽ không để cho những việc như thế xảy ra nữa.

TRIỆU-THÁI-THÁI, cười cười để bào chữa

sự cố chấp của mình.— Thưa, lại còn cái này nữa, thường thường, cứ, trong khi ở dưới này, chúng tôi ngủ trưa, trẻ nhỏ ở trên nhà, bày ra chơi « bịt mắt bắt dê », hay chơi « nhảy thừng », tiếng chân của trẻ cứ nện xuống thình-thình chúng tôi không còn thể nào nằm yên được nữa!

TRƯỜNG-LÂM.— Chết thật thôi! Thái-Thái nói rất đúng, quả chúng tôi có ngờ đâu... Vả, cái sàn lầu không khác gì cái mặt của một chiếc trống, nếu vỗ ý, là tiếng động vang dội lên ngay. (ông quay lại nhìn về phía bên kia, để gọi đứa con gái của ông, nó đương ngồi xếp những mảnh gỗ, chơi với cậu con trai nhà họ Triệu, ông gọi:) Tiểu-UYỄN! Tiểu-UYỄN, lại đây, Ba bảo!

Tiểu-UYỄN, vội vã đứng lên và đi lại chỗ Trần-tiên-sinh.— Thưa Ba gọi con ạ?

TRƯỜNG-LÂM.— À, con đã làm quen với anh con Bác Triệu rồi, đấy hả?

Tiểu-UYỄN.— Thưa Ba vâng.

TRƯỜNG-LÂM.— Thế thì tốt lắm. Hiện có một việc, Ba muốn nói cho con biết, (ông chỉ tay về phía Triệu-thái-thái) Triệu Bá-mẫu kêu, trong giờ nghỉ trưa, con cứ chơi đùa, nhảy thừng và chạy đi, chạy lại rầm-rập, ở trên lầu, vậy, con nhớ, từ nay, thôi hẳn, không được làm như vậy nữa, nghe không con?

Tiểu-UYỄN, gật đầu.— Thưa Ba vâng.

TRƯỜNG-LÂM.— Con nhớ đấy nhé! Con đã tự ý đáp ứng như thế, con chớ có quên, nghe không con?

Tiểu-UYỄN, lại gật đầu.— Thưa vâng.

TRIỆU-THÁI-THÁI, nghe chừng đã dịu dịu bà mỉm cười bảo với Tiểu Uyển.— Tuy vậy, cháu ạ, không phải cấm cháu không được nhảy thừng hay chơi đùa, ngoài giờ nghỉ trưa, cháu vẫn được chạy, nhảy, miễn là cháu để ý, đừng chạy nhảy một cách quá đáng, hoặc già, lúc giờ nghỉ, cháu có thể xuống dưới đường mà đùa nghịch, cháu nhé!

Tiểu-UYỄN, vừa nói, vừa đi về phía cậu Kiến-Vân.— Thưa Bá-mẫu vâng ạ.

TRƯỜNG-LÂM.— Thưa thế, Triệu-thái-thái còn có điều gì đáng than-phiền nữa không, kia ạ?

TRIỆU-THÁI-THÁI, cười cười.— Dạ, thưa con... Đã có nhiều lần, bọn dung nhân cái lấy nhau kịch-liệt vì, ở phía gác sau, cứ có nước bắn chảy xuống nhà dưới, thành thử ra, bao nhiêu quần áo phơi đều bị nước bắn nhò vào, dơ dáy quá chừng, họ lại phải đi giặt lại hết...

TRƯỜNG-LÂM.— Chết chưa, thế thì không được (quay hỏi vợ). Em à, liệu em có nghĩ ra, tại sao, lại có nước bắn rót xuống nhà dưới thế, em nhỉ?

TRẦN-THÁI-THÁI, sau khi suy nghĩ.— Có lẽ cái thùng chứa nước bắn nó bị rò, thì phải...

TRƯỜNG-LÂM.— Nếu vậy, em nên cho nó đi mua ngay một chiếc thùng mới, thay vào, chắc nó cũng chẳng đắt là bao, em ạ.

TRẦN-THÁI-THÁI.— Vâng, em sẽ cho nó đi mua ngay, ngày hôm nay.

TẬP NHU, vừa lòng, đẹp ý.— Trần tiên sinh à, quả thiệt tình, tất cả chúng mình toàn là những người biết điều cả; chẳng qua, bấy nay, chúng ta cư c dè, ngăn ngại, không chịu tìm cơ hội, để tiếp xúc với nhau, nên nó mới sinh ra ngăn ấy « có sự ».

TRƯỜNG-LÂM, cười nói, hả hê.— Triệu-tiên-sinh nói rất đúng, mấy lời đó thiệt là chí tình, chí lý! Nếu chúng ta làm quen với nhau sớm hơn, có phải chúng ta đã tránh được bao nỗi, hăm hi, bất bình không! Nhưng, không hề gì, muộn, còn hơn không. Bấy giờ, chúng ta đã hiểu nhau và thế tình cho nhau, từ nay mà đi, bất cứ việc gì, dù lớn, dù nhỏ, ta nên nói thẳng ra, để ta cùng nhau, tìm phương phân giải.

TẬP NHU.— Mà, thưa, tôi tin chắc rằng, không có việc gì mà ta lại không cùng nhau phân giải cho được ổn thỏa, thưa có phải thế không ạ?

TRẦN-THÁI-THÁI, ngập ngừng một tý rồi mới nói.— thưa, chính tôi, tôi cũng còn có một điều này muốn thương-lượng với nhị vị.

TRIỆU-THÁI-THÁI.— Trần-thái-thái hà tất còn phải dằn-đo, có điều gì xin thái-thái cứ nói.

TRẦN-THÁI-THÁI.— Thưa, nguyên-do thế này ạ... Cái phương thức sinh hoạt của nhà dưới này, có đôi phần khác hẳn với cái phương thức của chúng tôi ở nhà trên, nhị vị, thời thường, đi ngủ sớm và trở dậy sớm, còn chúng tôi, thì trái hẳn. chúng tôi vẫn quen đi ngủ muộn và dậy muộn, thành

(Xem tiếp trang 36)

GHÉ HẠ-UY-DI

Tôi rời Cựu kim Sơn, bến chót trên lục địa Mỹ Châu, một buổi trưa đầu tháng tám, bay về Hạ-uy-di trên đường trở lại Á Châu.

Chiếc máy bay phản lực của hãng Pan American phi khỏi ra phía dưới và tung mình vút lên mây trắng. Kinh thành Cựu kim Sơn trắng xóa với chiếc cầu đồ vật qua một giải đại dương thu hẹp lại và khuất dần. Thái bình dương thân mến xanh rờn, mây nước giao nhau thật đẹp.

Lòng tôi rộn ràng vui khi nghĩ đến bên kia bờ đại dương là quê hương Việt Nam nhỏ xíu của mình, bé bỏng vô cùng, nhưng thương yêu biết đến bao nhiêu. Ngó qua khung cửa máy bay, tự nhiên mình muốn bắt chước một gã sĩ tình xưa thả một chiếc lá thăm hỏi "sóng đại dương mang về quê hương cho má bầy trẻ của mình.

Còn đương mong mĩ thị cô bé chiêu đãi viên tóc vàng ngọt ngào trình bày cách xử dụng chiếc phao cá nhện phòng gặp khi máy bay nhào đại xuống biển. Buồn thay và cũng liêu thay cho cái kiếp bông bênh! Tôi ngẫm đôi tay gầy của tôi và nghĩ đến một đàn cá mập câu tiết vì cái nh nhả giảo Việt Nam bốn chục kí này không đủ để cho chúng lột lòng.

Mây vẫn cuộn cuộn trôi. Một nàng chiêu đãi viên mắt biếc khác mang rượu ra mời khách, đủ thứ rượu bốn phương. Tôi chọn một ly "saké", mừng mừng đến hoa đào và Kimono huyền ảo. Máy bay bay thật êm, không một tiếng động nhỏ, ly rượu dễ bên không xóc xánh, và nhạc thật êm, du khách la đà say, tưởng như mình đang ở trên cánh hạc tìm bay về Nguyệt diện.

Còn nửa giờ nữa tới Hạ uy di. Chẳng đường hơn bốn ngàn cây số, chiếc phản lực vượt không đầy bốn tiếng. Máy bay lượn, vẽ một đường dài trên mây. Tôi nghĩ đến một anh bạn học gặp ở một

trường sư phạm miền Texas, hồi còn làm phi công, đã một phen tỏ tình với người yêu bằng cách vẽ trên nền trời bằng khói máy bay phản lực hàng chữ "I love you". (Anh yêu em). Chắc rồi mai đây, với đà tiến của khoa học mới, thiên hạ còn nhiều kiểu biểu lộ tình yêu sôi nổi hơn nhiều.

Nhạc Hạ uy-di trong khoang máy bay đặt-dìu với tiếng đàn "Guitare" thánh thót thổn thức. Bữa ăn nhỏ được dọn trên máy bay với một chiếc hoa Hạ uy-di rím trên khay, và trên ve áo những nàng chiêu đãi viên thoăn thoắt, xiêm y bó chần tằm thân ngà.

Nước biển vờn quanh đảo tạo thành ba vệt nhạt thắm đậm non thật lạ lùng. Những nếp nhà chen nhau ven núi. Những hàng dừa là ngọn lừng lờ. Mây chiều lồng lộng gió. Máy bay hạ cánh xuống phi trường Honolulu. Trời nóng khác hẳn thời tiết Cựu-kim-sơn. Hàng chữ Aloha nổi bật trên đài khí tượng vách bằng tre xanh. Phi trường tấp nập người.

Vừa rời khỏi máy bay, đã thấy một anh chàng dân đảo thật cao lớn, mặc quần áo màu sắc, cầm chiếc lao dài, đội mũ chừa đầu, cúi đầu chào du khách. Và những nàng thiếu nữ Hạ uy di tròn lẳn, xiêm áo là loi, múa hoa và ca hát nhịp nhàng. Tiếng "Aloha" xen với tiếng rì rào của sóng biển và gió đại dương. Những đại diện các khách sạn đua nhau chào đón và quàng vào cổ du khách những vòng hoa Hạ uy di tím có kèm theo địa chỉ khách sạn với lời chào "Welcome!". Máy ảnh chụp tới tấp loé mắt mọi người. Một thiếu nữ da trắng thật trẻ, mặc quần áo tằm nài nỉ rất hớ hênh, với một chiếc "nơ" con bướm màu hồng dính trên một khúc đuôi non, tươi cười ra đứng với mỗi du khách chụp một tấm hình. Anh chàng phó nháy, mỗi khi nháy xong một cái, lại trao một tấm "carte postale" đẹp đẽ sau có ghi giá tiền cùng địa chỉ tiệm hình, ai muốn lấy ảnh xin tới trong sáu tiếng sau.

Nắng chiều vắt dài những bóng dừa nghiêng trên cát trắng. Tiếng nói cười riu riu trên xe buýt đưa khách vào khu phố Honolulu. Qua một xưởng máy đóng dừa hộp, mùi dừa bốc nồng nàn. Đây là kỹ nghệ chính của Hạ uy di, tiêu bang trẻ nhất nước Huê kỳ. Thật ra ngành kỹ nghệ dương phát triển mạnh nhất ở đây là ngành du lịch với những khách sạn đắt tiền, những quán ăn, tiệm bán đồ kỷ niệm. Du khách từ Mỹ, Úc, Âu châu và từ khắp bốn phương tìm đến Hạ uy di để hưởng chút gió mát giữa Thái Bình Dương, ngả mình trên cát mịn, nghe tiếng đàn Hạ uy di thánh thót nơ mang, tìm những bông hoa lạ muôn màu, kể cả những bông hoa bằng da thật gốc gác từ khắp mọi nơi. Thật vậy, đàn bà Hạ uy di gồm đủ mọi giống người. Bờ vai trắng của người thiếu nữ Tây phương bên những núi ngực tròn đầy của người gái đảo tóc mun. Cặp mắt bồ câu Trung Hoa bên đôi mắt Phù Lang một mí. Nước da bánh mật Phi luật Tân với làn da mịn Nam Dương đen đôn. Bao nhiêu dị biệt, bấy nhiêu tình. Và trước sau, vẫn chỉ chết cái túi tiền của những gã giang hồ ham của lạ.

Bãi biển Waikiki là nơi đông khách và nổi tiếng nhất trong quần đảo Hạ uy di. Những khách sạn đủ kiểu dọc theo bờ biển xanh rờn. Có những khách sạn

cao vút với hàng hiên phori ra phía biển cả. Có những khách sạn đủ mọi tiện nghi, kể cả vô tuyến truyền hình, nhưng mái lại lợp tranh cho có chút phong vị tân kỳ. Những bể bơi nước ngọt kể ngay sát biển. Những hàng ghế nệm tiếp nhau dưới những chiếc dù vải muôn màu. Sóng biển tung vào bờ trắng xoá. Trai gái, trẻ già rộn rã vui tươi. Xa xa, những chiếc phao gỗ phóng vun vút lao vào phía bãi với những chàng thanh niên rần rồ đứng trên đó là môn thể thao thật lạ của Hạ uy di.

Núi xa còn vương chút nắng đào. Gió mát lồng lộng thổi trên đường phố, tung bay những tấm áo "muu muu", một thứ xiêm y rộng thùng thình choàng từ ngực dài xuống chân tha thướt, một kiểu áo thật phóng khoáng cho những tấm thân thềm khát tự do. Phụ nữ tới Hạ uy di đa số thích mặc kiểu "áo giải phóng" này. Tiệm nào cũng đầy nhóc áo "muu muu" sặc sỡ, đủ cỡ nhỏ to cho trẻ già lớn bé, kể từ có gái tám, chín tuổi cho tới bà lão tám mươi tư. Một số thiếu nữ dạo chơi trên hè phố với những bộ áo tằm nhỏ xíu bó chần lấy thân, thả cửa cho lũ đàn ông no dõi con mắt. Và hầu hết ai cũng đi đất, không biết có phải để có chút cảm tưởng được ngự trị trên cái thế gian này như một ông khoa trưởng nước nhà tuyên bố không.

Dọc hai bên đường, đủ mọi cửa tiệm: tiệm hình, tiệm ăn, tiệm áo, quán nhậu, khách sạn, đại lý các hãng máy bay. Trên lề đường, đầy những xạp bán hoa và đồ kỷ niệm, nhất là những vật trang sức cho đàn bà, cái giới nhiều rắc rối nhất trong lịch sử loài người. Những cô gái đảo bán hàng, nói tiếng Anh rất thạo, tốc xỏ trên vai trần, đôi mắt huyền thắm thắm như đại dương.

Đêm xuống, phố biển Waikiki càng thêm tấp nập, nhất là khu "Waikiki International Market" (khu chợ quốc tế Waikiki) với đủ các thứ hàng, các món ăn, các bộ môn giải trí đủ cả lãnh mạng lẫn yếu đuối. Ánh đèn màu chớp chớp trên những khuôn mặt say sưa. Nhạc mới rập rình theo những vũ điệu la đà. Tiếng đàn Hạ-uy-di ní non tâm sự với dây. "Aloha! Aloha!" lời của yêu đương, hò hẹn, mừng vui; cũng là lời của ly biệt, âu sầu. Aloha: ta vui được gặp nàng. Aloha: ta sầu, ta thương nhớ. Thật là một từ ngữ nhiệm mầu.

Đêm dần khuya, tiếng đàn Aloha càng thêm thánh thót. Trong những vườn khách sạn bạt bồng ánh đuốc, thiên hạ ngồi mơ màng nghe sóng rì rào. Trên những hiên lầu, bên những tấm bàn nhỏ, những cặp tình nhân kể bên nhau, ly rượu lung linh dưới ánh nến chớp chớp.

Phía dưới, trong phòng khiêu vũ, từng đôi lại từng đôi nhịp nhàng, những nhạc công ôm đàn violon vừa dạo theo từng đôi vừa tấu nhạc. Một góc sáng chiếu rọi hai tấm cửa, một tấm với hàng chữ "Kings" (các ông vua), một tấm với hàng chữ "Queens" (các bà chúa); đây là nơi bài tiết của đàn ông và đàn bà, các "vua chúa". Dĩ nhiên vua chúa khi đã bước vào "ngai vàng" là tốn kém lắm: khoản "pourboire" (tiền điếm thuốc) ở Hạ uy di được coi là tốn kém nhất trên thế giới.

Những cuộc vui thâu canh khiến Hạ-uy-di càng quyến rũ và đắt tiền, nhất là từ ngày du khách Mỹ châu không còn đường lại vắng sang Havana, kinh đô đảo Cuba tạo rục với những nàng thiếu nữ sôi sục dòng máu Espagnol.

Tôi rời Hạ uy di bay về Đông Kinh cũng vào một buổi chiều, nhớ những hàng dừa là ngọn soi bóng xuống đại dương và vương vương khúc hát Aloha diu-dật mơ-màng.

BÔNG LAN





UÂN VỀ, ai cũng mừng xuân, Bộ mặt xuân tự nhiên của trời đất * sấm sấm * đã có cái vẻ mỹ miều, duyên dáng, vậy mà người ta không ai không lo dọn sửa áo quần, trang hoàng nhà cửa để

tế thêm thêm cho xuân. Người ta rất sợ những * cái gỗ * phải nghe thấy trong dịp xuân, cho nên đã phải cố lo sao cho xuân rực rỡ. Tham vọng một năm đầy hạnh phúc không phải riêng có ở lòng dạ của một số người mà ở cả trong lòng mọi người. Bởi vậy đêm cuối năm người ta gọi là đêm trừ tịch (1); trừ tịch cũng gần gần như trừ cụ người ta dụng ý muốn bỏ đi tất cả những cái cũ, dù cái cũ ấy có chút tươi đẹp, người ta cũng muốn bỏ phăng nó để rước lấy những cái mới tươi đẹp hơn, cứ thế mà tươi đẹp mãi hơn lên.

Bên cạnh những chậu hoa hồng, hoa huệ, thược dược, vạn thọ... người ta đã uống trà, uống rượu, uống nước ngọt... ăn dưa hành, bánh chưng, kẹo mứt và chúc tụng nhau những câu ngập tràn hy vọng, phúc duyên... cho một năm. Có người dỗi dào thì tứ, đã ngâm lên những vần thơ vịnh xuân, cảm xuân, chúc xuân... nội dung hàm chấp những cái sáng rực, may mắn nhất cho mình lẫn cho người v.v...

Tuy nhiên, sự kiện trên đời vẫn có ngoại lệ. Vẫn biết mọi người ai cũng muốn xuân đến là phải mang cái quí, cái đẹp đến cho mình, nhưng vẫn còn có một hạng người, suốt đời hiến thân cho nước, đã làm khi quên mất đi những cái vui xuân, đã dám nói lên những câu * nói gỗ *. đã bỏ hẳn những ước muốn hạnh phúc riêng mình mà chỉ ước muốn những hạnh phúc chung. Vì thế, họ đã từng cả tiếng, trong ngày xuân, ngâm lên những vần thơ tết trong mọi cảnh: * Tết ta, tết này, tết quê nhà, tết hải ngoại, tết trong vòng tù tội, tết ngoài lề pháp luật lớn nguy hiểm *. Và trong những vần thơ tết đó, hồn nước vấp vương lên lóng lánh mà hạnh phúc riêng tây của họ thì cơ hồ lặng ngấm tự bao giờ...

Hạng người ấy, trong lịch sử cách mạng Việt Nam không ít, và những vần thơ thế ấy, các nhà cầm bút cũng đã nhắc tới khá nhiều lần. Cho nên ở những dòng này, tôi chỉ muốn ghi lại những bài thơ xuân của một nhà ái quốc, chưa từng thấy ai công bố mà thôi.

Nhà ái quốc mà tôi muốn nói tới đó là cụ Nguyễn Quang Diêu. Trên mặt báo Bách Khoa (2) tôi đã có lần viết về đời cụ. Cụ quê tại Cao Lãnh (Kiến Phong Nam Việt), thuộc nhỏ theo học với cụ Tú Trần-Hữu-Thường ở Phú Thuận, rất hay chữ và giỏi thơ nôm. Năm 30 tuổi, năm 1913, cụ thôi học, chính thức hoạt động cách mạng. Đường lối cụ bấy giờ là hướng về phong trào Đông-du. Cụ đã xuất ngoại để hoạt động, đã bị bắt tại Hồng Kông bị giải về Hà Nội và bị đày sang Nam Mỹ.

Dòng đời của cụ là một thiên lịch sử gian truân, vậy nên những ngày đối với cụ phần nhiều là những ngày xót chua bực dọc, không mấy lúc được yên ổn vui vầy

Xuân gần đến, ai ai cũng đều dự bị rước xuân, người ta trịnh trọng đưa Ông Táo về trời với những chè xôi, vàng hương và kèm theo những lời cầu xin tha thiết; cụ thì không thế, cụ đã lên giọng bông đùa * Plát Táo * với mấy vần chữ chan hòa nước mà giãi bày một người như sau:

Công đức chỉ chi bất phát thờ,
Nào ai có rước lại hồng đưa?
Hương hôm chè sớm luôn không ngớt,
Nước mắt nhà tan mất chẳng thừa.
Độ thể nói quàng lời huỷ hoại,
Chầu trời truyền hão chuyện vu vơ
Xưa nay hiếm (3) kẻ mê-tin cụ,
Hỏi có ai mà được phúc chưa?

Ái đưa Táo thì cứ đưa, riêng cụ, cụ cho là không rước thì không cần đưa và hương hôm chè sớm cúng dâng không ngớt mà nước mắt nhà tan Táo lại vẫn không lo thì đưa rước mà chi!

Trước đây bốn năm mươi năm, trong hồi nhiều người còn say sưa trong lũ tục, mà cụ có được hứng nhận xét đó, kẻ cũng đã tiến bộ thật. Bấy giờ hồi đó, thời gian cách nhau đã xa lằng lằng, vậy mà cụ vẫn còn có nhiều kẻ * rước đưa * ấy * giả mà, hồn cụ có thiêng, chắc cụ cũng buồn động nhĩ!

độ gian—
sau này nôm ký chép: * Trừ tịch đặt đàn bát miên vị chi trừ tịch suốt sáng vẫn không ngủ, để gọi là bão cả!

Thế rồi, trên Bách Khoa số 86 số 87, ngày 1-8 lại cho rằng cái...
lớn tiếng với mọi ng...
chết đây, nếu người c...

HỒN NƯỚC TRONG NHỮNG BÀI THƠ XUÂN CỦA MỘT NHÀ ÁI QUỐC

Ngày xuân, thấy đưa Táo cụ đã chường mặt, tuy nhiên cụ vẫn chưa chường bằng khi thấy những ngon cơm ngoại quốc phát phối trên nước-non nhà. Đây, lời cụ:

Dọc ngang cò Pháp ớt cò Tàu,
Ưa lá cò ta hằng ở đầu?
Trông thế lực người tôi máu sắt,
Nghĩ danh giá nước thẹn mây râu.
Non sông vì nợ xưng Hồng Lạc,
Mặt mũi nào còn ngó Mỹ Âu!
Vinh nhục chung nhau ai cũng thế,
Thương nhau ta phải liệu sao nhau?

Bài trên, chính cụ đặt cho nó cái tiêu đề là * Ngày Xuân, thấy cò cảm tác *; ta thấy mỗi câu của cụ ở đây rất mực sâu sắc nồng nàn, lời * gọi nhau * của cụ cũng rất chân thành thân mật không khác lời một mẹ hiền, rót chực chuyện lòng vào tai đứa con.

Trong năm Quý Sửu (1913), cụ và phái đoàn Nam Kỳ sang Hồng Kông để vận động vũ khí và lãnh * chỉ tệ tín phiếu * (4); chuyện bại lộ, bị cảnh sát Anh ở Hồng Kông bắt giam và sau giải về cho Pháp tại Hà Nội. Trong lao tù, nghe thấy người ta ở ngoài rân rộ vui đón tết Tây; cụ sửa giọng ngâm nga mấy câu đề gọi là * ăn hùn vui gương *. Mời bạn láng nghe cái vui rơi nước mắt của cụ.

Vừa khỏi Du đề (5) đến tết Tây,
Gớm ghê máy tạo lệ long xây!
Trông ra thành phố, cây cò p'át,
Ngành lại non sông, nước mắt đầy!
Vut sướng thiếu gì ai nấy đó,
Đang cay chỉ có lũ mình đây!
Rau xanh vạt đĩa, cơm vạt bát,
Cũng gọi là vui cái tết này.

Thấm thía quá, lời của nhà ái quốc; và tủi cực thay, dân nước Việt lúc bấy giờ!

Cũng có cái xuân phải trốn lánh thực dân, thui thủi một mình giữa đông không nội quạnh. Trong lúc hồn nước chấp chờn, sâu vương không bến, cụ tiếp được thư một người bạn, thấy bạn thủ lộ tâm tình trong thư, cụ đáp lời ngay và không quên tặng bạn hai chữ ái quốc để nhắc bạn nhiệm vụ người dân vong quốc.

Mất nhớ mong gì nước mất rừng (6)
May thay tiếp được nhánh mai xuân.
Phong thư thiết-thiết tay vừa mở,
Ngọn lửa tư tư dạ bớt hùng.
Thấy nói hàn huyên càng khảng khái,
Nỗi niềm tâm sự xiết băng khuâng!
Thương nhau chẳng biết dùng chi lặng,
Chỉ lặng cho nhau chữ * ái quốc *.

Lại cũng có cái xuân khác nữa, nhớ thay hình dạng mà tạm sống yên, tuy nhiên cụ cứ vẫn buồn, vẫn ăn tết cầm chừng cho lấy có chứ không chút gì vui thú.

Trông vôi cây cỏ đượm màu xuân,
Đoạt lại non sông bất đứng đưng!
Diễn khí (7) một dây treo lấy có,
Đồ tồ (8) đôi chén uống cầm chừng!
Trắng đen đôi khác trang râu tóc,
Điều đó y nguyên lũ áo quần.
Cũng một trời chung xuân vẫn một,
Kẻ sao buồn nghĩ đến, kẻ reo mừng?

Cái buồn của cụ, như chúng ta biết, đâu phải buồn vì nghèo đói tiền của, hay vì xa cách vợ con. Nhớ lại hôm nào xưa trước, lúc sắp sửa lên đường xuất ngoại, cụ đã gởi cho cụ bà một bài thơ già liệt đây làm-lý nhưng vô cùng cương-quyết:

NGUYỄN VĂN HẦU

Sống cũng khi khô, đá cũng mòn,
Cùng ai tạc một tấm lòng son.
Trăm năm ngồi đứng trong trời-đất,
Mọi kiếp thế ghi vết nước-non.
Hương-hỏa trước mong duyên mãi-mãi,
Tang-bồng nay há nợ con-con (9).
Ai ói! hãy nếm mùi ly-biệt,
Có nếm rồi ra mới biết ngon!

Và trong cảnh nghèo, cụ vẫn bền gan, luôn luôn đặt tin tưởng nơi ngày mai chứ không nản chí. Ta hãy nghe lời than nghèo chứa đầy hy vọng của cụ trong một cái tết nghèo kiệt xác:

Lớp tết Việt Nam lớp tết Tây,
Mùa màng (10) thất mạt tinh sao đây?
Chẳng cần con nợ thôi thì chờ,
Bỏ cúng ông bà thật cũng gay!
Cơm áo một thân bề chưa tiện,
Cờ đèn ba bữa chuyện thêm rầy!
Xuân này đầu lở còn xuân nữa,
Xuân nữa rồi ta mặc sức say!

Vậy cái buồn của cụ là cái buồn chưa đạt được chí lớn, cái buồn chưa gỡ được gông xiềng nô lệ của thực dân trong thời bị thuộc mà thôi.

Trong lúc tuổi xanh sức khoẻ còn nhiều, sự hăng hái hoạt động và lòng tin tưởng mãnh liệt của cụ Nguyễn Quang Diêu như vậy đã biết đáng quí nhưng cũng là thường, cái đáng quí nhất là lúc trở về già, cụ vẫn ra sức vẫy vùng và chí mạo hiểm không hề thối nản. Cụ đã say sưa việc nước đến đôi quăn già, và khi giập này ra biết mình tuổi lớn, cụ vẫn thể quyết hoạt động đến hơi thở cuối cùng. Trong bài * Thấy tết nhớ mình già *, cụ đã phát-đương rõ rõ cái nhiệt tình đó!

Nghe người gọi bác kẻ kêu ông,
Sức nhỏ, ở 1 ta vốn tuổi Ròng (11)
Vẫn biết tấm lòng hùng tợ lửa,
Nào dè mái tóc bạc đường bông.
Nợ đời trả được chưa nhiều ít,
Thế thọ xem ra đã chấp chông.
Còn một tác huy nguyên cũng thế,
Cần gì ngày tháng đợi ta không!

Tuy nói * không cần ngày tháng đợi *, nhưng mỗi khi thấy tình hình thế giới biến thiên thì lòng cụ lại sáng lên, hoặc thấy xuân về rực rỡ thì cụ lại liên tưởng đến buổi vinh quang đất nước; cho nên có lần cụ mong mỏi được lâu già để đợi chờ cơ hội tới:

Tết Tây tháng trước đã vừa qua,
Mới đó giờ ra tết nữa a?
Mừng thấy non sông đều đổi mới,
Buồn xem râu tóc đã mau già.
Nghe ông bác trước (12) âm đưa cụ,
Gọi bác thiếu quang (13) nán đợi ta.
Đầu lở xuân này, xuân khác liệu,
Hắn rằng xuân khác chẳng bao xa!

Chính vì những kiên nhẫn vô bờ trong người cụ mà hết xuân này, cụ kéo dài hy vọng đến xuân khác, rồi từ xuân khác, lại miên man hy vọng sang xuân khác nữa...

Thời cuộc khoảng 1928 trở đi, ở Trung Hoa có cuộc Bắc phạt thành công, Quốc dân đảng lập thành chánh phủ thống nhất, khiến cụ Nguyễn Quang Diêu càng nuôi nhiều hy vọng.

Cái Tết năm Kỷ ty (1930), cụ đã năm mươi tuổi, sức chưa yếu nhưng sắc diện đã già đi theo cát bụi giang hồ, tuy nhiên lòng cụ còn phấn khởi lắm. Từ biên thủy Miên-Việt, cụ lên về Cao Lãnh, ngâm tỏ chức lại hệ thống liên lạc cũ và tuyên truyền kêu gọi đồng bào bằng bài Xuân cảm sau:

(Xem tiếp trang 34)

TÔI ĐÃ TỪNG ĂN HỐI-LỘ

(bài viết đề bô tác tập "SÀI-GÒN NĂM XƯA")

VƯƠNG HỒNG SẼN

M

ột đời tôi làm công chức, tuy không hay ho gì, nhưng nhằm không tệ mấy. Hay sau được đồ làm mọi Tây; còn tệ thì chưa tệ lắm, vì ngót hai

mười năm ăn lương Pháp, nhưng TÔI CHƯA ĂN HỐI-LỘ LẦN NÀO. Nay về già, cầm sò hưu trí non trong tay, mà cái kiếp sạch làm trâu ngựa khiến phải trở vô làm ăn công nhứt nữa. Đây là căn kiếp, và cũng tại hoàn cảnh. Đền nhà ai nấy sáng, chuyện chén cơm nồi gạo, nói ích gì, chỉ tốn bọt oáp.

Ăn hối lộ, không bị bắt tại trận, gọi là may mắn. Nhưng sự ô nhục tự làm hèn phẩm giá, từ trong lương tâm ăn tàng đời đời tiếp kiếp, chết đem theo, làm sao gột rửa cho sạch?

Không ăn hối lộ thì nhờ. Ai tra ai khảo mà hồng phạch phui? Chưa chắc gì khỏi ăn: khi nhận một thùng gạo thơm đầu mùa của một đứa học trò con nhà giàu, khi từ chối chẳng được một chực hột gà sò, thì đó là nhận của dúi rồi chứ gì? Và cũng có nhiều cách, có thể tha thứ được. Một đứa trẻ khác ôm một giỏ đi chín đến tặng thầy giáo mà rằng: "Má tôi sai tôi đem cho thầy mớ đi này, vì ở nhà heo nó cũng chết!". Thì theo tôi thấy giáo không nên chê vậy!

Duyên do cũng vì ba ngày xuân-nhứt, ngựa ngáy cũng có, mà muốn kiếm thêm tiền xài Tết cũng có. Xét ra, bây giờ chuyện gì đem ra nói cũng đều sợ đụng chạm. Chỉ bằng cứ chuyện mình mình biết mình nói, đầu không ai tin, nhằm nói được nó cũng hả hơi ít nhiều. Sự thật tôi tự xét lấy thì tôi không hay gì hơn ai mà vẫn cũng như ai: bụng ghét hối lộ thì ai lại không ghét? Mà nếu có người đến dâng của hối, ít ít ai chối từ. Ghét bởi đó là việc xấu, còn ưa là vì ai cũng có tánh ham tiền. Trước khi chê bai việc người làm, hãy tự xét mình thật quả trong sạch, khi ấy sẽ phi nhờ vào người. Bằng như vẫn cũng là bọn ăn khoét, ăn đục của dân, dứa rúi bị bắt thì ngồi tù, dứa may chưa bị thì ngồi nhà nghĩ ngế, thế thôi!

Riêng tôi, đến tuổi hưu mà chưa tấp được, có lẽ tại buổi đó tôi là con điểm làm cao, không ai với tới; và bộ mặt của tôi buổi đó không khác mặt gái giang hồ làm choảnh, kịp khi già mà chưa ăn khách đó thôi. Cho ít sợ tôi là, cho nhiều thì người oán!

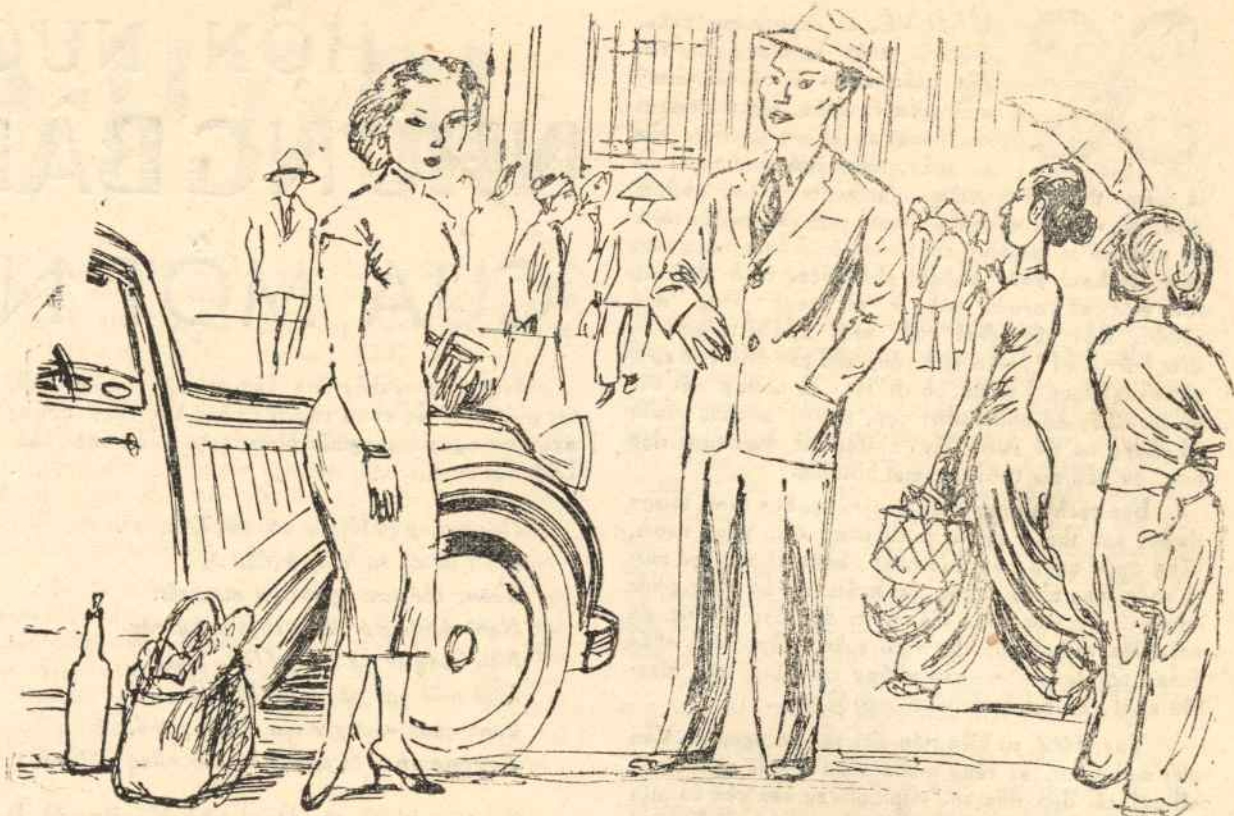
☆

Đâu có phải là hối lộ chẳng? — Nay giờ, nói nghe mạnh miệng, chứ nếu đã ăn hối lộ thì làm sao chạy án? Nhưng tôi không chối cãi. Năm ấy, 1923, tôi đậu bằng brevet élémentaire tháng bảy, kể đầu luôn bằng thành chung, ra thì thơ ký dinh thượng thư, lấy mười sáu người, tôi đậu số 3. Anh số 1, ngày nay là triệu phú, bán phim ảnh tại đường Nguyễn Huệ. Anh số 2, tôi không rõ tông tích. Đến lượt bổ nhiệm tôi, phòng nhân viên gọi tôi đến, đòi tôi nạp tờ khai sanh. Ông phán N.T.L., có cảm tình cho tôi hay có thể bỏ tôi vào văn phòng KHÁM LỚN SAIGON, thế theo lời tôi xin làm tại kinh đô.

Tôi dạ dạ ngoài miệng mà ngao ngán trong lòng quá đời; về nhà tôi bàn với Ba tôi định xin học thêm ngoài Hà nội và không nạp khai sanh làm gì.

Một tuần sau, thấy giấy ra bổ số 4 làm tại Khám lớn, tôi an ủi một phần nào. Ba tôi nhứt định ép tôi ra làm việc, tôi bèn nạp khai sanh. Nạp rồi, chơi bãi trường chưa đã thì có giấy thép vàng gọi về tỉnh mời tôi lên nhậm chức. Tôi được bổ làm thơ ký tại văn phòng ông đốc học trường mấy đường Đỗ hữu Vị.

Trời hồi trời! Tôi nghe ngóng kỹ càng biết chắc tại văn phòng Thống đốc còn khuyết một chỗ thơ ký kia mà. Té ra chỗ ấy phải có thể lực, nhiều kim tiền mới được cho. Tay trắng chơn rỗi như mình, thoát khỏi làm tại khám thì phải chịu đỡ làm nơi trường mấy... Tôi lại nghe ông đốc trường cấm



mấy thầy ăn bận đồ tốt, sợ học trò thấy gương bắt chước. Ép lòng, tôi đi sắm ít bộ đồ phet-mê (fermé); đứng cho thợ do mà thúi ruột. Ai đời, ra diện ra chưng như mình mà mặc đồ tây sáu nút, em út coi sao cho được? Tôi đặt riêng một bộ tussor để chiều ngồi nhà hàng...

Cuối tháng chín, tôi lãnh lương dự bốn ngày tháng tám vì tôi khởi đi làm mọi vào ngày 27 Aout 1923, nay còn nhớ rõ. Đếm tiền trong túi xọc xạch lối sáu mươi chín đồng lẻ mấy cắc, vì họ trừ mấy xu con niêm. Cộng với một trăm ngoài tiền Ba tôi cho thì cũng gần hai trăm đồng, giàu hóm. Mừng mừng, tủi tủi. Mừng vì đây là lần thứ nhứt, thọ bổng lộc của chánh phủ cấp cho.

Tuổi ấy, thời ấy, cũng chưa biết phân biệt chánh phủ nào với chánh phủ nào, duy biết theo lối văn chương chấp chửi, đây cũng tạm là "phần nước ơn vua" rồi đó! Mừng rồi lại tủi, vì bình sanh muốn lựa nghề thanh cao, làm lương y, làm giáo sư, té ra lại trở nên một thơ ký quèn cho Tây. Cái số đứng đường: đón, đưa, đi khách, không sao tránh được! Mặc kiếp!

Có tiền trong túi, nhớ anh số 4, cùng nhau mấy tháng trước, là bạn đồng song trường Chasseloup. Tôi mặc bộ tussor đi ngay đường Lagrandière, định xin vào khám thăm anh N.V.L.

Đến cửa khám thấy người bu đông nghẹt, vì ngày ấy cho vào thăm tội nhơn. Một cô gái Tàu ăn mặc sang trọng đứng gần một chiếc ô-tô bóng lộn, thấy tôi như muốn tỏ chuyện gì. Tôi bước lại, cô cầm một gói đồ và cắt nghĩa muốn gởi nó vô cho cha chồng, ngặt cô không giấy phép. Tôi lãnh mạng đại, vì cô đẹp quá, và chuyện chỉ chớ chuyện gánh bần độc mướn là tôi giỏi nhứt. Thấy "bộ gió" của tôi và nghe tôi nói vào thăm thơ ký ông chúa ngục, viên đội tây lật đặt mở cửa không xét không tra. Nhưng tôi vừa qua khỏi ngạch, viên đội khóa cửa lại hai vòng, tôi nao nao trong lòng, vừa toan thối bộ thì viên tây nhớn miệng cười như ý nói "không sao đâu rồi người ta mở cửa cho mà về". Việc làm đầu tiên khi tôi gặp L. là xin L. trao gói đồ cho người thừa lãnh. L. niềm nở bao nhiêu thì tôi lật đặt bấy nhiêu, vì nóng báo cho người đẹp sứ mạng đã xong! Cô gái Tàu cảm ơn liều lo nhưng tôi nhớ mãi có có hỏi địa chỉ và sở của tôi làm.

Vài ngày kể đó, tôi được người mời ra khách phòng trường mấy đề nói chuyện. Đó là một bác tài xế vận Âu phục chỉnh tề, trao tôi một bức thơ chữ Pháp, ký tên là chủ nhơn một đại được phòng trong Chợ lớn, cảm ơn tôi giúp "tận tình" thân nhơn y trong khám đường bữa trước, và ân cần mời tôi thứ bảy tuần sau, sao sao cũng đến cùng y dùng một bữa cơm Tàu tại lầu Thoại Quỳnh Sâm, trong thơ lại dặn kỹ, gạch dít mấy chữ "mời tất cả quí quyến cùng dự" (nguyên văn câu Pháp "avec toute votre famille").

Đã nói tôi có tánh bép-xếp và mau mắn trong mọi chuyện nên việc làm đầu tiên khi được thiệp là rêu rao khoe khoang trong sò, lại còn làm tài khôn chạy lên phòng nhì dinh. Thượng thư mời mọc bao nhiêu bạn bè: "muốn ăn cơm tàu không tốn tiền hãy nhớ ra đón 'qua' tại ga xe lửa Chợ Bưởi-Thanh, thứ bảy tuần sau, bao nhiêu người 'qua' cũng dài thọ nôi!"

Đúng ngày hẹn, sáu giờ chiều tôi ra ga thấy một nhóm "chết đói" trên mười người vừa già vừa trẻ, vừa bạn năm xưa vừa bạn mới quen, tôi biết tôi lỡ lời thì đã muộn! Kéo nhau đến đường Đền Năm Ngọn, trong bụng tôi đánh thót vì chưa chi nghe tiếng kèn tiếng trống điếc tai thêm ngay cửa sổ đại khách đường từng nhứt, có treo một cây cờ chữ lớn rõ là hiệu kỳ của nhà đại được phòng. Tôi rờ bóp biết chắc hai trăm bạc của tôi cũng còn gần đủ, nay nếu vì danh dự vì thể diện, đành hết cho bọn này thì cũng đành! Tôi mạnh dạn kéo róc lên thang. Đến tầng nhứt, thấy cách dọn dẹp trang hoàng quá, tôi phát sợ khan, vừa nghĩ đó là chốn đãi tiệc cưới hay tiệc mừng tân quan, vừa sợ nếu ăn nơi đây ắt tốn kém nhiều, chỉ cho bằng kéo cả lũ nó lên tầng bình dân trên lầu ba có lẽ tiện hơn! Chúng tôi rần rộ kéo lên như nhóm lính đi xét nhà, đi chưa đầu tới đầu thì có một Ba Tàu ăn vận theo người giúp việc trong lầu lễ phép theo hỏi tôi đi chuyện gì mà đông thế? — Tôi đáp đi ăn tiệc do thơ mời của ông... Cần thận tôi rút thiệp chìa cho xem, Ba Tàu nhớn cười đưa hai hàm răng vàng rồi chỉ tay mời xuống chỗ có cây đại kỳ treo cửa sổ.

Tám giờ gõ, kiến căn bụng từ lâu, anh em đòi ăn như giặc. Tôi giả lơ làm tịch kêu "mì", cho đỡ tốn. Nghe tiếng dạ rân, giây lát bưng lên mười hai tô mì, mỗi tô có một dĩa thịt, vì cá, giò heo Bắc thảo. Tôi sợ cho hai trăm đồng bạc của tôi mà nuốt không vô. Tôi giận thầm đến người đầu xàng, hề kêu mì thì đem thứ mì "đoàn thể" một tô xộn-xộn tiết kiệm giùm cho người ta, ai cầu vẽ viên cách vật làm chỉ cho thêm báo đời!

Chờ đến chín giờ cũng chưa thấy ông chủ đại được phòng đến. Mẹ ôi! nếu ông không đến là ông có ý khinh mình rồi. Nền giận chẳng? Giận lấy sây cùi, đừng giận mà khôn. Thăm vái giây lát ông đến là mọi việc sẽ được quên.

Chín giờ mười lăm, anh em thúc: "Ăn bây cái gì rồi về". Tôi kêu hai đĩa cơm rang, đã ăn mau no thêm không ngoài số tiền hai trăm đồng mình có. Cơm đem lên ăn nửa chừng, thì có ông chủ Thoại Quỳnh Lâm đi chơi về, ghé chào khách quí ăn tiệc phòng sang! Ông thấy toàn mười hai tên Ố Nam dành, tuy vậy ông niềm nở bắt tay từng người và hỏi sao bữa tiệc không thấy hào hứng? Tôi tỏ thật, phiền vì người chủ mời mà không có mặt khiến khách mất vui. Ông chủ tiệm nghe chưa dứt lời, vụt cười xòa, sai bạn bè dọn hai đĩa cơm rang và cắt nghĩa: "Theo phong tục Tàu, nó (chủ đại được phòng) không đến đâu, đừng chờ thất công. Nó đến, sợ có mặt nó, mấy ông ăn uống không tận tình. Nó không đến là kính trọng khách đó! Ăn nhiều nhiều đi! Kêu đội thức ăn nữa đi! Ăn ít như vậy, tôi lỗ vốn chết đi còn gì! Ăn đi mà! Ăn chết ch ăn hết gia tài, nó cũng không nói, sợ cái gì?"

Tuy không thanh, nhưng mấy lời ấy là mười hai cái mặt nở mười hai nụ cười to chén!

L. Khám-Lớn trách tôi đại dột mì, kêu cơm rang, nay đã no cảnh, nữa!

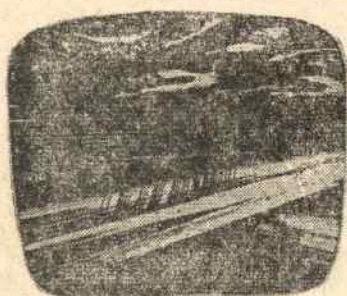
(Xem tiếp)

MỘNG VÀNG BẮT TUYỆT VÀ DÒNG SÔNG MÁU

DOÃN QUỐC SỸ



1 Có cái gì day dứt nhân loại lúc thức cũng như lúc ngủ. Tựa hồ tiếng kêu của một thủy thủ bị lốc biển cuốn từ boong lầu xuống vực sóng, con tàu trôi trên cổ vượt khỏi trung tâm của phong ba rồi ra tới khoảng bên sông gọn nằng vàng, nhưng tiếng kêu của người thủy thủ xấu số kia còn ám ảnh mãi tới những người trên tàu, tiếng kêu mà nắng không làm nhòa đi, gió không thổi mất đi, phong ba cuồng nộ từ đó về sau không làm át đi.

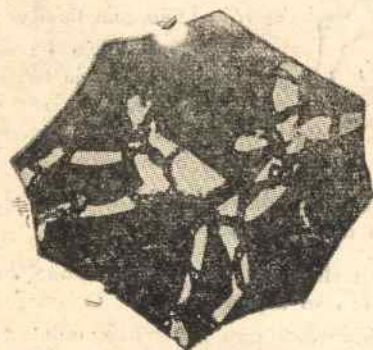


2 Vẫn có những ánh đèn pha trên các bờ biển, trên các hải đảo, hình ảnh của đất liền vững chắc, có nước ngọt có hoa quả và cỏ xanh.

Ánh đèn pha xuôi âm và soi sáng. Chưa phải là đại hồng thủy! Đất liền chưa bị tràn ngập hết, chưa bị tàn phá hết, chưa đến nỗi khắp nơi chỉ là nước... nước mênh mông cuộn sóng, nước rập rình phản bội luôn luôn tìm cách lật ngược con tàu.



3 Cứ mỗi lần người gác ngủ là một lần máu bị nuốt đi. Máu được tích trữ đầy một hồ cao trên miệng một ngọn núi lửa đã tắt. Máu từ miệng ngọn núi lửa đó khơi dòng xuống hòa với suối với sông và chảy vào các sông đào. Mọi người làm nhà trên hai bờ dòng nước. Mỗi lần một mối muỗi quy xuống trên lưng đất họ lại cố bò ra để gục mặt vào dòng nước hớp dón lấy từng ngụm nước tanh tanh thân thuộc, thân thuộc vì là máu của họ. Họ tỉnh dần hồi... ngừng nhìn mặt trời đỏ ối chìm vào hư vô. Một ngày đã hết!



4 Có bấy nhiêu người giăng lưới bắt vảy để chụp các con thú, đôi khi có những chú nai vàng thân nhiên đi vào vũng lưới như thân nhiên đi vào đồng cỏ.

Có nhiều lần lưới không chụp, không phải vì lưới mắc kẹt mà vì kẻ cầm đầu giây sừng sẽ mất hết kích thích trước thái độ thân nhiên của chú nai vàng. Có nhiều lần lưới chụp xuống vì kẻ giật lưới như cái máy tự động. Nhưng bắt được nai vàng mà chưa

phải là chiếm hữu. Hãy nhìn nai vàng thân nhiên đi vào vũng bắt vảy rồi bị chụp dưới lưới. Cái lưới sao mà thừa, người kéo lưới sao mà thừa, sự xua đuổi, rồn ép, bố trí sao mà thừa, thừa như một tiếng cười bị đi sang lên trong cái yên lặng thơ ngây.

Hình ảnh nai vàng thân nhiên vào vũng lưới như thân nhiên vào đồng cỏ đã đi thẳng vào trái tim của nhân loại và sống mãi trong trái tim của nhân loại.

5 Có người sỏi đất giồng cây, cấy ruộng gieo lúa. Cây táo cho quả táo, cây lê cho quả

lê tới mùa gặt thì lúa chín vàng thơm phức. Người cũng mệt mỏi và nhiều lần ngã sóng soài trên lưng cây, rồi gượng bò lê lại bờ sông hớp dón lấy vài ngụm nước. Khi đã phần nào lại sức, người đứng lên hướng về hồ máu trên miệng núi cao. Hồ máu trên miệng núi cao chảy xuống suối, suối chảy vào sông, sông phân chia nước vào các sông đào trước khi chảy ra biển. Nhưng người nghĩ máu vô tận là ứ tru điều hủn, bốn mùa đổi thay, máu luân lưu là những cây táo cho quả táo, những cây lê cho quả lê, tới mùa gặt thì lúa chín vàng và thơm phức.

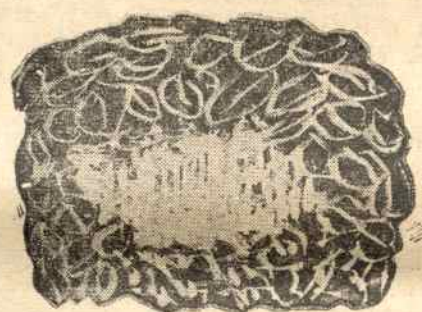


6 Ý thức lớn mạnh vươn tới đồng nghĩa với hồn nhiên. Tựa như dưới bóng tảo, bóng

lê, trên cánh đồng lúa bên những khóm cúc dại có thêm con nai vàng đi đứng dễ dàng trên trí.

Khu rừng lân cận ôm lấy cánh đồng bằng một đường viền xanh thắm. Khu rừng ngả nghiêng rào rạt như rừ rừ cánh đồng thơ ngây trong một mối tình quyến luyến.

Người đi vào một giấc mộng vàng bất tuyệt.



7 Hồ máu — Suối — Sông lớn — Sông đào — Biển — Máu thoát ra biển tự lại thành dòng

nguồn ngoằn ngoèo chảy ngược triều biển về một hải đảo căn cơ. Từ trên cao nhìn xuống dòng máu ngoằn ngoèo đó như con rắn đỏ bơi trong nước xanh.

Chiều xuống
Trăng lên
Những bàn tay yếu tính vục xuống thỏa thuê.

Vết máu loang dưới ánh trăng. Con rắn máu quấn quật cùng sông nước loang loáng.

Rồi những bàn tay máu nhẩy múa. Sông nước nhẩy múa.



Hãng chế tạo Sơn

DURCICO

Văn Phòng

90, Hàm Nghi SAIGON
Điện thoại 21.156

Nhà Máy

Tân-Sơn-Hòa GIA-ĐÌNH
Điện Thoại SG.178

Sản - Xuất :

- DUREX CELLULOSIQUE : Sơn Xe hơi
 - DUREX SYNTHETIQUE : Sơn Xe hơi
 - OLYMPIA GLYCEROPHTALIQUE : Sơn Ký Nghệ và Công Nghệ
 - SUPERLAC, Laqué : Sơn Trang Hoàng
 - DURCICO 58, Sơn Dầu : Sơn Nhà cửa phò thông
- (Và các thứ sơn đặc biệt khác)

Q.N, ngày... tháng... năm...

Anh,

Anh hỏi từ ngày anh đi Q.N. có gì thay đổi không? — Có, anh à.

Hôm anh đi ở Q.N. đang còn nắng, nay thì là mùa mưa ở đây rồi. Nhà mình thấp và tối; tuy em đã xây một cái bờ con lơn để chặn lại nhưng gặp cơn mưa lớn nước ở sân sau cũng cứ tràn vào bếp. Nước đã vào đến bếp thì rất lâu khô, và rất muốn rón rén bò vào trong buồng, vào dưới tủ, dưới đất tìm gạo, thăm ướt các đôi dép dứa dưới giường và mấy tấm thảm chùi chân... Mưa gió rần rộ của mùa đông không tự biết rằng mình bàn tiện như vậy. Những cái nhỏ nhen ấy làm cho em rầu rĩ lắm.

Em thích nằm trên ghế xích đu đắp mền đọc truyện, không dám bỏ chân xuống đất. Trong lúc ấy, bà cứ hay đốt đèn cây đi lẩn quẩn trong buồng, cắt cái này xong một lát liền thấp đèn đi tìm xem lại cái kia.

Vậy thì nếu anh có ở nhà và cũng nằm quèo như em, chắc thế nào anh cũng chú ý tới mấy chuyện quan trọng đó: nước rỉ lép nhép dưới nền, ánh đèn cây của bà, và mưa âm-ĩ trên mái ngói cứ như chó nhào vô chảo lợn với mèo.

Khi nào dứt tiếng mưa thì học trò lại lui tới tụ tập ở ào bên nhà bác Lại, qua trước cửa nhà ta, và hát. Em quên không rõ hồi anh còn ở đây họ hay hát bài gì, bây giờ thì thịnh nhất là "Ngày tạm biệt" và "Mấy độ thu về". Nhưng bài "Ngày tạm biệt" thì gần như sắp bị đào thải, để rồi xem bài gì thay thế nó em sẽ báo tin anh hay.

Sân nhà ta hồi mới tráng xi măng chưa khô đã bị một trận mưa xối lũng mảy lổ, thành thử bây giờ những khi rút cơn mưa liền có tiếng nước nhỏ giọt "chóc chóc" xuống những cái lỗ con đó. Tiếng nước "chóc chóc" và tiếng hát vài câu "Mấy độ thu về", như thế tức là ngoài đường có ánh nắng, và những hoạt động buôn bán trở lại bắt đầu.

Nghề bán dạo ở Q.N. mới thêm một kẻ rao hàng rất đông dài. Chú ta cỡi chiếc xe đạp vành đi cút kít, bỗng dừng lại ở đầu phố vênh mặt lên: "Lại động đất ở A-ga-đi-a, số người thiệt mạng lên tới... Xung đột lớn ở Phi Châu, chiến tranh thứ ba có thể bùng nổ... Quốc hội họp bàn phiên bất thường..." Nếu tất cả những cái đó không làm ai hoảng hốt cả, nếu những người đang ngồi ăn phở, đang ngồi cạo râu, ngồi khâu giày, những người qua đường xung quanh vẫn tiếp tục công việc, thì chú ta lại đạp chiếc xe tránh cút kít đi tới đầu phố khác. Thấy Tánh vừa ở trong Nam đòi ra chịu rằng lỗi bán báo ở Q.N. ta độc đáo lắm, cho nên em tưởng nên kể lại với anh để anh hành diện. Ngoài ra em nghĩ ở thành phố chúng ta không có sự thay đổi quan trọng hơn.

Còn về sinh hoạt trong gia đình thì anh đi nhà ta buồn trông thấy. Đêm nào cũng tắt đèn ngay từ chín giờ tối. Trẻ con ngủ sớm. Ông bà thì lên gác nằm kể chuyện "mọi lần", thì thì thủ thủ. Anh có biết chuyện "mọi lần" không? "Mọi lần" là những ngày xa xưa, hồi ông bà còn trẻ, hồi còn trai con gái ở nhà quê mười bốn mười lăm tuổi cời ruộng đi tầm so vừa đánh trống thổi kèn vừa khiêng rước áo quần về, hồi ông hương này kiện với bà bà họ kia, hồi ông có đau cái nhọt ở lưng, bà cao bị ngã sưng bầm ở đầu gối, hồi ông chánh tổng nợ cưới cô vợ bé kia v.v... Bà nhắc lại, ông "ở ở" nhớ ra kể thêm; ông kể ra, bà "ở ở" nhớ lại thuật uếp. Chuyện "mọi lần" dài lắm, anh không tưởng tượng nổi đâu.

Em giặt mình, nghĩ rằng mỗi ngày chúng ta đang sống đây trôi qua mỗi cái là nó được nhập bọn ngay vào cái quá khứ mênh mông đó. Em lo mai sau từ trong khoảng hầm tối bất tận của "mọi lần" ấy chúng nó sẽ hội họp lại đông đảo và lên tiếng gọi kêu mình léo nhéo trên gác tối như thế thâu đêm. Mắt ngủ nhiều, hại thần kinh lắm.

Anh nghĩ sao nếu bà đi tu? Em ngờ rằng bà đang muốn tu lắm đấy. Có nhiều triệu chứng rõ ràng. Những ngày gần đây em để ý tất cả mọi tình cảm như lo lắng, ngạc nhiên, buồn giận, sợ hãi v.v... của bà đều dịu xuống, lơ phớt, và đều chỉ cần đến một cách diễn tả chung. Chẳng hạn, buổi chiều ông đi dạo ngoài biển về, bà hỏi: "Ông đi biển không mặc áo ấm sao ông?" Ông đáp: "Không! Bà: "Mô Phật! Như thế là thân mật khen ông giỏi chịu lạnh. Lại chẳng hạn em đi học về trễ, bà hỏi: "Sao trưa nay về muộn vậy con?" Em trả lời: "Ông thầy này hăng lắm, giảng dài lắm, bài trông rồi cứ giảng mãi". Bà: "Mô Phật! Như thế lại là ngạc nhiên phiền uạch đó.

Bà lại mỗi ngày mỗi cần thận thêm. Tháng trước nghe có vụ xe xích lô húc vào xe chở hàng hóa của hãng Tân thành ngoài phố Gia long, từ đó

THƯ NHÀ

VỠ PHIẾN

mỗi lần đi xích lô bà đều ngấm đi ngấm lại kỷ lưỡng xem mặt bác phu xe có đỏ không. Bà bảo thăm với em: "Gớm! nhiều tên nó hay say sưa bữa bãi lắm." Bà đóng cửa suốt ngày nên nhà đã tối càng tối thêm. Thế mà mỗi lần em muốn ra ngoài chơi một tí đều bị bà ngừa đón.

Bà tưởng tượng gió như những tai họa lúc nào cũng lủ lượm kéo đi rình mò xung quanh nhà mình. Gió là nguy hiểm đệ nhất. Cứ thỉnh thoảng bà lại nhắc chừng đề cảnh cáo: "Mấy đứa coi chừng. Tao vừa nghe nói chiều nay trời trở, có ngọn gió độc lắm đấy. Đứa nào có thân nấy giữ, tao không ngăn nổi. Hờ một chút là lên chạy ra ngoài trời!" (Bà thì chỉ theo dõi bằng cách "nghe nói" về tình hình gió; đã lâu lắm bà ít khi ra khỏi nhà và được biết nó trực tiếp).

Anh biết đấy, bà bao giờ cũng nêu gương giữ thân rất kỹ. Bữa ăn nào cơm hơi nguội bà liền lấy đầu xoa lên rún, sợ cơm không tiêu. Gần đây bà cần thận hơn: ngồi vào mâm, mỗi lần xới xong một

Còn anh thì tùy ý, anh muốn viết về chuyện gì cũng được. Nhưng mà anh cần phải viết thư về nhà ngay, gia đình trông thư anh lắm. Theo em thì điều mà ông bà và cả nhà cần biết là anh có "bình an" không, vậy thôi. Nhưng điều đó thì em biết: chắc anh vẫn bình an.

Tuy vậy phải chính là do anh nói, bằng thư.

TOẠI

☆

Mạnh ngăn ngừa một lúc lâu, chịu rằng đứa em nói đúng: anh không nghĩ ra phải viết thêm cái gì ngoài chuyện bình an. Mà anh thì cứ bình an mãi, thành thử viết thư thật chán.

Ờ, mà tại sao anh lại không thể cho gia đình biết cảm tưởng của mình ra sao trong cảnh sống mới? Ông bà bộp bộp để cho anh bỏ gia đình ra đi, bây giờ anh có vừa lòng không? Anh đã gặp một cảnh, sống ra sao?

Cái đó cần phải kiểm điểm. Nhiều lúc anh đã có cảm tưởng bằng lòng. Anh có căn gác nhỏ ở Đakao, có năm ba người bạn, có vài tờ báo chịu để cho anh "cộng tác". Anh tha hồ làm văn nghệ ngày nào mà anh tự thấy còn bình an. Như thế thú quá rồi còn gì.

Bạn của anh nhiều người vẫn tiếp tục truyền cho anh cái say sưa trong lối sống của họ. Hà thì gây nhưng lại cao lớn dềnh dàng nên đi tới đâu là nêu cao nổi bật cái gây tới đó. Khuôn mặt to mà má hóp.



bát cơm bà lại lấy mảnh bánh tráng dầy lên chỗ khuyết trên vụn cơm, sợ cơm bay hơi, nguội đi. Bọn em cũng phải tập cho quen như thế.

Những sự chu đáo nhỏ nhặt ấy làm bọn em cực khổ. Nhưng mà nhiều lần trông thấy bà nhai miếng cơm khó khăn gần cổ nổi cao lên, quai hàm trệu trạo làm méo cả mặt mày, em thương quá. Sự sống ở bà mong manh quá, bà phải làm hết cách để lưu giữ nó lại. Tính bà lại cần thận thế, nên em tưởng nếu bà có ý lo tính để xếp đặt cho có chắc chắn một chỗ dành trước ở Nát bàn thì chắc bà sống được an tâm hơn. Bởi vậy mỗi lần bà tỏ ý ngưỡng mộ Phật, em cho rằng bà có tu lúc này cũng phải. Tuy có vất vả thêm cho bà một chút, nhưng cần tắc thế thì được vững bụng thêm.

Con cháu Bé nay đã nói được những câu dài năm sáu tiếng. Tối hôm qua, dạo phố, trông thấy một đôi guốc nhỏ xinh thật xinh, quai nhựa trong có kết cái hoa hai màu, em mua về cho nó. Nó khoái lắm. Nhưng chưa kịp mang guốc bao lâu thì nó đã buồn ngủ, nó đòi mang cả guốc đi ngủ. Hai chân nó co lên dựng đứng cho guốc áp xuống mặt chiếu. Chỉ phải ngồi bên cạnh để đỡ, vì cứ mỗi lúc nó thiêu thiêu thì chân lại ngã ra, và nó giật mình thức dậy. Cuối cùng nó bằng lòng cho gở guốc ra, lấy sợi dây buộc xâu lại cho nó ôm mà ngủ.

Khi em viết thư cho anh, chỉ dẫn đi dẫn lại thế nào cũng phải kể đầy đủ câu chuyện ấy.

Em chỉ thuật lại vài chuyện anh hỏi và một chuyện chị dặn, thế mà là thư đã dài đến thế này. Em không ngờ.

mắt trùng sâu, khổ hạnh, dễ sợ. Cờ thì dài lằng lằng. Chân tay lều khều vụng về. Những lúc ngồi bên nhau chuyện trò, tình cờ mà Mạnh có nắm đến cánh tay gây dẹt dẹt da của Hà, thế nào Hà cũng tìm ra cơ hội phát biểu một quan niệm về thiên tài: "Thiên tài không hay ở trong thớt. Nó chán ghét mỡ. Những kẻ béo sệ không có tài đâu, moa cam đoan". Nghệ sĩ Hà có lối thể hiện ham sức, có động. Hà không nói dài, chàng dừng lại ở đó, nhưng ta có thể tiếp tục nghĩ nốt là thiên tài rất mến mộ món xương, và hay rúc vào trong xương.

Tuy vậy tiền bạc Hà kiếm ra bao nhiêu chàng chỉ tiêu vào hai chuyện: sách và thuốc. Thuốc, chàng kín đáo nhờ người y tá trợ ở cái gác đối diện với gác chàng tiêm cho. Thỉnh thoảng mới có người bạn bắt gặp được cái cảnh Hà cúi chiếc đầu bồm xồm xuống mặt bàn, nhắm mắt lại, há miệng ra toang hoác như kêu không thành tiếng, ngoảnh mặt về một phía, nhăn nhịu, trong khi gờ tay cho người y tá chích thuốc.

Tính Hà rất ghê sợ cảnh kim đâm vào thịt. Lâu lâu gặp một dạo thăm thuốc, da thịt tươi tắn hồng hào, có người khen ngợi, Hà hớn hờ đi tìm chọn mua một cái cà vạt mới: như thế là cách thức biểu lộ tư tưởng yêu đời của chàng.

Ngoài ra chàng chỉ thích có những tác phẩm lớn mù trời chỉ mê có chúng nó, chỉ hết tiền vì chúng nó. Chàng có cái lòng ham mê rất thiên lệch đối với văn chương.

(Xem tiếp trang 40)

BA CƯỜI, MỘT KHÓC

(Tiếp theo trang 29)

đôi vữa rết, ai nấy đều mệt mỏi. Tháo đành cho quân sĩ vào trong thôn xóm lân cận cướp nhặt thức ăn, gạo củi. Đang sắp thổi cơm nấu nước, bỗng có một đội quân đuổi theo. Tháo hoảng sợ, thì may thay quân đó lại là quân nhà do Lý Diên, Hứa Chử, bậc họ bọn mưu sĩ chạy thoát vòng vây theo kịp.

Tháo tạm yên tâm, ăn xong cho quân từ từ tiến. Đến một nơi thấy đường chẻ ra làm hai lối.

Tháo hỏi tá hữu nơi đó là đâu?

Chúng thưa:

— Một bên đi về Nam Di Lăng theo đường

lớn, còn một bên đi về Bắc Di Lăng theo đường núi.

Tháo hỏi:

— Đường nào về Nam Quận, Giang Lăng gần?

Tá hữu đáp:

— Theo Nam Di Lăng đi đường lớn rất gần

và tiện.

Tháo ra lệnh cho quân đi đường Nam Di Lăng.

Đoàn quân đi đến Hồ Lô Khàn xem chừng đã mệt mỏi và đói, người ngựa đều không muốn cất bước, nhiều người mệt quá ngã lăn ra đất. Tháo đành cho quân tạm nghỉ, lấy nồi nấu ra thổi cơm ăn tạm cho đỡ đói.

Quân lính được nghỉ ngơi, kẻ thì cởi áo ướt ra hong cho khô, kẻ thì đi kiếm nước, kẻ thì dẫn ngựa đi ăn cỏ, tháo yên cương cho ngựa được thoải mái đôi chút.

Tháo ngồi ở trong rừng thưa, đưa mắt quan sát tứ phía, bỗng ngựa mất lên trời cười sặc sỡ.

Thấy vẻ thích thú của chủ tướng một cách quá đột ngột nhất là không thích hợp với tình trạng và hoàn cảnh, mọi người hỏi:

— Vừa rồi Thừa Tướng mới cười Chu Du và Gia Cát Lượng thì bỗng có Triệu Tử Long hiện ra, khiến cho quân sĩ tôn trọng một số lớn, chẳng hay vì lý do gì mà bây giờ Thừa Tướng lại có thể vui thích được như thế?

Tháo đáp:

— Ta cười Chu Du và Gia Cát, trí mưu còn thấp, nếu vào tay ta dùng binh, ở quảng đường này đặt sẵn một toán quân dùng thế "Đi đặt dãi lao" thì bọn ta như cá vào lưới hết.

Đang vui vẻ trò chuyện bỗng quân sĩ kêu ầm lên, thì ra họ dùng thế "Đi đặt dãi lao" thật.

Tháo hoảng sợ nhảy lên ngựa, chẳng kịp yên cương, chẳng kịp cởi giáp. Tướng tá quân sĩ cũng thế, dúi chũa kịp ăn, áo phôi chưa kịp khô, ngựa chưa kịp thăng yên cương, mạnh ai nấy chạy.

Nhìn ra từ bề lữa cháy, một tướng cầm ngang

mâu dẫn đầu một toán quân ngăn lối, hét lớn:

— Bớ Tào Tháo, bọn người định chạy đi đường nào? Ta là Trương Dục Đức, chờ bọn người ở đây từ lâu rồi!

Mọi người trông thấy Trương Phi, mắt tròn xoe râu vênh ngược, khí thế hùng mãnh vô cùng, đều sợ xanh mặt.

Hứa Chử cười ngựa không yên cương, xông ra đấu với Trương Phi.

Trương Liều và Từ Hoàng cũng xông ra đánh giúp.

Riêng Tháo quát ngựa chạy thẳng.

Mọi người lục tục chạy theo, chẳng ai còn nghĩ

đến chuyện chống đỡ nữa, cầu thoát thân là may.

Trương Phi đuổi một đoạn rồi mới quay lại.

Bọn Tháo như chó cụp đuôi, như chim sợ đạn

chạy bán sống bán chết.

Chạy một hồi xa, Tháo nhìn lại thấy tướng tá

quân sĩ đều không nhiều thì ít, bị thương cả.

Thấy quân đuổi đã xa, mọi người tạm dừng

lại để kiểm điểm nhân số, sau đó lại từ từ kết thành

đoàn để chạy.

Đến một nơi, bỗng quân sĩ bầm rầm:

— Đàng trước có hai đường, xin Thừa Tướng

ra chỉ thị cho biết theo đường nào?

Tháo hỏi:

— Đường nào về gần?

Chúng thưa:

— Đường lớn phẳng, dễ đi, nhưng xa hơn 50

dặm, đường nhỏ lách vào lối Hoa Dung, gần được

50 dặm, song lối đi ngoắt ngoéo hiểm trở, nhiều

hố nhiều vực, rất khó khăn đi lại.

Tháo sai tiều lên núi cao ngắm nghía xem có

gì lạ xuống báo.

Quân sĩ tuân mệnh. Một lát sau về thưa đường

nhỏ qua Hoa Dung có nhiều chỗ thấy có khói bốc và

cò cầm, còn đường lớn thì êm ả không thấy động

động gì cả.

Tháo ra lệnh cho quân đi theo đường nhỏ.

Chúng mưu sĩ vội can ngăn:

— Theo binh thư thì chỗ nào có phục binh tất để lộ hình tích khói lửa, huống hồ đường nhỏ cheo leo càng dễ bị thao túng, vậy Thừa tướng cho quân đi về đường nhỏ cốt để gặp phục binh sao?

Tháo giảng:

— Các ông đọc binh thư nhưng còn nệ ở sách, các ông há không nhớ nguyên tắc "hư thực thực chi, chi thực thực chi" đó sao? Không! Minh là kẻ xảo trá, nhất định bày mưu lừa ta, biết ta đi đến đây mệt, thế nào cũng muốn tìm đường gần để về cho chóng, nên bày ra nghi binh để khiến ta sợ không đi nữa. Nhưng nếu ta đi đường rộng mà xa lại chính mắc phải phục binh của hắn!

Chư tướng đều bái phục:

— Thừa tướng thật là bậc thần cơ diệu toán, không ai bì kịp.

Quân sĩ bèn theo đường nhỏ tiến phát. Khi đó người ngựa đều đói mệt, vừa mới chạy khỏi đám lửa nên kẻ thì còn bị bỏng, kẻ thì cháy tóc, kẻ thì chóng mặt, kẻ thì bị thương, mũi tên còn cắm ở người chưa kịp lấy ra, đều phải miễn cưỡng lê chân bước.

Lại gặp phải tiết đông giá buốt, áo thì ướt, giáp thì rơi, sức xa sức xích, cơ xé chằng buồn cảm, ngã nghiêng hỗn độn.

Bỗng thấy quân lính dừng lại không tiến, Tháo hỏi duyên cớ, thì ra trời mới mưa, lầy lội đường đi, hố vực vừa ướt vừa trơn ngáng cả lối.

Tháo nổi giận:

— Quân tiên phong có bốn phân gấp núi thì phá đường, gặp sông thì bắc cầu, lẽ nào lại nói vì ngáng trở mà không tiến được?

Tháo bèn cho những kẻ già yếu đi lùi lại sau còn bao nhiêu người trẻ đều phải tiến lên hết để sửa đường. Ai nấy đều phải xuống ngựa góp lực để bắc cầu, phá đường cho quân đi.

Quân lính đều phải tuân vịn cây rẽ lối mà đi, qua cầu treo, vì mệt, vì đói, vì run sợ nên ngã xuống vực không biết bao nhiêu mà kể.

Mọi người, không khóc thì cũng ta thán, tiếng phân nân kêu than ồn ào cả lên.

Tháo quát:

— Sống chết có số mệnh, khóc mà làm gì. Kẻ nào còn khóc làm rồi quăng tâu sẽ bị giết chết.

Quân sĩ chia làm ba phần, một phần lạc lại ở sau, một phần ngã xuống hố, vana vana chỉ còn một phần theo kịp Tào Tháo.

Cảnh tượng lúc ấy thật là khổ cực không bút nào tả xiết.

Qua được chỗ đường cheo leo hiểm hóc, đường đã hơi dễ đi. Tháo quay lại nhìn tít tít chỉ còn độ ba trăm người, không đủ ngựa, kẻ nào kẻ nấy chẳng ra hồn người.

Tháo ra lệnh đi cố mau về Kinh Châu sẽ

nghỉ ngơi...

Đi được vài dặm, Tháo ngừng lên nhìn sườn núi cheo leo, lối đi hiểm trở, một bên thì vực thẳm một bên thì núi đá rừng cây, bỗng lại bật lên tiếng cười ha hả.

Mọi người lấy làm lạ.

Tháo nói:

— Chỗ địa thế hiểm trở như thế này, nếu có một tập quân ở đây mai phục thì bọn ta chỉ còn có cách giờ tay chịu trời mà thôi. Chu Du và Gia Cát tính vẫn chưa sát nước!

Nói chưa dứt lời, một tiếng pháo ống lệnh nổ ầm trong núi, hai bên hẻm bỗng xuất hiện 500 tên đao thủ, dẫn đầu là một vị tướng, mặt đỏ râu dài, mắt xích, tay cầm thanh long đao đứng án ngữ.

Chính là Quan-vân-Trưởng.

Quân Tháo trông thấy, hồn phách thăng thiên, kinh hồn táng đờm, mặt mặt nhìn nhau sợ không

khóc lên được nữa.

Tháo nói:

— Đã đến nước này thì cũng đành liều xông ra đánh một trận rồi chết cũng cam, chứ còn biết làm sao nữa.

Các tướng thưa:

— Đã đành người đầu không sợ, nhưng ngựa không còn sức nữa, đánh làm sao được?

Mưu sĩ Trình Dục tiến lên thưa với Tháo:

— Tôi vốn biết Quan Vân Trường là bậc đại lượng, ngạo với kẻ trên nhưng không tàn nhẫn với kẻ dưới, khinh miệt kẻ khỏe mà không ăn hiếp kẻ yếu, ân oán phân minh, tín nghĩa rõ rệt, Thừa Tướng khi trước có ân với y, bây giờ đành nói khó một chút, chắc có thể thoát được nạn.

Tháo đành phải nghe theo, giật cương cho

ngựa tiến lên cúi mình thì lễ.

— Tướng Quân từ khi chia tay đến giờ vẫn

được mạnh luôn?

Vân Trường cũng cúi mình đáp lễ:

— Quan mô theo tướng lệnh của Quân sư chờ Thừa Tướng ở đây đã lâu rồi.

Tháo nói luôn:

— Tháo ngày nay thua trận thế nguy, đến đây là cùng đường, mong Tướng Quân nghĩ lại giao tình khi xưa...

Quan vân Trường nghiêm trang đáp:

— Trước kia Quan mô tuy được Thừa Tướng gia ân thâm hậu, nhưng đã giết Nhan Lương, chém Văn Xú, giải nguy ở thành Bạch Mã để phụng báo.

Công việc ngày nay, lẽ nào dám vì tư tình mà bỏ nghĩa công, huống hồ trước khi ra đi đã từng viết

quân lệnh trạng với Quân sư đem thân mệnh ra bảo chứng, vậy xin Thừa Tướng để cho Quan mô được

thi hành phận sự.

Tháo trình bày:

— Khi Tướng Quân qua năm cửa quan chém sáu tướng, Tướng quân là bậc đại trượng phu lấy

(Xem tiếp trang 38)

TÔI ĐÃ TỪNG ĂN HỒI-LỘ

(Tiếp theo trang 28)

Phán Th. Trưởng Mấy chạy xuống lầu đi gõ cửa từng nhà bạn học cũ, dựa vào có cơ ngơi trong phố, đều bị đánh thức, mời đi tiếp tay ăn một bữa cho Ba Tàu kiêng oai và cũng cho lại gan với chủ tiệm thuốc lớn. Nhưng đã mười giờ hơn, nhà nào như vậy đã làm một giấc, không đứa nào khứng đóng vai đạo binh hậu-tập.

Ông chủ tiệm gọi thầu xáng, sai lấy nước nóng cho chúng tôi rửa mặt, sai gọi gấp hai tên tầm-quách để sửa "gà" đá chống độ khác, thiếu một điều, nói xin lỗi trước, ông muốn chúng tôi chộc cỏ trả mì trả cơm, để dọn dạ dày lại mới, làm việc cho bao tử như lúc chưa ăn!

Ông bày biện đủ điều mà chúng tôi vẫn ăn uống uể oải, hai bàn hai mâm ví vèo mà thức ăn còn ế chề, không sút mẻ. Chủ tiệm lắc đầu chắc lưỡi than lỗ liên miện, rồi ông sai bưng lên hai mâm đèn đặt trên hai bộ ván, ông gọi hai chị "á mui" làm thuốc mới mợc: "hút chơi ít điếu cho mau tiêu!"

Mười hai giờ, chúng tôi đưa nhau xuống lầu.

Chủ tiệm cầm nân lại, đứng số bàn toán lắc các rồi lắc đầu, đưa tay mời trở lên như cũ. Ông sai dọn

nắp bàn mới, triệt hết ly chén, lấy trà thơm chén sứ ra, dâng khăn nóng lau mặt, đây đem hai ống sành

ra, trong ống có một mớ thẻ tre đẹp đẹp giống như thẻ xin xăm các chùa Tàu. Ông mời tôi rút bốn thẻ, mỗi ống lấy ra hai thẻ. Tôi không hiểu chuyện chi,

màng chăn chờ, ông cắt nghĩa đây là cách mời "hoa biết nói" khỏi sợ sự tranh dành, A-Má cũng vui mà

các phi phà chầy cũng không cự nự. Tôi rút trúng bốn cô mại mại như cô Nhứt-chi-mai, Quế Anh, Trâm hương và A Nụ (à-nữ). Giấy lát có hai cô lên

phòng tay ôm mỗi cô một cây "hồ điệp cầm". Hai cô gái nhỏ hơn, trên đầu thắt bím, lên tiếp theo,

đi tay không. Các cô chào khách dâng hoàng rồi

ngồi xuống lên đây thay phiên kẻ đờn người ca, hết

tốp này sang tốp kế. Chúng tôi ngồi nghe như vịt

nghe sấm, trở mặt như chú Mán đi chợ Tết: L. Khâm Lớn lim dim ngồi ngủ gà. Th. Trưởng

Máy năm kéo ống võ và tào nhạ định đem về nhà. Tôi khó nhịn thêm lại gần một á-mui, vừa cười

vừa đựng nhẹ vào mình. Tôi nghe một tiếng "ái!" như con búp-bế có lò-xo, hay như ai bị điện giật,

có hết hồn, tôi cũng hết hồn theo không dám săn tới.

Trở vui cho mấy cũng không thể kéo dài mãi.

Hai giờ khuya chúng tôi năn nỉ ông chủ tiệm xin về. Ông lắc đầu, cười cười cho biết bữa tiệc chỉ

tồn bảy trăm sáu chục đồng, cần ợc sấm sấn mỗi người một chai lì: đầu thơm và một hộp xi-gà, ông

mời chúng tôi cầm về, để ông tính lại với ông chủ

dại được-phòng chầu một ghim bạc!

Một tuần sau tôi mới thấy mặt ông chủ nhà

thuốc. Ông còn trẻ, tánh tình rất nhã nhặn. Tôi trách

ông quá lãnh đạm, mới quen nhau mà đã khinh

thường. Ông sửa nét mặt tạ lỗi. Ông thú thật trong

gói đồ tôi đưa vô khám lớn có kèm một bức thư khá

quan trọng, và như vậy công của tôi một tiệc què

như hôm đó có nghĩa lý gì đâu. Ông hẹn tôi để

huyền huyền ông sẽ cùng tôi lên Đà-lạt ở chơi một

tuần hay nửa tháng!

Tôi nghe ông nói mà hú hồn. Té ra vì chuyện

vô khám thăm bạn học cũ mà phạm hai tội tày trời:

hồi-lộ và bán đờng một người bạn ngọc.

TẾT TÔ - CÁCH - LAN

LỜI NGƯỜI VIẾT : Những câu tiếng Anh dùng trong bài hoàn toàn là theo nguyên văn giọng đọc của người Tô cách Lan bởi vậy rất khác với tiếng Anh của sách vở. Mong bạn đọc thông cảm dùm.

★

Từ Âu sang Á, từ Á sang Phi nơi nào cũng có Tết. Đại loại cái Tết nào cũng chỉ là một dịp để chạy sập chạy ngựa lo cho có đủ vật dụng xài trong ba ngày Tết. Cái Tết nào cũng gồm có ba ngày ăn hút lu bù. Tết Anh cũng không thoát khỏi cái công lệ đó. Bởi vậy nếu kể chuyện dân Anh ăn Tết cho số Xuân Tỵ Do thì e độc giả ở nhà đọc đau mắt mà không thấy hứng thú kỳ quái gì cả.

Kịp tới khi nhận được thư thúc bài của chủ bút, Thạch Công tôi vừa thiếu đề tài, vừa cạn nguồn cảm hứng, viết không ra chữ mà có ra chữ thì không thành văn, thành cú chỉ cả.

Vừa buồn vừa lo ! Chẳng nhẽ lại viết những bài sáo như : " Tết nơi đất khách ", " Xuân Tha Hương ", " Tết du Học " v.v. là những đề tài cũ rích. Nếu viết những bài như : " những mảnh tình xuân lưu lạc ", " Xuân nhớ nhà " v.v. lòng thông chảy nước mắt thì độc giả còn vui mà ăn Tết sao được ?

Bởi thế, suy đi tính lại Thạch Công tôi phải vác và ly lên Edinburgh—Thủ phủ của xứ Tô Cách Lan xa hơn Luân đôn cả ngàn cây số để xem dân Tô cách Lan ăn Tết ra sao mà liệu viết bài. Ở cái xứ mà Tây thì mặc váy, cầm mặc quần chắc cái Tết của họ phải ngược đời khác thường lắm.

Đường lên xứ Bắc

Trước khi đi tôi đã không quên đánh điện tín báo cho người bạn Tô Cách Lan ở Edinburgh biết là tôi nhận lời ăn Tết năm 1961 với gia đình anh, mặc dầu sự mời mọc của anh đã có từ 3 năm nay rồi nhưng vì xa xôi cách trở năm nào tôi cũng phải kiếm cớ từ chối.

Bước chân lên tàu từ 10 giờ tối 30 Tết. Ở cái xứ Anh mà văn minh cơ giới đã tới độ tột bực, chiếc xe lửa tôi đi bữa đó vẫn chỉ là một chiếc tàu lửa chạy bằng... hơi nước mệch danh là THE EDINBURGH EXPRESS (Edinburgh tốc hành !). Biết là chỉ EXPRESS của miệng thôi nên kịp khi trèo lên xe lửa tôi liền đánh một giấc ngủ để còn có hơi sức mà ăn Tết ở xứ Tây mặc váy !

Chiếc xe đó ru tôi ngủ cho tới khi trời chạng vạng sáng. Con tàu lúc này càng tiến gần về phía bắc nước Anh thì cảnh vật chung quanh càng thay đổi, khí lạnh của miền Cao Nguyên càng thấm mạnh vào da tủy. Kịp tới khi trời sáng hẳn, nhờ ô tô tàu chạy với tốc độ 60 cây số một giờ con mắt tôi được thưởng ngoạn cái đẹp của xứ Bắc ! Những đồi núi trùng trùng điệp điệp, những hồ nước trong veo, phẳng lặng với những làn sương mờ mờ lan phủ khắp cảnh vật chung quanh làm tăng thêm cái vẻ đẹp hùng vĩ, tuyệt đối của Tạo Hóa ! Xa xa, ở đằng Đông, ánh nắng ban mai đang lộ ló chiếu rọi vào những lượt tuyết trắng xóa bao phủ trên những chòm núi. Nếu không có những tiếng Anh xì xào bên tai tôi thì tôi còn ngỡ là hiện đang chiêm bao thấy cảnh Chapa, Ba Vì của miền Bắc yêu dấu xưa kia !

Gần 9 giờ sáng thì thành phố Edinburgh với chiếc lâu đài tròn trĩnh nằm trên một ngọn đồi hiện ra trước mắt. Bóng Tây mặc váy và cầm mặc quần không còn là một cảnh tượng trái mắt như ở dưới Luân Đôn nữa. Trái lại, những váy những quần này đều làm bằng hàng Tartan xanh đỏ tím vàng khiến khách lạ rất ưa nhìn.

Macfeat và Macwee

Tàu kéo vào nhà ga. Bước chân xuống Tàu, còn đang ngỡ ngàng nhìn chung quanh thì thấy có tiếng gọi tên tôi. Quay lại thì nhận ra là Charles Macfeat, người bạn Tô Cách Lan của tôi. Theo chân anh ta là cả gia đình anh, người nào người nấy đều to lớn vạm vỡ quá khổ. Sau hồi giới thiệu vui vẻ với mọi người, cha của Charles thấy tôi thân hình bé nhỏ và vì thấy tên tôi khó đọc bèn đặt cho tôi một tên hoàn toàn Tô cách Lan là Mac Wee (Mac bé nhỏ). Mọi người phá lên cười. Tên của người Tô cách Lan nào cũng đều có đệm bằng chữ " Mac " cả. Điều này đã được chứng tỏ là trong lúc ở Edinburgh khi tôi buột miệng gọi :

— Hey ! Mac (này ! Mac ơi !)

HOÀNG THẠCH CÔNG

Mến tặng các em tôi và Charles

Thì lập tức có 5, 6 cái đầu quay lại về mặt ngờ ngác sững sờ và rồi đồng thanh hỏi tôi !

— " Are ye Callin' ? " Me ? (ông gọi tôi đấy à ?)

Vì nhà Macfeat ở gần nhà ga nên chúng tôi đi bộ về. Vừa đi họ vừa ríu rít nói một thứ tiếng Anh mà sau một hồi nghe ngóng tôi kết luận là họ nói giọng khá nặng nề và dè dề. Họ lại thường rần rần ở những chữ có R tỷ dụ như chữ ROUND họ đọc là RRRROUND thành ra làm giọng họ nặng hơn.

HAGGIS, bánh chưng Tô Cách Lan ?

Về đến nhà thoáng trông qua là biết ngay cái không khí Tết đã lan tràn khắp nhà Macfeat. Với một lối kiến trúc kỳ dị của nhà này, muốn qua phòng khách thì phải qua nhà bếp trước đã. Do đó, tôi được hân hạnh trông thấy những vật thon thon hình quả bầu màu trắng nhờ nhờ treo la liệt trên sợi giây

Túi SPORRAN



thép của nhà bếp. Sau này dò hỏi tôi mới được biết những " quả bầu " đó là Haggis, một thứ giời làm bằng thịt cừu hun khói bọc bằng da lợn và chỉ dùng trong những ngày Tết mà thôi.

Bánh chưng và Haggis ! Tết Việt và Tết Tô Cách Lan đã gặp nhau ở điểm này tuy rằng nhân và chất dùng có khác nhau nhưng cùng bị... treo lơ lửng cả ! Ngoài Haggis ra, các đồ bánh trái cùng lương thực như chim quay, ngỗng quay, bánh mì đen đã bày la liệt khắp nhà bếp.

Đức hiếu khách và phép xã giao Tô Cách Lan

Vào đến phòng khách, qua những câu chuyện, tôi được biết gia đình Macfeat rất hiếu khách, rất rộng rãi hào phóng chứ không hà tiện như trong những câu chuyện hài hước mà tôi được nghe từ trước. Họ nhường cho tôi một căn phòng ấm áp rộng rãi nhất nhà. Họ chăm nom tôi từng ly từng tý.

Cả nhà đều lịch thiệp. Lối xã giao của họ không lạnh lùng như người Anh, không quá nồng nhiệt chăm bẵm lúc đầu rồi sau cứ lảng lăm xuống cho tôi độ... lạnh toát như người Mỹ. Trái lại lối xã giao của người Tô cách Lan cứ ấm đều một trình độ nếu người khách là một người mà họ ưa thích. Đối với họ sự lịch thiệp phát ra tự đáy lòng

chứ không có hơi hợt ở ngoài hay chỉ vờ vập trong chốc lát mà thôi.

Rượu Whisky... tam tứ đại !

Chuyện trò được một chập thì bố của Charles sai con đi lấy rượu ra để mời tôi. Xưa nay từ lượng của tôi vốn là một con số không to tướng. Kịp tới khi vừa nhấp có một ngụm nhỏ hơi, vị nồng nặc của Whisky đã xông lên mũi và rồi khi trôi xuống dạ dày để lại một cảm giác nóng cháy lưỡi, cổ và họng ! Biết không phải là thứ Whisky thường bán ở hiệu tôi hỏi gia chủ.

Vốn bản tính lịch thiệp và rất sợ phạt lòng khách, nghe câu hỏi của tôi, ông chưa trả lời vội mà gắng tôi :

— " WHY ? IS IT NO GUDE ? "

(Tại sao ? Rượu không ngon à ?)

Tôi đáp : " Ngon nhưng mạnh quá Whisky thường ". Nghe xong, gia chủ phá lên cười và ề ề kể sự tích về rượu Whisky của ông cho nghe.

Thứ rượu này là rượu cất lấy theo phương pháp riêng từ đời ông cố ông sơ của gia đình Macfeat này. Từ đời ông tam đại của nhà Macfeat thì sau khi nấu xong một chum to, ông tam đại đổ vì không muốn cho con cháu đa mang chất cay nên đốt luôn cái công thức nấu rượu Whisky này. Uống chưa hết hai vô thì ông tam đại đổ qua đời. Chum rượu lại rải truyền từ đời đó đến nay

tính đã được hơn 200 năm và hiện giờ còn có gần ba vô nên chỉ đem ra mời khách quý trong những dịp đại lễ như Tết thôi.

Sau khi bị ép uống cạn ly thấy gia chủ còn định mời nữa tôi sợ hơi men của thứ WHISKY... TAM ĐẠI này làm hỏng mất đại sự viết bài Tết nên vội xin kiếu và rất tiếc là ký giả Hiếu-Chân không có ở đây để giúp tôi một... hơi.

HOGMANAY

Cơm nước buổi chiều xong thì không khí HOGMANAY (tên Tết Nguyên Đán, Tô Cách Lan không ai biết rõ xuất xứ của cái tên này chỉ biết là HOG-Manay bắt đầu từ đêm 31 tháng chạp Dương Lịch cho tới 3, 4 ngày sau) đã lan tràn khắp mọi nơi, ở trong nhà cũng như ngoài đường phố.

Chập tối trừ tịch — 31 Tết — Charles và tôi ra phố chính : Princes Street, một phố thương mại " de luxe " kiểu đường Tự Do ở Saigon. Đâu đâu cũng đều thấy bóng ông Tây mặc váy chỉnh tề đầu đội mũ beret khoác tay bà đầm cũng mặc váy Tartan cùng một màu. Thỉnh thoảng cũng có những bà đầm mặc quần Tartan khoác tay ông Tây mặc váy đội mũ chào mào có tua xanh đỏ vừa đi vừa nói líu lo những tràng tiếng

(Xem tiếp trang 42)

CỘNG-SẢN không cần dân

(Tiếp theo trang 23)

cầm tù, ám sát, hoặc bằng cách đem đi an trí hay bày đặt gieo cho một tội ác để "tiêu" đi.

Các phần tử Quốc gia nào còn chiếm giữ, hùng cứ một khu vực như Quốc dân Đảng chiếm Vĩnh Yên, Yên Bái, Lào Kay, Đồng Minh Hội giữ Lạng Sơn, đều bị chính phủ cho quân đến tiêu trừ. Ngoài ra các phần tử trung lập, nhưng ái quốc, nếu ai ra mặt phản đối đều bị Chính Phủ tìm cách bài trừ.

Tại các thành phố như Hà Nội — Hải phòng cũng một vài tình lý có đăng nọ, phái kia, thì sự huynh đệ huynh trưởng xảy ra hàng ngày. Bao nhiêu tâm trí của đảng viên chuyên chú cả vào các sự lực dục ấy. Trong khi đó, thì ở các vùng quê và các tỉnh nhỏ cuộc đảo lộn trật tự đã tiến hành một cách rất nhanh chóng: ông hóa ra thằng,

thằng hóa ra ông. Người ta vô ngục tự xưng là "cách mệnh", là người của "mặt trận". Rồi thì anh phu kíp ở ga nhảy lên làm chủ tịch Tỉnh Bắc Ninh, anh Khán, anh Mỗ nhảy lên làm Chủ tịch huyện, chủ tịch phủ. Còn ở các làng thì Chủ tịch Quân sự, Hành Chính, Kinh Tế, Thanh Niên v.v... mọc ra như nấm, phần đông là kẻ thành tích bất hảo xông ra làm việc, nắm lấy quyền hành, trong lúc những người thức giả hay có tâm huyết còn ngỡ vì sự thay đổi quá đột ngột của thời cuộc.

Những "quan cách mệnh Cộng Sản" này trước kia mặt sát bọn quan lại bất lương, bóp hầu bóp cổ dân, xu nịnh người trên đến lúc nắm quyền hành trong tay, lại theo vết xe cũ của bọn quan lại, có khi lại quá hơn nữa, ăn cắp công khai, bóp nặn một cách ngang nhiên, như việc xảy ra ở tỉnh Hưng Yên đến nỗi Bắc Bộ Phủ không chịu được sự bình phẩm, ta thán của dân, phải gọi viên Chủ tịch về giam lỏng ở Hà Nội, không giao cho một công tác gì nữa. Ông chủ tịch Hưng Yên là một anh trước kia có chân trong đảng Cộng Sản, bị Pháp bắt đã thú tội và chuộc tội bằng cách tố cáo các đồng chí, sau cùng lại làm chỉ điểm cho sở Mật thám Pháp nên mới được ứng dụng sống ở Hưng Yên. Sau cuộc cách mạng Việt Minh, anh được làm chủ tịch và đã ăn cắp vàng của dân quyền.

Cuộc đảo lộn xã hội, không những mất cả tôn ty, trật tự trong nước, mà còn mang theo biết bao sự tham nhũng, biết bao sự ơn tra oán dằn, vu oan giá họa.

Tiếng dân kêu đã vang dậy trời đất. Người ta nói đến tại các nhân viên cao cấp trong chính phủ, nói đến tại Tổng Bộ Việt Minh. Nhưng cũng chẳng thấy có sự thay đổi gì. Bởi thế, trong dân chúng có tiếng nói rằng: "Nếu không để cho các đồng chí tự do hành động thì lấy ai là người hướng ứng phong trào!"

Có người đã đến trình bày với **VÕ NGUYỄN GIÁP** về các chuyện những làm, các việc ức hiếp dân chúng của các người thừa hành công vụ có chân trong "Mặt trận", thì được Giáp trả lời rằng: "Các bạn ấy quen làm cách mạng, nay bước chân vào việc hành chính nên chưa được thạo việc, phải có sự làm lờ."

Với một việc có bằng cứ hẳn hoi trong sự thủ tiêu người vô tội **VÕ NGUYỄN GIÁP** đã trả lời: "Một người Cộng sản là quý, đã tót làm lờ, chẳng lẽ bây giờ bắt đền tội chết hay tội nặng, không nghĩ đến công lao vào sinh ra từ của người ta! Và lại một người cán bộ cán hơn hàng nghìn người dân. Ta có thể hy sinh một trăm người dân để bảo vệ một cán bộ!"

Ngày nay, ngồi nghĩ lại chuyện cũ trong lúc một năm cũ (năm Canh Tý) sắp qua, ta đã nhận thấy rằng: đầu năm 1946 **HỒ CHÍ MINH** ký kết với Pháp thì cuối năm 1946 nhân dân ở Hà Nội và hầu khắp các tỉnh Bắc Việt, phải ăn một cái Tết thiếu linh hoàng tào: 99 phần 100 các nhà trong thành phố bị phá phách, bị vơ vét sạch nhẵn, nhân dân thất tán di tản cư.

Và tính tới năm nay, Tân Sửu 1961, **HỒ CHÍ MINH** đã ký kết với Trung Cộng được gần 10 năm, đưa nhân dân miền Bắc vào cái gông cùm bắt diệt của Trung Cộng, khó mong có ngày đập tháo ra được vì Trung Cộng đã coi Bắc Việt như một xứ "ghế đệm" của Trung Hoa lục địa.

Mà những việc làm ấy họ có cần đến sự bằng lòng hay không bằng lòng của nhân dân đâu!..

TRỰC NGÔN

HỒN NƯỚC TRONG NHỮNG BÀI THƠ XUÂN CỦA MỘT NHÀ ÁI QUỐC

(Tiếp theo trang 27)

Bức trước nhất thỉnh trừ cụ,
Đào phủ vạn hộ cánh lân (14)
Thấy xuân mà dờ khóc dờ cười,
Cổ tay tình năm mươi tuổi chẵn.
Sức nhớ nổi lòng dài năm vẫn,
Gớm ghê thay ngày tháng chẳng chờ ta.
Trông đôi gương râu tóc thêm già,
Mà trách phận không ra gì cả!
Còn nghĩ nổi xuân này đã quá.
Rồi xuân kia giục già đến ngay.
Thôi đừng ngồi đây khoan tay.
Mau chỗi dậy nhảy bay kịp tiết.
Mình tự hộ giống nòi Nam Việt,
Đã mang danh đề liệt toàn cầu.
Khổ bần thân trải mấy nhiều lâu,
Giờ gặp hội lễ đâu ngồi ngó.
Kìa chẳng thấy Trung Hoa đâu đó,
Lắm xuê xang áo đỏ quần điều.
Non sông đường tranh võ gấm thêu,
Bao xiết thú trời Nghiêu đất Thuấn.
Nào đốt pháo kéo cờ chơi đủ mừng (15)
Ngó lại mình mà đứng dừng dừng.
Ôi! ta đây cũng nước cũng dân.
Sao người lắm thường xuân mà thế?
Trách con tạo ở ăn rất tệ,
Bầy trò chỉ đặt đề chẳng công bình.
Kẻ trót năm tra chén mũi nông nghênh,
Người ba bữa, áo không lành cơm chẳng đủ.
Dù gì cũng rửa trừ cho sạch cũ,
Đề phòng khi rước Cu kịp thì (16).
Bà con thân yêu-trấn trấn tam kỳ,
Pháo trừ địch (17) âm vang tứ hướng.
Người hăng hái ta lẽ nào ngại-ngần,
Tính sao đây kẻ trẻ mãi ngày giờ?
Rượu đũa ăn mừng chứa tình khờ,
May chăng (18) khỏi sống say chết mớ.
Mấy xuân trước đã đành làm-lỡ,
Đến xuân này bỏ dở nữa sao?
Mấy lời cung-kỷ đồng bào,
Mừng cho gặp hội (19) phong-trào Duy-Tân.
Người đời để có mấy xuân!

Năm ngoái, khi có dịp trình bày về thi ca và cuộc đời của cụ Nguyễn Quang Diêu, tôi đã viết: "Hầu hết thơ văn còn lại của cụ, đều đề dù là cóc tã của hay vịnh trắng vịnh rượu, cụ đều ký thác tâm hồn ưu ái nước non, kêu gọi canh tân phần dẫu, hoặc nói lên cái bản khoán thác mắc của người dân vong quốc trước thời cuộc". Bây giờ tôi xin phép được nói thêm: nhất là trong những bài thơ

xuân của cụ, hồn nước được chứa thực dồi dào, khiến nên những người có chút tâm huyết, khi đọc tới, cho dầu đôi khi có chỗ không vừa lòng về âm điệu, cũng phải mến cụ về cái hào khí bốc dậy trong thơ và rồi phải cùng cụ mà oán than, mà bứt rứt cái oán than, cái bứt rứt chung của dân tộc thuở trước.

Cụ Hứa Nhon Thọ, một bạn đồng song của Nguyễn Quang Diêu, trong một cuộc hội ngộ, sau khi nghe cụ Diêu kể lại đoạn đời gian truân cùng đưa cho xem những bài thơ đánh dấu phiêu lưu trong mấy mươi năm bôn tẩu, cụ Nhon Thọ bất giác xúc động, đã đề tặng cụ Diêu một đôi câu đối mà ở đoạn đầu bài này, tôi đã dẫn qua một câu:

— Tắt ta, tắt tây, tắt quê nhà, tắt hải ngoại,
tắt trong vòng tù tội, tắt ngoài lẽ pháp luật bốn
nguy đến;

— Thơ nôm, thơ Hán, thơ vịnh cảnh, thơ tả
bình, thơ thăm vị nào nông, thơ lộ nét tình thân
xung chánh khí.

Lời cụ Hứa-Nhon-Thọ, xét kỹ không phải là quá.

☆

Ngày Tết, ngâm lại những vần thơ tết của người xưa để bỏ ra đôi phút giây hình hươu hoài niệm người xưa, tưởng chắc ai cũng đồng ý mà không cho là vô bổ.

NGUYỄN-VĂN-HẦU

(3) Hiếm: nhiều. Do chữ hiếm hiem là không thiếu gì, nhiều lắm, mà ra. Không phải như chữ hiếm trong chữ hiem hơi là ít ỏi, không thường có. Nghĩa trên của chữ hiếm, đã thông dụng ở miền Nam.

(4) Chỉ tị tín phiếu là một thứ giấy bạc do chính phủ làm thời Việt-Nam (thành lập tại Quảng-Đông, hồi tháng năm, năm 1912) phát-hành để dùng vào công cuộc giải-phóng dân tộc.

(5) Chỉ lễ Cách-mạng Pháp, ngày 14 tháng 7 d.l.

(6) Có bản chép: Vừa nhớ mong ai nước mắt lưng.

(7) Chữ dùng gọi một thứ pho ớt rất nhẹ lửa.

(8) Tên một thứ rượu, tương-truyền là một phương thuốc của Hoa-Đà, dùng uống trong ngày xuân để trừ tà-khí.

(9) Có bản chép: Hương-hóa đã mong duyên mãi mãi. Tang-bồng há phải nợ con-con.

(10) Có nghĩa bóng là những công-tác cách-mạng mà cụ đã hoạt động.

(11) Tuổi Rồng tức tuổi Thìn. Cụ Nguyễn - Quang Diêu sinh năm Canh-Thìn (1880) và mất năm Bính-tí (1936).

(12) Cất pháo tre.

(13) Ghiêu: xinh đẹp; Quang: sáng sủa. Chỉ mùa xuân, ở mùa xuân sáng sủa xinh đẹp.

(14) Pháo tre một tiếng trừ cũ; bữa đào mượn cửa rước mới. Chỉ lễ-thời đón xuân ngày xưa.

(15) Chỉ sự thành-công của Quốc-dân-đảng Trung Hoa và những cuộc nổi dậy ăn mừng trong ngày xuân của dân-chúng nước ấy.

(16) Hy-vọng sự mưu-cầu ngoại viện thành-công của Kỳ-Ngoại-Hầu Cường-Đề.

(17) Có bản chép: Trừ cụ.

(18) May chăng cũng như may chăng, ý nói may mà được.

(19) Hội là cơ-hội, chỗ không phải hội phong-trào.

Kính chúc Thân Chủ Toàn quốc và Hải ngoại sang năm
Tân Sửu (1961) được thêm Hạnh phúc và Lộc Tài

Giáo sư

NGUYỄN-VĂN-SANH

tự SANTASINGH

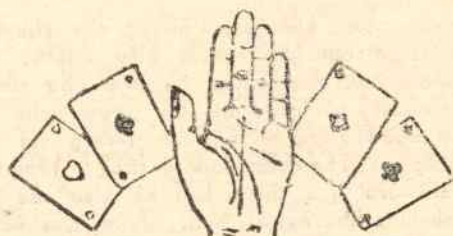
41 VÕ TÁNH SAIGON

Chuyên về Tướng Số Á-Đông

COI CHỈ TAY — BÓI BÀI

và CHỮ KÝ

Đã từng khảo cứu tại Lào
và Siam về ẩn quyết Nhà Phật



At lạn độn về Công Danh? Sự Nghiệp? Thương Trường?
At trắc trở về Tình Duyên? Đau khổ về Gia Đạo?
At muốn tránh về Tai Nạn, Rủi Ro. Muốn biết rõ về Vận Mệnh? Xin mạng? Xin một lợi 41 Vở
Tánh hay là viết thư lại sẽ được phúc đáp rành mạch và mau chóng.

TẾT... KHÁNG-CHIẾN NAM BỘ

(Tiếp theo trang 22)

tất nhiên lần này, chúng ta phải đề-phòng. Chắc và biết ta ở đây nên mới bắn xuống Pháp, để Pháp tới bờ ta. Nhưng sao bắn lại cũng vào bụng để chờ chịu đạn?

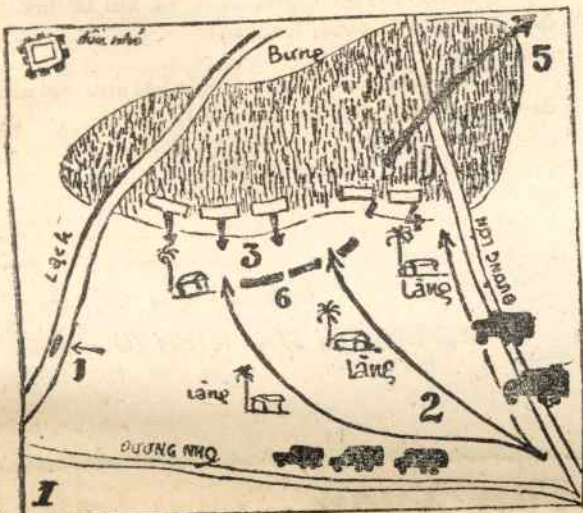
Anh Năm bảo:

— Nếu Nguyễn-Bình tới rồi lại kéo quân đi ngay, thì chúng ta cũng ngờ mà kéo quân đi ngay rồi còn chi. Vậy nên va còn đóng binh lại đây, để chúng ta khỏi nghỉ mà còn ở lại. Vậy chắc và tính một mưu khác. Miền là Nguyễn-Bình còn ở trong bụng, là chúng ta còn yên chí ở lại đây.

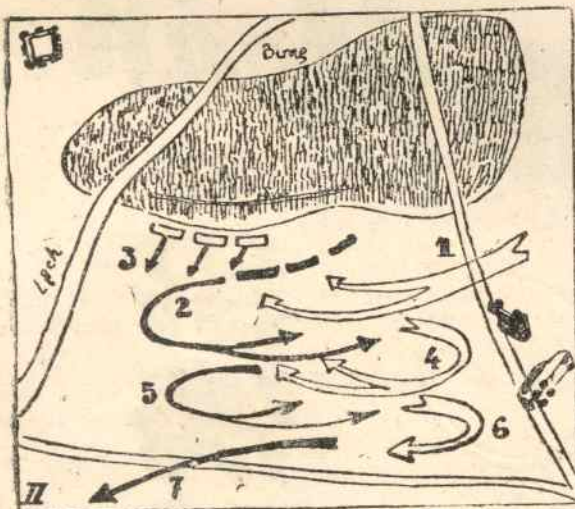
Anh em đồng tán thành điều đó. Anh Phiệt liền quyết định phái người luôn luôn canh phòng bộ đội Nguyễn-Bình ngày và đêm, thấy Nguyễn-Bình dời binh là bên bộ đội này cũng dời binh liền. Ai nấy phải chuẩn bị để sẵn sàng lên đường bất cứ giờ phút nào.

Trộn ngày mùng 4, Nguyễn-Bình không dời quân. Đêm mùng 4 cũng vậy. Qua sáng sớm mùng 5, hàng đoàn cam nhòng Pháp đã rải binh suốt dọc con đường Chợ lớn — Bà Quẹo rồi tiến vào khu cánh đồng rộng ấp Tám, để mở đường vào khu bụng đánh quân kháng chiến.

Nguyễn-Bình cho liên-lạc sang bên anh Phiệt bảo:



BẢN ĐỒ 1. — Trận Ấp Tám (giai đoạn I)
1. — Nơi xuống Pháp bị bắn hôm trước.
2. — Đường lẩn của Pháp vào bụng.
3. — Bộ đội An Điền nghênh chiến.
4. — Vị trí đạo binh Nguyễn-Bình.
5. — Nguyễn-Bình lui binh bắt ngờ.
6. — Vị trí Pháp lẩn vào bụng.



BẢN ĐỒ 2. — Trận Ấp Tám
1. — Vũ Đức tấn công một hạm Pháp.
2. — Quân Pháp tháo lui, bao ra ngoài.
3. — Bộ đội An Điền tấn công ra.
4. — Quân Vũ Đức triệt thoái để bao vây ngoài.
5. — Quân Pháp triệt thoái định bao lớn nữa.
6. — Quân Vũ Đức hành binh bao vây phía ngoài.
7. — Quân Pháp lui hẳn.

— Chúng ta nhất định đánh. Pháp bao mặt Bắc từ xa xa, và sẽ đánh mặt Nam và mặt Tây. Chúng tôi giữ mặt Tây và Đông-Nam. Các anh giữ mặt Nam. Phải liều một phen.

Lúc này không phải lúc lui nữa. Anh em vội vã rải quân ngoài lờ rừng. Móc-chê địch đã liên-niên cầu trái phá vào bụng, Anh Phiệt ra một lệnh táo-bạo:

— Anh em rời bụng, tiến ra phía trước, núp ở mấy căn nhà bên ngoài đồng ruộng.

Trái phá cứ nhắm chỗ rìa bụng mà rút xuống, anh em nhớ tiến lên phía trước mà thoát trận bắn phá dạn đường ấy. Nhưng quân Tây đã tới gần

và ào ào tấn công lên. Chúng không ngờ quân An-Điền từ trong những căn nhà bắn ra ào-ạt. Quân địch vội vã tháo lui để lại nhiều xác chết.

Năm phút sau, trái phá ào ào rút xuống khu nhà. Nhưng anh Phiệt đã liệu trước rồi. Ngay sau loạt bắn đầu tiên và cuộc rút lui cấp tốc của quân Pháp, anh em đã được lệnh rút lui vào bụng. Quân Pháp tiến lên lần nữa và chiếm mấy căn nhà đã đổ rụi và bốc cháy. Anh em kháng chiến từ bụng đánh ra. Quân Pháp lui lần nữa và rút trái phá tới. Anh em lui vào bụng và lần này, núp xuống các hố cá nhân. Địch quân lại tiến lên. Súng nổ rền trời. Quân sỹ say sưa trong khói súng, khí thế hăng hái lạ thường.

Bỗng liên lạc chạy về:

— Chết rồi! anh ơi! Nguyễn-Bình rút binh rồi!

— Trời ơi! Tức chết! Lại cái mừng đó! Anh Phiệt vừa nói, vừa dậm chân xuống đất. Chỉ tại ta ham đánh quá mà ở lại.

— Anh cho lệnh chi bây giờ?

— Phải đánh tiếp rồi liệu sau. Nếu lui binh ngay, chúng sẽ đánh tới. Nguyễn-Bình lui binh, là để chúng ta hở mặt Tây và Đông Nam đây. Quân địch thế nào cũng tiến từ khu phía Tây lại đây. Anh Bảy và anh Phong đem hai đội trấn ngay phía Tây đi. Nếu thua, cùng rút cả về « con đường trâu » rồi sẽ có lệnh.

Địch quân dường chạy tới. Anh Phiệt nghiêng rặng lia một loạt F.M. nổ vang trời. Địch rạp xuống rồi lui. Được thời xả hơi, anh nói với Tứ — một tay cầm tử — trong lúc nạp băng đạn mới!

— Tứ còn nhớ vụ Nguyễn-Bình tiêu diệt binh đội Tổng-công-Đoàn không?

— Nhớ. Bữa đó, binh sĩ kháng chiến Tổng-công-đoàn Nam Bộ trấn một đầu rừng, còn binh Nguyễn-Bình trấn một đầu bên kia, hai bên làm thế ý dõng, chống lại quân Pháp từ hai đầu đánh tới. Không ngờ giữa lúc đánh nhau đương hăng, Nguyễn-Bình đem quân băng ngang rừng chạy mất, để cho binh Tổng công đoàn bị hai mặt vây đánh, thành ra bị tiêu diệt gần hết.

— Nguyễn-Bình đã mượn tay Pháp để tiêu diệt những bộ đội Quốc gia. Giờ lại đúng cái mừng rút lui nữa chừng, hẳn mượn tay Pháp tiêu diệt chúng mình đây. Tứ có thấy mình bị nguy không?

— Thấy.

Nhưng còn cơ cứu vãn, nếu có liên lạc hỏa tốc sang cầu cứu Vũ Đức. Bằng qua con đường Bà Quẹo là tới. Không chừng chỉ đội Vũ Đức nghe tiếng súng cũng đã chuẩn bị rồi. Ai liên lạc được bây giờ.

— Rồi đi được không?

— Được. Báo y cần thận.

Tứ lui bước báo Ro. Rồi lao mình chạy như bay theo ven bụng. Bỗng anh Phiệt kêu lên:

— Trời ơi!

Rồi vội quay mũi F.M. qua phía tả, anh bắn lia lia vào trận tuyến Pháp. Thành nhờ liều mạng, đã băng qua một khúc đồng trống. Chắc chắn quân địch sẽ bắn, nên anh phải quay mũi súng bắn bảo vệ cho Ro. Bỗng đứa nhỏ té sấp, và không dậy nữa.

Phiệt gào lên. Anh em không cầm được lòng, nước mắt đầu xối và cầm hờn trào ra. Bỗng Rập lao mình chạy. Phiệt gọi với:

— Rồi chết rồi, cứu nó vô ích. Ra cứu nó là chết đó.

Rập cứ lao mình chạy. Em này đã được cái kinh-nghiệm trước. Nó cũng khôn lanh mà đi cầu viện chứ không phải đi cứu thằng Rô. mặc dù tình bạn chí-thiết. Nó cứ dọc bụng mà chạy, lẩn sau các thân cây, chứ không băng đồng. Qua phía Đông, nó vòng ngược lên phía Bắc cho xa nơi súng nổ, rồi mới băng đường lợ. Kế nó chạy miết về phía Tây.

Anh Phiệt thở một hơi dài.

— Thoát rồi. Mọi việc chơn chu, thì chỉ hơn nửa giờ nữa là binh Vũ-Đức xuất hiện. Rồi anh hô lớn:

— Ráng đi, anh em, Ráng nữa giờ nữa thôi.

Vòng qua phía Tây, anh dừng lại ở khu anh Bảy và anh Phong. Anh bảo Bảy:

— Tôi với anh ra hạ chiếc xe cần cầu. Nửa giờ nữa, anh Vũ-Đức tới. Nếu để chiếc xe cần cầu, chúng báo tin đi kêu viện binh là mình sẽ hỏng trận này.

Trong tư ngừ kháng chiến, chiếc xe cần cầu là xe vô tuyến điện có cái ăng-ten dài lều dều như cái cần cầu.

Lom khom lẩn ra ven rừng, anh Phiệt, và anh Bảy đi trước với cây F.M. anh Phong đi sau, cùng với một cây F.M.

Phiệt bảo Phong:

— Ở đó mà bảo vệ cho hai đứa này nghe.

Rồi anh lao mình chạy tới một căn nhà ngoài ruộng cùng với Bảy. Từ chỗ này, anh trông thẳng ra

chỗ xe cần cầu đầu, và không còn bị vướng bụi cây nữa. Anh xả súng bốn như tước, cho hết cả băng đạn, trong lúc Phong mở lớn con mắt bắn tóe vào những chỗ núp của quân Pháp. Đoạn anh xách súng chạy trở lui, yên lành. Ba anh ẩn hờn ở bụng: chiếc xe vô tuyến đã nát bấy.

Nhưng tình hình trở nên nguy kịch. Quân địch bắn như mưa và tiến lên. Chịu không nổi, cánh quân phía Tây phải lui sâu trong bụng. Cánh quân phía Nam cũng phải lui. Mọi người gặp nhau ở dọc con đường trâu đi, phòng tuyến cuối cùng trước khi phải liều mạng chạy trốn. Bờ đất khá cao, nên chỗ núp thật đáng hoàng, lại nhờ được một khoảng trống ở trước mặt chừng dăm chục thước, nên anh em khá yên chí cầm cự được vài giờ. Con đường trâu đi, vốn là đường trâu kéo xe lúa, thứ xe chỉ có cang và nẹp mà không có bánh, nên lần lần ăn sâu xuống đất, đào thành một rãnh sâu và rộng.

Liều chết bám lấy đây, anh em chiến đấu như đàn sói lúc đã bị vây kín. Dao găm đã rút ra cầm ngay phía trước mặt để chờ địch xung phong là anh em liều chết giáp lá cà. Bỗng súng nổ rào rào đằng xa. Qua một chỗ bụng thừa, anh em trông thấy ở ngoài lộ lớn những mụ AFAT chạy muốn treo cả chân, rút cả váy. Một tiếng reo nổi lên, vang dội cả cánh bụng. Quân anh Vũ-Đức đã tới kia rồi. Trong bụng, ai nấy nức lòng cầm cự, chờ lúc vọt đuổi theo quân địch.

Rồi rồi! chúng bắt đầu tháo lui. Anh em ủa ra bắn theo. Một chệ của cánh quân Vũ-Đức bắn liên hồi vào đám quân đương tìm đường rút. Nhưng coi chừng: chúng rút cũng « có nghề » lắm, chúng rút về phía đông để tránh chủ lực của Vũ-Đức từ phía Đông đánh tới. Cuộc rút binh là một cuộc tháo chạy rất mau trong khi có những toán binh khác bảo vệ. Quân địch thoát khỏi gọng kìm rồi lại chạy vòng quanh ấp Tám để ra đường cái lớn.

Thấy thế, anh Vũ-Đức cũng lệ làng triệt binh sang phía Tây và trở ra đường cái để rồi lại đánh trở vào bằng một vòng vây rộng lớn hơn. Trận đánh gồm những cuộc vận chuyển quân đội đại qui mô. Ba lần lừa miếng như thế, thì quân Pháp bỏ cuộc. Trận đánh đã xảy ra suốt từ sáng sớm cho đến chiều tối mới thật chấm dứt.

Nhớ Rập đã chạy vào bụng từ lâu. Anh Phiệt ôm lấy nó, và anh em xúm quanh reo hò... Nhớ đến bạn, Rập gỡ ra, vùng chạy ra ngoài, tới ôm thầy Rô mà khóc. Địch thân anh Phiệt đi theo và hồng Rô trên tay để đưa về bụng. Đến tối, hành quân xong, anh Vũ-Đức vào bụng, để cùng ngậm ngùi với anh em bộ đội An-Điền trước bé Rô anh dũng.

Lúc nửa đêm, đoàn binh lại lên đường, không kịp ở lại để chờ hôm sau, xem viện binh địch tới ấp Tám rất đông để lượng xác... Cuộc đời của người kháng chiến cứ tiếp tục rộn rã và âm thầm trôi. Một ngày sau đó, anh Phiệt đã dựng binh làm lễ truy điệu anh Vũ-Đức. Anh vừa hay tin Vũ-Đức được Chánh phủ Hồ-chí-Minh kêu ra Bắc thăng-chức và khen



thường, nhưng mới đi đến Vinh thì bị mật lệnh của Hồ-chí-Minh cho bắt lại và giết luôn. Người chỉ-huy nổi-tiếng nhất ở Nam Bộ đã chết tới tám, nhưng đã cang nung chi cho anh em kháng-chiến Quốc-Gia chiến-đấu bền gan hơn nữa

TRẦN-VIỆT-SƠN thuật

LÁNG GIỀNG

(Tiếp theo trang 25)

thứ ra, có nhiều lần, vì máy thu âm vụn quá lớn, chúng tôi bị mất ngủ.

TRIỆU-THÁI-THÁI. — Mà, trái lại, đêm khuya rồi, mà trên lầu mở máy thu âm chúng tôi cũng không sao ngủ được...

TRƯỜNG-LÂM. — Thiết tình, hôm nay, cả hai gia đình đã cùng nhau « dốc hết bầu tâm-sự », chúng ta phải ghi nhớ mãi-mãi lấy cái ngày tốt lành này, mới phải. Người ta thường nói : « bản anh em xa, để mua lấy láng-giềng gần », thiết là đạt tình, lý, vậy... Nói đến cái máy thu âm thì chính tôi, máy tay mà mở, chứ, vốn dĩ, chúng tôi cũng chẳng ưa nghe... Nếu quả nó làm phiền hai bác, chúng tôi rất có thể thôi không mở nữa, hoặc, bỏ hẳn nó đi, cũng được.

TẬP-NHU. — Ấy chết, ai lại làm thế ? Đó là một sự hy sinh quá đáng, chúng tôi đâu dám đòi hỏi nhiều thế !

TRẦN-THÁI-THÁI, chợt nhớ ra. — Còn cái việc con chó con kia, ta phải tìm lấy một giải pháp chứ ?

TẬP-NHU. — Vâng, vâng, mà tốt hơn hết là chúng tôi đem nhốt nó ở phía nhà sau, nhất định không cho nó chạy ra ngoài nữa.

TRIỆU-THÁI-THÁI. — Còn cái việc con cháu bé bị con chó nó cắn phải, có lẽ cho được cần-thận, chúng tôi sẽ nhờ chú em chúng tôi làm y-sinh, nhà cũng ở gần đây, tiệm cho cháu mấy mũi thuốc cho yên-tâm.

TRẦN-THÁI-THÁI. — Thôi, bác ạ, chính bác trai nhà chẳng đã vừa nói, con chó của hai bác đã được tiêm thuốc dự-phòng rồi, như vậy, chẳng có gì nguy-hiểm nữa, ta không nên quấy rầy vị y-sinh đó làm gì.

TRƯỜNG-LÂM. — Đến cái việc lấy nước, tôi xin dùng cái biện pháp này : trước giờ và sau giờ mở nước, chúng tôi xin nhường nhà dưới, và chúng tôi sẽ chỉ lấy nước vào cái quãng thời gian ở giữa, nó ước độ một nửa giờ đồng hồ, là đủ lắm rồi.

TẬP-NHU. — Thưa vâng. Chúng tôi sẽ xin dặn người nhà, từ sáu giờ rưỡi tới bảy giờ, phải đóng vòi nước.

TRƯỜNG-LÂM. — Hai gia đình ở gần nhau bấy lâu, mà chẳng ai hiểu ai cả ! Quả thiết, hôm nay, chúng tôi mới nhận thấy rõ, các bác, không những rất dỗi là biết điều mà lại còn có từ-tâm, thiện-chí nữa. Chúng tôi lấy làm mừng lòng được người lân-cư như hai bác.

TẬP-NHU. — Xin lão-buynh chớ quá lời khoa-trưởng chúng tôi.

TRIỆU-THÁI-THÁI. — Nào, thế bây giờ hai nhà chúng ta còn có việc gì để phân-trần nữa không nhỉ.

TẬP-NHU, ngẫm nghĩ một tý rồi mới nói. — Kể ra, chúng tôi cũng còn có một việc này yêu cầu hai bác, chẳng biết hai bác có sẵn lòng giúp cho không ?

TRƯỜNG-LÂM. — Ô, miễn là chúng tôi có thể làm được, không khi nào chúng tôi dám từ-nan ; thưa, là việc gì kia ạ ?

TẬP-NHU. — Thưa, có gì đâu, mỗi sáng, tôi đưa thằng cháu nhỏ đến trường học, tôi cũng đều thấy bác trai cũng đưa cháu bé trên nhà đi học, cùng một lối, ý tôi muốn nhờ bác có xe nhà, bác làm ơn cho thằng cháu nhà tôi, cùng đi với...

TRƯỜNG-LÂM. — Tưởng việc gì kia, chứ việc đó, tôi xin vui lòng đáp ứng ; và tính tôi, tôi vẫn rất chịu-mến các trẻ em.

TẬP-NHU, quay lại tìm cậu con trai. — Kiến-Vân ! con lại đây Ba bảo.

KIẾN-VÂN, đứng lên và đi đến trước mặt cha. — Thưa ba bảo gì con ạ ?

TẬP-NHU. — Ba vừa thưa với Bác Trần, để Bác cho phép con, mỗi buổi đi đến trường, thì ngồi cùng xe với Bác, con nghe ra chưa ?

KIẾN-VÂN. — Thưa Ba vâng...

TẬP-NHU. — Vậy con ra cảm-ân Bác đi !

KIẾN-VÂN, cúi đầu. — Con xin tạ-ân Bác ạ !

TRƯỜNG-LÂM. — Thôi được... không có gì mà phải đa lễ như vậy.

Trần - trường - Lâm và Trần - thái - thái đều đứng lên.

TẬP-NHU. — Ô kìa ! Hai Bác định ra về rồi hay sao ?

TRIỆU-THÁI-THÁI, nói với chồng. — Chúng mình rõ thật là sợ-y quá đi thì thôi, ai lại từ nãy tới giờ, chẳng nghĩ gì tới việc pha trà mời hai Bác.

TRẦN-THÁI-THÁI. — Đó là lỗi tại câu chuyện nó quá ư « đầu cơ », ai cũng đều nỗ-lòng, há dạ cả... thôi, xin để lần khác, không sao...

TRIỆU-THÁI-THÁI. — Thưa hai Bác, để tạ lỗi với hai Bác về sự sơ-thất hôm nay, tối mai, xin mời hai Bác xuống dùng vãn phạn với chúng tôi, để anh chị em ta có nhiều thời giờ hơn, mà sướng đàm với nhau.

TẬP-NHU, phụ họa với vợ. — Và cũng là dịp, để bù lại những ngày ta xa-lạ nhau, xin hai Bác chớ chối từ, chúng tôi tâm-thành...

TRƯỜNG-LÂM. — Hai Bác đã nói như vậy, chúng tôi phải chân-thành xin lĩnh ý, nhưng, xin hai Bác chớ bầy vẽ, hai Bác cứ cho dùng tiện phạn thôi... Và, nếu hai Bác cho phép, chúng tôi cũng xin có một điều kiện...

TẬP-NHU, cười cười. — Bác vừa nhận lời xong, lại ra điều kiện nữa, nếu vậy, chúng ta lại làm vào chỗ khách khứa rồi...

TRƯỜNG-LÂM. — Xin Bác chớ vội trách, có đi phải có lại, điều kiện của chúng tôi là : đến chủ nhật này, xin mời hai Bác đi chơi về mạn « xa hà », và, sau đó, ta cùng nhau đi ăn cơm ở ngoài.

TRIỆU-THÁI-THÁI. — Bác quả là một người hết sức chu-đáo...

TẬP-NHU, tiếp lời vợ. — Bôi vậy, chúng tôi chẳng còn dám viện lý gì để từ-chối, các bác đã thành tâm, chúng tôi cũng xin lấy tâm-thành, đổi lại.

TRƯỜNG-LÂM. — Ấy tính tôi xưa nay vẫn cổ-quái như vậy, ai xử từ-tế với tôi, bảo tôi nhảy vào lửa, tôi cũng tình nguyện nhảy vào ngay, mà trái lại, ai mà xử tệ với tôi, tôi cũng « trả đũa » ngay tức khắc !

TẬP-NHU. — Ấy chính tôi cũng thế đấy bác ạ... Người ta thường nói : « đồng-loại tương-tập » !...

TRƯỜNG-LÂM. — và « đồng thanh tương ứng » ! (Hai người đều cười vang lên và bắt tay nhau).

TRIỆU-THÁI-THÁI, hướng về phía Trần-thái-thái niếm-nở. — Dầu trời sinh ra thế, chỗ hàng-xóm, láng-giềng với nhau, sớm tối thấy nhau, mà lại...

TRẦN-THÁI-THÁI. — ... và, khi tắt lửa, tối đèn cũng đều có nhau, kia mà...

TẬP-NHU. — Chúng ta biết hòa mục với nhau, đó chẳng là một mỹ đức hay sao ! ?

Màn từ từ hạ

Dịch xong ngày 17-12-60

Tại HOÀNG MAI HIẾN (Gia Định)

Cung Chúc Tân Xuân

HONG-KONG

LƯƠNG-TẾ-THỜI

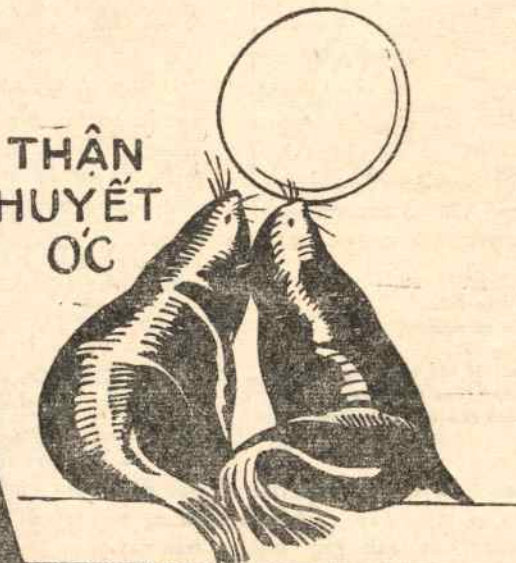
Hải Cầu Hoàn

港香

梁濟時海狗丸

THÂN HUYẾT ỚC

CÓ BÁN TẠI CÁC NƠI HIỆU THUỐC



BÁT PHỞ TẾT

ĐỖ LỊNH HOAN

GIAO SƯ vừa gấp cuốn sách lại, Trương đã nhảy ra tới cửa giảng đường. Chưa hôm nào chàng thấy bài giảng dài như hôm nay. Nhìn giáo sư nói, Trương thấy như không bao giờ hết. Thật

ra, chàng cũng chẳng nghe nữa. Bao nhiêu tâm trí hướng cả về đất nước, ngập màu đỏ của xác pháo và cành đào, rộn ràng đón Xuân sang. Ngắm các bạn cầm cúi biên chép, Trương mỉm cười thương hại, nghĩ bụng hôm nay ba mươi Tết rồi mà còn vất vả như thế, có khi rông cả năm thì nguy. Chàng cũng chẳng chờ các bạn như thường ngày để bàn về bài giảng vừa xong.

Từ hai tháng nay, dành dụm từng xu, định làm một bữa ăn thật xứng đáng để đánh giấu một năm mà chàng có thể gọi là vất vả, nhưng đã đem lại cho Trương những kết quả khả quan. Tối Saint Sylvestre, chàng đã hi sinh giữ trẻ em cho một gia đình. Trong lúc cả Ba Lê âm ỉ đón tân niên, Trương

đã thành một người mẹ dầm, pha sữa, thay tã, nựng đứa nhỏ. Phải may mắn lắm mới được giữ những trẻ dưới một năm. Xong công việc, có thể ngồi đọc sách hay làm bài nhà trường Không như năm vừa qua, trong đêm Giáng Sinh, chàng đã giữ hai đứa trẻ nghịch hơn quỷ sứ, làm tình làm tội suốt một đêm. Nào chúng bắt Trương giả làm thú dữ trong một rạp xiếc.

Nhận những nhát roi trên mông, Trương thấy đời thật chua chát, nghĩ bụng miếng ăn là miếng nhục; hai giờ sáng, chàng đã thiêu thiêu chúng lấy thưởng trời Trương lại, rồi lấy súng bắn nước vào mặt. Cứ thế suốt đêm. Sáng hôm sau hai vợ chồng ông chủ về, hân hoan hưởng một đêm khoái lạc, nắm chặt tay chàng cảm ơn. Trông thấy hai đứa trẻ nằm ngáy khò khò trên giường, bà chủ sung sướng nói với chồng: "ông Trương thật là số đỏ. Thường ngày chúng

nghech vô cùng mà hôm nay sao trông ngoan thế... Trương cũng chẳng muốn cãi chính nữa.

Về tới phòng trọ, thấy bộ mặt bơ phờ của chàng, bà chủ nháy mắt một cách đồng lõa, làm Trương bức mình bị nghi oan.

Gió mạnh nổi lên. Những ngọn đèn hầu như sáng thêm trong khí lạnh của Ba Lê. Trên đại lộ Thánh Michel, Trương có cảm tưởng như ai cũng vội vã về nơi tổ ấm, sửa soạn đón năm mới. Chàng thầm nghĩ giá Tết Việt Nam được quốc tế hóa nhỉ? Trương kéo cô áo, bước nhanh về phía chợ Maubert

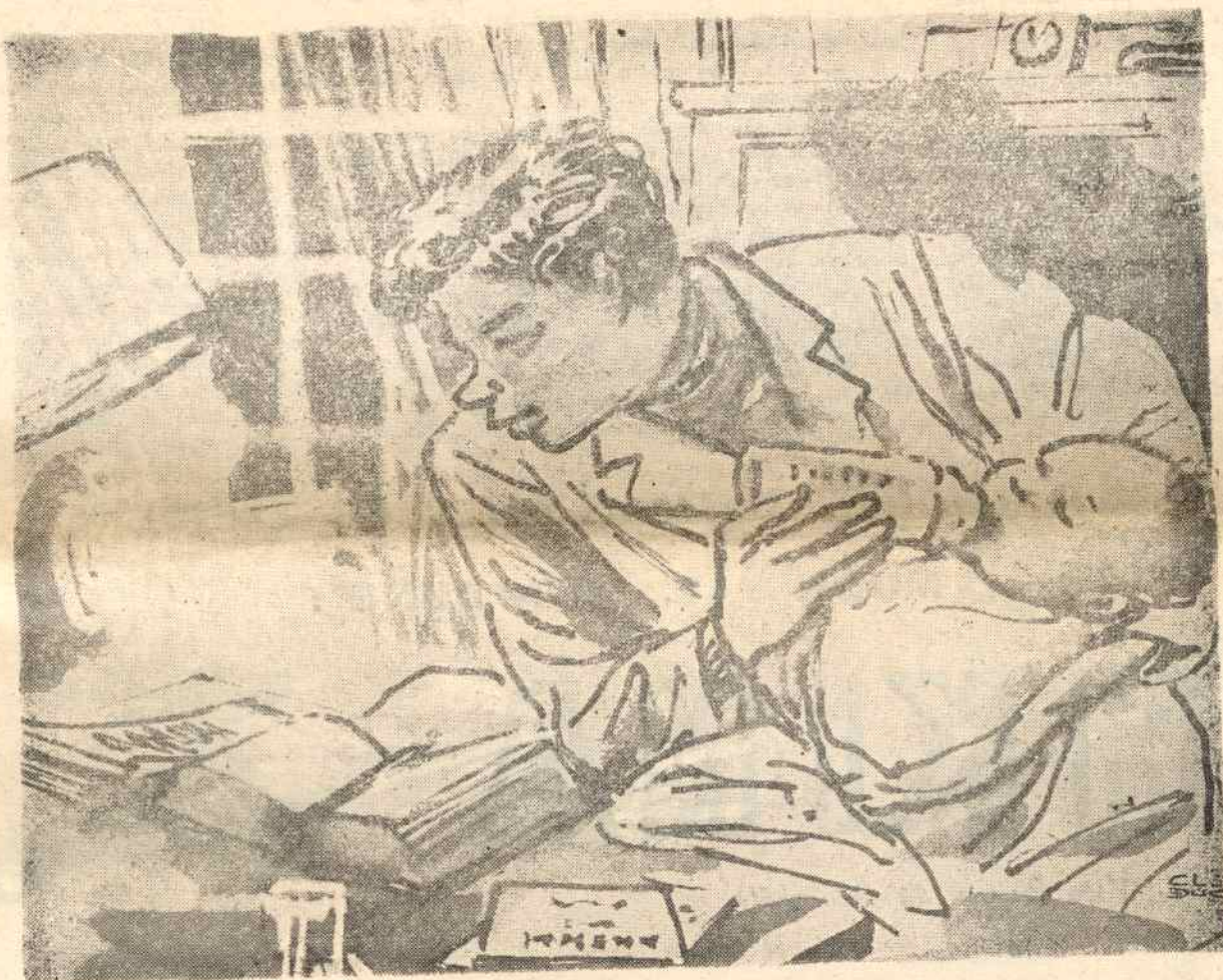
★

Về tới phòng, chàng cầu thận đặt chai cồn vào

một chỗ. Hôm nay, hơn hôm nào hết, phải cần thận, đồ vỡ thì nguy lắm. Không phải Trương ngại xuống bày từng lẫu, nhưng lên xuống có thể làm loãng cả cái đêm quý hóa này.

Chàng đóng vội cửa sổ lại, rồi nhóm chiếc bếp cồn, đặt nồi nước luộc bún. Việc này có lẽ quan trọng nhất trong đêm hôm nay. Bún nát thì cả bữa ăn hỏng hết. Luộc bún không khó nhưng phải luôn luôn ném, nghĩa là trong lúc đó không làm được việc gì hết.

Chỉ quá tí lửa là bún mất ngon vì thế Trương không rời mắt một phút nào cả. Bún phải vừa mềm vừa giòn. Trương cũng định mua thêm nửa chiếc bánh chưng với ít mứt sen hàng bà tư Mỡ, để cái đêm cuối năm có thêm chút hương vị, nhưng tới phút cuối cùng, kiểm lại ngân quỹ, Trương thấy không được tiêu quá năm trăm, nên chàng phải hạn



chế tiền chợ lại.

Xong bún tới nồi nước dùng. Với số dụng cụ tối thiểu như Trương có, nghĩa là với một cái xoong phải có tinh thần tổ chức lắm mới chạy được. Trong lúc nồi nước dùng ấm ỉ, Trương thận trọng lấy miếng thịt ra, đặt trên góc bàn mà Trương dùng riêng làm thịt. Ngắm nghía miếng thịt bò hồng đỏ, chàng không khỏi kêu hân hân đã được anh em gần cho chữ: "thịt thái thịt... Thịt phải thái ngang thớ to bản và mỏng, để khi đặt vào miệng, ta có cảm tưởng miếng thịt tan trên lưỡi."

Hôm nay, Trương để hết thì giờ vào việc làm bếp. Nấu bát phở với tất cả tinh vi của giải phẫu gia. Chàng không khỏi lắc đầu nghĩ tới những buổi chiều đông, tan trường, chạy vội xếp hàng trước

những quán ăn sinh viên để được xông xém còn vào thư viện học. Thư viện mười giờ đóng cửa rồi mà về nhà thì không sao học được vì phòng lạnh quá. Chỉ kịp chui vào giường, kéo chăn trùm kín, người co lại như con tôm trong năm sáu phút rồi mới có can đảm ruỗi từ từ chân ra. Sáu năm nay, sống tự túc, mộng của Trương là khi nào khá giả tìm một căn phòng có sưởi ấm Không về được nhà đọc sách, Trương vẫn tự ví mình như chim không tổ.

Tuy vậy Trương vẫn thích mùa đông. Gió lạnh nhắc chàng những buổi chiều bị phạt, đạp xe một mình trên đê Cỏ Ngưu, lạnh và buồn như một bài thơ Hàn-Mặc-Tử. Có những phút Trương thấy cần phải sống một mình, để quên những khó khăn của thực tại trầm mình trong hủi quạnh, tìm cái đẹp của sự sống. Trương thấy hơi vô lý nhưng chịu không hiểu tại sao. Tìm chỗ khuất gió, bên gốc cổ thụ, gần chùa Trấn Quốc đọc mấy trang Zarathoustra của Nietzsche là cái thú độc nhất của Trương trước khi về nhà.

★

Chiếc bát mẫu ông Thiệu, Trương thận trọng mang từ bên nhà sang, chỉ được dùng một, hai lần mỗi năm. Một nghệ sĩ trình bày một tác phẩm có lẽ cũng không khó khăn bằng Trương

trình bày bát phở của mình. Bát phở hôm nay là cả cái Tết Việt Nam trên quê người.

Trương kính cẩn đặt trên bàn. Khói nhẹ tỏa trên nước dùng trong như dòng suối mạch, chấm phá mấy ngôi sao vàng cuối thu, làm nổi bật những nét xanh tượng ý trên màu trắng ảo huyền của chiếc bát sứ. Những miếng thịt tái hồng như má người trinh nữ nằm giải trên những sợi bún vàng, óng như lụa tằm vừa nhả. Mấy nhát hành, xanh như màu thời gian, kẻ bàn những miếng ớt đỏ và gừng như mặt trời mùa hạ.

Trương thành kính nâng bát phở lên miệng. Đồng hồ vừa điểm nửa đêm. Cảm thấy chất nóng và ngọt như nguồn sống dâng lên chàng nhắm mắt lại, tận hưởng cái phút thần tiên này.

Ăn xong bát phở, Trương thấy sinh lực tràn ngập trong người. Cái sự mạng của người du

học chàng đeo nặng bên mình, sau những năm trên đất lạ, hôm nay chàng thấy nhẹ hẳn đi.

Trương châm điếu thuốc, đứng dậy, mở rộng cửa sổ, hít khí lạnh vào đây phổi. Dưới đường, khách bộ hành dầm dề, mấy chiếc xe hơi, máy nổ như tiếng pháo ran trong đêm giao thừa. Trương thấy ấm lòng một cách lạ, khe khẽ ngâm mấy câu thơ của Thế Lữ:

Hôm nay tạm nghỉ bước gian nan

Trong lúc gần xa pháo nổ ran...

Ba Lê, một ngày cuối năm Canh Tý

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

Nhà Bánh BẢO-VINH

Chuyên môn làm BÁNH — MỨT — KẸO.

Đặc biệt trong dịp Tết MỨT SEN — KẸO LẠC.

31 THỦ-KHOA-HUÂN

SAIGON

TỰ DO XUÂN TÂN SỬU 1961

TRANG 37

BA CƯỜI, MỘT KHÓC

(Tiếp theo trang 32)

tín nghĩa làm trong, lại thấu triệt nghĩa Xuân Thu, chẳng lẽ lại không nhớ tích Dũ-Công-Chi-Tur đuổi Tử-Trạc-Như-Tử hay sao?

Vân-Trường vốn là người coi điều nghĩa nặng như núi, hồi tưởng lại tình cảnh khi trước, Tào Tháo đối xử biết bao ân nghĩa, sau lại quá quan trọng mà Tháo vẫn một niềm kính mến, tự nhiên thấy động tâm, nhất là hiện thời con người trí kỷ của mình lại ở trong một tình trạng vô cùng bi đát chỉ những hoang hốt sợ sệt muốn khóc.

Trong lòng thấy bất nhẫn, Quan vân Trường bèn giặt giũ cương quai đầu ngựa lại ra lệnh cho quân sĩ mở đường.

Rõ ràng là hành động tha cho Tào Tháo chạy. Khi Tháo đã chạy khỏi, Vân Trường hét lên một tiếng, các tướng tá và quân sĩ còn lại đều sợ run phủ phục cả xuống đất.

Trông thấy cổ tri Trương Liêu, Từ Hoảng tiến đến toàn là những bậc nghĩa sỹ cả, Quan vân Trường lại không nỡ bắt ai đành cho đi thoát chết.

Chạy khỏi đường Hoa Dung, Tháo quay lại chỉ thấy vón vện gần 30 người ngựa đi theo.

Đến Nam Quận quân sĩ vào cả trong thành an nghỉ. Khi đó mới thật là thoát nạn.

Tào Nhân cho dọn tiệc để giải muộn. Tay nâng cốc mời chủ tướng cùng uống, lúc đó Tháo mới ngửa mặt lên Trời khóc rất thảm thiết.

★

Lúc hoạn nạn thì cười và lúc bình yên thì khóc! Kề cũng kỳ.

Khách quan và bình tĩnh ta thấy là kỳ, riêng người trong cuộc đâu có thấy là kỳ!

Nhất là cười song hoạn nạn mới xảy ra thành ra cái kỳ đó lại càng không kỳ nữa đối với họ.

Họ La sử dụng ngòi bút, tả tâm trạng Tào Tháo từ trước đến sau trong trận Xích Bích, từ khi mới bắt đầu với 83 vạn quân đến khi kết thúc với

27 người ngựa, không lúc nào quên một điểm chủ chốt làm nòng cốt cho sự thảm bại. Đó là lòng kiêu ngạo, tự đắc, sính tài của Tào Tháo.

Khi sắp giao tranh, quân uy cực thịnh, nhìn đàn muỗi tép Chu Du, Khổng Minh với một dóm quân dăm bảy vạn, Tào Tháo tin chắc sự thành công chỉ là một việc tất nhiên, nên cầm ngang ngọn giáo, uống rượu say trên thuyền, đắc chí ca vang:

Đốt tầu dương ca,

Nhân sinh kỷ hà

Chu Công thờ bộ

Thiên hạ quí tam

Ví mình như Chu Công chiếu hiền đãi năng, thấy hiền sỹ đến, dang nhai cơm với nhỏ ra để đón khách, khiến cả thiên hạ đều quy phục, thái độ ấy của Tào Tháo trong lúc đó quả là ngang tàng bảo phụ.

Thế rồi đến khi bị đốt thuyền chạy bán sống bán chết vẫn còn sợ hãi thể diện với chúng tướng nên gặp dịp nào có thể tỏ rằng mình vẫn am tường binh thư, vẫn thấu triệt đạo dùng binh, Tháo không hề bỏ qua bao giờ.

Mỗi lần lại điềm cho nó một trận cười dòn tan, để gây tò mò cho chúng tướng và để có dịp giải thích khiến chúng tướng lại:

— Quả Thừa tướng là bậc thần cơ diệu toán, không ai bì kịp!

Nhưng sau mỗi câu "thần cơ diệu toán" ấy lại kết thúc bằng một trận đắng cay, khiến mạng Thừa tướng cheo leo như cái tơ cái tóc!

Mà ác hại thay ba lần cười của Tào Tháo, mỗi lần cười khoái trá hơn lên thì lại gặp một thảm bại thiu não hơn lên!

Lần thứ nhất cười một cái thì gặp Triệu Tử Long. Quân lúc đó tương đối còn khá, và cũng chưa mệt lắm, hai bên còn đánh còn đỡ.

Đến lần thứ hai cười một cái nữa, khoái hơn lần trước chề người không biết áp dụng mục "Đi

dật dài lao" trong sách Tôn-Tử thì lại hiện ra Trương Phi. Ông tướng này hung bạo hơn ông tướng trước, mà quân lính của mình lại mệt hơn lần trước, cho nên Tháo chỉ còn biết cố chạy mà chẳng dám nghĩ đến chống đỡ nữa.

Nhưng đến lần thứ ba, cười lớn hơn cả hai lần trước cười vì đắc chí chỉ có mình mới thật hiểu và mới biết áp dụng linh động nguyên tắc "hư tác thực chi, thực tác hư chi" còn những kẻ khác chỉ là một sách thì lại hiện ra ông tướng Quan Vân Trường. Ông tướng này chẳng những lạnh lùng nghiêm trọng. Công việc chẳng coi làm chuyện đùa, mà ông còn viết quân lệnh trạng không để họ Tào chạy thoát. Cái cười lớn của Tháo đã dẫn Tháo đến tình trạng khúm núm cầu xin, mắt rưng rưng muốn khóc...

Nhẽ ra cái cười ấy phải kết thúc đời Tháo, nhưng đã nhờ được tấm lòng rộng lượng của người khác mà nhóm tàn quân chỉ chờ một tiếng hét là phủ phục xuống hết để chịu tội, đã trở về được đến căn cứ.

Ba cười của Tháo đã dẫn đến một cái khóc thực sự, một cái khóc thống thiết.

Cái khóc của người tình, biết mình biết người, nhận định được đúng giá trị đau đớn của sự thua...

Đến lúc khóc ấy Tháo mới thật phô bày tâm trạng cùng chủ tướng, mới nói thật giá trị và tài dùng binh của mình:

Giá trị và tài ấy chỉ đáng "Khóc" mà thôi!

Có lẽ nếu chẳng cười thì khóc cũng chẳng đến, nhưng đã chót cười một mà chưa chịu khóc ngay thì lần sau phải cười to hơn.

Cười to hơn vẫn chưa chịu khóc, thì lần sau cười phải cố cười to hơn nữa.

Ba cười cộng lại để kết thúc bằng một khóc thì khóc ấy hẳn là phải ghê gớm. Khóc đến cạn nước mắt, đến sưng mắt đến choáng óc rức đầu, đến dăm ngón dăm chân, e vẫn chưa đủ để trả nợ cười!

Nhưng may thay cho Tháo, nhờ ở cơn khóc ấy mà sau này Tháo không bao giờ phải khóc đau đớn như thế nữa, và lẽ tất nhiên cũng không có cái cười "lịch sử" liên tiếp ba bận để nhà văn La quán Trung lại có dịp góp ý kiến cùng quý bạn về vấn đề "Ba cười, một khóc"!

Ăn được, ngủ được, là tiên...

MUỐN VẬY, NÊN DÙNG :

ICH KI NA

(Viện Pasteur đã phân chất)



ICH-KI-NA làm bằng : 1') Nếp cẩm (nếp than, nếp quạ), một thứ gạo có nhiều "SINH-TỔ B 1" và chất "MAGNÉSIUM" (ma-nhê-di-um).

SINH-TỔ B 1 làm cho khỏi nhức mỏi, tê-bại, những chứng bệnh mà các sản-phụ cũng như các cụ già thường mắc phải.

Chất "MAGNÉSIUM" (ma-nhê-di-um) làm cho tế-bào sinh-sản mau-lẹ, khí-huyết tăng cường, vì thế :

— Sản-phụ sẽ nhiều sữa, da và tóc tốt tươi ;

— Các cụ già sẽ khoan-khoái, dễ chịu, sắc-diện hồng-hào.

2') Hoa cúc làm khí-huyết lưu-thông, kinh-nguyệt điều hòa và minh mục (sáng con mắt).

3') Ngũ-gia-bì làm cho : khỏi phong-thấp, khỏe gân-cốt, bỏ ngũ-tạng và thông khí-huyết.

4') Canh-ki-na, cà-phê, quế, hồi đều giúp cho ti-vị mạnh-mẽ, tiêu-hóa dễ-dàng.

Vì vậy, dùng hàng ngày, ICH-KI-NA sẽ làm cho :

— ĂN NGON — NGỦ KHỎE — MAU LẠI SỨC.

Đó là một thứ rượu bổ đặc-biệt của mọi người nhất là các cụ già và sản-phụ.

Một chai ICH-KI-NA bằng ba tế thuốc bổ.

CẦN ĐẠI-LÝ TẠI CÁC TỈNH : Xin liên-lạc với ICH-KI-NA, 144 Pasteur, Saigon.

ICH-KI-NA : Món quà Tết, vừa lịch-sự vừa hữu-ích, giá chỉ có 59đ.



L O lên toa xe lửa. việc đầu tiên của Hữu là kiểm xem giường ngủ của mình ở chỗ nào. Việc đó không khó khăn gì mấy, chỉ có mấy bước anh đã tìm thấy tên anh viết ngay ngoài cửa khoang số ba. Tấm giấy trắng bằng bàn tay có ghi danh tánh ba người. Đọc ở đây Hữu biết cùng chung với mình khoang tàu còn có một người đàn bà và một người đàn ông nữa.

Trong mỗi khoang thường có bốn giường nằm. Chuyến tàu hôm ấy khoang số ba chỉ có ba giường được trải nệm, đặt gối, giường còn lại bỏ trống vì vắng khách.

Hữu đặt va ly lên giường mình rồi ra đứng ngoài lối đi, nhìn qua cửa sổ xuống sân ga. Cảnh ga Đà Lạt vào chuyến tàu đêm, không nhộn nhịp mấy. Có lẽ con đường Đà Lạt - Sài Gòn có nhiều phương tiện giao thông nhanh chóng hơn nên ít hành khách ra ngồi xe lửa.

Dưới sân ga, trong ánh nắng hoàng hôn ứa nhạt hành khách thưa thớt đứng đợi giờ khởi hành. Dăm ba người đàn bà đứng mặc cả mua bánh, thỉnh thoảng lại nhón nhấc gọi những đứa trẻ đương chạy nghịch dưới hàng hiên. Một người đàn ông đứng nhìn toa tàu, đôi mắt theo một nhân viên sở hỏa xa đương gõ bút kiểm soát lại đầu óc ở các bánh xe. Một tu sĩ đi đi lại lại đọc theo sách, mắt nhìn vào cuốn sách nguyên mở trên tay, đôi lúc lại ngừng bước mỉm cười với những đứa trẻ chạy quanh vào chân. Chiếc áo chùng thâm của ông điểm một vết sẫm giữa những tà áo tươi màu của đám phụ nữ.

Hữu nhìn xuống đám người ấy, thử tìm xem lát nữa ai sẽ lên chung với mình một khoang. Anh lưu ý trước tiên đám phụ nữ, thấy họ không có gì đặc sắc. Họ nói nhiều, cười nhiều, nếu không thì cau có đáng ghét. Vài người đàn bà còn trẻ nhưng vô duyên cứ muốn tạo ra những dáng điệu không mấy tự nhiên. Phía đàn ông Hữu không chú ý lắm. Có lẽ đây là những ông chồng sống thâm niên bên cạnh các bà vợ, được dịp du hành thừa lúc con tàu chưa chuyển bánh, đứng tách rời người hôn phối ra một lát để ngắm những toa xe nối đuôi nhau mà nhớ đến một chân trời xưa cũ. Một ngày kia rồi Hữu cũng sẽ có dịp đứng ngắm con tàu và có chung một tâm sự như họ. Nhưng hiện thời Hữu chỉ như vài người đàn ông trẻ tuổi khác đứng nóng lòng chờ giờ tàu chạy. Một chuyến đi đầu ngăn ngùi hay đã quen, đến giờ khởi hành cũng vẫn gây được chút ít xúc cảm. Nếu không có gì để lưu thương, lưu nhớ ít ra cũng vẫn thích thú được biết mình đang xê dịch. Từ lúc con tàu chuyển bánh ra khỏi nhà ga, đến lúc băng mình trên con đường sắt sao chẳng có chút nôn nao trong lòng? Sau đây, Hữu định bụng sẽ giữ một thái độ im lặng, lạnh nhạt với những người chung quanh, để thâm hưởng trọn vẹn những ru êm cảm giác của con tàu, và sẽ thiếp vào cõi mộng lung của giấc ngủ.

Tuy nhiên Hữu vẫn còn thắc mắc về người đàn bà, người bạn đồng hành xa lạ. Anh liếc nhìn tấm giấy trắng gài bên mép cửa, nhằm đọc lại tên: Nguyễn tuyết Trinh. Cái tên cũng khá đẹp, chẳng biết con người có thanh tao như thế không? Hữu thăm nghĩ như thế và anh mỉm cười ngắm lại những khuôn người nọ gióng đứng dưới sân. Anh thăm mong Nguyễn tuyết Trinh không có mặt ở đó. Nàng sẽ đến chậm, hoặc còn lang bang đầu dây, cho tới khi tàu chuyển bánh mới xuất hiện ở cửa toa, hơi hoảng hốt, nhưng duyên dáng. Hữu sẽ đỡ hộ nàng hành lý và đưa nàng về chỗ. Điều mong ước có màu lãng mạn làm Hữu tự cười thầm. Có thể Hữu cắt hững vì biết đầu Tuyết Trinh lại chẳng lên tàu cùng với chồng? Trên giấy còn ghi tên một người đàn ông nữa, họ Lê.

Lần này Hữu mới đọc kỹ tên anh ta.

Trường hợp hai người ấy là vợ chồng, thì cũng như Hữu có tấm vé số được biết mình không trúng. Tấm vé đã hết gây hy vọng, người mua không còn tiếc rẻ gì nữa thản nhiên gạt bỏ ào mòng đi, để quay về thực tại. Hữu vốn ngại cuộc du hành của mình kém thú vị nên anh lại ước ao: nếu Tuyết Trinh đi cùng với chồng thì cuộc du hành của nàng là để hưởng tuần trăng mật. Họ phải là đôi vợ chồng trẻ tương xứng cả về ngoại diện lẫn tâm tình. Người chồng cười mở để gây thiện cảm, còn người vợ dịu hiền và ý nhị, líu riu bên nhau như một đôi chim câu mà không làm người bên cạnh chú ý. Trái lại, Hữu sẽ vui thích được hưởng lấy cái hạnh phúc tươi trẻ của họ, và trở về dĩ vãng của mình. Những kỷ niệm êm đẹp ngày xưa, tuy chưa lâu lắm gì nhưng đã qua đi, được ôn lại trong giây lát vẫn làm ra thán vị thấy mình được hạnh phúc qua hạnh phúc của người khác.

Một hồi còi rúc lên dưới sân ga. Mọi hành khách hòa nhau lên toa. Con tàu

TRUYỆN NGẮN

Chuyến tàu đêm

của HÀ-CHÂU

chuyến mình, giật ngả nghiêng những người chưa kịp đứng vững, rồi từ từ chuyển bánh. Viên xếp ga phe phát chiếc cờ đỏ, lặng nhìn đoàn tàu rời khỏi nhà ga. Hữu nhìn bóng ông ta đứng lui lại, trở lại giữa sân ga vắng lặng. Đột ngột chiều quá lạnh. Hơi sương bốc lên bằng láng trên cây cỏ lan mờ trong hoàng hôn tím lịm, càng như gieo bằng khuỷng vào lòng người lữ khách. Hữu quay về với vị trí trên tàu. Khung cửa sổ dọc lối đi, ở trước khoang số ba vẫn chỉ có mình anh đứng.

Con tàu nhích phành ra khỏi thành phố tiến vào giữa cánh bát ngát của núi đồi miền cao nguyên. Hành khách trên tàu sửa soạn xong chỗ nằm đều ra tựa bên thành cửa ngắm phong cảnh. Vẫn dù từng ấy người, trừ có vị tu sĩ ngồi yên vị dưới ánh đèn, chăm chú đọc sách. Tự nhiên Hữu dăm ra bản khoăn như người bị lỡ hẹn, thăm hỏi sao hai người bạn đồng hành của mình chưa thấy có mặt. Họ nhớ giờ hay đã lên tàu rồi nhưng chưa về chỗ?

Anh đưa mắt ngó chừng về phía cửa toa. Ở phía buồng rửa mặt cánh cửa chợt hé mở. Một thiếu nữ lạ mặt bước ra, tay xách túi hành trang đi ngược trở lại. Trước mặt Hữu, thiếu nữ liếc nhìn anh rồi thản nhiên bước vào phòng. Hữu nhìn theo đoán chắc đây là Tuyết Trinh. Thì ra nàng đã lên tàu từ trước mà anh không biết. Trong lúc Hữu mãi quan sát mọi người dưới sân ga, nàng đã vào phòng rửa mặt thay đổi y phục.

Trông Tuyết Trinh gọn gàng trong bộ quần chèn áo ngắn, thứ y phục các thiếu nữ thường mặc cho gọn khi đi chơi xa, Hữu đoán được nàng thuộc vào thế hệ mới, bạo dạn để làm quen.

Hữu rút thuốc lá ra châm hút, chờ đợi cơ hội làm quen giữa hai người. Sự chờ đợi một trường hợp biết trước sắp xảy ra thường làm người ta nôn nao. Hữu nghe như cảm giác ấy rào rạt dâng lên hòa nhịp với sự rung chuyển nhịp nhàng của con tàu và như tan biến vào tiếng gió reo vi vút trên các ngọn thông đứng thẳng dãy bên đường. Hơi thuốc lá như thấm tan trong cơ thể làm Hữu thấy tâm hồn sảng khoái. Không khí thoáng lòng, thơm mùi nhựa cây thông thoảng ngát một mùi hương son phấn. Hữu quay lại. Tuyết Trinh xếp đặt xong hành lý đã ra đứng phía sau. Hữu né sang bên nhường một khoảng trống. Tuyết Trinh mỉm cười, gật đầu chào Hữu và tới tận bên thành cửa. Nàng nhìn ra phong cảnh bên ngoài, hỏi:

— Ông về Sài Gòn?

Hữu đáp:

— Vâng.

Anh ném màu thuốc lá đi:

— Chắc có cũng về Sài Gòn?

Nàng cười đáp lại:

— Vâng, tôi cũng về Sài Gòn.

Hữu toan hỏi thêm: "Có đi có một mình thôi?" Nhưng anh ngừng lại đứng im, mắt dõi theo những cánh lá sẫm màu mọc chia bên sườn núi vùn vụt qua cửa sổ. Trời chạng vạng tối. Cảnh vật bên ngoài chìm dần trong khoảng mịt mù. Trên nền trời bao la le lói những ánh sao. Đèn trên tàu chiếu xuống ven đường sắt thành một vệt sáng dài chuyển động.

Con tàu xiết bánh vòng theo một sườn núi. Khói than trên đầu máy tỏa ngược xuống nông nặc. Tuyết Trinh và Hữu đều xoay người lại để tránh bụi than. Mắt Hữu gặp tấm giấy trắng cài ở cửa, và lại chợt nhớ đến người hành khách họ Lê. Anh toan hỏi Tuyết Trinh câu hỏi khi này, song vẫn thấy câu hỏi ấy sỗ sàng đối với người thiếu nữ trẻ tuổi chưa quen lắm.

Dưới ánh đèn, Tuyết Trinh cũng đứng yên chờ khói than bay đi. Nàng không đẹp lắm theo sự nhận xét của Hữu. Anh thích người đàn bà đẹp thủy mị, kín đáo, có đôi mắt to đen thăm thẳm trên khuôn mặt thanh tú. Tuyết Trinh tuy không có những nét ấy song nàng có một vẻ hấp dẫn riêng. Vẻ duyên dáng của nàng bộc lộ trên toàn thân, tươi trẻ, bông bột rất hợp với mái tóc uốn ngắn và bộ y phục lối mới đương mặc. Thêm vào đó còn cái duyên của tuổi hoa niên, vì Tuyết Trinh chỉ độ mười tám, đôi mươi.

Hữu phải hơn nàng đến trên mười tuổi. Sự chênh lệch ấy giúp Hữu có thể làm chủ được câu chuyện,

nhưng chính anh lại đắn đo chưa biết nói tiếp ra sao. Anh nói bằng giọng về ông khách cùng phòng.

— Hình như còn một người nữa ngồi chung trong phòng này, có phải?

Tuyết Trinh gật đầu:

— Vâng, ông Hữu!

Hữu mỉm cười:

— Không phải, vì Hữu là tên tôi!

Tuyết Trinh cười ngất nghéo:

— Thế mà từ nay tới giờ tôi cứ ngỡ

chỉ ông là ông kia!

Nàng chỉ vào tấm giấy trên cửa:

— Vì thấy tên ông ta ghi ngay trên đầu.

Hữu cười theo:

— Có lẽ ông ta đứng đầu dây thoi...

— Không, ông ta chưa lên tàu!

— Nghĩa là ông ta bị nhớ...

Tuyết Trinh lắc đầu:

— Lối 11 giờ khuya ông ấy mới lên ở ga Tháp

Châm.

Hữu buột miệng:

— Sao cô biết rõ thế?

Nàng ranh mãnh đáp:

— Tại tôi đã hỏi trước ở ga khi mua vé. Lúc tàu chưa chạy có một vị Linh mục ở phòng bên này muốn xin tôi đổi chỗ cho, nhưng tôi thoái thác...

— Chắc vì bên ấy có đàn bà nên nhà tu hành thấy có điều bất tiện!

— Vâng. Nhưng tôi cũng rất ngại các bà ấy.

Và nàng thản nhiên tiếp.

— Tôi thích ngồi với các ông hơn!



CL. ĐỨC

Hữu không tỏ thái độ. Anh muốn câu chuyện được nối tiếp dễ dàng, ngộ nghĩnh như thế.

Một hồi còi hoét lên báo hiệu con tàu sắp tới một ga xếp. Tuyết Trinh nhìn đồng hồ.

— Tối Dran rồi!

Con tàu phỉ hơi, tiến chậm chậm rồi ngừng lại. Tiếng rao quà lạnh lạnh chèo kéo hai bên thành tàu. Tuyết Trinh vươn người qua cửa gọi mua một chùm ngô luộc, với mấy chiếc bánh khoai. Nàng đem vào phòng đặt trên mặt tấm ván nhỏ tạm dùng làm bàn cho hành khách, tươi cười gọi:

— Ông... ông Hữu!

Hữu đương mãi ngoái nhìn hình dáng những người thôn nữ tay xách đèn, tay cắp thúng quà cơm

(Xem tiếp trang 41)

THƯ NHÀ

(Tiếp theo trang 31)

Khi nào gặp được một tác giả có tài, một nguyên sách hay, chẳng hề tôi cuống lên, cho rằng không có ai tài hơn, không có sách nào hay hơn được nữa. Những tác giả ấy và tác phẩm ấy lớn ngộp mù trời đất, chẳng muốn bạn bè ai này cũng phải nhận thấy như thế. Ai không chịu nhận, chẳng tức giận nhăn nhó kêu lên rằng: "Tại sao không thấy được hử? Tại sao thế hử? Nó lớn sừng sững như thế, lớn kinh khủng như thế, không trông thấy chỉ có thể là vì mày nhắm con mắt mày lại rồi đấy". Theo kiểu đó, có những tác giả lớn ngộp mù Châu Âu, có những tác giả lớn ngộp Châu Á, ngộp thế giới v.v... Và hôm nay thẳng này nhắm con mắt, mai thẳng kia lại nhắm con mắt. Hà vừa mua sách đọc, vừa háng hái hên hực các tác giả, vừa tức giận những đứa bạn không chịu mở mắt... cuộc đời chẳng dòn dấp những say mê như thế không kịp hờ cho chẳng chút thì giờ để yêu đương và xây dựng gia đình. Chẳng sống độc thân.

Nhiều đêm Mạnh sang nhà Hà ngủ lại, được chàng nhường cho cái gối mềm nệm nệm, bé gập lại nhét dưới đầu một lúc lâu mà còn cảm thấy lạnh. lạnh dưới gáy rất khó chịu. Hà thì lấy một mớ tạp chí dùng dây buộc chữ thập, kê làm gối. Hà hút thuốc, Mạnh thì không; thỉnh thoảng trong lúc háng hái nói Hà quay mặt sát vào mặt bạn, phả khói thuốc ngộp mù, và Mạnh phất tay kêu oai oái. Vì vậy Hà hút thuốc một cách khổ sở, lúc thì quay sang bên này lúc quay sang bên kia, lúc chồm người ra ngoài nhờ nước miếng, cứ phải trở mình mãi mãi ẽ ậm ạch. Và cứ như thế, hai anh em bạn nói chuyện văn chương, bàn rình về việc thường thức và sáng tác ra những tác phẩm lớn ngộp mù trời đất.

Hà có giấc ngủ dễ dàng. Nói đang háng hái, ngừng lại một lúc đã có thể nghe tiếng chàng ngáy khò khò. Mạnh một mình thức nằm bên cạnh, dựa mặt nhìn, trong ánh sáng lơ mơ của các ngọn đèn từ ngoài đường chiếu vào, những cái áo sơ mi của bạn treo rủ xuống rải rác dọc theo vách ván.

Chán rồi anh nghiêng đầu từ mờ nhìn qua lỗ hở của sà sàng, trông thấy người chủ nhà ở tầng dưới, một người đàn ông xấp xỉ năm mươi, mập mạp, tóc «cus», mặc cái quần đùi rộng thông thênh và dài tới đầu gối, nằm ôm đứa con nhỏ ngủ trên chiếc đi-văng, tay không rời chiếc quạt giấy thỉnh thoảng được phát một cái để đuổi muỗi. (Đền ở nhà tầng dưới vẫn sáng vì ông chủ nhà có người con trai thường học khuya, chuẩn bị thi trung học năm nay). Có lúc Mạnh nằm yên nghe tiếng xe chạy rầm rầm trên khắp các ngõ đường đô thành, nghe như thế rất lâu.

Những đêm đó Mạnh yêu mến cái sinh hoạt cần mẫn có vẻ ngoan ngoãn của Đô thành, anh mến tiếng xe cộ rầm rầm, mến sự sống văn minh thức suốt lưu đều đều khắp nơi cho tới khuya khuya. Và bên cạnh Hà, anh có cảm tưởng mình ngất ngưỡng vượt lên trên cái sinh hoạt ấy, dựa vào một sự say mê đầy tự tín, thấy lơ mơ bằng lòng về thái độ "lắm liệ" của Hà. Lắm liệ cả cuộc sống trôi trôi trong gian

phòng trống trơn, với những chiếc áo sơ-mi nhỏp nhúa treo tòn ten trên những cái đinh đóng dọc vách ván.

Anh bằng lòng về Hà. Anh cũng bằng lòng về Luân. Chàng thì sĩ này có vợ, có con từng đàn, lúc nào cũng quần quít với con mà lúc nào cũng quanh co che dấu cảnh gia đình dùm dề. Mạnh tới nhà có khi gặp chàng mặc py-gia-ma nằm cong như tôm trên giường úm con, lấy tay kê làm gối cho nó ngủ, có khi trông thấy chàng ngồi hút thuốc lờ, xung quanh bình diêm những đứa con bé nhất chụm vào đèn ba bốn cái đầu, có khi gặp chàng đang nằm ngửa trên võng, hai tay xốc nách thẳng con trai non hai tuổi cho nó nhẩy lên nhẩy xuống trên bụng chàng, cha con toác mồm cười sáng sặc, lại có khi bắt gặp chàng đang treo lên cái thang tre cũ kỹ đã mòn bong lờ ở những chỗ nấc thang và tay vịn, để cầm mấy que hương, dâng hoa, và thỉnh thoảng chuông trước cái trang thờ Phật đặt trên cao... Thế nhưng bạn vào nhà một chút là chàng liền rủ đi ngay. Chẳng không muốn cho bạn bè cường kiến cảnh sống gia đình của mình, chẳng cho rằng dưới mái nhà của chàng không có chỗ dành cho những cuộc chuyện trò về văn chương. Chàng hay kể khổ gia đình, cho rằng tại noma kha năng sáng tác của chàng bế tắc. Chẳng có cảm tưởng những người "bạn cùng tác" không thú chàng nữa, họ xa lánh chàng. Vì thế mỗi lần có một người "bạn cùng tác" tới chơi, chàng mừng rỡ, kéo họ đi suốt buổi, vừa nói chuyện thơ vừa phân trần về gia đình. Chàng thích kéo họ vào uống cà phê ở những quán nước của người Tàu, vừa rê riu vừa có thể tự do ngồi xếp chân trên ghế nói chuyện to tiếng, chàng cũng thích kéo "bạn cùng tác" đi leo lên vào những con đường hẻm ngoằn ngoèo. Trong trường hợp này, chàng thường gặp những đoạn đường hẹp nhứ, thỉnh thoảng gặp một đồng tác bối bối lên nói hăm hăm một ngó cụt hết lối đi; chàng cười, lời người "bạn cùng tác" quay ngược trở lại trong lúc ở các nhà nai bên đường có nhiều người đàn bà to mồm nhìn qua cửa sổ theo dõi tò vò ngạc nhiên.

Luân có hai điều canh cánh bên lòng. Về con thì vợ chàng đề liên tiếp như câu hỏi tiếp câu hỏi trong thơ trang thiên liên vận: "Đề thơ thì chàng lại bế tắc: đã bốn năm rồi chàng vẫn loay hoay xung quanh vài đề tài cũ, cho đến từ ngữ chàng dùng cũng đeo đuổi theo chàng từ năm nọ qua năm kia (chẳng hạn mấy năm nay gần như trong bài thơ nào của chàng cũng có chữ mùa: mùa chiến thắng, mùa vịnh quang, mùa yêu đương, mùa ăn ái, mùa thông cảm, mùa hoa, mùa... Mùa nọ kế tiếp mùa kia, duy có cái mùa bế tắc là vẫn kéo dài không dứt. Luân không phải là một nghệ sĩ đặc sắc, nhưng Luân đặc sắc vì cái lòng thiết tha với văn nghệ.

Mạnh không ghét Lué, lúc nào cũng chộn rộn, thất ca vát, mặc vết tòng, ra vô các, cơ quan, giao thiệp láng xàng, vận động xin một khoản trợ cấp để xuất bản tác phẩm này, xin mua giúp tác phẩm kia, xin in giúp tác phẩm nọ v.v..

Anh cũng không ghét Thoại gần gần, nói ba hoa mà chẳng chịu viết lách bao lâu. Anh cũng không hề ghét Lạ, nó cười toe toét, bị gì viết này, coi việc trước tác như đùa giỡn, bán buôn...

Mỗi người trong đám bạn bè ấy có cái tốt cái xấu của họ. Những cuộc họp mặt gặp gỡ nhau ở nhà người này hay người kia hay ở tòa soạn các

tờ báo có khi làm anh bức tức, cũng có khi làm anh háng hái tin tưởng.

Lại cũng có những khi hoàn toàn vô vị: họ xúm nhau tìm những câu trên đầu một người bạn gái, và lúc người ấy ra về rồi thì Hà chế cô ta có cái mũi ngắn. Thoại chế cái môi mỏng. Tuấn phàn nàn dáng đi xấu, về phần Mạnh, anh cũng thấy cần phải hòa theo chỉ trích mớ tóc cô ta uốn vụng. Thế rồi về sau thỉnh thoảng Mạnh bắt gặp trong một vở kịch của Hà vài câu nói dễ thương mà anh nhớ mang máng giống như là của cô bạn hôn: ấy, trong bài thơ của Thoại vài câu rất đẹp ca tụng đôi môi mà anh cho là vẫn không khác xa với môi cô bạn ấy bao nhiêu. Mạnh giật mình tự xét mình, và vừa kịp chứa lại đề mớ tóc một nữ nhân vật trong truyện mình khỏi giống hệt tóc cô bạn nọ.

Đối với tất cả những người bạn ấy (lỡ lạc có, tầm thường có), đối với tất cả cái sinh hoạt ấy (với những khía cạnh tốt có xấu có), cảm tưởng chung của Mạnh có lẽ là sự biết ơn. Cứ mỗi lần anh ngó vực, lưỡng lự, phân vân về những điều mình đã làm và định làm, về sự định hướng cuộc đời của mình, anh sắp sửa hoang mang ngẩn ngai, mỗi lần như thế anh sẽ nhớ tới một số bạn bè đang say mê cuồng nhiệt xung quanh mình là anh lại có thể tạm thời yên tâm tự thấy được yên ủi nâng đỡ. Bao giờ cái sinh hoạt ấy còn diễn ra chân tợn, anh còn có thể thỉnh thoảng ngoảnh lại, huy vọng tìm thấy lý do cất nghĩa sự quyết định chọn lựa của mình, anh còn có thể tự nhủ rằng sự có mặt của mình ở đây không đến nỗi là một sự vất vưởng vô nghĩa lý.

☆

Phải chỉ lúc nào anh cũng giữ được một cảm tưởng ấy đối với cảnh sống của mình! Đàng này rất nhiều khi ngược xuôi quanh quẩn trong sự sinh hoạt hàng ngày anh đã xa lạc mất hút cái làm liệ của những người bạn như Hà lúc nào không hay.

Anh viết thế nào để đưa em trai rõ được tâm trạng mình những buổi trưa như trưa nay, anh đập chiếc xe chen giữa trăm nghìn chiếc xe khác, vượt quãng đường này, dừng lại ở ngã tư kia, len lách về tới nhà, ăn vội miếng cơm rồi lại sửa soạn đất xe ra đi? Trong cái túi há miệng đeo sau boọc-ba-ga có mấy tờ tuần báo hình bìa đỏ xanh lòe loẹt phớt ra hờ hênh. Và trong trí anh lơ lửng những ý nghĩ rối rắm về năm bảy sự việc linh tinh: mười trang báo vô căn phải chờ gấp để giao cho nhà in, một cái giường mừng của người bạn thân vừa dời đi Nha Trang nhờ chờ đi tìm chỗ gửi ngay trước khi trả nhà thuê lại cho chủ, bức thư hơn dỗi của cô bạn gái ở Đà Lạt vừa gửi về, một cái thùng phuy cần mượn để chứa nước mưa mà uống cho khỏi phải dùng nước hơi phen v.v... Dưới nắng trưa chang chang, Mạnh đứng xe ở một ngã tư chờ dấu hiệu của người cảnh binh, trước mặt anh một chiếc xích lô máy phun khói ra mù-mịt, sát bên cạnh anh bàn tay một người đàn ông rung rung trên tay nắm của chiếc xe gần mấy, bên mặt bên trái phía trước phía sau anh tràn ngập những xe là xe, tất cả mấy đều đều nổ, tất cả tay chân sắt thép xung quanh anh đều như mấp máy rung rinh, tất cả sôi lên trong sự đợi chờ nóng nảy một hiệu lệnh. Cái đám đông hỗn độn giậm giậm đó thờ hững hờ ra khỏi: khói đen phả

(Xem tiếp trang 42)

CÁC SÁCH GIÁO-KHOA TRƯỜNG ANH-NGŨ ZIÊN-HỒNG ĐÃ XUẤT-BẢN

(80/8 ĐƯƠNG BÀ HUYỆN THANH QUAN — SAIGON)

TỰ-ĐIỂN ANH-VIỆT VIỆT-ANH. L.B.Khanh và Kông	180.00
TỰ-ĐIỂN ANH-VIỆT L.B.-Kông	88.00
TỰ-ĐIỂN VIỆT-ANH L.B.-Khanh và Kông	70.00
TỰ-ĐIỂN ANH-VIỆT (bổ túc) L.B.-Kông	32.00
TỰ-ĐIỂN VIỆT-ANH (bổ túc) L.B.-Kông	25.00
TỰ-ĐIỂN QUÂN-SỰ PHÁP-ANH-VIỆT Đại-Ủy Đỗ-Thiếu-Liệt	120.00
Toàn Bộ VĂN-PHẠM ANH-VÂN (Có phần sửa 150 bài tập) L.B.-Kông	70.00
NGŨ-VŨC ANH-VÂN Đệ VII, VI, V.	
(Có chứa phiên-âm Quốc-tế và phiên-âm Ziên-Hồng — thêm nhiều từ ngữ)	
VĂN-PHẠM và LUYỆN-DỊCH ANH-VÂN. Lớp Đệ-Thất, Lục, Ngũ	
Giảng rõ ràng, thêm nhiều bài tập có giải đáp — L.B.-Kông	
BÀI DỊCH ANH-VIỆT Lớp Đệ-Thất, Lục, Ngũ — L.B.-Kông.	
(Các cuốn sách trên đã được chính-thức công-nhận để dùng với các cuốn	
• L'Anglais Vivant Cl. de 6e, 5e bleue et beige •)	
ANH-VÂN — Lớp Đệ IV L.B.-Kông	22.00
Bài dịch VIỆT-ANH và ANH-VIỆT (cho thí sinh T.H.Đ.N.C. và C.K.) L.B.-Khanh	25.00
Bản dịch DAVID COPPERFIELD — L.B.-Kông và Nguyễn-Duy-Diễn	25.00
TỰC-NGŨ ANH-PHÁP-VIỆT — Nguyễn-gia-Liên	25.00
THÀNH-NGŨ VIỆT-ANH-PHÁP (Vietnamese-English-French Idioms) L.B.-Kông và Vũ-ngọc-Ách	62.00
LUYỆN-DỊCH VIỆT-ANH (T.H.Đ.N.C. và C.K.) L.B.-Kông	32.00
ANH-NGŨ THỰC-HÀNH L.B.-Kông	70.00
CÁC TRUYỆN HAY (viết bằng Anh-Việt) L.B.-Kông	44.00

LUYỆN KHẢO SÁT ANH-VĂN. Gồm 57 bài Anh-văn trích-diễn, có dẫn giải các câu hỏi "khảo sát". Đường chương trình mới.	
SYNTAX, PARSING ANALYSIS (Cú pháp, Phân tích Tự-loại và Mệnh-dề), tức là phần bổ túc cho cuốn Văn-phạm Anh-văn do giáo-sư Lê-bá-Kông soạn trước đây. Dạy 192 trang cỡ lớn — có phần sửa 86 bài tập.	
TRUYỆN KIỀU CHÚ GIẢI — Văn-Hoè	150.00
VIỆT-VÂN DIỄN-GIẢNG (Kim, Cổ-văn) — Đệ VII	35.00
VIỆT-VÂN DIỄN-GIẢNG (Kim, Cổ-văn) — Đệ VI	
Trần-mộng-Chu và Ng-x-Hiếu	33.00
TỰC-NGŨ LUYỆN-GIẢI — Văn-Hoè	32.00
PHÁP-VÂN — Lớp Đệ Ngũ — Phan-văn-Phụng	52.00
QUANG-HỌC — Lớp Đệ Nhị — Đoàn Luyến	62.00
LUYỆN-THI ĐẠI-SỐ — T.H.Đ.N.C. — Đoàn Luyến	52.00
LUYỆN-THI HÌNH-HỌC T.H.Đ.N.C. — Nguyễn-thanh-Sơn	52.00
LÁ THƯ HÈ (Lettres de Mon Moulin) nguyên-tác của Alp Daudet — Nguyễn-xuân-Hiếu và Tr.-Mộng-Chu dịch đối chiếu	42.00

Học Báo «TRAU-GIỎI ANH-NGŨ»

Giám Đốc: G. S. LÊ-BÁ-KÔNG.

Đến nay đã hoàn tất Toàn Bộ, gồm 50 số báo, chia làm 5 Tập I, II, III IV và V đồng bìa percaline, chữ mạ vàng, rất mỹ thuật. In đẹp, bài vở viết rất công phu với các mục thường xuyên: Grammar, Vocabulary, Essays, Idioms, Press Article, Dịch Việt-Anh, Short Stories v.v.... Học-báo có nhiều độc giả nhất. Giá mỗi số: 7đ.

TỰ DO XUÂN TÂN SỬU 1961

CHUYẾN TÀU ĐÊM

(Tiếp theo trang 39)

Cố đuổi theo con tàu đang từ từ rời ga, nài bán thêm chỗ hàng còn lại, và nghĩ đến sự cần cù chịu khổ của lớp người âm thầm nơi đồng bãi.

Nghe tiếng Tuyết Trinh gọi, Hữu bỏ dở ý định quay vào.

— Mời ông xơi quả với tôi!

Hữu ngồi xuống mép giường đối diện với giường của Tuyết Trinh. Nàng lật vỏ những bắp ngô còn nóng:

— Ngó luộc và bánh khoai ở đây ngon lắm. Mời ông dùng thử!

Hữu muốn từ chối, ngại phải nhai ngồm ngoàm trước mặt người thiếu nữ, nhưng Tuyết Trinh đã chọn một bắp ngô nướng hạt đặt vào tay Hữu:

— Ông ăn chơi ít đồ chơi, vì từ đây tới Tháp Chàm phải chờ đợi tàu Nhứtrang mới có toa hàng ăn.

— Có có về thành thạo con đường này lắm nhĩ?

Tuyết Trinh vừa ăn ngon lành vừa thổ lộ cho Hữu biết năm nào nàng cũng đi về con đường này vài ba lần. Nàng là con một ông chủ ruộng mía ở Bình Dương, lên theo học trên Đalat, cứ mỗi kỳ nghỉ hè, nghỉ Tết lại về Saigon chơi.

Tuyết Trinh nói chuyện rất có duyên, bày tỏ ý nghĩ một cách bạo dạn, đôi khi làm Hữu ngạc nhiên về một vài quan niệm mà anh cho là kỳ dị. Có lẽ về một vài quan niệm mà anh cho là kỳ dị. Có lẽ về một vài quan niệm mà anh cho là kỳ dị.

Hữu hỏi:

— Có có mang theo sách để đọc?

Nàng nhún vai, trao mấy cuốn sách cho Hữu.

— Mấy cuốn tiểu thuyết của Françoise Sagan đây ông ạ. Tôi đã đọc hết cả, giờ mang theo xem đỡ buồn và đem về Saigon cho mấy đứa bạn mượn.

Ông đã đọc tiểu thuyết của Sagan chưa?

Hữu thú thật:

— Tôi mới đọc có một cuốn!

— Cuốn nào?

— Bonjour tristesse!

— Hay đây chứ ông nhĩ?

Hữu liếc nhìn Tuyết Trinh, phân vân nhiều ý nghĩ. Nàng tiếp:

— Có người cứ chê bai nó kia, rằng tiểu thuyết của Sagan là vô luân lý, nhưng tôi đọc, thấy không có gì, chỉ là thương tình...

Tự nhiên Hữu nhớ đến những cô thôn nữ đem quả lên bán ở ga Dran và anh ngắm Tuyết Trinh ngồi chôn chân chờ đợi với một điệu chệnh mảng ở bậc giường. Anh muốn nói ít ý nghĩ của mình ra, cần thì thảo luận rõ ràng, thế mà không hiểu tại sao Hữu lại, ngồi im, lừng lờ phác một cử chỉ.

Có lẽ tâm lý người đàn ông thường không muốn làm phật ý người đàn bà, hay đó chỉ là do cá tính trần mạt của Hữu, mãi miết với ý nghĩ riêng và bỏ ngoài những điều người khác làm mình trái ý? Có điều Hữu thấy mình đã tự dưng lòng trước người thiếu nữ đi cùng một chuyến tàu, muốn nhìn cô ta hơn là nơi thật những ý nghĩ có thể làm thân, nhường cho trọn vẹn cái thú của cuộc hành trình.

Tuyết Trinh mỉm cười tiếp:

— Tôi cho là hay nên đọc đi đọc lại mấy lần rồi không thấy chán.

Hữu mỉm cười trao trả mấy cuốn sách. Anh bỗng thấy thêm thuốc lá đến ra dưng hút ngoài hành lang. Con tàu vẫn rầm rộ vượt trong khoảng bao la vô tận của đêm tối. Hữu hết hành khách trên toa đều đã đi nằm. Ngoài hành lang chỉ có mình Hữu đứng. Ánh lửa ở đầu đuôi thuốc lập lòe trong cửa kính. Mỗi lần dấm thuốc lòe lên Hữu lại thấy trong cửa kính phản chiếu từ mờ bóng dáng Tuyết Trinh đang tựa lưng nửa ngồi, nửa nằm đọc sách. Cuốn sách không dày lắm chỉ vỏn vẹn độ hơn trăm trang nhưng có tác dụng như liều thuốc mạnh kích thích nhưng có tác dụng như liều thuốc mạnh kích thích nhưng có tác dụng như liều thuốc mạnh kích thích.

Chợt có tiếng Tuyết Trinh nói bên cạnh:

— Ông ra đây hút thuốc!

Hữu cười đáp:

— Trong lúc có đọc sách thì tôi ra đây tìm cái thú trong khói thuốc. Có có chịu vì hơi thuốc lá không?

Nàng cũng cười, nhỏ nhẹ tiếp:

— Ông cứ tự nhiên. Nằm trên tàu đọc sách thấy mỗi mặt nên tôi ra dưng chơi đây một lát... Hai người lặng yên nhìn ra khoảng mặt mờ ở bên ngoài. Tuyết Trinh dõi theo một vì sao, mờ

mờ. Hữu nhả khói thuốc lá lên trần, lắng nghe nhịp chuyển động đều ho của con tàu đang chạy. Tiếng bánh xe xiết nhanh trên đường sắt bỗng rít lên ken két, rồi vang dội âm âm Khói than nóng nực, lên ken két, rồi vang dội âm âm như hoa cải, toả vào hành lang.

Tuyết Trinh khẽ kêu:

— Đi vào mau! Tàu đang chui vào hầm!

Và nàng dùng phải Hữu ở cửa phòng. Hữu bằng hoàng thấy Tuyết Trinh nép luôn vào người anh, mặt nàng úp trên ngực như muốn tránh những làn lửa bay quanh trong tàu.

Hữu đứng làm đờm tựa cho Tuyết Trinh trong một thế đứng thực bất tiện. Một tay anh bám chặt vào khung cửa, một tay buông thõng, hai chân trông cứng treu sần chỉ sợ mất thăng bằng, vì người Tuyết Trinh cứ xiêu nặng dần. Mái tóc nàng thoảng một mùi thơm ngây ngất.

Hữu cố dướn người đứng thẳng, muốn đặt tay lên bờ vai của nàng cho vững chân, nhưng nếu anh làm thế nàng sẽ ngã đầu trên vòng tay của anh, và làm thế nàng sẽ ngã đầu trên vòng tay của anh, và làm thế nàng sẽ ngã đầu trên vòng tay của anh.

Hữu nghe trái tim mình khua rộn. Anh nghĩ ngay đến những nhân vật hoang tàng trong tiểu thuyết của Sagan, những con người chỉ muốn thu xếp cho mình được hưởng nhận những cảm giác mới lạ, thỏa thuận với nhau để trao đổi những cảm giác mới lạ.

Dường như Tuyết Trinh có sự thỏa thuận ấy khi nép mình vào thân Hữu. Nàng vẫn đứng nguyên, chờ đợi, và Hữu không làm gì cả. Anh chỉ lắng nhìn xuống mái tóc óng mượt của nàng. Mái tóc óng mượt của nàng óng mượt của nàng óng mượt của nàng.

Hữu đoán có lẽ Tuyết Trinh không bằng lòng! Hay nàng sợ ông sẽ việc vừa xảy ra, cương cứng như cô gái làm một cử chỉ vô duyên không được người khác hưởng ứng!

Mãi Tuyết Trinh vẫn không rời cuốn sách. Chẳng biết nàng có đọc hay chỉ giả bộ chăm chú để khỏi phải thấy Hữu. Thực ra nàng không cần đọc, chỉ nhìn vào trang sách cũng đủ hình dung được những cảnh tả trong đó mà nàng đã đọc đi đọc lại mấy lần rồi. Các nhân vật đang sống, sống đến cảnh cô gái Célie với anh chàng Cyril ôm nhau khăng khít ở trong rừng, trao đổi nhau những cái hôn nồng nàn, những cảm giác mê loạn. Hay những cảnh lạc thú của cô á Dominique bên cạnh một gã đàn ông đã có vợ, ở ngoài bãi biển.

Nhớ lại giây phút co rúm chui qua hầm, Hữu tự cười thầm mình vì dấn dấn. Cảm tưởng bị người đẹp khinh chê làm anh thêm ngượng. Anh ngón vai phác một cử chỉ và làm bộ than vãn từ ngón vai phác một cử chỉ và làm bộ than vãn từ ngón vai phác một cử chỉ và làm bộ than vãn từ.

Đề khỏi lãng trí khi tìm giấc ngủ, Hữu nhớ đến người em gái, đến đứa con của anh sau này sẽ lớn lên, mà tương lai ra nhiều điều tươi đẹp. Rồi giữa cái mịt mịt của đêm tối, Hữu nghĩ đến trong nhịp rung chuyển đều đều của con tàu trước mắt, không rõ ông haun khách họ Le lên tàu từ hồi nào.

Tàu vượt khỏi ga Biên Hòa, Hữu mới bỗng mất tinh thần. Giường của Tuyết Trinh đã có trong. Giường bên trên, ông khách ga Tháp Chàm vẫn yên ổn nằm dài, đầu gối lên chiếc cặp da, vành mũ coi đây úp trên mặt. Hữu trở dậy, sửa lại áo quần ra đứng ngắm cảnh ngoài hành lang. Hình khách trên tàu lúc này ra khỏi phòng, đến chỗ trước phòng rửa mặt, hoặc đứng ngắm đại bên cửa sổ.

Hữu đoán Tuyết Trinh đang thay đổi y phục trong phòng rửa mặt. Một lát sau ông ra, tha thướt

trong tấm áo dài màu hồng. Trông nàng tươi đẹp hơn hôm trước. Có lẽ tại nàng vừa trang điểm xong, và chiếc áo dài màu hồng rất hợp với khuôn người tròn lẳn, cân đối của nàng. Tuyết Trinh đến từ tay bên thành cửa sổ, nhìn về phía chân trời hừng sáng. Giấc sớm ban mai phân phát lướt qua ve vuốt những sợi tóc đen mượt của người thiếu nữ như muốn quyến đi chút ít hương thơm.

Hữu mỉm cười, nhớ lại mùi thơm trên mái tóc Tuyết Trinh. Anh muốn nói với nàng vài câu mà không biết nói gì. Về xa lạ của nàng làm anh e dè. Anh băn khoăn nhìn những tia nắng hồng đang hừng lên, rực rỡ chiếu trên các cánh đồng âm ướt, tươi rói hoa màu. Bỗng người nông dân thung thịch bên con trâu cày, nổi bật giữa màu cỏ xanh, hoặc soi bóng dưới làn nước bạc long lanh, và trên các con đường đất đỏ những người đàn bà vai gánh nặng đi tong tá dới hàng dừa. Cảnh vật như bừng sống dưới ánh nắng huy hoàng của bình minh.

Con tàu, sau một đêm trường mệt nhọc xuyên qua hàng trăm cây số, cũng như vội vã mong về tới đích để nghỉ ngơi, thỉnh thoảng lại rúc lên một hồi còi. Hữu thấy quãng đường còn lại rút ngắn thực nhanh. Anh bồi hồi nghĩ đến cuộc hành trình sắp chấm dứt, tới lúc đặt chân xuống sân ga, trở về với cái náo nhiệt của Đô-Thành.

Thủ Đức, Gò Vấp, rồi Saigon! Ông hành khách họ Lê vùng dậy, ngơ ngác ngó ra, khi tàu lờ lờ đi rồi:

— Đến nơi rồi à, các ông các bà?

Hữu mỉm cười gật đầu:

— Đến nơi rồi!

Hình khách dành nhau xuống ga. Tuyết Trinh và Hữu xuống cùng một lượt. Gần ra đến cửa, Hữu tiến lại chào nàng trước khi chia tay.

— Thôi, chào cô nhé!

Tuyết Trinh không trả lời, chỉ khẽ gật đầu rồi lờ lờ quay đi. Hữu nhìn theo tà áo nàng phớt phớt qua cửa chợ Bến Thành rồi lẫn vào trong đám người đi dạo trên đầu đường Lê Lợi. Bỗng nhiên anh có cảm tưởng như vừa để mất một thứ gì thực mong manh và bằng khuông hối tiếc đã để mất đi thứ đó. Có một chút tình thương nhẹ nhàng len lỏi trong Hữu, thứ tình thương bằng giờ khi người ta nghe tin một cô gái đẹp quen biết gặp phải điều ngang trái.

Hữu giật mình ngó lại. Người phụ xách lô hỏi:

— Thấy về đâu?

Hữu leo lên xe:

— Cho qua bên Thị Nghè!

Chiếc xích lô vòng qua công trường nổi vào giếng xe đường chạy trên đại lộ. Đô thành rộn ánh nắng, rưng rưng, nhộn nhịp. Người trên xe Hữu gặp lại những tòa nhà quen thuộc; những khách sạn, những phòng trà, những cửa hàng lớn, và những rạp chiếu bóng xe có đông ở trên các ngã tư đại lộ và lại bên hè phố đặc nghẹt những người.

Hữu thấy vui vui trên đường về nhà. Anh nghĩ đến đứa con đang chui ra. Người vợ thường chỉ được nhớ tới cười chạy ra. Người vợ thường chỉ được nhớ tới cười chạy ra. Người vợ thường chỉ được nhớ tới cười chạy ra. Người vợ thường chỉ được nhớ tới cười chạy ra.

— Rê ngá nào thầy?

Hữu giật mình, nhận ra xe đã tới ngã ba gần nhà. Anh chỉ tay vào:

— Đợi ngá này!

Và anh vẫn chờ nghĩ tiếp ý nghĩ vừa bị gián đoạn:

— Miễn là đừng ai đi tìm hạnh phúc trong khói lạc, vì lạc trôi chẳng bao giờ đem lại hạnh phúc...

HÀ-CHÁU

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

NGUYEN - OANH

Đo, Dương Ngai, Văn-Tinh, Saigon
(Cộng gia tư Carinat cũ) H.T. 145

Chuyên bán đủ đồ tặng phẩm sơn mài, đồ đồ-môi, ngà, bạc, đồ sứ Tàu và Nhật.

Nhiều hàng mỹ-thuật, làm kỹ, giá hạ.

BÀ LÊ PHI

NỮ TRẠNG NGUYÊN của VIỆT NAM

Vấn học sử nước nhà thường nhắc đến bà Hồ Xuân Hương, bà huyện Thanh Quan, bà Đoàn thị Điểm, ít khi thấy nhắc đến danh hiệu bà Lê Phi một vị nữ trạng nguyên đời

nhà Mạc.

Bà là người làng Kiệt đặc, huyện Chi Linh tỉnh Hải dương họ Nguyễn tên Chi Thiện. Ông thân sinh ra bà là một quan nghề triều Mạc-dăng Doanh, sau nhà Lê trung hưng lên về chiếm Thăng Long thì Triều đình nhà Mạc chạy lên chiếm cứ Cao bằng và mấy tỉnh miền đông bắc nước ta còn thuộc quyền Mạc triều cai trị.

Trong khi thất thế phải bỏ Thủ đô chạy lên Cao Bằng, vua nhà Mạc cũng được các sĩ phu đương thời chạy theo trong đó có quan nghề Nguyễn, thân phụ bà Lê Phi.

Bà là người thông tuệ khác người, sách sử học đều nhớ đầy. Mỗi khi nghe ai đọc một bài thơ, chỉ một lượt đã nhập tâm ngay, vì vậy quan nghề Nguyễn mới cho ăn mặc giả trai ngay từ khi mới 5 tuổi.

Khi theo cha chạy nạn lên Cao bằng bà mới mười tuổi, bà được theo học ở Quốc tử giám (do Mạc triều dựng ra ở Cao bằng) được nội danh là tay văn chương quan thế.

Năm 18 tuổi, bà nộp quyền ứng thí. Khi vào thi Hội, tên bà được đứng đầu bằng. Khi vào dự yến do vua nhà Mạc thiết. Mạc chúa nhìn dong nhan và cử chỉ giống như con gái. Nhà chúa gạn hỏi, bà phải tâu thực. Mạc chúa lên nạp vào hậu cung, giao cho quyền bính coi về Văn phòng số sách, một đôi khi cũng được dự bàn về quốc sự.

Sau nhà Lê tiến quân lên đánh, quân nhà Mạc bị thua, chúa Mạc bị bắt. Bà phải trốn vào trong hang núi ẩn tránh. Nhưng quân nhà Lê sau cũng tìm được nơi bà ẩn nấp, quân quân vây núi rồi bắt được bà và bọn cung phi của Mạc chúa.

Quan quân nhà Lê có vẻ hách dịch, định đối xử với bà như các hạng tù tội. Bà nghiêm nghị mắng lại:

— Lũ người đã bắt được ta, phải đem ta về trước mặt chúa các người, chứ các người không được vô lễ.

Quân sĩ thấy bà đoan trang nghiêm nghị, đem lòng kính mến rồi đưa bà về nộp với Lê Hoàng.

Vua Lê thấy bà là người có nhan sắc lại kiêm học văn uyên bác, đem lòng yêu mến, lưu ở trong cung coi như một vị thứ phi.

Trong khi ngộ biến tông quyền, bà phải vâng mệnh vua mới sống ở hậu cung, tuy sống trên nhưng lựa song bà vẫn mượn hai câu thơ của cổ nhân để tỏ ý mình:

Đông đạo nhược phùng tương thức vấn

Thanh bào kim dĩ ngộ nho sinh

(nghĩa là nếu ở quê cũ xứ đông kia có gặp những bạn quen biết cũ thì xin trả lời họ rằng: chỉ vì cái áo bào màu xanh màu tím nó đã làm lỡ lầm đời người học trò).

Năm bốn mươi bà xin được ra tu ở chùa Láng.

Bà xuất gia được mấy năm, vua Lê thăng hà, Tân quân lên kế nghiệp, muốn tìm một nữ học sĩ để dạy các cung phi và công chúa. Các quan tâu xin triệu bà về cung giữ chức đó. Vua Lê nghe theo bèn xuống chiếu vời bà về làm cung trung giáo thụ.

Các Bà Mẹ tương-lai

Nên thực hành phương-pháp để không đau, dễ không sợ, dễ tự nhiên, xem cuốn

CHUẨN BỊ ĐỂ KHÔNG SỢ
của LEPAGE và LANGEVIN DROGUET

Dịch giả: B.S. NGUYỄN-GIA-QUYNH

Một phương pháp tập-luyện hướng thủ, dần đi, giải thoát sanh đẻ khỏi sự lo sợ và trả trả cho sanh đẻ tất cả nguồn phong phú tinh cảm sẵn có

Tổng phát hành tại nhà Thống Nhất
329 Trần-hưng-Đạo Saigon.

HẢI AU TỬ

thuật theo tài liệu Việt Điện Kỳ Văn quyền bấy

Bà lại phải vâng mệnh từ giả cửa thiên đề về nhận nhiệm vụ mới. Trong thời gian giữ chức cung trung giáo thụ bà đã đem nào nữ công, phụ đạo, tam tông, tứ đức ra dạy bảo các cung phi.

Từ vua cho đến các cung phi đều dùng danh từ "Lê sư" để xưng tụng bà, chứ không ai dám gọi tên bà (sau vua Lê phong chức: "Chiêu nghi Lê phi"). Vì vậy về sau nơi cổ hương có lập đền thờ bà đều gọi là đền bà Lê phi).

Không kể khi bà ở Trạng với nhà Mạc, đối với nhà Lê, bà cũng thờ hai vua. Vua nào cũng coi bà là một vị cổ vũ về văn học, nếu có những sự tích cổ kim gì nhà vua không hiểu, các quan trong trường đem hỏi bà, bà đều tâu trình đủ khúc triết.

Vì vậy vua và các quan đều kính nể bà. Văn bài của các sĩ tử được vào Đình thí, Hội thí, phần nhiều đều qua tay bà cho cao hạ.

Sách chép: năm Tân Mùi vào Đình thí, Nguyễn thọ Xuân được đỗ đầu. Văn chương của ông nhiều câu vua xem không hiểu, phải hỏi đến bà, bà tâu trình giảng giải đầu ra đấy. Vua thấy vậy càng phục là người học rộng tài cao.

Ông Nguyễn thọ Xuân khi làm bài nộp xong, ra nói với bà hữu:

KÍNH CHÚC TÂN XUÂN

VIỆT - CƯỜNG 133 GIALONG - SAIGON -

Phòng Hớt tóc có Máy Lạnh, Máy Nóng trước nhất.
Tín-nhiệm và danh-tiếng từ 10 năm nay.

Trang-trí thanh-lịch, đầy đủ tiện nghi, thợ-vu-tú.

HỚT TÓC và Ủ MẶT 15\$

Sấy ép 35\$ — Uốn kiểu mới 50\$ — Nhuộm tóc đen.

Bàn chải ép, nhuộm dễ chải, không sâu đỏ, 50\$ 1 lít

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

NHÀ MAY

ĐOÀN-THÀNH-LỰC

Số cũ 317 Đại lộ Vá Di Ngụy
281 Phố Nguyễn

— Là nơi được tín nhiệm nhất Thủ Đô luôn luôn có sẵn đủ các loại hàng Âu Mỹ tuyệt đẹp.

— Năm mới thành kính chúc quý vị thân chủ một năm đầy Hạnh Phúc và Vui Tươi.

Cung Chúc Tân Xuân

Giải lao, bổ khỏe, rẻ tiền



NƯỚC NGỌT CON CỌP

Khắp miền đều ưa!

Với hoa xuân tươi thắm, nắng xuân rực rỡ, lá-ve và nước ngọt CON CỌP đem lại cho quý Ngai những ngày Xuân vui tươi dưng Ý Xuân trẻ-trung và Tinh Xuân mạnh-đẹp. Quý Ngai hãy mở rộng cõi lòng cho các ưu-phiên thất-mắc tiêu-tan trong men rượu đậm đà của lá-ve, hương vị dịu ngọt của nước ngọt CON CỌP, tăng thêm kỳ thú bởi nước da KIM CƯƠNG.

Trong những ngày đầu xuân tung bừng, bỏ hết lo âu, hết mệt nhọc, quý Ngai hãy trở nên Vui mạnh với những nhấp lá-ve, phân khô, yêu đời với những ly nước ngọt CON CỌP, thơm ngạo, tinh khiết và bổ-đúng, nguồn mạch của Sức-Khỏe, Trẻ-Trung và Vui Tươi, đặc tính của Mùa Xuân muôn thuở

THU CẨM « VONG CỔ NHÂN »

Họa nguyên vận của Thi-sĩ Vũ-Hoàng-Chương trong thi-tập « Rừng Phong »

Thúy rẻ duyên chia cách một phương.
Khởi mờ trắng lạnh bóng vân hương !
Khó ngăn lệ thấm hôn u uất,
Nhưng chưa hôn cảm họa khêu hương !
Nhìn môi Thước-Kiều tình Chức-Nữ,
Trông vờ Ngưng-Bích cảnh Kiều-nương.
Thu tâm ai ghép « sầu » nên chữ ?
Mộng đến Liêu-tây, mộng thất thường !

Mộng đến Liêu tây, mộng thất thường.
Vị đầu Nam Bắc nghìn đời đường !
Đêm ghê nổi để ngân nga dạo,
Ngày ngán cho hoa ú rú tường !
Thân quốc lệ rơi trời Bắc phố.
Xác ve vò vô gác Đông sương.
Cầu Hoàng-Diệu ấy còn ghi nhớ.
Văng vẳng đầu đây khúc đoạn trường !

Văng vẳng đầu đây khúc đoạn trường !
Gót dơi cém cảnh gót phong sương.
Nước non đó nặng vai hồng gánh,
Son phấn đây sâu đáy giếng gương !
Quanh chừa đến Xuân cầm hân giọng.
Trăm mà xa lứa có gì hương ?
Hô Gươm trắng liễu còn tơ đỏ.
Đâu dễ quên thề ? dễ lấp thương ?

Đâu dễ quên thề ? dễ lấp thương.
Ngày qua dằng dặc lại đêm trường !
Hữu duyên mà hóa, duyên vô hữu,
Tương ái đành thôi, ái bất tương.
Nghệ thuật say ai bến chẳng đôi,
Quan hoài riêng thiệp mãi còn dương !
Chim chưa học nói, mai chưa chiếu,
Hãy hẹn chờ sang vận thái dương.

Hãy hẹn chờ sang vận thái dương,
Châu rơi hoen trúc bến dòng Tương.
Nhìn mây thu rồi, tâm càng tối,
Như sợi tầm vương, kiếp đã vương.
Tự lán chên ghê cơn loạn lạc.
Thanh bình mãi đợi khúc ca đường.
Bóng huỳnh hâu hát phòng khuê lạnh.
Biếng thương hiên ngoài cúc tực hương !

Biếng thương hiên ngoài cúc tực hương !
Trình-tùng tơ vũng sá gì sương !
Tiếc hoa đây sớm ngồi bên chậu,
Thương nguyệt chong đèn đứng tựa giường.

Biết đến khi nào vùi lấp hận ?
Tìm đâu mảnh cũ lấp tròn gương !
Hò Tây khởi sóng hoàng hôn rú,
Trấn-vũ chuông ngân vẳng mọi phương !

Trấn-vũ chuông ngân vẳng mọi phương,
Thu mờ cây khói, lá gieo sương,
Dệt vãn Tô Huệ ai dùm chước ?
Niệm Phật Quan Âm đã sẵn phương !
Rặng liễu trường đình bờ vãn thắm,
Vân thơ lưu biệt chữ còn hương !
Sao dơi vật dơi ghê thu nhĩ !
Vòi vọi trời mây chết não trường !

Vòi vọi trời mây chết não trường.
Phòng khuê tề tái ngọn thu lương !
Chiêu-Quân mộng điệp mơ Cung Hân ;
Đỗ-Phủ bi thu giá thịnh Đường !
Mê giấc gặp hơn khi tỉnh giấc,
Cuối Tương ngán nỗi kẻ đầu Tương !
Ba thu dặm lại ngày dằng dẵng.
Nặng gánh tương-tư nhớ lẫn thương !

Nặng gánh tương-tư nhớ lẫn thương,
Uyển vò đầu phải cách xa Ương ?
Giàng hồ chực đó nên cơ nghiệp,
Băng tuyết nguyên đây vắng lập trường.
Tiết liệt đình ninh gương Thị Thuần,
Anh phong rặng rú gái Trưng-Vương,
Vút rùa lòng ngóng ngàn xưa hận,
Trường đoạn ghê hồn sử Thục-Dương !

Trường đoạn ghê hồn sử Thục-Dương,
Gin trong như ngọc, sáng như gương.
Nàng thơ khi biệt từng bày lối.
Vân-dịch men phai chữ lạc đường.
Lời vụng ý quê điều thừ nổi,
Tình xa lòng cách, nhện còn vương !
Thấu chăng Hoàng hị « Khanh tâm sự ».
Biết đến chừng bao lứa bến hương.

(Thu Canh Tý)

HOÀNG HOA Nữ Sĩ

Cẩm thành, Thu xā

ĐOÀN - HY - TỔ sao lục

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

NHÀ KIẾN THUỐC QUẾ-THANH

FOTO-OPTIC

TRẦN - QUẾ - THANH

(Opticien diplômé E.S.O. Paris)

125 Đại lộ Nguyễn - Huệ SÀI GÒN

NGÀY XUÂN, NÓI TRUYỆN VỀ:

LOÀI HẦU, NGHỀ NUÔI HẦU và thú thưởng thức hầu

(Tiếp theo trang 18)

nuôi ở chỗ nước sạch, và các cơ quan Y tế kiểm soát chặt chẽ trước khi cho phép bán để bảo vệ sức khỏe cho người tiêu thụ (21).

III. — Công dụng của loài hầu. — Nếu đem phân chất và so sánh hầu với sữa bò, ta sẽ thấy bằng đối chiếu sau đây :

	Nước chất đàn	bạch chất mỡ	chất bột	chất diêm
Hầu	85%	7%	2%	4%
Sữa bò	87	3	4	5

Xem thế đủ biết hầu bò gấp đôi sữa bò. Ngoài những chất nói trên, người ta còn tìm thấy ở loài hầu : chất vôi, chất i-ốt (22) (i-ốt ở đây nhiều gấp 200 lần hơn ở sữa bò), chất noãn hoàng tố (23) và các sinh tố A.C.D. v.v.. Thực là món ăn hoàn toàn, đầy đủ chất bổ, rất thích hợp cho những người thiếu máu, yếu gan, đau ruột, yếu tim, v.v. lao hạch, lao xương, v.v. những người ở biển quá quyết rằng "ăn hầu sáng mắt", cái đó có lẽ đúng vì hầu có sinh tố A rất cần cho nhơn quan. Vì có cả chất i-ốt, chất vôi và sinh tố D, nên người bị lao xương, lao hạch (trắng nhạc) dùng nó rất tốt.

Hầu rất dễ tiêu. Người ta kể lại rằng ngày xưa có một vị thượng khách đến chơi nhà bạn, trong khi chờ đợi "bây bản", ông khách quý "khai vị" sơ sơ 40 tá hầu thực béo, thế rồi, khi nhập tiệc, vẫn ung dung làm tròn phận sự, từ đầu đến cuối, chẳng bỏ qua món nào !

Hầu là một món hải vị rất quý, đã từng được vua chúa sùng ái. (Ngày xưa, vua Lê rông (24) của La mã (25), một tay sành ăn có tiếng lúc nào cũng có sẵn những bể nuôi hầu để hàng ngày thưởng thức hương vị tuyệt vời của món ăn để vương ấy). Tiếc thay người Việt mình chưa mấy ai biết dùng. Vì thế nghề nuôi hầu ở nước ta không được đề ý và khuyến khích. Hồi trước, một vài người Pháp, thấy địa điểm Ba ngoi (26), gần Cam ranh, có điều kiện thuận tiện nên đã tổ chức sở nuôi hầu. Nhưng vì sự tiêu thụ ở đây ít quá (chỉ có một số người Pháp và ngoại kiều biết dùng) nên nghề đó không phát triển được. Thực đáng tiếc ! Mong sao một ngày gần đây chúng ta cũng ham chuộng món hầu như món sữa bò, để nghề nuôi hầu có thể phát triển mạnh mẽ như ở các nước Âu-Tây, đó cũng là một nguồn lợi lớn cho quốc gia và một phương tiện hiện hữu để giải quyết vấn đề thiếu thực phẩm về chất đạm cho người Việt chúng ta.

N. V. C.

(21) Ta nên chú ý: có nhà hàng không hiểu đem ngâm xuống nước biển gần bờ (chỗ người ta có thể phóng uế hay đổ rác rưởi) để cho hầu khỏi chết vì bán chậm. Như vậy thì hầu có mò được hay nuôi ở chỗ nước sạch cũng vô ích, bởi do vẫn có thể truyền cho người dùng những bệnh nguy hiểm như thương hàn, kiết lỵ v.v.

(22) I-ốt (iode) : đơn chất, có nhiều trong các hải sản, rất cần để trị bệnh lao hạch lao xương.

(23) Noãn hoàng tố (lecithine) : hợp chất có ở trong lòng đỏ trứng, rất bổ cho thần kinh bộ.

(24) Néron (Néron) : một vị hoàng đế La Mã, ở thế kỷ thứ nhất.

(25) La Mã (Rome) : Kinh đô nước Ý, ngày xưa là thủ phủ một đế quốc hùng mạnh.

(26) Ba ngoi : nơi ba con sông nhỏ đổ ra biển, gần Cam ranh ở Việt Nam, dọc theo bờ biển, còn nhiều địa điểm thuận lợi cho việc nuôi hầu.

SƠN DẦU HOÀNG - TỬ

Một loại sơn bền chịu nắng
mưa, mau khô rỏ tiền do :

CÔNG - TY SƠN DẦU BẠCH - TUYẾT CHẾ TẠO

DUY-LÝ LÀ VÔ-NHÂN

Khoa-học không duy-vật, chỉ người duy-vật thôi

(Tiếp theo trang 16)

tại lĩnh vực tương đối hay lĩnh vực siêu hình. Khi nó còn trong lĩnh vực tầm thường thì những giác quan với các phương pháp vật chất sẽ là những phương tiện thích hợp nhất. Đến khi khoa học tiến vào cõi siêu hình, đầu muốn đầu không, đầu tin hay không tin, các phương tiện cũng phải siêu hình mới thích hợp. Và trong hai trường hợp, luôn luôn cũng vẫn còn là quan sát với thực nghiệm. Mà thực nghiệm không có nghĩa là duy vật, là chỉ sự quan sát trong phòng thí nghiệm với bao nhiêu dụng cụ máy móc kia. Người ta còn có thể thực nghiệm được bằng các huyền học bằng trực giác những hiện tượng tâm hồn, những hiện tượng siêu hình trong vũ trụ, trên những cảnh giới mà khoa học còn dui mù. Cũng như toán học không tiến nổi đến siêu hình, nhưng luôn luôn siêu-hình-học giả có thể ý niệm được các tuyệt đích của toán học để nhận thức trình độ tiến triển của nó đã đến đâu.

Sở dĩ khoa học phải mang tiếng duy vật là vì thái độ dị thường của các nhà bác học như Tyndall, cố tâm làm cho người ta tưởng khoa học phải là duy vật. Nhưng, còn bao nhiêu nhà thông thái khác xứng với danh nghĩa của mình như Butlerop, Lange, du Bois Raymond, Kanada (Ấn Độ), Leucippe và Démocrite (Hy Lạp), Stallo và Crookes thì lại có một thái độ rất đúng đắn. Nhờ họ ta thấy rằng khoa học có một con đường tiến lên vô cực; nó không có một khuynh hướng nào, và không phải làm nô lệ cho một lĩnh vực nào.

Tyndall nói: "nhà bác học sẽ cự tuyệt tất cả những gì không được chứng minh — tự nhiên dưới cặp mắt thật của ông — (le savant repousse tout ce qui ne lui est pas prouvé)". Nghe ông nói người ta tưởng chừng như nhà bác học là Đức Thượng đế ngồi để phán xét cuối cùng theo những định luật bất di bất dịch. Sự thật, khoa học ngày nay chỉ mới có vài trăm tuổi thôi, đối với những khoa học khác của các nền văn minh xưa kia được thịnh hành trong thời kỳ mấy ngàn năm, và riêng khoa học gần xưa (sciences mystérieuses millénaires) đã già trong vạn tải rồi thì có thấm vào đâu. Hơn nữa, khoa học bây giờ chỉ vờ biết đủ để giết hại người thật nhiều, tập cho người biết mê man với sự huy hoàng của vật chất, làm cho người tưởng sống là phải cạnh tranh, ngoài ra không giải đáp được gì về bài toán đố về con người để biết cái chân giá trị của đời sống làm người.

Bây giờ ta phải trở lại xem các luận thuyết của khoa học để biết thái độ chân chánh của nhà bác học phải ra sao?

Đứng về phương diện duy vật, căn nguyên của vạn hữu đều được quy về vật chất. Vũ trụ toàn thể được cấu thành do hai nguyên tố là nguyên tử với khoảng trống (vide).

Ta không cần thiết có thuyết duy vật bằng câu hỏi: hư không, khoảng trống là gì? Ta chỉ hỏi nguyên tử là gì?

Trong những bức thư về khoa học (scientific letters) của giáo sư Butlerop có viết rằng:

"Nguyên tử là một phần có định giới của bản chất, là một phần cực vi bất khả phân chia của vật chất. Nhận có thể phân chia nguyên tử được có nghĩa là chấp thuận có thể phân chia bản chất được đến vô cùng, nghĩa là có thể đưa bản chất đến hư vô, đến không, không..."

Chỉ với dụng ý tự bảo tồn, thuyết duy vật không nhận là phân chia vật chất được đến vô cùng. Bảo chia được mãi mãi tức là thuyết ấy tự lên án từ hình.

Nơi đây Buchner, nhân vật vĩ đại và cực đoan duy vật, tiếp lời và thú nhận: "bảo phân chia được đến vô cùng là phi lý và cũng như đâm ra hoài nghi cả sự hiện tồn của vật chất". Mà cái gì không thể phân chia được nữa tức không còn là vật chất nữa. Như vậy ta thấy còn gì mâu thuẫn bằng! Phương pháp sử dụng nguyên tử năng và những bước tiến của nó sau này sẽ nói ngược lại với Buchner, với thuyết duy vật, và cũng âm thầm giết nó lần nữa nếu cái lòng sẵn duy vật của con người không tiếp tế sinh lực cho nó.

Chưa hết! Trong quyển "Những quan niệm về vật lý học tối tân" của Fresnel ta thấy: "Một nhóm nguyên tử bất biến không thể là một kết hợp của những thể chất pha lẫn nhau, bất đồng và bất khả xâm phạm trong nỗi chuyển kim (creuset), trong bầu pha lê thí nghiệm (corusc) khi nó có thành

phần trong một từ thạch hay trong một chiếc điện tri Clamond. Dĩ thái (Ether) vũ trụ không thể mềm hay di động để chịu ý các nhà bác học và dè dặt đang để làm hải lòng các nhà vật lý, nó không thể bất đoạn (continuu) dưới mệnh lệnh của Sir William Thomson và gián đoạn theo sự yêu cầu của Cauchy hay Fresnel". Nguyên tử là vật siêu hình như của tạo hóa.

Theo như trên ta thấy, khoa học một khi đã tiến đến cái mức chói của giác quan thì tự nó phải ngưng lại đó chờ có dịp tiến sang lĩnh vực trên. Chỉ những nhà học giả, các bác học gia, hoặc ngoan cố kiêu đặc, hoặc khiếm tốn và sáng suốt, tuyên bố thuận đã để có lợi cho hậu tiến hay đại ngôn bướng bỉnh làm cho thế nhân tin cần tưởng quấy.

Để chứng minh rõ hơn, tôi xin giới thiệu ông M.S. Laing và quyển sách trừu tượng được xem như gương mẫu khoa học của ông nhan đề "Khoa học hiện đại và tư tưởng hiện đại". Trong sách ấy, theo báo "Times", ông M.S. Laing đã ca tụng một cách hùng hồn những phát minh vĩ đại của khoa học, và cũng trong đó ta đọc thấy những câu văn đáp như sau:

HỎI: Vũ trụ vật chất cấu thành bằng những gì?

TRẢ LỜI: bằng dĩ-thái (ether), vật chất (matière) và năng lực (énergie).

HỎI: Dĩ thái là gì?

TRẢ LỜI: Thật ra khoa học chưa có chứng cứ gì về chất dĩ thái, nhưng khoa học phải mượn nó (của Huyền môn) để có thể lý giải các hiện tượng về yếng sáng và sức nóng (ch. III về vật chất).

Đến ông Huxley. Khi hỏi ông vật chất là gì? Ông có biết vấn đề ấy rõ ràng hơn không? Về chất dĩ thái được đức thuyết kia, ông có ý kiến gì khác không?

TRẢ LỜI: Thật ra chưa bao giờ những sự tâm hóa học đã cho ta những kết quả trực tiếp giải rõ thành phần kết cấu của vật chất sống động và... sự thật chúng ta cũng chưa bao giờ được biết rõ sự cấu hợp của bất cứ một hoá chất nào. (Trong bài diễn văn về nguyên hình chất của Huxley).

HỎI: Về năng lực, chẳng hay ông có thể định nghĩa nó theo đề tam phần thân của Thượng đế (3ème personne de la Trinité) của vũ trụ hữu hình của ta không?

Trả lời: Ta có thể tìm câu trả lời trong bất cứ tác phẩm nào về vật lý học. Năng lực là vật mà ta chỉ có thể biết những hiệu năng của nó thôi.

Về nguyên nhân hai năng lực tương đối là phần tử dẫn lực (attraction moléculaire) thì ông trả lời gọn: "Không biết chúng là gì". Ông bảo: "Võn là một cái bóng trống rỗng trong sự tương tượng của tôi" (trong quyển "Những căn bản vật lý của đời sống" của Huxley).

Tôi có thể kể ra rất nhiều trường hợp khác nữa để chứng minh rằng khoa học đã tiến tới ngưỡng cửa siêu hình rồi bị khựng lại đó. Từ bên ngoài trông vào, với cặp mắt đầy trần ai bụi bặm, nhà bác học chỉ thấy cái gì âm u huyền ảo, xem lâu thấy lạnh trong người.

Đức Cha Félix đã bảo khoa học sẽ không thoát khỏi huyền học vì là định mạng của nó.

Phần tôi xin nói: Hóa học sẽ tương hội với huyền học trước tiên, và có thể một ngày kia biểu giá trị đời sống con người sẽ hoàn toàn đổi mới. Khi người ta chưa biết chắc có Thiên đàng hay Địa ngục thì người ta bám vào vật chất. Khi hóa học đã giải được nguyên nhân của nguyên tử, của vận động (mouvement) và như là của dĩ thái thì người ta sẽ biết được rằng mình có linh hồn, nhiên hậu hiểu được rằng thiên lương của con người không phải chỉ là một nguyên lý, một lý tánh, một cái gì chỉ là lý thôi, mà là một nguồn sống linh động, thiêng liêng và vĩnh cửu.

Vật lý hiện đại đã mượn lý thuyết nguyên tử của Huyền môn, nhưng còn sót một điểm quan hệ mà các nhà hiền triết xưa như Anaxagore, Epicure, Lucrèce cho đến Galilée đều biết, nên chỉ, thuyết ấy hiện thời chỉ là cái vỏ không hồn. Giáo lý bí truyền biết nguyên tử là một đơn tử có sự sống động chứ không như khoa học cho nguyên tử là một phần không thể phân chia được nữa của vật chất mớ mớ.

Ngoài ra, quan niệm về dĩ thái (ether) cũng mượn của cổ học. Chữ Ether do AEther mà ra. Cái lạ nhất là chữ Akasha, một danh từ rất huyền môn, có nghĩa như AEther (Ether), cũng được khoa học mượn để bớt đi chữ a sau cùng, phần còn lại là Akash và được khoa học nêu ra làm một trong mười điều vĩ đại nhất mà khoa học chưa giải quyết dứt khoát được.

Như thế ta thấy rằng khoa học mỗi lúc vẫn cải hóa tự thân để tiến lên, tiến mãi cho đến cái mức phải tạm ngưng để chờ đợi. Mỗi khi ta thấy nói đến trừu tượng toán học (abstraction mathématique) là ta biết ngay khoa học đang đầu với huyền học. Ta có thể nói khoa học, đối với huyền học, còn như một thiếu nữ muốn lấy chồng nhưng chưa chịu về nhà chồng vì lòng tự ái.

Khi khoa học tiến đến các vấn đề như Ether, hay AEther hay Akash... Thì chỉ còn một cái ngã mình tới trước nữa là đã thuộc về siêu hình là nơi người ta có thể biết được ý thức là gì; thần lực, giác hồn, linh hồn là gì... Nghĩa là khoa học sẽ tiến từ phạm vi nhân loại sang phạm vi siêu nhân loại.

Chỉ có phái duy vật mới bảo: "linh hồn là một sự kết hợp của bao nhiêu chấn động (vibrations) của vật chất hữu hình mà ra". Hơn nữa, phái này bảo: "mỗi linh hồn là một tạo vật mới sanh khi hài nhi chào đời, mang theo bao nhiêu khuynh hướng tốt hay xấu, khôn hay ngu, do một quyền lực sáng tạo chuyên chế và bất thường". Với luận điệu duy vật đáng ghê tởm này ta không còn thấy gì tối tăm hơn nữa.

Nhà đại thông thái Sir Humphrey Devy về vật lý đã phải nổi cơn phẫn nộ khi nghe một nhà bác học khác về sinh lý của phái duy vật giảng giải về sự tuần tự phân tiết của vật chất (sécrétion graduelle de la matière). Với thuyết này, lý trí (trí khôn) cũng do sự kích thích cảm ứng (irritabilité) mà ra.

Như thế ta thấy rõ rằng giáo dục nên chọn con đường duy vật, duy lý hay phải đứng về phe đạo đức, lấy thiên lương con người làm gốc, trở về với nguyên tắc khai nguyên là cho con người có linh hồn, nhưng được miễn có thái độ dứt khoát về quan điểm linh hồn thuộc phái đa thần hay phái độc thần, vì mỗi khi nói độc thần hay đa thần, cùng một lúc, giáo dục phải bị hạn chế ít nhiều do đoán đoán của ngoại đồ tôn giáo.

Hiện thời nhân loại đang phân vân giữa những vấn đề song quan như hai quan niệm tiến hóa, hai trạng thái văn minh, khoa học duy vật hay người duy vật? Phái duy vật đúng hay phái duy tâm đúng? Giáo dục nên duy lý theo duy vật hay giáo dục phải là trí đức song quan?

Cái điều mà ta cần biết rõ hiện thời là giáo dục, tuy không lý khai dứt khoát với đạo đức, nhưng thiên về duy vật rất nhiều vì giáo dục đặt trọng tâm công tác của mình ở chỗ lo đào tạo thật nhanh và thật nhiều chuyên viên về các ngành kỹ thuật duy vật. Đành rằng thực tế bắt buộc thế, nhưng hạnh phúc và hòa bình buộc con người phải ý thức rõ ràng rằng con người có linh hồn vì sự thật là như vậy, và luật quả báo (destin, nécessité, causalité) hằng cửu luôn luôn đo lường cái mất thăng bằng do tự do ý chí (libre arbitre) của con người tạo ra để từ từ đưa đến cứu cánh là hoàn thiện của Thiên ý (Providence).

Từ xưa đến nay, khi nói giáo dục tức ngụ ý nói đạo đức, nói linh hồn, nói vị tha, nói bác ái, vì đạo đức đặt đề ra giáo dục chuyên lo uốn nắn lòng người cho hợp với luật điều hòa trong vạn vật, vì rằng nơi nào có bất hòa, có vô trật tự, có chiến đấu hỗn loạn tức có đau khổ đầy dẫy.

Đời này giáo dục cũng đề cập đến đạo đức, nhưng một cách gượng gạo để lấy lệ. Khi người ta bảo nhau kẻ kia mất dạy, kẻ nọ vô giáo dục, người ta ngầm bảo rằng kẻ kia thiếu những thói quen mà thành kiến cho là lịch sử được tạo ra do một hạng người trưởng giả nào đó, hay do những thức lệ gò bó của một tập quán thanh kỳ và phiến toại của một địa phương nhứt định. Người có giáo dục bây giờ không có nghĩa là người có đức hạnh. Người đức hạnh phải có một đời sống tinh thần có tiêu chuẩn là lòng bác ái.

Người xưa nói nhân-chính tức nói một chính thể lấy lòng bác ái làm gốc. Một khi nhân phẩm con người được căn cứ vào ý nghĩa chữ nhân của Khổng Tử hay bác ái của Đức Christ thì nhân-chính tự nhiên hiện đến trước mắt mọi người và cái tương đối ác hại do phi nhân nghĩa cũng không còn lấy gì che đậy được nữa.

Khi văn minh duy vật chưa bắt đầu, giáo dục căn cứ trên sự nhận thức có những đối tượng vui và những đối tượng buồn luân luôn xung đột nhau để tranh ảnh hưởng trong

(Xem tiếp trang 46)

ĐẶC TÍNH CHỮ QUỐC NGỮ

(Tiếp theo trang 15)

Phụ âm *S* đọc có công lược thì mượn của cổ Tây Ban Nha. Còn *x*, thì mượn của Bồ-Đào-Nha, đọc không công lược mà nghe có gió. Chữ *x* của latin thì dùng ghi giọng *se*

Phụ âm *V* thì theo chữ latin, vì chữ latin không phân biệt *V* với *u*, nên trong tự-vị Việt. Bồ-La của cổ Alexandre de Rhodes cũng xen lẫn những tiếng viết với *V* và *u* khởi đầu. Để phân biệt âm *V*, khinh thần-âm với âm *u* miền Nam, trong thần-âm, chữ quốc ngữ thời đầu tiên, trong tự-vị cổ Alexandre de Rhodes có ghi bằng phụ-âm *b* thêm "vòng cong" *b*: như *beo*, *bua*. Phụ-âm *Ng* thì cách đọc như chữ "ngain" tiếng Do-thái. Phụ-âm *Nh* thì mượn của Bồ-Đào-Nha.

Còn phụ âm *Ng cuối*, như *song*, *cung* thì giáo sĩ Đắc Lộ mượn dấu tilde (~) của Bồ Đào Nha thay vào: *são*, *cũ*.

Về sau, lối của Pigneau de Behaine và Taberd là lối ta viết thông dụng ngày nay đã bỏ chữ *b* (*by*) miền Nam và dùng "ng cuối" thế cho dấu tilde (~) của Bồ Đào Nha.

"Chữ *R* thì dùng đơn như tiếng Ý đại lợi, mà không bao giờ dùng kép như trong lối tiếng Bồ Đào Nha *R* dùng sau *T*, nhưng phải đọc mềm chứ không đọc giống y như *R*; *Tr*, chẳng qua là một thứ chữ *T*, nhưng khi đọc đầu lưỡi rít lên sát lợi, thì dù chữ *Tru*, người ta hay lẫn *Tr* với *Tl*" (1).

Về thính, theo cổ Alexandre de Rhodes thì bốn

dấu huyền, nặng, ngã, sắc mượn lối chữ của người Hy Lạp, còn dấu hỏi thì mượn cái dấu chấm câu ở cuối câu hỏi trong lối chữ latin.

Giáo sĩ viết: "Tiếng Việt Nam có sáu giọng ăn với giọng đơn của ta lắm..."

"... Giọng thứ nhất là giọng trầm, họ phát ra mà hạ giọng, như người ta xuống giọng thấp trong điệu đơn, và chúng tôi ghi bằng dấu huyền của chữ grec, như tiếng *dò* là "dò bầy".

Giọng thứ nhì cũng như giọng trầm, hoặc gần giống giọng trầm, họ phát ra có hơi rần, như "rút" từ trong ngực ra; và chúng tôi ghi bằng một chấm ở dưới nguyên âm, như lối người Hy Lạp viết ở dưới chữ *iota* của họ vậy, như tiếng *rẻ* là "rẻ cây".

Giọng thứ ba là giọng úy khúc và chìm, mà họ nói có gẫy giọng và hơi rần trong ngực, chúng tôi ghi nó bằng dấu circomplexe của người Hy Lạp, như tiếng *mỉ* là tên của một "họ sang trọng" trong xứ. (Nguyên cái dấu circomplexe trong chữ grec, hình nó lên rồi xuống, gần như dấu *~*) mà mà ở sau đuôi cong hơi lên một chút, nên mượn nó để ghi giọng *ngã* (2).

Giọng thứ tư là giọng bằng, họ nói bằng giọng ngang, không có lên xuống, nên chúng tôi cũng không dùng dấu, như tiếng *fa*, hoặc đúng hơn, *pha*, là "pha trộn", bởi vì tiếng Việt không có âm *f*, là âm không phải hơi; âm *ph* có phải hơi.

Giọng thứ năm cũng giọng úy-khúc mà điệu hơn, họ phát ra như ta cất tiếng hỏi, và chúng tôi cũng ghi bằng dấu chấm câu hỏi của lối chữ latin, như tiếng *sỏ* là "sỏ bộ".

Giọng thứ sáu, cao và gắt, họ phát ra cao gắt, như một người nói mà giọng hơi giận, và chúng tôi ghi với dấu "sắc" của chữ Grec, như tiếng *lú*.

Và như thế sáu giọng ấy (như tôi đã nói) có thể ứng với sáu giọng của nhạc ta: *dò*, *rẻ*, *mỉ*, *pha*, *sỏ*, *lú* (3).

★

Tóm lại, theo sự giải thích dẫn trên, chữ quốc ngữ chỉ mượn trong tự mẫu latin những chữ mà "âm mỗi

tiếng Romance "thích ứng với âm tiếng Việt, như vậy tự mẫu quốc ngữ là tổng hợp những chữ của Bồ Đào Nha, Ý đại Lợi, Pháp, La, Hy..."

Về tiếng Việt, cổ Alexandre de Rhodes trong bài tựa quyển tự-vị Việt-Bồ-La (1651) viết như vậy: "Tiếng Bắc-Kỳ có hết các chữ như tiếng chúng ta chỉ thiếu có chữ *Z*. Thực ra, họ không có chữ *F* của chúng ta mà chỉ có chữ *PH*, hay đúng hơn là như *Phi* Hy Lạp. Tuy vậy, chúng tôi cứ dùng chữ *PH* cho dễ dàng hơn và tiện lợi hơn cần sao tránh được sự hiểu lẫn lộn. Ngoài ra còn phải thêm bốn chữ mới để phát âm mấy tiếng riêng biệt mà tiếng Âu châu không có. Bốn chữ đó là hai chữ nguyên âm *ơ* và *ư* và hai chữ phụ âm *B* (*by*) và *đ*" (4).

LÊ - NGỌC - TRỤ

(1) Xem: "Các chữ và các vần cấu tạo của tiếng" trong quyển tự-vị Việt-Bồ-La của giáo sĩ Đắc Lộ. Giáo-sư Thanh-Lãng. — Biều nhất: làm vào học cận đại.

(2) Lối chú thích của Phan-văn-Hùm, trong bài "Dấu hỏi, dấu ngã". — Phụ nữ tân văn, số 251 ngày 26-7-1934

(3) Phỏng dịch chương "Des tons et des accents de la Langue vulgaire du Royaume d'Annam" trong Histoire du Royaume du Tonkin của Alexandre de Rhodes-Revue Indochinoise, số 89-90, 15 — 30-9-1908, tr. 439.

(4) Phỏng theo tài liệu bài "L'origine des particularités de l'alphabet Vietnamien", của A.G Haudricourt (Đại Việt Nam số 3, Aout 1949) và bản của giáo sư Thanh-Lãng dịch phần "Tiểu lược về tiếng Annam hay tiếng Bắc-Kỳ", trong quyển tự-vị Việt-Bồ-La của giáo sĩ Đắc Lộ (Biều nhất làm vào học cận đại.)



DUY-LÝ LÀ VÔ-NHÂN

(Tiếp theo trang 45)

lòng người. Chính nhờ sự thiết lập liên hệ một cách có ý thức giữa hai sự kiện (những đối tượng vui và buồn) ấy mà lịch trình tiến hóa của con người mới trở nên thiết yếu, và quan niệm về Ngã và Phi Ngã mới được sáng tỏ ra. Vậy thì tiến hóa riêng về phần con người, là một sự kinh nghiệm liên tục của cái Ta có ý thức giữa những bao nhiêu khoái cảm và khổ cảm được cái Ta nhận thức mỗi thì mỗi lúc.

Cảm giác thấy khổ hay sướng hoàn toàn tùy thuộc ở thái độ của cái Ta nhận thức. Dạy cho cái Ta có một thái độ cao thượng, tự chủ mình triết biết tránh tự đồng hóa với tất cả: cả mạnh mẽ biến chuyển đau khổ bên ngoài là thiêu tước của giáo dục trí đức song quan.

Ta nên tự kiểm điểm lại để sửa đổi cho kịp thì. Ta chớ trách thành thiếu niên mất dạy; ta nên bắt đầu đặt lại vấn đề để biết đoàn trường niên có sứ mạng cấn cần giáo dục đã được giáo dục theo thức lệ nào? Các trả lời trong lương thức sẽ cho ta biết ta đang ở vào tình trạng nào.

Saigon, ngày 14 tháng 12 năm 1960

NHÀ MAY

PHẠM-HIỆU

CUNG CHIÚC TÂN XUÂN

Số 175C Lê-văn-Duyệt Saigon

Xuân 61

TERGAL DE LUX thượng phẩm dề may

Âu phục

Đủ các loại Daron mới nhất.

Đủ các loại Popeline quốc tế.

Học sinh trừ 10%

Chủ nhân kính mời

PHẠM-HIỆU



NHÀ UỐN TÓC

MỸ - LẠC - CUNG

— 261 B HAI BÀ TRƯNG — SAIGON —

Xin trân trọng cảm tạ tất cả Quý Bà Quý Cô đã tới uốn tóc và làm đầu tại hiệu chúng tôi.

Nhân dịp Đầu Xuân chúng tôi toàn thể chủ và thợ gửi lời Kính chúc Quý Bà và Quý Cô một năm đầy Hạnh Phúc và vui tươi.

Nhân dịp này tôi xin Quý Bà và Quý Cô cũng lưu ý cho chúng tôi mấy lời dưới đây: Tôi tên là YEN-OU-TSOI Chủ phòng uốn tóc lấy hiệu "Mỹ Lạc Cung" luôn luôn vẫn ở chỗ cũ, và chỉ có một phòng uốn tóc Mỹ Lạc Cung tại địa chỉ trên đây mà thôi, chớ không có mở chi nhánh nơi nào khác cả.

Và chúng tôi đang nhờ Trạng Sư Truy Tổ trước pháp đình kẻ đã ngoan cố lạm dụng bốn hiệu Mỹ Lạc Cung.

Kính chúc — MỸ LẠC CUNG — Nhà uốn tóc danh tiếng SAIGON

LIÊN QUAN

(Tiếp theo trang 13)

— Cái đêm đó, sau cái vẫy tay "chê bai" của ông, em đã bị một nguyên nhân, một hất hủi của "nhà" em và sau cùng là một sự trả thù. Lúc đó em mới biết em là một mối chạnh đã hết nước. Khốn nạn, thật khốn nạn và bi đỗi khi lại gặp ông nữa. Em sống trong cái thối rữa của cuộc đời và muốn chết luôn trong cái thối rữa ấy. Có lẽ là định luật mà em thì không thể vượt qua được định luật. Giá dụ em đừng gặp ông hôm nay thì có lẽ câu chuyện sẽ chìm vào dĩ vãng. Là thật, đúng là định mệnh dẫn dắt, quền đi mà không được. Cái đau khổ nhất lại khơi lên ở đêm tàn năm này. Có bao nhiêu chuyện đi, bấy nhiêu kỷ niệm, nhưng những xô dịch những chuyện động đã xóa dần được những kỷ niệm ấy, nếu không gặp lại. Có phải không ông?

Dương bùi ngùi, đôi bờ mắt thiếu phụ long lanh một hình ảnh hồi hận. Dương đã hiểu tâm trạng người đàn bà ấy dù họ có ý nghĩ sai lầm về thái độ của Dương đêm nào. Thì ra mỗi hành động là một tác dụng của rung cảm, mà Dương nào có biết. Dương chỉ nhìn sự việc với con mắt bằng quang ích kỷ và đôi khi vô vị nữa. Một cái khoát tay tự nhiên của Dương có thể gây đau khổ cho một người. Dương thấy tay đã hạ xuống. Nó chỉ là một hành động rồi thôi, nó không nói gì cả, không muốn diễn tả gì cả. Nhưng người ta đã hiểu nó lệch lạc. Dương không khoan với sự dẫn giải của thiếu phụ. Dương không thể ngờ được sau cái khoát tay, cuộc sống của thiếu phụ lại bị đe dọa đến cực điểm, đến bất mãn và chán chường. Một hành động vụn vặt ấy lại liên quan cả đến kiếp sống của một người, không, của nhiều người. Nếu vậy con người Dương phải bao gồm nhiều mối liên quan. Dương không tin thế đã từ bao tháng năm trôi miên rồi.

Thiếu phụ nói trong hơi thở:

— Thật vậy ông ơ, "nhà" em đã hất vào mặt em những lời vô cùng tàn nhẫn. Em biết lắm, khi mà nhan sắc đã tàn phai...

Thiếu phụ dừng lại. Dương móc túi lấy thuốc hút để tránh cái nhìn sắc sảo. Ánh lửa sáng lên làm đỏ thêm đôi mắt thiếu phụ. Dương hút từng hơi giải phà khói lên trần nhà, khói cuộn cuộn rồi tan đi. Thiếu phụ thở dài:

— Nếu đời em là hơi khói, được tan vào hư không thì!

Dương muốn tìm lời an ủi, nhưng nói gì khuyên gì khi chính Dương cũng còn chờ đợi một, giải đáp, một thử thách, một tìm tòi. Thiếu phụ tiếp tục. Từng câu, từng câu đều là một tiếng than khổ nhục. Dương nghe như chính Dương là thủ phạm đang chịu lời tuyên án. Một hành động mập mờ có một tác dụng nguy hại cho người nhận định vô cùng. Nếu, đêm ấy, Dương nói thẳng sự thay đổi đột ngột của Dương thì chắc câu chuyện đã đổi chiều. Người "chồng" đã không tưởng vợ đến ngày lại tàn nhan sắc và, người "vợ" cũng không tin rằng mình chỉ còn là cánh hoa tàn đã làm rầu lòng khách.

Khi Dương đi rồi, người chồng ấy — chính là kẻ đặt mối cho Dương — đã hết lời sỉ vả và thiếu phụ, tàn nhẫn đến cùng độ. Dương không tưởng có sự liên quan nào ghê gớm như vậy, đã buộc ép thiếu phụ phải hạ mình làm một sự trao đổi nuôi "chồng". Rồi chuyện vợ chủ dẫn vật thiếu phụ chỉ vì cách cửa buồng mở ra mà không khép lại. Rồi việc rình tập hợp của một nhân viên báo tặc và kết cục là một trận hành hạ vũ phu... Tất cả những liên quan ấy bắt nguồn ở Dương, ở cái khoát tay ắp mở của Dương. Thập tội lỗi, Dương chối bỏ tội lỗi ấy.

Khói thuốc liên tiếp bay làm loáng hân ánh sáng vàng bạch của căn phòng. Dương thấy như tự nhốt mình trong cái bồn khoản ngột ngạt này để chia sự rầy rà của lý trí. Dương muốn thoát ra khỏi sự ràng buộc của thiếu phụ qua câu chuyện vừa kể.

Thiếu phụ ngừng nhìn Dương để chờ đợi, mời mọc chán chường:

— Khuya rồi ông nhỉ.

Tiếng nói cộc lốc ấy lớn như một tiếng chuông đánh hồi, rung mãi lên trong óc Dương, khuấy động các giây thần kinh và thúc đẩy các tế bào. Dương muốn vùng giãy, nhưng tay chân Dương đã tê liệt cả. Dương muốn nói, nhưng hàm Dương không cử

động. Dương nhìn thiếu phụ, nàng cũng cũng sởn nhớn lại, đôi mắt như chứa chan lời van xin: *Đừng khoát tay như hôm nào nữa, khổ cực lắm rồi...*

Trong hoang mang gian đông, Dương thấy thiếu phụ lớn dần, tiến về phía Dương, hai tay mở rộng muốn siết chặt lấy Dương. Dương hốt hoảng, mang toàn lực để có một cử động chống đối, và Dương đã cử động được. Nhưng thiếu phụ vẫn ngoan ngoãn ngồi nẹp phía đầu giường như lúc mới gặp Dương, về mặt ảo não.

Dương bàng hoàng như vừa thoát một cơn mê kinh khủng. Dương bắt giầy và, với một giáng điệu ăn năn, cúi vào tay thiếu phụ 2 trăm bạc.

— Tôi về...

— Ông về... không...

— Cảm ơn, thôi thế đủ rồi...

Dương bước vội ra khỏi cửa như chạy chốn.

Cái cầu gỗ rung rinh dưới sức nặng vội vã của Dương thành tiếng động át tiếng gọi của thiếu phụ. Trong cái đen tối nặng nề, Dương cảm thấy thoải mái.

— Cậu về, em đưa cậu về.

Dương giật mình, tiếng nói không biết vang từ góc nào lại. Dương không đáp, vẫn lùi lùi đi. Bóng đêm nặng trên hai gầy nhà gỗ, ôm lấy lối đi. Dương lần từng bước để khỏi sa chân vào các khoảng không gây vẩn.

— Cậu về, em đưa cậu về.

Cả cặp xe hiện lên trước mắt Dương với ánh lửa của que diêm để soi đường. Hàm răng gặm nhẹ ra tỏ ra vẻ thông cảm. Dương cực như đến món nợ dẫn đường của gã. Sau khi trả tiền, gã đáp xe quay trở lại, quàng dương lại chìm trong bóng tối.



Dương cảm thấy gờ được một tội lỗi và đến bù được một tội lỗi khác. Dương không còn là một kẻ cô độc, thiếu mọi sự liên quan đến cuộc sống nữa. Từ một bước đi, từ một hành động nhỏ nhen trong dấu điểm, từ một cử chỉ trong sa đọa đều có sự liên quan trăm bề.

Trong giờ này chắc người "chồng" thiếu phụ sẽ thỏa mãn, mục chủ cũng hài lòng và thiếu phụ nọ cũng tự tin, đầu trong tội lỗi.

Tất cả những liên quan đều mật thiết như nhau tùy theo giá trị của sự liên quan mà Dương đã không nhận thấy vì cái hẹp hòi vị kỷ của Dương.

— Chối bỏ mọi liên quan là chối bỏ mọi lẽ sống.

Lý luận của thiếu phụ là lý luận của mọi người dù nhỏ bé nhất, dù thấp kém nhất cũng không dám phủ nhận.

Dương đã tiếp chân trong lòng phố thành thang, từ cái ngõ hẹp vươn ra đường rộng. Đi từ chiều chật cứng tới cái rộng mênh mang là làm một sự tiếp nhận. Dương đã tiếp nhận một sự thật, nhìn bóng mình dưới chân mà không còn ý nghĩ đuổi bóng nữa. Từ nhà, từ nhà đã có ánh đèn xua đuổi một giờ cuối tàn năm. Dương cũng vội vã trong cái vội vã của mọi nhà, nhưng thật ra thì Dương đã vội vã trong cái vội vã của bộ óc không còn hẹp hòi, không cạn nữa, để hòa mình trong cuộc sống đang lên của dòng loại.

VĂN HUYỀN

PHÁT HÀNH

KHẮP NƠI

Biểu Nhất Lãm Văn Học Cận Đại

Biên khảo của THANH LĂNG — 40đ

Mưa Đêm Cuối Năm

Truyện ngắn thời đại của VÕ PHIẾN — 22đ

Quan Điểm về Máy Văn đề Văn Hóa

Tiểu luận của PHẠM VIỆT TUYỀN — 30đ

Hoàng Lê Nhất Thống Chí

Nguyên tác của Ngô thời Chí,
bản dịch của NGÔ TẤT TỐ — 55đ

Đi Mơ

Truyện đời của ĐỖ THỨC VINH — 40đ

Trước Vành Móng Ngựa

Phóng sự của HOÀNG ĐẠO — 40đ

Liêu Trai Chí Dị

Nguyên tác của Bồ tông Linh
bản dịch của NGUYỄN HOẠT — 40đ

Lưu Lý Chức Nghiệp

Biên khảo của cụ NGUYỄN GIA TƯỜNG — 20đ

Dòng Sông Định Mệnh

Truyện dài của ĐOÀN QUỐC SỸ — 22đ

Người Xưa

của TRẦN ĐÌNH KHẢI,
giải thưởng Văn chương 1957 — 40đ

Mười Điều Tâm Niệm

Tiểu luận của HOÀNG ĐẠO — 12đ

Kim Tiền

Kịch của VI HUYỀN ĐẮC,
giải thưởng Tự Lực Văn Đoàn — 20đ

Anh Hoa

Tập thơ đầu tay của PHẠM MẠNH VIỆN,
giải thưởng thi ca - N. 57 — 20đ

Giải Nhân và Chân Lý

Tiểu thuyết của LA VĂN THU,
tựa của Phan Bá Kỳ — 40đ

Từ Tinh Vân đến Con Người

Biên khảo về khoa học của NGUYỄN TUẤN — 40đ

Nhập Đô Thành

Kịch thơ lịch sử của HOÀNG LY — 20đ

Bùn Lầy Nước Động

của HOÀNG ĐẠO, cuốn sách đã bị
lịch sử kị xuất bản lần thứ nhất — 20đ

Nhạc Sĩ Danh Tiếng Hiện Đại

của LÊ HOÀNG LONG, cuốn sách phê bình
âm nhạc đầu tiên tại VN. — 40đ

Phương đình đư Địa chỉ

của NGÔ-MẠNH-NGHINH — 40đ

Ác mộng

truyện đời của NGÔ-XUÂN-PHỤNG — 25đ

Nhật Bản Sử Lược

của Châm Vũ NGUYỄN-VĂN-TẤN — 60đ

Những lỗi thông thường trong

Thuật Viết Văn
của NGUYỄN VĂN HỮU — 40đ

CƠ SỞ BÁO CHÍ VÀ XUẤT BẢN TỰ DO

Giám-Đốc: PHẠM-VIỆT-TUYỀN

VIỆT-KIỀU TẠI PHÁP

(Tiếp theo trang 14)

Sống đời Sinh viên, đã ăn quán cơm đại học mỗi ngày. Cứ chiều cơm công cộng chán ngấy thế nào. Sinh viên Pháp thường có gia đình hay bà con sẵn sàng đến ăn bữa trưa, còn bữa chiều đã có thức ăn theo sở thích tại nhà; hay nếu Sinh viên xa nhà, đã có ngày nghỉ lễ về nhà được chiều dài. Họ tránh được các chán chường những bữa cơm khô khan, hay thức ăn không thay đổi mấy. Còn sinh viên Việt Nam, vì hoàn cảnh, không được lựa chọn. Nhiều lúc quá ngấy chán, họ ăn mất ngon sức khoẻ mất dần, tại hại cho học vấn và tương lai. Đi ăn tiệm lại rất đắt đỏ, dù cơm Tây hay Việt, ít nhất cũng không kém sáu bảy trăm quan — Rồi tháng tháng, ăn tiệm năm hay sáu bữa cũng đủ hao hụt ngân quỹ. Phải kể cả tiền ăn sáng, tiền cà phê trưa uống cho tỉnh táo, hà tiện lắm, tiền ăn không cũng phải mất từ 15 đến 20 nghìn, dù đã có vé sinh viên ăn quán cơm đại học. Nếu tính thêm tiền xe phao, tiền học, tiền giấy bút, sách vở, giặt giũ, báo chí, tiền du hí thể thao, tiền chè thuốc, tiền vật vãnh, tiền thầy thuốc lúc ốm đau, tiền mua thuốc chữa bệnh, tiền sửa đổi giày, mạng cái áo, chắc hẳn 40 ngàn không tiêu được bao nhiêu. 40 ngàn đối với nước nhà ngang lương ông Phấn, nhưng trên đất Pháp đắt đỏ, không thấm là bao. Cho nên đời sinh viên nhiều tư lự. Người sinh viên được trợ cấp còn ít ỏi, huống gì người vừa đi làm vừa học còn khôn dòn biết bao; đã có người nhiều phen vì vật chất thiếu thốn mà lúc thi hỏng lên hồng xuống, sinh cay đắng với đời, hờn rủa hoàn cảnh, bất buộc phải tìm yêu đương nương náu lòng mình.

2) Người Sinh viên trợ trợ về vật chất cũng như về tinh thần.

Người sinh viên thường sống một mình, ngày đến trường hay thư viện học hành, khảo cứu, còn đêm về ngủ thui với bốn bức tường trống. Cái buồn của người tha hương đã gọi bao nhiêu thì cảm, nhưng cũng đem lại bao nhiêu cái nguy tai cho người sinh viên hải ngoại. Cô đơn nên dễ động tình, nên bất cứ giai nhân nào mình gặp trong lúc lẻ loi cũng cho là duyên nợ và gần bó mật mà tuem.

Tinh thần người sinh viên cũng trợ trợ. Sống một mình giữa người xa lạ, họ không ai hỏi han, san sẻ nỗi chia vui cùng vui. Hầu như hoàn cảnh không hiểu họ, họ phải đi tìm bạn tri âm cho khuây khỏa nỗi lòng. Bạn tri âm, đâu bằng người bạn gái, đây rầy rến đường phố, trên ghế đại học đương. Nhiều cô bán hàng có nụ cười tươi thắm, nếu có tư ký có mái tóc vàng ánh sẵn sàng đón tiếp người trai tơ của một giống nòi có tiếng là chung tình.

3) Người Sinh viên không trò tiêu khiển. Trừ thư viện nghiêm khắc, trừ mấy nhà hát bóng ở quận Latini, mấy tiệm nhậu đêm quen thuộc, mấy quán cà phê đông nghịt ngoại quốc, họ không biết tìm tiêu khiển ở đâu và với ai. Đầu cũng phải tiền, sờ đến túi da lép kẹp. Thôi đành tìm bạn gái nào dễ tán chuyện, vừa san sẻ được nỗi lòng, vừa qua được thời khắc.

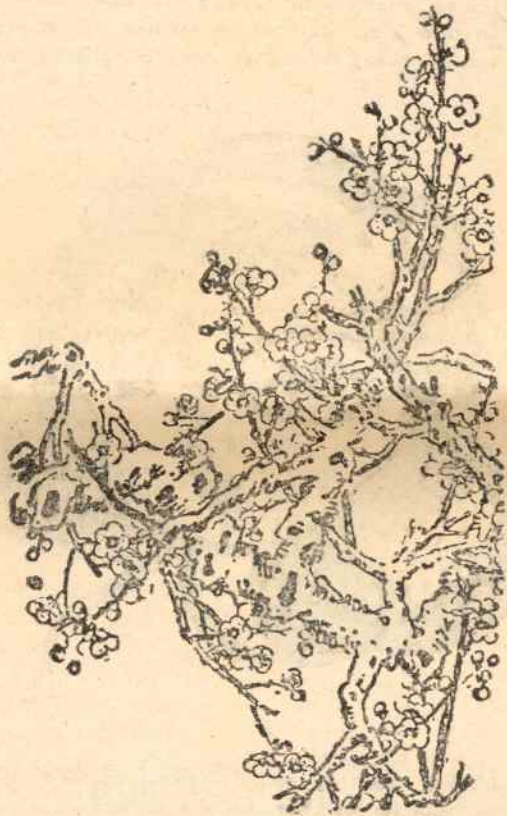
4) Người Sinh viên không người hướng dẫn : Lúc sống tại quốc nội, thanh niên Việt có bố mẹ, họ hàng chỉ đường, về lối. Trên đất Pháp, trừ việc học hành có thầy và bạn, nhưng còn xử thế, lay ai hỏi han, răn bảo. Nhất là về tình dục và tình duyên trên mảnh đất đầy cạm bẫy như đất Pháp, nếu không ai giáo huấn về dục tình (éducation sexuelle) thì có ngày phải lâm vào cảnh chông đại vợ đại bỏ cả học hành và bỏ cả tương lai. Về phương diện kỹ thuật, khi muốn chọn con đường chuyên môn, không ai thấu hiểu nhu cầu quốc gia để hướng mình vào ngành học hữu ích cho hiện tại; làm ngành nhiều người học quá còn các ngành khác tuy cần có trong nước mà không ai tìm học đến.

5) Người Sinh viên không có dung giết để tỏ lòng đoàn kết : Tinh thần đoàn kết kiều bào, trong một năm nay đã khá cao; tuy nhiên vẫn còn nhiều sự lự tam lý. Kiều bào vẫn chưa dám thân nhau, chưa dám tỏ lộ ý tưởng cho nhau. Biết ai là cộng sản hay tư bản; biết ai là Việt gian hay yêu nước. Họ nghi kỵ nhau đến nỗi gặp nhau là quay mặt đi, tránh nhau như tránh hủi. Nói câu gì hay làm việc gì, chỉ sợ tương có mắt vách có tai. Sống ở nước tự do, mà họ vẫn sợ sệt, sợ người này, sợ người kia, sợ người không bố phê bình, sợ

thay cho bố mẹ tại nhà. Đi họp đêm bảy người để nói câu chuyện vui, bằng tiếng mẹ đẻ, để sửa soạn cùng nhau bữa cơm có tính cách Á Đông đủ có người phao tin làm chính trị, sắp muốn cướp chính quyền. Trên đất Pháp, cứ ghét là phao cho người ấy làm chính trị. Người đi bên tả, thì đã bên hữu, và ngược lại; họ chuyên môn thù ghét cho có vẻ khách quan, họ tâu bẩm về quốc nội cho là đặc kể. Mỗi lần có hội sinh viên bị giải tán, kiều bào lại khiếp vía, cố thu tâm trí vào phạm vi rất nhỏ để khỏi mang tiếng lầy. Vì tình trạng khủng bố ấy mà sinh viên lần tránh đồng bào mình và tìm cách thông cảm với người ngoại quốc, nhất là cái bà đầm, vừa duyên dáng vừa vô tư. Vì sao có tình trạng ấy? Vì ta nuôi óc ngờ vực nhau, vì ta quá tôn sùng lý tưởng mà quên con người, vì ta không bố hay xuyên tạc những cuộc hội họp kiểu bào cho họ muốn chống lại mình, vì ta không tạo những chỗ tụ họp công cộng có tính cách trung lập cho kiều bào đến tiêu khiển, đọc sách hay thảo luận tự do.

Nhận xét được tình trạng sinh viên và học sinh, kiếm giải pháp để trau dồi không còn khổ nữa.

1) Về mặt vật chất, nếu không thể tăng phụ cấp cho sinh viên thì xin cho họ ít hiệu vật tại chỗ vừa đỡ tốn vừa tiện việc cho kiều bào gặp gỡ.



a) Nhà cửa hiện nay ở Pháp, không đủ cho số sinh viên tăng học. Cư xá Đông dương và ký túc xá Antony của Chính phủ Pháp dung được hơn 100 người. Còn tư gia như lính mục Reaux, và viện Việt Pháp nhận chừng 100 người nữa. Ngoài ra sinh viên tùy túi tiền, tùy tài bốn tâu mà kiếm chỗ nương thân, có khi không đủ tiện nghi và rất xa trường học. Việt kiều chỉ mong có nhiều ký túc xá quốc gia xây dựng cho đỡ phải lo lắng, khỏi hụi vào thì giờ học hành và ngân quỹ. Mỗi lần ngang qua cư xá Cao miên ở đại học xá Ba-Lê, anh em sinh viên lại rỏ dãi thêm thường. Anh em tự nghĩ, có lẽ vì dân Cao miên ít hơn ta, và nước Cao miên nghèo hơn ta mà sinh viên họ có điều phúc nhiều hơn ta.

b) Quán cơm bình dân Việt nam hiện rất ít và rất nhỏ, chỉ chứa chừng 80 người mỗi lần. Cách hầu bàn còn thô sơ và bề vệ nên mất thì giờ cho người đến ăn. Và lại trong số 80 người mỗi lần, hơn nửa là người ngoại quốc, phần nhiều là Pari châu tò mò muốn nếm mùi cơm Việt ở quán vừa túi tiền mình hơn, thành thử bữa cơm tương đối có vẻ (250 hay 300 quan) nhưng người Sinh viên Việt không thấy lợi thì giờ cho mình lui tới. Sinh viên cầu mong mở rộng quán và tổ chức theo lối tự dịch (Self Service) như các quán cơm đại học Âu có lẽ giản tiện và nhanh chóng hơn.

c) Tiền sách vở học rất đắt đỏ, học luật cần 35 ngàn một năm, trường chính trị 45 ngàn, trường y được và kỹ thuật còn cần nhiều nữa. Nhiều người

không có khả năng để mua đủ số phải vào thư viện làm thuê hàng giờ mà nhiều khi cũng sôi hồng hồng không. Phương tiện học hành đã không có, thì lấy đâu mà đồ đạc. Sinh viên chỉ cần có tủ sách cho mượn ký quỹ hay có điều kiện mua sách được trừ tiền, hay hơn nữa có phòng thư viện đủ sách học thường xuyên để khỏi phải làm thuê trong các thư viện đại học.

Hiện nay, ở Pháp cũng thiếu phòng đọc sách rộng rãi gần khu Latini, có đủ sách báo quốc nội cho đồng bào học hỏi. Còn phòng giải trí thì tuyệt nhiên không có, hình như ai nấy đều sợ Sinh viên quá chơi mà sao nhãng học hành.

Tóm lại mua nhiều ký túc xá hay khách sạn, đặt một quán cơm rộng rãi hơn, đặt một phòng đọc sách và thư viện tạm đây đủ những sách học, tạo một phòng du hí giúp cho sinh viên tìm tiêu khiển lành mạnh, đây là tất cả yếu tố cần cho sinh viên đỡ trợ trợ, cho họ gặp gỡ nhau luôn để tình đoàn kết nảy nở.

2) Về phương diện tinh thần, chốn ăn, ở, tiêu khiển đã giải quyết được phần nào; nhưng cũng cần khuyến khích kiều bào họp mặt, bất cứ ở đâu, đừng cố tâm chỉ phối hay khủng bố. Cuộc thảo luận nào có liên hệ đến nước nhà cũng có tính cách xây dựng và mở trí cho sinh viên giác ngộ tình thế, hiểu trách nhiệm mình lúc nào còn ở hải ngoại. Nếu chỉ muốn hướng họ theo con đường nhất định, ta sẽ gặp thất bại vì số đông sẽ thụ động và cá nhân ngợ vực, rất hại cho tinh thần đoàn kết và lòng cộng tác chặt chẽ. Kiều bào hải ngoại chưa phải là chim lồng cá chậu đã vội đuôi bắt, làm như thế họ sẽ xa hẳn mình và tự bào : ở hải ngoại còn bị đàn áp, huống gì ở quốc nội, còn bị khủng bố đến đâu! Phải để mặc họ lựa chọn; họ đã có đủ trí thức để nhận xét thế nào là chế độ tự do tinh thần và đầy đủ kinh tế, họ cần phải thảo luận để có kinh nghiệm ngộ hầu mai sau hành sự đỡ bối rối.

Về mặt người hướng dẫn, đây là công cuộc của các tổ chức xã hội công và tư gia của người Việt tại hải ngoại. Cần nhất, cha mẹ du học sinh phải giao thiệp luôn với người đỡ đầu tại Pháp, cho họ uy quyền và kiểm soát tiêu tài. Việc trông nom thanh niên hải ngoại có trách nhiệm nặng nề nên người đỡ đầu cần các tổ chức hải ngoại hay quốc nội giúp đỡ, và hơn nữa họ cần có dung giới thích hợp để cho người thanh niên không có dịp sa ngã lúc bất buộc phải có dựa.

Tóm lại muốn tạo dung giới thích hợp cho học sinh và sinh viên cần :

- 1) Nhiều cư xá chứa ít nhất hơn nửa sinh viên,
- 2) Quán cơm rộng rãi, tổ chức theo lối tự dịch cho nhanh chóng,
- 3) Quỹ cho mượn sách hay cách mua rẻ tiền.
- 4) Phòng đọc sách và phòng tiêu khiển gần trường học và có tính cách trung lập,
- 5) Nhiều tổ chức hướng dẫn cho sinh viên,
- 6) Và nhất là tạo tác một bầu không khí thân mật không hậu ý, mặc cho thanh niên gặp gỡ thảo luận.

Quả thế, phương sách giúp và nuôi lòng ái quốc kiều bào hải ngoại không thiếu ít, tốn kém nhưng nhiều công phu. Muốn thực hiện, cần có tin cậy lẫn nhau, cầu thực bụng và phương pháp tổ chức chu đáo khoa học.

Năm nay, năm Tân Sửu, cũng như mọi lần xuân sang, kiều bào tại Pháp, lại hi vọng và — cầu lòng thông cảm giữa đồng bào quốc nội và hải ngoại phá hủy được trở lực ngại ngại,

— cầu biên thủy nước nhà mở rộng cho kiều bào đi lại dễ dàng, vừa để phục vụ tại nước nhà, vừa thuận tiện đường thuận phục phong tục cho vợ con,

— và cầu bầu không khí tinh thần và vật chất tạo cho Việt kiều hải ngoại càng thêm lành mạnh, đầy đủ, để con em vững dạ học hành cho đến kỳ hạn phải trở về với cố hương.

TẾT TÂN SỬU.



ANH ƠI, CHỌN EM ĐI

(Tiếp theo trang 9)

một con vượn đã thành tinh. Bộ vú dẹt dẹt kia chắc hẳn không thể giúp hân kiếm ăn nổi. Nghề của hân phải là đi tòng những người như ả. Cũng như ả, hân đang đợi mỗi hân là đôi bên có thể bắt cặp. Hân vẫn nhìn ả, có lẽ là để đánh giá. ả mỉm cười, ánh đèn chiếu hắt sau lưng ả soi vào mặt hân. Cả với hân, ả cũng không nên để cho hân nhìn rõ mặt quá. Nhưng ả tự biết, giọng nói của ả còn trẻ lắm, rất trẻ. Vì thế, ả không ngần ngại lên tiếng trước:

— Máy giờ rồi anh Hai?

— Mười hai giờ thiếu hai mươi.

Giọng nói rề rề của người ghềnh lâu năm ấy chứng tỏ hân thừa tư cách bắt cặp với ả. Không bỏ lỡ cơ hội, ả lại nói:

— Rước được mỗi nẻo chưa, anh Hai?

— Mỗi nẻo đâu! Nhậu đã rồi ngồi một giấc vừa đây đây. Em Tám ở ngã nào tới mà bữa nay qua mới gặp.

ả cười thầm. Con đường này ả đi đã mòn cả ngàn bạc guốc, bữa nay mới thấy hân mà chưa chi hân đã phách lối. Xung qua để kêu ả bằng em, lại hạ xuống hàng thứ tám, bộ hân muốn lãnh đạo?

ả quyết không chịu vậy:

— Bộ anh Hai muốn rớt sao! Con đường này đường của tôi mà.

Hân cười khề đập ngực bịch bịch:

— Ngó quá ta! Con đường này qua thủ lãnh mấy mươi năm nè. Qua đâu có say, em Tám.

ả cười ròn chế nhạo. Biết không qua mắt được ả, hân nói thẳng chuyện tiền nong:

— Lấy nhiều? Chia nhiều? Nói liền đi em Tám, rớt hoài!

Nhưng ả vẫn chưa chịu:

— Anh ngó thẳng mặt tôi nè, coi tôi phải con Tám nhà anh không? Anh nói điếu đó rước mỗi đầu có nổi mà hỏi nhiều! Kêu tôi là Cô Ba, vậy mới làm giá được với khách chớ.

Hân cười, hai mép căng thẳng để lộ hàm răng khuyết quá nửa:

— Cũng được đi! Vậy Cô Ba lấy nhiều, chia tôi nhiều?

— Năm trăm, anh hai tôi ba. Ngoại quốc thì một ngàn, anh bốn tôi sáu. Hơn bao nhiêu anh lấy. Vậy tôi mới kêu anh là anh Hai mà tôi là Cô Ba. Anh mới vô nghề sao mà chưa hiểu lối đó!

Hân lại cười lấp liếm, đưa một tay xoa đầu:

— Chà! Cô Ba dữ quá ta. Đòi nhiều vậy khó kiếm mỗi quá đi.

— Đầu có nhiều. Tôi lấy vậy là đi suốt sáng. Anh cũng chỉ cần mỗi tôi rước cho tôi một mỗi là hút đã đời.

— Rồi! Lên đi. Cô Ba hay quá ta.

Tiền hai bước dặc thẳng, ả múa vạt áo sau để lên xe, giáng diệp bệt như những bà lớn đi sắm đồ chiều thứ bảy.

— Ngã nào đây?

— Anh trở lại quẹo trái thả theo con đường lớn. Ngã đó nhiều khách ngoại quốc.

Thật ra con đường lớn là đường nhiều ánh sáng nhất mà đã từ lâu lắm ả không dám lái văng. Đêm nay được anh già ghềnh này đi tòng, ả tin rằng vận hên đã trở lại nên ả mới dám thử lại con đường này. Cả đến bọn ngoại quốc cũng vậy, chúng nó đã ngán ả từ lâu. Có lẽ chúng đã bảo nhau nên trông thấy ả không dấn nào nhìn lâu.

Lúc khép cửa ra đi, nào ả có còn nghĩ đến bọn ngoại quốc. Chúng nó chỉ chuộng cái gì mới. Xem kiểu xe hơi của chúng nó thì biết. Đồ xưa chúng nó không chịu, có biết đâu đồ mới chỉ được cái mà bên ngoài. Mà kiếm được tiền của chúng nó cũng không phải chuyện dễ ả từng gặp những đứa đã trao tiền rồi còn đòi lại. Đứa kêu bị lừa, đứa nói không đáng. Lại có đứa sừng xỏ dọ nạt. Nhưng ả nạt lại, ả dọa là làng nước, nó sợ chuyện dọ bẻ nó mắc cỡ, bèn thôi. Lần nào ả cũng thắng. Nhưng đứa lọc lõi bảo nhau tầy chay ả. Không những chỉ tin ở vận hên, ả còn biết một điều khác. Tụi ngoại quốc đòi phen luôn, thẳng này đi dấn kia đến. Đối với thẳng mới còn lạ nước lạ cái, ả có dấn là tiện hơn cả, nó khỏi phải nhọc xác tìm kiếm đâu xa, tốn hơi làm giá. Cứ nhập nhòa như vậy, ả vẫn kiếm chác được.

Sau lưng ả, anh ghềnh đi tòng vừa đạp vừa lò nho nhỏ, giọng rề rề như lon bẻ. ả gõ móng tay xuống thành xe làm nhịp cho hân theo. Suốt một dọc đường dài sáng trưng ánh điện không một bóng người thả bộ. Lâu lâu một xe hơi phóng bay biến như chong chơ vờ đi nhà họ sanh.

Bỗng hân ngừng hò và nói:

— Thấy bóng thẳng nào đâu!

— Xi-nê chưa ra mà.

Hân lại hò. ả không ngờ hân tự xưng là thủ lãnh xóm tây mà để bảo đến thế. Cứ như vậy, ả có thể dùng hân đi tòng mãi được. Có lẽ gặp được hân mới chính là cái hên của ả. Lúc này chứ ả kiếm được một người chịu đi tòng thật là khó, khó hơn cả việc cầu khứa vào cuối kỳ lương. Chỉ có những đứa như thẳng Chín mới ở xứ lên chưa thạo nghề mà đã lo hốt bạc. Nhưng chẳng đứa nào chịu theo ả lâu. Thạo nghề rồi, chúng nó lên nước không coi ả vào đâu, cho ả là một món đồ cũ xuống giá để chúng nó đi tòng người mới. Âm binh nát thầy pháp là thế. Thuần là một tiếng bả nhân!

— Ngã nào đây cô Ba? Quẹo tay trái nghe!

— Phải đó, anh Hai. Ngã đó xi-nê ra đông, nhiều mỗi lắm đó. Mọi đêm giờ này không khi nào tới, về không.

ả lại cười thầm. Dù không gặp mỗi, ả cũng chưa thiệt gì. Hân cũng vậy. Này giờ nào có ai kiếm xe đâu. Hân vẫn lò nho nhỏ. Điều gì khiến hân vui về vậy? Người ghềnh chỉ để tính khi no thuốc. ả gặp hên thì hân sẽ no mãi, hân hãy cứ kiên nhẫn đi tòng cho ả. Một ngã tư rồi hai ngã tư. Những cửa tiệm sang trọng đêm vắng đèn chiếu sáng những tủ hàng lộng lẫy. Rạp xi-nê đầu tiên kia rồi, xe hơi đỗ một dọc dài, xích lô chen vào từng đôi cũng có cả chục. Đi ngang một đồng nghiệp đang nằm ngủ trên nệm phỉ phèo diều thuốc thơm lừng, hân ngừng đạp, hỏi:

— Ra chưa đó anh?

— Cũng sắp.

Gã kia ngóc đầu ngó ả trên trời. ả bỗng có cảm giác cái nhìn quen thuộc của gã làm tan biến cái hên vừa đến của ả. Chiếc xe lại trôi chậm chậm. Có tiếng gọi của gã:

— Biếu này!

Hân ngoảnh cổ lại:

— Kêu tôi hả?

— Lại đây nói chuyện chút chơi.

Hân kéo tay thẳng ghé xe vào lề đường sau một xe hơi rồi nhảy xuống trở lại với bạn đồng nghiệp. ả vẫn ngồi yên, mặt hơi cúi xuống để tránh ánh đèn sỗ sàng trở xuống từ một bảng hiệu. Sau lưng ả gã kia nói bô bô:

— Cầu khứa hả? Thứ đó tôi biết quá mà, cầu chỉ được! Buông đi cho khỏi mất công. Đợi đây chờ có mỗi tụi tôi chia sớt cho.

Hân đáp nhỏ nhỏ ả không nghe ra câu gì. Gã kia lại nói:

— Thật đó! Tụi nó hơn chục đứa, hồi này tụi tôi chờ đến đây nè. Tụi nó bảo tụi tôi ráng đợi đây rước tụi nó đi. Mon này sơ sơ cũng được ba tờ mỗi mạng.

ả hiểu ngay. ả thản nhiên xuống xe, lưng thẳng đi sát vào những mặt kính tủ hàng. Cái hên của ả chỉ có bấy nhiêu. Và ả chợt hiểu ý nghĩa lời nói của ba anh lực lưỡng quần áo rằn ri cưỡi xe máy đầu. Đọc có nghĩa là ả chỉ có thể đi kiếm mỗi lẻ một mình. Tới góc đường ả tạt nhanh bên phải. Một luồng sáng màu phớt hồng nhẹ tỏa từ một tủ kính giữ ả đứng lại. Trong tủ, những tấm hình chụp đủ kiểu đủ cỡ và đủ giống người bày la liệt giới thiệu trình độ nghệ thuật của nhà nhiếp ảnh Phô-tô. ả yêu ánh sáng màu phớt hồng nó tỏ cho ả xuôn sắc trở lại. ả thích ngắm những hình người đẹp mà ả biết chắc mỗi bức hình đó chỉ mượn được một đôi nét trên khuôn mặt kiều diễm của chính ả xưa kia. Duyệt những tấm hình phóng đại từ dưới lên trên, bỗng ả giật mình nhận ra chính ả.

Tấm hình tô màu ngự trị chính giữa tủ kính có ai ngờ được là của ả chụp từ hơn năm trước? Chắc hẳn không ai có thể ngờ, nói ra cũng không ai có thể tin. Bảo rằng chữ ký nguệch ngoạc cùng với lời đề tặng cho nhà nhiếp ảnh đại tài kia là nét bút của ả, người nghe sẽ cho là ả mất trí. Họ chẳng bây giờ ả trúng gió độc tăn quay ra chết, nhân viên lực lượng xem căn cước và lấy dấu mười đầu ngón tay rồi báo chí đăng âm lên, mọi người mới dám tin. ả nhếch mép như muốn chế nhạo tấm ảnh của người đẹp đã được người lớn, trẻ con, đàn ông đàn bà trong khắp nước biết đến ấy. ả khẽ gạt đầu như để xác nhận sự nổi tiếng đến cùng tột ấy.

Một trăm hai mươi bảy bài phóng sự, điều tra cam đoan trăm phần trăm thật về tai nạn của ả, cắt ra của mười tờ báo hàng ngày và bảy tờ hàng tuần chứng tỏ điều đó. Những bài báo ấy, ả đã cắt lại giữ đủ và buộc thành một bó cất kỹ trong đáy rương. Khi nhà nhiếp ảnh Phô-tô được ả cho phép trưng

bày tấm hình kia, hân đã phải quỳ giữa vũ trường đồ cả một chai dầu bông Chanel số 5 cỡ lớn nhất để rửa chân cho ả. Tấm hình ấy chụp lúc ả chưa lấy gì làm nổi tiếng cho lắm. Nói cho đúng hơn, chỉ có người trong một giới biết tiếng ả. Hơn năm năm trước, người ta xưng tụng ả là hoàng hậu, bà hoàng của vũ trường, các sân khấu kịch nhạc, các cuộc thi sắc đẹp. Rồi nhiều đứa ghen tức với ả, cho rằng vì ả mà khuyên gia bại sản, mất chồng, bỏ vợ, lìa con, chúng nó đã thuê côn đồ tước át xít vào mặt, vào bụng ả. Nhan sắc bị tàn phá, những đường quyền rũ tiêu tan, ả hoàn toàn thất thế chẳng còn sai bảo được ai để trở thù lại chúng nó. Những quân hầu hầu đầy tớ của những quân hầu đầy tớ của ả vừa mấy tháng trước đó ném ả từ đường đường sang nhà nuôi kẻ dúi mù cầm điếu của các dì phước. Nhưng ả đâu có chịu. Còn đủ mặt để trông, đủ tai để nghe, đủ miệng lưỡi để nói, đủ các cửa quý, trời con, ả nhất quyết tự mình lập lại cuộc đời. ả từ già tằm hình hài cũ và ả lại rún rẩy cất bước, hành diện không thua năm năm trước lúc ả đặt bàn tay hồ hững trên nắm tay nóng rẫy của kẻ vừa trúng canh bạc lớn nhất để tiến ra vũ trường.

Đến một ngã tư ả lại quẹo sang một con đường mờ tối. Có lẽ nửa đêm qua đã khá lâu mà xi-nê vẫn chưa tan. Tới khoảng giữa hai đầu đường, ả chợt nghe tiếng máy xích lô, xe hơi nổ dọt lên. Gờ của ả đã dẹt. ả rảo bước đi men ra sải lề đường, ả áo dò chơi phấp phới giữa những góc cây. Đường này xe đi một chiều xuôi theo chiều ả đang đi. ả còn đủ thời giờ để tới đầu đường rồi đi ngược trở lại. Nếu ả đi xuôi, người ngồi xe khó nhận ra bóng dáng ả mà phần ả càng không thể phát tín hiệu.

Đèn xe hơi chớp chớp lóe lóe phía sau là lúc ả quay trở lại. ả đi sau những hàng cây, cố ý tránh những luồng sáng gay gắt tỏa khắp mọi bị hủy hoại nửa chừng. Hàng chục xe hơi dù kiểu lướt nhanh qua mặt ả lại có những chiếc chạy chậm chậm với một cái đầu thò ra. Không cần nhìn ả cũng biết đó không phải là những cái đầu tốc uồng. ả đã đứng hẳn lại, đập đỉnh trong chỗ nửa sáng nửa tối. Có lẽ xe hơi đã qua hết, đường trở lại vắng ngắt. Nhưng kia một xe khác vừa quẹo sang. Xe kiểu lớn sơn hai màu đen trắng lò thật chậm. Có lẽ là khứa ngoại quốc. ả nhô ra rồi lại thụt vào. Đèn bật lên thật sáng chiếu rõ toàn thân ả vừa lúc ả nhô ra. ả lùi lại, nép vào một thân cây lớn chờ đợi. Đèn lớn vụt tắt chỉ để lại hai điểm sáng vừa đủ soi tỏ lề đường. Thế là đủ, ả có thể bắt đầu tính toán những món tiêu ngày mai. Trước hết, ả phải mua một lọ kem. Thiếu kem, phần nhồi bao nhiêu cũng không đủ lấp những hang hốc sâu trên mặt ả. Thứ đến là một ống son. Còn thiếu những thứ gì ả có thể đợi đến đêm mai tính nốt.

Nghe tiếng bánh xe lăn lao xạo mà chưa nghe tiếng máy, ả càng chắc chắn là câu được khứa ngoại quốc. Cái đầu xe dài thông dứa ra trước mặt ả, máy thờ khể như tiếng nói thầm. Rồi đến cái cửa xe với một cái đầu tóc hớt ngắn thò ra một nửa cùng với cánh tay trùng trục buông thõng. Dây đồng hồ vàng lóe sáng khi bàn tay vẩy ả tới. Từ bóng tối, ả nhô ra và ghé sát mặt vào cửa xe. ả cố tránh ánh sáng của ngọn đèn đường được phần nào hay phần ấy. Nhưng khứa đã với tay bật ngọn đèn gắn ở mũi xe. ả nhận ra khứa chẳng phải người ngoại quốc. Mặt ả sát vào mặt khứa khiến khứa phải ngửa người vào trong để nhìn ả cho rõ. ả vội vã dùng đến giọng nói hãy còn trong trẻo:

— Em lên nhé!

Khứa vẫn chăm chú nhìn ả. Rồi khứa lắc đầu từ từ và nói giọng đầy thương hại:

— Em già quá, lười quá rồi. Có biết em nào khác, chỉ cho anh chọn, anh cho một trăm đi xe về.

ả vội vàng, chưa từng bao giờ ả vội vàng đến thế:

— Anh chọn em đi, có còn ai nữa đâu, chọn em đi!

Khứa lắc đầu quả quyết:

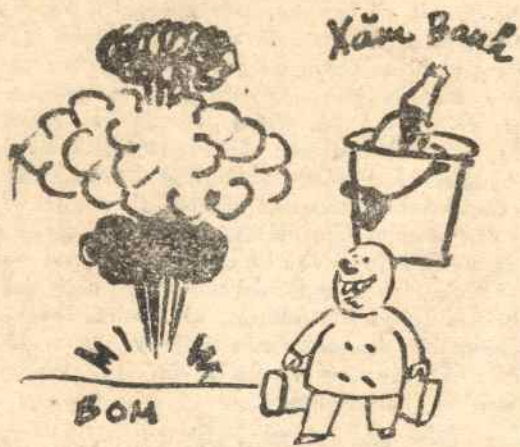
— Không chọn em được. Kiếm nghề khác mà sống. Buông ra!

ả đầy mạnh thành xe cho người bật trở lại. Chiếc xe vọt đi hơi phun từ ống khói thoát ra như tiếng thở dài. Đàng xa một xe khác chớp đèn phóng tới. ả lại nhấp nhò phát tín hiệu. Khứa bảo rằng ả già rồi, lười rồi, ả không chịu. Trăm thẳng đàn ông đi đêm còn cả trăm lẻ một thẳng lấm lét nhìn ả thì ả vẫn chưa phải đòi nghề. ả tin chắc ả sẽ được chọn. Niềm tin của ả bao la như bóng đêm. Kia chiếc xe đã tắt đèn lớn, bốn bánh lăn nhẹ nhẹ. Những đứa khác vắng mặt hết. Trong đêm tối riêng mình ả ngự trị.

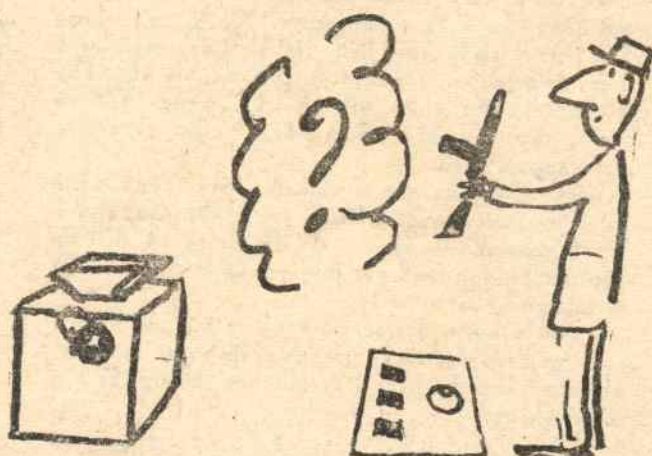
LÝ THẮNG

NĂM CANH TÝ ĐÃ QUA, NGẪM LẠI MỚI THẤY RÕ RÀNG BAO NHIÊU CHUYỆN KẾT CỤC... KIỂU ĐUÔI CHUỘT

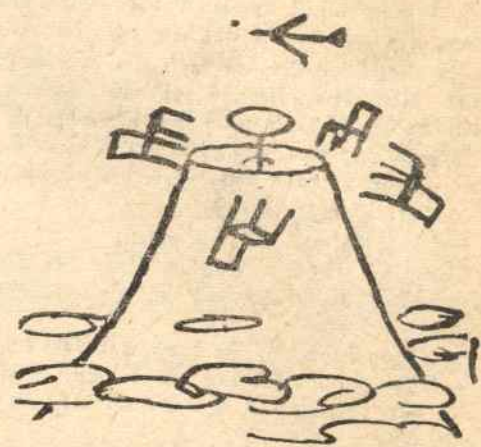
TRANH VÀ LỜI CỦA NGUYỄN-HỮU-PHỐT



... Như Gáp: nào thử bom N. T. nào đón tiếp Kút-Xếp, ngoại giao khéo léo lại cả trung cầu dân ý nữa...



để đưa vụ chiến tranh An-Đê-Ri tới đâu? Lại « một giải-pháp Bảo Đại » cũ rích, chẳng đánh lừa được ai.



Hội - Nghị Tối - Cao, sau tất cả những chiến dịch ngoại giao cảm-tình rầm rộ, chưa hợp đã tan vỡ...



Nga sang phá thối tận Đại-hội LHQ. Tuy nhiên giấc mộng Sông Chung Hoa Bình của thế giới vẫn tại rai vất vưởng.



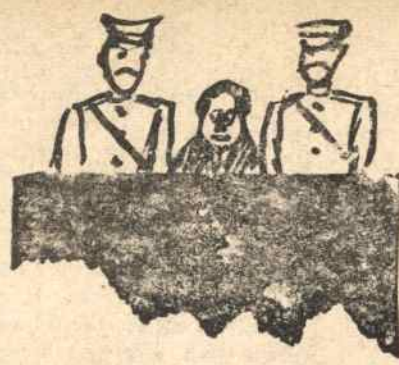
Sau 300 năm làm mại-nô và khai thác Công-Gô trắng trơn tàn bạo, Thực - Dân đột ngột bỏ chạy...



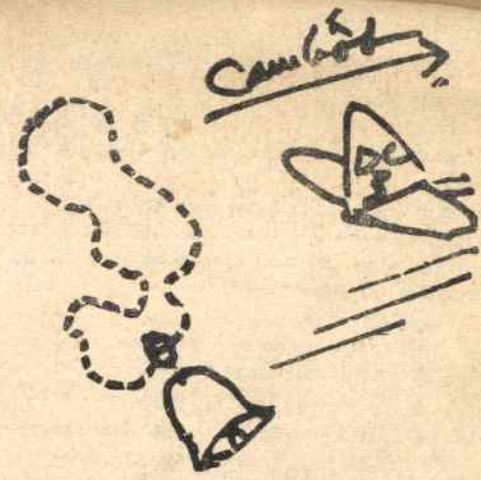
... Tuần trăng mật cũng không được trọn vẹn: đường cuộc phải sắp ngựa dắt nhau về.



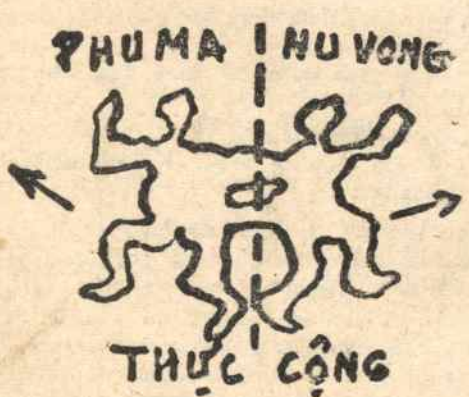
«Cha đẻ của Độc Lập Nam Hàn» 80 năm Cách Mạng, 8 năm chấp chính, kết cục an trì dờn tan trên đảo vắng.



Tổng-thống Menderès nước Thổ kết liễu một thời độc tài tham tàn, trên ghế bị cáo, giữa hai cảnh binh, như một tên trộm cướp thường.



«Hội-Đồng Cách-mạng» ngày 11-11 ở Việt - Nam, Hội - Đồng chuột chính công.



Vụ Lào, một ca diễn-hình về sự chung lưng đồng tác của Thực-Cộng, được đem giải phẫu.



Hiệp-Uớc Gieo Neo giữa Thực và Cộng từ 1954, đã bị chính Chủ tịch Hội-Nghị Gieo Neo xé tan...

1954 - 1961
ỦY HỘI QUỐC TẾ

Người ta tưởng Ủy-Hội Quốc-Tế ICC đến đây hết lý do tồn tại. Vậy mà vẫn còn thấy nó thập thò ở Sài-gon. Thế mới buồn cười chứ?